
Raxun Gamzatốp
Đaghextan của tôi



Nhà xuất bản Cầu vồng
Mátxcơva 1984



Raxun Gamzatốp

# Đaghextan của tôi

Quyển I

In theo bản dịch của Nhà xuất bản Tác phẩm mới, Hà Nội

Người dịch: **Phan Hồng Giang** (phần thơ do **Bằng Việt** dịch)
Người biên tập: **Bùi Văn Hòa**

Họa sĩ: **Enkônina N. M.**

**Расул Гамзатов**
**МОЙ ДАГЕСТАН**
Книга I

*На вьетнамском языке*



In tại Liên Xô

Г $\frac{4702040000-403}{031(01)-84}$ 410-84

Nói về Raxun Gamzatốp có nghĩa là nói về Đaghextan, xứ sở trên vùng núi Kapkazơ, nơi có 36 dân tộc đang chung sống, trong đó có dân tộc Avar. Raxun Gamzatốp là người Avar. Thêm nữa: nói về Raxun Gamzatốp có nghĩa là nói về thơ ca, nói tới những trang ghi thêm vào thơ ca của Raxun Gamzatốp, một trong những nhà thơ Đaghextan nổi tiếng nhất, tác giả của hàng chục cuốn thơ, trong đó có «Thơ bát cú» Gamzatốp rất xuất sắc, vì nó là sự tái tạo thể thơ cổ vốn có sức quyến rũ tâm hồn và nhạc cảm. Nói về Raxun Gamzatốp cũng tức là nói tới Gamzát Xađax, người đã làm rất nhiều cho việc giữ gìn và phát triển nền văn hóa dân gian của dân tộc Avar. Có lẽ chúng ta sẽ bắt đầu từ đó. Nếu như lướt qua cuốn Từ điển Bách khoa Liên-xô chúng ta sẽ đọc được những dòng: «Xađax Gamzát (1877 - 1951) nhà thơ xô-viết người Avar, nhà thơ nhân dân của Cộng hòa xã hội chủ nghĩa xô-viết Đaghextan (1934). Ông là cha của Raxun Gamzatốp...» Vâng, rõ ràng điều đó có

nhiều ý nghĩa - ra đời trong gia đình một nhà thơ lớn, người đã đi vào lịch sử phát triển tinh thần của dân tộc mình. Điều đó cũng buộc Raxun phải nghĩ tới nhiều thứ. Và vấn đề không chỉ ở chỗ Raxun là con trai của Gamzát, viết văn từ rất sớm, năm 14 tuổi đã được in. Cần phải tìm cho ra con đường của mình, cũng như bản thân mình trong nghệ thuật; thế mà điều này lại rất không đơn giản, khi bên cạnh anh là một tài năng lớn, khi tên tuổi cha anh đầy ý nghĩa đối với dân tộc anh vừa soi sáng cho anh vừa động viên anh. Raxun đã lớn lên trên chiếc cây gia tộc mình như là một nhánh vững trãi, đáng tin, đẹp đẽ, một nhánh cây đã đâm hoa kết trái làm sống lại dòng nhựa của rễ cay bền vững lâu đời. Hôm nay đây Raxun Gamzatốp — cũng như cha ông là nhà thơ nhân dân Đaghe-xtan. Ông là thành viên của Chính phủ, đại biểu Xô-viết tối cao Liên-xô, người được Giải thưởng Lênin. Và thêm nữa, ông được mọi người yêu mến. Là người được độc giả và thính giả yêu mến, Raxun Gamzatốp thường phát biểu, tiếp xúc với một cử toạ rộng lớn và đa dạng. Ông là người được dân tộc mình, được vùng núi Kapkazơ và tất cả đất nước xô-viết yêu mến. Do đó khi Raxun viết xong cuốn văn xuôi này cũng đã gây nên được một sự quan tâm và hiếu kỳ to lớn. Qua những nhận xét đầu tiên người ta thấy rõ rằng cuốn sách đã thành công...

Chúng ta cần kể về điều đó, bởi vì độc giả tương lai nhất định cần biết Raxun Gamzatốp, con người yêu đời vĩ đại đó, người biết mừng vui vì cuộc sống, biết thưởng thức cuộc sống và chính bản thân mang cho cuộc sống ánh sáng và niềm vui, con người ấy là ai vậy Song kể về cuốn sách «Daghextan của tôi» khó khăn hơn là kể tóm tắt về tác giả của nó. Bởi vì đây không phải tiểu thuyết, cũng không phải truyện vừa, đây không phải ký sự cũng không phải tư liệu. Đây là tác phẩm văn xuôi vượt ra ngoài định nghĩa và biên thể của loại hình văn học. Nó rất tự do và theo nghĩa ấy có thể ví nó như con chim bay và từ trên cao thấy rõ như trong lòng bàn tay, những núi non, khe vực thân thuộc, những làng mạc và phố phường, những nhà cửa và chợ búa, những con chim ưng và những con dê, niềm vui và nỗi lo lắng, quá khứ và, có lẽ, cả tương lai Nhìn chung nó là cuốn sách tự truyện chỉ có điều đó là tiểu sử nhiều cốt truyện, nhiều giọng nói: tiểu sử của nhà thơ, tiểu sử làng bản thân thuộc và tiểu sử dân tộc... Cuốn tiểu sử tự thuật nhiều thành phần này lại giàu chất thơ và rất chân thành. Nó đậm sắc trữ tình, nó được sưởi ấm bởi sự hài hước nhẹ nhàng, nó được chiếu sáng bởi sự láu lỉnh cái

láu lỉnh tinh nghịch dí dỏm — chẳng khác nào trong chiếc tráp cổ kính không chỉ có một đáy mà trong mỗi đáy, lại còn chứa những điều bí mật của nó. Raxun Gamzatốp biết sử dụng khéo léo ngôn ngữ huyền diệu của dân gian giàu nhạc điệu và đầy màu sắc, đồng thời biết hòa trộn bất ngờ các sắc diệu văn phong rồi nói lên bằng ngôn ngữ tươi mới và phóng khoáng của người đương thời.

Cốt lõi của cuốn sách vẫn là phương pháp văn học hết sức giản dị. Dường như Raxun Gamzatốp xin ý kiến độc giả và viết lời tựa cho cuốn sách tương lai của mình. Ông suy nghĩ kỹ càng về cuốn sách ấy, thấy khoái cảm vì nó, ông như quên đi những âm điệu khác nhau và những kiến giải cùng chiều, ông nhớ lại, ông suy ngẫm, ông trò chuyện với độc giả, với những người quen, với những người thân thuộc và người cùng làng. Ông cho chúng ta biết một lượng thông tin thú vị nhất về Kapkazơ, về Thơ ca, về Cuộc sống, về Con người, về Lịch sử. Tác phẩm được thêm vào nhiều truyện vừa mà mỗi truyện ấy cũng có thể thành một tác phẩm riêng. Đây đó trong tác phẩm ông tung ra nhiều câu tục ngữ, ngạn ngữ, ông kể những chuyện vui và cả những chuyện buồn đã xảy ra với chính tác giả, với bạn bè ông hoặc nó còn được giữ lại từ lâu trong ký ức của nhân dân. Tác giả không sợ phải ngắt mạch truyện của mình bằng một cốt truyện khác, ông như đi lạc đề hoặc đùa vui, hoặc kể những chuyện hoàn toàn buồn - nói gọn lại, ông đã đối xử với bạn đọc như với người đối thoại tự do, sinh động, nghiêm túc và thông minh sắc sảo. Do đó ngay trong văn bản cuốn sách đôi khi không biết vì sao đó có vẻ là lạ như thể không phải là văn viết: nó có nhiều kiểu chữ khác, nhiều đoạn ngắt quãng, nhiều chỗ tách ra cứ như nó giữ lại trong bản thân dấu vết của thứ khẩu ngữ lộn xộn. Chính sự phá vỡ đó của hình thức nghệ thuật cuốn sách đã đảm bảo cho dung lượng hết sức lớn của nó. Cuốn sách của Raxun Gamzatốp không chỉ là lời tự thú của tâm hồn nhà thơ, nó còn là một cuốn bách khoa thật sự về cuộc sống của dân tộc Avar. Có lần chính Gamzatốp đã viết về bản thân mình như thế này: «Cha tôi gọi tên tôi là Raxun mà theo tiếng Arập thì từ ấy có nghĩa là người đại diện. Hạnh phúc thay cho nhà thơ nào được độc giả nói về ông ta như thế này: đó là người đại diện của chúng tôi, người đại diện của nước chúng tôi, của nền thơ ca chúng tôi. Ở đây tôi không thể nói rằng tôi xứng đáng với tên của mình. Song bao giờ tôi cũng mong muốn được như thế. Tôi sống ở thủ đô nước Cộng hòa tự trị Đaghextan, tại thành

phố Makhátkala trên phố Mácxim Gorki. Nhà 15. Khi các bạn tới vùng chúng tôi xin mời bạn ghé chơi nhà tôi. Lời chúc mừng yêu thích của tôi là: chúc cho những người tốt sẽ gặp những điều tốt đẹp, mong cho kẻ xấu sẽ gặp những điều xấu xa. Dù rằng điều đó thường xảy ra ngược lại».

*Abutalip nói*

**Nếu anh bắn vào quá khứ bằng súng lục,
thì tương lai sẽ bắn vào anh bằng đại bác.**

**Ai qua đường nếu chẳng đỗ nhà tôi
Thì mưa đá sấm rền sẽ đổ vào anh,
sấm rền mưa đá!
Nhưng nếu khách không vui vì lều tôi
không rộng mở,
Thì mưa đá sấm rền sẽ đổ vào tôi,
mưa đá sấm rền!**

*Lời ghi trên cửa*

## THẾ VÀO LỜI BẠT
## VỀ LỜI BẠT NÓI CHUNG

> Khi tỉnh dậy, chớ chồm ra khỏi giường
> như bị châm đốt.
> Trước tiên hãy ngẫm nghĩ
> về những gì đã đến với anh trong mơ.

Tôi nghĩ rằng chính Đức Allah * trước khi kể lại với đám hầu cận của mình một câu chuyện lý thú nào đấy, hay trước khi ban phát một lời giáo lý nào đấy, thì thoạt tiên cũng châm thuốc hút, chậm rãi hít một hơi thật dài và ngẫm nghĩ.

Máy bay trước khi cất cánh, rồ máy rất lâu, sau đó người ta kéo nó ngang qua sân bay để ra đường băng, tiếp đấy nó rồ máy ầm ĩ hơn, từ từ chạy và chỉ sau khi làm xong những việc đó, nó mới bay lên không trung.

Máy bay trực thăng không cần chạy một đoạn, nhưng

---

* Đức Allah: tên gọi Thượng đế trong Hồi giáo. *(ND.)*

nó cũng rồ máy rất lâu, gầm rít, toàn thân rung lên một cách căng thẳng, trước khi rời khỏi mặt đất.

Chỉ có chim ưng trên núi từ vách đá lao thẳng vào bầu trời xanh thẳm, nhẹ nhàng lượn lên cao mãi, cao mãi cho đến khi biến thành cái chấm nhỏ xíu dần mất hút trên nền trời.

Mọi cuốn sách hay cần phải mở đầu như vậy, không cần viện đến lời rào trước đón sau dài dòng, không cần đến lời nói đầu buồn tẻ. Bởi vì nếu có con bò lớn chạy ngang qua mà anh không kịp túm lấy sừng giữ nó lại thì anh sẽ không thể nắm đuôi mà giữ nó được nữa.

Một ca sĩ cầm lấy cây đàn panđur*. Tôi biết rằng ca sĩ có giọng khá hay, vậy thì việc gì anh ta lại phải «bật bông» lâu thế, nhạt nhẽo thế trước khi cất giọng hát? Cũng có thể nói như vậy về bản báo cáo đọc trước buổi liên hoan văn nghệ, về bài nói chuyện trước vở kịch sắp mở màn, về những lời giáo huấn tẻ ngắt mà bố vợ thết đãi chàng rể khi lẽ ra là nên mời ngay vào bàn tiệc và rót rượu ra cốc.

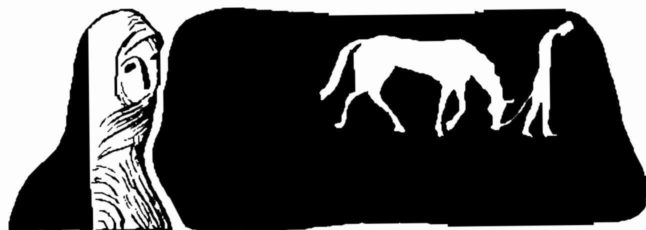
Một lần, có mấy chàng hiệp sĩ khoe với nhau về thanh gươm của mình. Họ nói rằng những thanh gươm ấy được làm bằng thứ thép tốt như thế nào, những câu thơ tuyệt vời nào trích từ cuốn kinh Hồi giáo đã được khắc lên gươm. Trong số những chàng hiệp sĩ đó có Khátgi-Murát, người tù trưởng của Samin. Chàng nói:

— Sao các người lại tranh cãi với nhau dưới bóng mát cây ngô đồng? Sáng sớm mai sẽ diễn ra một trận chiến đấu, và lúc ấy chính lưỡi gươm của các người sẽ chứng tỏ cái nào là tốt nhất.

---

* Cây đàn dây, nhạc cụ dân tộc ở miền Đaghextan. (*ND.*)





Nhưng tuy vậy, tôi nghĩ rằng, Đức Allah vẫn chậm rãi hút thuốc trước khi bắt đầu câu chuyện kể của mình.

Nhưng tuy vậy, ở vùng núi chúng tôi, vẫn có phong tục là kỵ sĩ không nhảy lên yên ngựa bên cạnh ngưỡng cửa của mình. Anh ta cần phải dắt ngựa ra khỏi bản. Cần làm như vậy chắc là để một lần nữa suy nghĩ xem anh đã để lại đây những gì và những gì sẽ đến với anh trên đường đi. Dù công việc thúc bách đến đâu, anh vẫn tư lự, chậm rãi cầm dây cương dắt ngựa qua bản để rồi sau đó, khẽ chạm chân vào bàn đạp, anh nhảy phắt lên yên, cúi rạp mình xuống và nhòa dần trong đám bụi đường.

Đấy, tôi cũng vậy, trước khi nhảy lên yên cuốn sách của tôi, tôi cũng chậm chạp bước đi với vẻ đăm chiêu. Tôi cầm dây cương ngựa và đi bên cạnh nó. Tôi đang nghĩ ngợi. Tôi không vội nói thành lời.

Lời nói lúng búng không phải chỉ trong miệng người có tật nói lắp, mà còn cả trong miệng người đang cố tìm một lời nào thích hợp nhất, cần thiết nhất, sâu sắc nhất. Tôi không hy vọng làm ai ngạc nhiên về sự sâu sắc, uyên thâm, nhưng tôi cũng không phải người nói lắp. Tôi đi tìm lời

nói cần thiết.

A b u t a l í p  n ó i: Lời bạt một cuốn sách chính là cái cọng rơm mà người đàn bà miền núi mê tín ngậm ở răng khi vá áo choàng ấm cho chồng. Bởi vì nếu lúc ấy không ngậm một cọng rơm thì tương truyền rằng chiếc áo choàng sẽ biến thành tấm áo liệm.

A b u t a l í p  c ò n  n ó i: Tôi giống như một người mò mẫm trong màn đêm tìm cửa để vào, hoặc là giống người đã sờ thấy cửa, nhưng còn chưa biết là có thể vào được không, có đáng vào hay không. Anh ta gõ cửa: cốc-cốc, cốc-cốc.

— E hèm, trong nhà nghe đây này, nếu các người định luộc thịt thì đến giờ dậy rồi!

— E hèm, trong nhà nghe đây này, nếu các người định giã lúa mạch, thì cứ ngủ cho khỏe nhé, không việc gì phải vội cả.

— E hèm, trong nhà nghe đây này, nếu các người định uống buza*, thì đừng quên mời hàng xóm nghen!

Cốc-cốc, cốc-cốc.

— Này, thế thì tớ nên vào hay là các người không cần đến tớ?

Con người cần hai năm để học nói và cần sáu mươi năm để học cách im lặng.

Tôi không phải hai tuổi và cũng không phải sáu mươi. Tôi đang ở giữa độ đường. Tuy nhiên, có lẽ tôi gần điểm sau hơn, vì lời chưa nói tôi quý hơn tất cả những lời nói rồi.

---

* Buza: một loại giải khát có men làm bằng kê, kiều mạch và đại mạch. *(ND.)*

Cuốn sách chưa viết tôi quý hơn tất cả những cuốn đã viết. Cuốn sách ấy là quý nhất, thân thiết nhất, khó khăn nhất.

Cuốn sách mới là một cái động mà tôi chưa từng bước vào, nhưng cái động đó đã mở ra trước mắt tôi, mời chào tôi bước vào khoảng sâu thẳm mờ sương. Cuốn sách mới là con ngựa tôi chưa từng thắng yên cương, là con dao găm tôi chưa từng rút ra khỏi bao.

Người vùng núi nói rằng: «Không cần thì đừng rút dao ra. Nếu đã rút rồi thì hãy đâm! Đâm một nhát thôi mà giết được cả kẻ thù lẫn ngựa».

Họ nói đúng lắm!

Nhưng tuy vậy, trước khi rút dao găm ra khỏi bao, anh cần phải biết chắc xem nó có được mài nhọn không.

Cuốn sách của ta, đã bao năm nay ngươi sống trong lòng ta! Ngươi là người đàn bà, người tình say đắm mà ta chỉ trông thấy từ xa, ta mơ tưởng tới, mà không sao tới gần được.

Đôi lúc tưởng rằng nàng đã đứng đâu đây gần ngay bên cạnh – chỉ cần với tay ra là tới, nhưng ta rụt rè, bối rối, ta đỏ mặt và lùi xa.

Nhưng bây giờ thì - chấm dứt. Ta mạnh dạn bước lại gần và cầm tay nàng. Từ một chàng trai rụt rè yêu đương, ta biến thành một người đàn ông táo bạo, từng trải. Tôi thắng yên cương vào ngựa, quất nó ba roi — mặc cho nó lao lên.

Nhưng tuy vậy, thoạt tiên tôi rắc thuốc lá trồng trong vườn nhà miền núi lên miếng giấy nhỏ vuông vức, rồi từ từ cuốn lại thành điếu thuốc. Nếu tôi cuốn lại thật đều, thật mịn, thì khi hút sẽ thú vị biết bao!

Cuốn sách của ta, trước khi ta bắt đầu viết, ta muốn kể rằng ngươi đã chín dần trong ta thế nào. Ta đã tìm được tên đặt cho ngươi thế nào. Vì lẽ gì mà ta viết. Và đâu là những đích tới trong cuộc đời ta.

Tôi để khách xuống bếp, nơi đang pha những tảng thịt cừu và ở đây không phải đang có mùi thịt nướng bốc lên, mà là mùi máu, mùi thịt, mùi da cừu còn đang ấm nóng.

Tôi dẫn bạn bè vào căn phòng làm việc thân thiết, nơi những bản thảo của tôi đang để ở đây, và tôi cho phép họ lục lọi.

M ặ c d ầ u b ố t ô i n ó i: Người lục lọi bản thảo của kẻ khác cũng giống như người lục lọi túi áo kẻ khác.

B ố t ô i c ò n n ó i: Lời bạt gợi cho ta hình ảnh một người lưng rộng bè bè, trên đầu lại đội thêm cái mũ to sù sù ngồi chắn trước ta trong rạp hát. Nếu anh ta ngồi yên, không ngả sang phải, sang trái thì còn đỡ. Người ngồi trước như thế sẽ đem lại cho tôi, một khán giả, nhiều điều rất bất tiện và cuối cùng sẽ làm tôi bực tức.

R ú t t r o n g s ổ t a y. Nhiều lần tôi có dịp phát biểu trong các buổi dạ hội thơ ca ở Maxcơva hoặc ở các thành phố của nước Nga. Những người đến dự không biết tiếng Avar*. Thoạt tiên tôi tự kể đôi nét về mình bằng một thứ tiếng Nga chưa được sõi lắm. Sau đó các bạn nhà thơ Nga đọc bản dịch những bài thơ của tôi. Nhưng thường là trước khi bắt đầu, người ta yêu cầu tôi đọc một bài thơ bằng tiếng mẹ đẻ: «Chúng tôi muốn được nghe

---

* Avar: một dân tộc ở nước Cộng hòa tự trị Đaghextan (miền núi Kapkazơ). *(ND.)*

nhạc điệu của ngôn ngữ Avar, nhạc điệu của bài thơ». Tôi cất giọng đọc, tôi đọc chẳng khác gì tiếng «bật bông» trên cây đàn panđur trước khi ca sĩ hát.

Lời bạt một cuốn sách cũng sẽ như thế chăng?

Rút trong sổ tay. Khi tôi theo học đại học ở Maxcơva bố tôi gửi tiền cho tôi để mua bành tô mùa đông. Nhưng kết quả là tiền tôi tiêu hết mà bành tô thì không mua. Đến kỳ nghỉ đông, tôi về Đaghextan với bộ đồ đã mặc khi rời đó đi Maxcơva dạo hè.

Về đến nhà tôi bắt đầu phân bua với bố, bịa ra đủ thứ chuyện, chuyện sau ngô nghê hơn chuyện trước. Khi thấy tôi đã hết phương biện bạch, bố tôi mới ngắt lời:

— Thôi không nói nữa, Raxun. Bố muốn hỏi con hai câu.

— Bố hỏi đi.

— Mua bành tô chưa?

— Con chưa mua.

— Tiền tiêu hết chưa?

— Con tiêu hết rồi.

— Thế đấy, bây giờ thì rõ tất cả rồi. Việc gì con phải tuôn ra lắm lời vô ích như thế, việc gì phải sáng tác ra cả một đoạn mào đầu dài dòng như vậy, nếu thực chất của sự việc chỉ thể hiện trong đôi ba chữ?

Bố tôi đã dạy tôi như thế.

Tuy nhiên, đứa bé mới ra đời không thể biết nói ngay. Trước khi biết nói, nó phải bập bẹ những tiếng gì không rõ. Và có khi nó khóc vì bị đau mà đến mẹ đẻ cũng khó lòng biết được nó đau chỗ nào.

Nhưng lẽ nào tâm hồn thi sĩ lại không giống tâm hồn trẻ thơ?

Bố tôi nói: Khi người ta chờ đàn cừu đi ăn trên núi về thì thoạt tiên họ thấy sừng con dê bao giờ cũng đi đàng trước, tiếp đó thấy cả con dê, và sau nữa mới thấy đàn cừu.

Khi người ta chờ đợi nghi lễ đám cưới hay đám tang bắt đầu thì thoạt tiên họ nhìn thấy người cấp báo.

Khi người ta chờ người cấp báo vào làng thì thoạt tiên họ nhìn thấy đám bụi mù, sau đó là ngựa và cuối cùng là người kỵ sĩ ấy.

Khi người ta chờ người thợ săn trở về thì thoạt tiên họ nhìn thấy con chó của người thợ săn.



## CUỐN SÁCH NÀY ĐÃ RA ĐỜI THẾ NÀO VÀ NÓ ĐÃ ĐƯỢC VIẾT Ở ĐÂU

Cả những đứa trẻ cũng từng gặp những giấc mơ lớn.

*Lời ghi trên nôi*

Vũ khí chỉ dùng đến một lần, cần phải mang theo suốt đời.

Bài thơ mà anh sẽ ngâm nga suốt đời chỉ viết trong một lần.

Có một con chim mùa xuân bay lượn trên làng bản khi xuân sang. Nó đang nghĩ xem nên nghỉ ngơi ở nơi đâu.

Nó chợt nhìn thấy một mái nhà bằng phẳng, rộng rãi, sạch sẽ. Trên mái nhà là một cái sân nhỏ bằng đá. Từ khoảng không, con chim hạ thấp xuống và đậu trên sân nhỏ nghỉ ngơi. Người đàn bà miền núi đã nhanh tay tóm được chú chim và mang nó vào trong nhà. Nó nhận thấy mọi người trong nhà đều đối xử tốt với nó, và nó ở lại luôn tại đây. Nó tự kết tổ trên cái móng sắt đóng vào thanh dầm ngang cũ kỹ bám đầy bồ hóng.

Có phải cuốn sách của tôi cũng thế chăng?

Đã bao lần, từ khoảng trời thơ ca của mình, tôi đã liếc nhìn xuống cánh đồng văn xuôi, cố tìm một chỗ để ngồi lại, nghỉ ngơi...

Không, ở đây tốt hơn hết có lẽ nên so sánh với một chiếc máy bay đang cần hạ cánh xuống sân bay. Tôi đã lượn một vòng để từ từ hạ cánh. Nhưng vì thời tiết xấu, sân bay không nhận đón máy bay tôi. Đang bay một vòng rộng, tôi chuyển sang bay thẳng và lại bay tiếp xa hơn, mặt đất mong đợi vẫn nằm nguyên phía dưới... Đã nhiều lần diễn ra như vậy.

Và tôi nghĩ, thế có nghĩa là tôi không được số phận dành cho một điểm tựa vững như bàn thạch. Thế có nghĩa là đôi chân tôi sẽ phải đi hoài không nghỉ trên trái đất này, đôi mắt tôi sẽ phải ngắm nhìn không chán những miền đất mới trên hành tinh này, và trái tim tôi — phải luôn luôn sinh ra những bài ca mới.

Giống như người thợ cày say sưa ngắm nhìn đám mây bay qua hay đàn sếu dăng hàng mềm mại, rồi, dứt bỏ niềm say mê ấy, lại cầm lấy tay cày mà đẩy đi với vẻ cần mẫn hơn nữa, tôi cũng lại ngồi vào bàn, viết tiếp bản trường ca bỏ dở giữa chừng.

Phải rồi, thơ ca của tôi, dù tôi có so sánh nó với khoảng trời nào đi nữa, riêng đối với tôi nó vẫn là miếng đất cày đi xới lại, là công việc nhọc nhằn của tôi. Tôi chưa từng viết văn xuôi.

Rồi có lần tôi nhận được một phong bì dày. Trong phong bì là bức thư của tổng biên tập một tờ tạp chí mà tôi rất kính trọng. Bản thân người tổng biên tập đó tôi cũng kính trọng. Và vị tổng biên tập ấy cũng mở đầu bức thư bằng câu: «Raxun kính mến». Nói chung là hai bên đều tôn trọng nhau sâu sắc.

Khi tôi mở bức thư ra đọc, nó đã làm tôi nhớ đến hình ảnh một tấm da trâu mà người dân miền núi trải ra phơi khô trên mái nhà. Và khi tôi lật những trang thư, chúng cũng kêu sột soạt không kém gì tấm da trâu đã khô, người ta gấp tư lại để mang vào nhà. Chỉ có điều là không có mùi hăng hăng, ngai ngái của tấm da thôi. Bức thư không có mùi vị gì.

Nhân tiện cũng xin dẫn ra một đoạn trong bức thư của vị tổng biên tập đó: «Tòa soạn chúng tôi quyết định sẽ đăng trong các số tới của tạp chí những bài vở về những thành tựu, những việc làm tốt đẹp và quang cảnh lao động hàng ngày ở Đaghextan. Đây sẽ là câu chuyện về những người lao động bình thường, về các chiến công và nguyện vọng của họ. Đây sẽ là câu chuyện về ngày mai tươi sáng của miền núi quê anh, về những truyền thống lâu đời ở đó, nhưng chủ yếu — là về ngày hôm nay rất đáng ghi nhớ của miền quê ấy. Chúng tôi cho rằng một bài như thế tốt hơn hết là anh viết. Thể loại tùy anh chọn: có thể là truyện ngắn, bài báo, bút ký hay một loạt những phác thảo. Bài dài chừng 9 - 10 trang đánh máy. Thời hạn chừng 20 - 25

ngày. Chúng tôi rất hy vong và xin cám ơn anh trước...»

Thời xưa, khi gả chồng cho con, người ta không cần hỏi đến ý kiến cô gái mà chỉ làm một cách đơn giản — nói theo ngôn ngữ bây giờ là đặt cô ta trước việc đã rồi. Họ nói rằng mọi chuyện đã xong xuôi. Nhưng thậm chí ngay từ thời ấy, ở miền núi chúng tôi không một ai dám tổ chức đám cưới cho con trai mình khi cậu ta không đồng ý. Người ta nói rằng chỉ có một người nào đó ở làng Ghidátli đã từng hành động như vậy. Nhưng lẽ nào vị tổng biên tập đáng kính của tôi lại là người làng Ghidátli? Ông ấy đã quyết định tất cả thay tôi... Nhưng liệu tôi có quyết định kể về đất nước Đaghextan của tôi qua chín trang giấy nhỏ trong vòng 20 ngày không?

Tôi cố quên bức thư xúc phạm tới tôi ấy. Song ít lâu sau, điện thoại của tôi bỗng réo lên gắt gao liên hồi, hệt như đó không phải là điện thoại, mà là một con gà mái vừa đẻ trứng xong. Tất nhiên, đó là điện thoại gọi từ tòa soạn tờ tạp chí nọ.

- Chào anh Raxun! Anh nhận dược thư chúng tôi rồi chứ?

— Nhận được rồi.

Thế bài đâu?

— Tôi... tôi... Nhiều việc quá... Chẳng có lúc nào rỗi.

— Sao lại thế, anh Raxun? Không thể nói thế được. Tạp chí chúng tôi in tới gần một triệu bản. Nó được phát hành cả ở ngoài nước. Nếu quả thật là anh bận, chúng tôi sẽ phái đến anh một người. Anh sẽ phác ra vài ý, vài chi tiết, còn lại anh ta sẽ làm tất. Anh sẽ đọc lại, sửa qua rồi ký tên mình vào... Điều chúng tôi cần nhất là có tên của anh.

Ai không biết quý trọng khách thì hãy để cho xương

của nó gãy hết đi! Nếu ai gặp khách với vẻ mặt khó chịu hay với vầng trán nhăn nhó thì hãy để cho trong nhà nó không có người già. — những người có thể khuyên bảo lời hay việc tốt, hãy để cho trong nhà nó không có người trẻ — những người sẽ nghe những lời khuyên bảo ấy! Chúng tôi đối xử với khách như vậy đấy. Nhưng cầu trời, các anh đừng phái đến chỗ tôi người nào khéo tay mau miệng. Tôi sẽ tự làm lấy được tất. Cả tay quai nơi cái bình của tôi, tôi cũng tự gắn vào. Nếu tôi bị ngứa lưng thì không ai có thể gãi chỗ ngứa ấy tốt hơn tôi.

Cuộc thương lượng giữa chúng tôi đến đây là chấm dứt. Thế là xong!

Tôi xin nghỉ phép một tháng và trở về làng quê Xađa.

Ôi Xađa!.. Bảy mươi nếp nhà ấm cúng. Bảy mươi làn khói xanh tỏa lên bầu trời trong sáng của miền núi cao. Những ngôi nhà màu trắng trên mặt đất đen. Phía trước làng, phía trước những ngôi nhà màu trắng là những cánh đồng xanh bằng phẳng. Đằng sau làng, những vách đá dựng đứng. Những tảng đá màu xám nhấp nhô dựng trên làng chúng tôi hệt như những đứa trẻ tụ tập trên mái nhà bằng để nhìn xuống đám cưới đang diễn ra dưới sân. Đi tới làng Xađa, tôi nhớ lại bức thư mà bố tôi đã gửi về nhà khi lần đầu tiên nhìn thấy Maxcơva. Khó mà đoán được, chỗ nào bố nói đùa, chỗ nào bố nói thật. Ông ngạc nhiên về Maxcơva:

«Hình như ở đây, ở Maxcơva, người ta không đốt lửa trong bếp lò để nấu ăn, vì bố không nhìn thấy người phụ nữ nào đóng bánh phân khô * trên tường nhà mình, không

* Ở một số vùng phía Nam, phía Đông Liên-xô, nhân dân thường dùng phân khô súc vật làm chất đốt. *(ND.)*

nhìn thấy từ các mái nhà khói đùn lên trông giống như chiếc mũ lông to tướng của Abutalíp. Bố cũng không nhìn thấy những bánh xe lăn để ép phẳng những mái nhà kết bằng rạ. Bố không nhìn thấy người dân Maxcơva phơi cỏ khô trên mái nhà. Nhưng nếu họ không phơi khô cỏ thì sẽ lấy gì để cho bò ăn? Bố không nhìn thấy một phụ nữ nào lê bước đi với bó củi khô, hay bó cỏ trên vai. Không một lần nào bố nghe thấy tiếng kèn zurna hay tiếng trống. Có thể nghĩ rằng thanh niên ở đây không lấy vợ và không tổ chức đám cưới. Dù bố có đi khắp các ngả đường của thành phố lạ lùng này thì bố cũng không hề thấy một con cừu nào. Thử hỏi người dân Maxcơva sẽ ngả thịt con gì nếu khách bước qua ngưỡng cửa nhà mình? Khi có bạn bè thân đến chơi nếu không mổ cừu thì lấy gì mà thết đãi? Không, bố chẳng thèm muốn một cuộc sống như thế. Bố muốn sống trong làng Xađa của mình, nơi mà bố có thể ăn món khinkal* tùy thích, sau khi nói với mẹ cho thêm tỏi vào đó...»

Bố tôi còn tìm thấy nhiều «nhược điểm» khác ở Maxcơva khi so sánh nó với làng quê hương. Tất nhiên là ông đã đùa khi ngạc nhiên rằng ở Maxcơva người ta không đắp phân khô lên tường nhà, nhưng ông đã không đùa khi ông dành tình yêu lớn hơn cho cái làng nhỏ của ông chứ không phải cho thành phố vĩ đại kia. Ông yêu làng Xađa của mình và không bao giờ đổi nó để lấy bất cứ một thủ đô nào trên trái đất này.

Làng Xađa thân yêu của tôi! Đấy, tôi đã trở về đây từ thế giới rộng lớn mà ở đó bố tôi đã nhận thấy bao nhiêu

---

* Khinkal: bột luộc vo viên nhân thịt, tựa như mằn thắn của ta. *(ND.)*

là «nhược điểm». Tôi đã đi khắp thế giới ấy, và đã nhìn thấy bao nhiêu kỳ thú. Đôi mắt tôi hoa lên trước bao nhiêu cảnh đẹp phong phú, không biết dừng lại ngắm cảnh nào. Vừa nhìn một ngôi đền đẹp dẽ, đôi mắt tôi đã vội lướt sang một ngôi đền khác cũng đẹp như vậy; vừa thấy một gương mặt đẹp thì trước mắt đã hiện ra một gương mặt khác đẹp hơn; tôi biết rằng dù hôm nay tôi nhìn thấy những cái đẹp đến đâu, ngày mai tôi vẫn sẽ nhìn thấy những cái đẹp hơn... Như ta thấy đấy, thế giới này không bao giờ có tận cùng.

Hãy tha lỗi cho tôi, hỡi những ngôi chùa Ấn-độ, những kim tự tháp Ai-cập, những ngôi đền cổ Italia; hãy tha lỗi cho tôi những xa lộ nước Mỹ, những đại lộ Pari, những công viên nước Anh, những ngọn núi Thụy-sĩ. Hãy tha lỗi cho tôi, những người phụ nữ Ba-lan, Nhật-bản, Rôm - tôi ngắm nhìn các bạn, nhưng trái tim tôi bình thản đập, và nếu nhịp đập của nó có nhanh hơn một chút, cũng không đến nỗi làm miệng tôi khô đắng và đầu óc quay cuồng.

Vì đâu mà bây giờ, khi tôi lại nhìn thấy bảy mươi nếp nhà nép mình bên vách đá này, trái tim tôi bỗng đập liên hồi, làm tôi đau đau nơi lồng ngực, mắt tôi nhòa đi và đầu óc quay cuồng như tôi đang bị ốm hay say rượu?

Chẳng lẽ cái làng Đaghextan nhỏ bé lại đẹp hơn Vơnizơ, Cairô hay Canquytta?

Chẳng lẽ người phụ nữ Avar chậm chạp bước đi trên con đường mòn nhỏ với bó củi trên vai đẹp hơn người đàn bà xứ Xcanđinavơ cao lớn, tóc màu hạt dẻ?

Ôi, Xađa! Ta bước đi trên những cánh đồng của ngươi, và sương lạnh ban mai đã làm đôi chân ta hết mỏi.

Tôi không lấy nước dưới lòng suối trong khe núi, chỉ lấy nước tận đầu nguồn rửa mặt. Người ta nói rằng nếu muốn uống, hãy uống nước nguồn. Người ta cũng nói rằng, - điều này tôi nghe bố tôi nói, — người đàn ông chỉ có thể quỳ trong hai trường hợp: để uống nước nguồn và để hái hoa. Xađa, chính ngươi là nguồn nước của ta. Tôi quỳ xuống, ghé môi và say sưa uống nguồn nước Xađa.

Tôi nhìn thấy hòn đá và một bóng hình trong suốt in lên đó. Đấy chính là tôi ba mươi năm về trước. Tôi ngồi trên tảng đá và chăn cừu. Trên đầu tôi, một cái mũ nhàu nát, tay tôi cầm một chiếc gậy dài, chân lấm đất.

Tôi nhìn thấy con đường mòn nhỏ và một bóng hình trong suốt in lên đó. Đấy cũng là tôi ba mươi năm về trước. Tôi có việc sang làng bên cạnh. Chắc là bố tôi đã sai tôi đi.

Trên mỗi bước đi, tôi gặp lại mình, gặp lại thời thơ ấu của tôi, gặp lại những mùa xuân, những cơn mưa, những bông hoa và những chiếc lá rụng mùa thu của tôi.

Tôi cởi quần áo và ngâm mình dưới dòng thác trắng xóa. Dòng nước nhảy nhót từ vách đá này sang vách đá khác, tung bọt trắng rồi tụ lại thành dòng, và cuối cùng thì đập vào vai, vào tay, vào đầu tôi.

Vòi tắm hoa sen ở khách sạn Pari «Hoàng cung» so với những thác nước mát lạnh này của tôi chỉ là một đồ chơi thảm hại bằng chất dẻo.

Giữa những tảng đá ấm áp, dòng nước chảy từ nhánh sông trên núi, ấm dần lên. Bồn tắm màu xanh nhạt ở khách sạn Luân-đôn «Mêtơrôpôn» - chỉ là một cái đĩa nhỏ so với những bồn tắm giữa khe núi của tôi.

Tôi thích đi bộ giữa lòng những thành phố lớn. Tuy

vậy chỉ sau dăm sáu lần đi chơi lâu lâu, tôi đã bắt đầu cảm thấy thành phố trở nên quen thuộc và ý muốn đi chơi mãi trong thành phố dần tiêu tan.

Nhưng tôi đã hàng nghìn lần đi trên các ngõ ngách làng tôi, thế mà tôi không hề thấy chán, tôi vẫn còn muốn đi nữa, đi mãi không thôi.

Lần trở về này, tôi đến thăm từng ngôi nhà. Trong những ngôi nhà, bếp lò còn rực than hồng hay chỉ còn tro tàn nguội lạnh, tôi đã cúi đầu chào, mái đầu cũng đã lốm đốm trắng màu tro.

Tôi đứng bên cạnh những chiếc nôi, trong đó các chàng trai, cô gái miền núi tương lai đang quẫy đạp, hay trong đó chỉ còn hơi ấm - đứa bé đã mang đi, hay trong đó chiếc chăn, gối nhỏ đã lạnh ngắt.

Bên mỗi chiếc nôi, tôi đều có cảm giác dường như tôi đang nằm trong đó, dường như tất cả tương lai tôi còn ở phía trước: cả những con đường mòn trên núi và những con đường rộng rãi ở nước Nga, cả những xa lộ, những sân bay ở các nước xa xôi.

Tôi bế những đứa trẻ, khe khẽ hát bài hát ru, và bọn trẻ yên lành thiếp dần trong tiếng hát vụng về của tôi.

Tôi đã ra thăm nghĩa địa làng Xada, nơi những nấm mộ cũ cỏ dại mọc đầy nằm bên những nấm mộ mới còn thơm mùi đất.

Tôi ngồi im lặng trong những ngôi nhà đang có đám tang, tôi vui vẻ nhảy múa trong các đám cưới. Tôi đã nghe nhiều lời, nhiều câu chuyện trước đây chưa từng nghe. Nhiều điều tôi đã biết và đã quên, tôi lại nhớ, lại trở về từ đáy sâu ký ức...

Tôi nhìn thấy cái mới, nghe lại, nhớ lại những điều

xưa cũ, và ý nghĩ của tôi giống như những sợi chỉ nhiều màu quấn quanh một ống suốt lớn. Tôi đã tự hình dung tấm thảm sặc sỡ có thể dệt lên từ những sợi ấy.

Mới hôm qua còn trèo cây bắt chim
Kéo bè bạn lên chơi từng mỏm đá
Tình yêu đến, mát trong xanh, kỳ lạ
Và bỗng dưng tôi khôn lớn, trưởng thành.

Nhưng nếu hôm qua, tôi đã tự coi mình
Chín chắn, khôn ngoan, chưa già – đầu đã bạc...
Tình yêu đến, chỉ mỉm cười đơn giản
Thì trước tình yêu, tôi lại hóa trẻ thơ.

Tôi còn một thiên trường ca về tình yêu chưa viết xong. Chàng và Nàng. Chàng - chính là tôi. Nhưng nhân vật chính — là tình yêu của tôi. Cần phải viết nốt! Nhưng tôi có cảm giác dường như vừa nhận được một bức điện đầy lo âu, và tôi phải gác mọi việc lại để vội vã ra sân bay.

Hay có khi thế này, sớm tinh mơ, người đàn bà vùng núi nhóm lửa lên. Chị ta sửa soạn hâm đồ ăn còn lại từ hôm qua, đủ để cả gia đình ăn no. Nhưng bất ngờ, một người khách hiện ra trên ngưỡng cửa. Cần phải nhấc cái nồi đựng thức ăn hôm qua xuống, cần phải làm món ăn mới.

Hay có khi thế này, trong đám cưới, các thanh niên cố ngồi gần chàng rể, người bạn, người cùng lứa tuổi với họ, nhưng rồi bỗng nhiên họ phải đứng dậy và nhường chỗ vì có những người lớn tuổi hơn mới bước vào phòng.

Hay có khi thế này, trong ngôi nhà công cộng của làng có các bậc cao tuổi đang ngồi, lũ trẻ chơi đùa ngay bên cạnh. Bỗng nhiên người ta xua bọn trẻ ra ngoài, vì các cụ cần phải họp bàn một việc quan trọng.

Đôi khi tôi có cảm giác, tôi là một người thợ săn, người đi câu, người kỵ sĩ: tôi săn đuổi các dự định, câu chúng, cưỡi lên chúng và đập gót giày vào. Đôi khi tôi lại có cảm giác tôi là con hươu, con cá hồi, con ngựa, ngược lại, những ý nghĩ, dự định, cảm xúc đi tìm tôi, túm lấy tôi, cưỡi lên và điều khiển tôi.

Phải rồi, những ý nghĩ và cảm xúc đã đến như những người khách miền núi, không cần được mời, không cần báo trước. Không thể bỏ mặc khách mà chạy, cũng như không thể trốn thoát khỏi những cảm xúc và ý nghĩ ấy.

Ở miền núi chúng tôi không phân biệt khách lớn, khách bé, khách quan trọng hay không quan trọng. Vị khách bé nhất cũng được tôn kính hơn cả chủ nhân già lão nhất. Không cần hỏi khách từ miền nào tới, chúng tôi ra ngưỡng cửa đón khách, dẫn vào góc nhà cạnh bếp lò và mời ngồi lên đệm gối.

Ở miền núi, khách bao giờ cũng xuất hiện bất chợt. Nhưng không bao giờ chúng tôi thấy đó là điều bất ngờ, không bao giờ chúng tôi bị lúng túng, vì lúc nào chúng tôi cũng sẵn sàng đón khách, từng ngày, từng giờ, từng phút.

Cũng giống như vị khách miền núi, ý đồ viết cuốn sách này chợt đến với tôi.

H a y  c ó  k h i  t h ế  n à y, chẳng biết làm gì, anh uể oải lấy cây đàn panđur treo trên tường xuống để thử xem dây còn đúng không, anh bắt đầu «bật bông», nhưng bỗng một bài hát vang lên trong đầu anh, từ tiếng đàn rời rạc anh nghe thấy âm điệu dịu dàng, du dương, và chính anh đã cất tiếng hát, quên mất rằng đêm đang qua và bình minh đã tới.

H a y  c ó  k h i  t h ế  n à y, một chàng trai trẻ đi sang

làng bên cạnh vì một chuyện vặt vãnh, rồi trở về với một người vợ ngồi đằng sau yên.

Anh bạn tổng biên tập tạp chí thân mến! Tôi sẽ thực hiện yêu cầu mà anh đã nêu trong bức thư. Sắp tới tôi sẽ bắt đầu viết quyển sách về Đaghextan. Chỉ có điều là hãy tha lỗi cho tôi — chắc là tôi không thể viết xong trong thời hạn anh đã đặt ra. Tôi còn phải đi qua quá nhiều con đường mòn, mà ở vùng núi chúng tôi, những con đường như vậy rất hẹp và dốc.

Những ngọn núi quê tôi lấp lánh từ xa một cách bí ẩn trông như những tảng kim cương chưa được mài nhẵn. Trước con ngựa của tôi là một khoảng không bao la. Nó không muốn phi trong hẻm núi chật hẹp mà anh đã chỉ ra.

Tôi cũng không thể gói ghém Đaghextan của tôi vào chín, mười trang đánh máy của anh đâu. Và tôi cũng không thể viết nổi bài về «những thành tựu, những việc làm tốt đẹp, về những quang cảnh lao động», «về những người lao động bình thường, về các chiến công và nguyện vọng của họ», «về ngày mai tươi sáng của miền núi, về những truyền thống lâu đời, nhưng chủ yếu là về ngày hôm nay rất đáng ghi nhớ...»

Ngòi bút nhỏ bé của tôi không đủ sức để chịu đựng một sức nặng như thế! Giọt mực nhỏ xíu ở đầu ngọn bút không thể thu vào trong mình nó cả những dòng sông mênh mông cuồn cuộn chảy, cả những dòng nước trên núi ào ào đổ xuống, số phận của cả thế giới và số phận của một con người.

Chim lớn thì nhiều máu, chim nhỏ thì ít máu. Chim thế nào thì máu thế ấy.

Người ta nói rằng: Có ai tình cờ ném đi một hạt quả anh đào, tình cờ nó rơi xuống đầu con hươu, thế rồi đôi sừng hươu đẹp đẽ mọc lên.

Người ta nói rằng: Nếu trên đời này không có Ali thì cũng không thể có Omar. Nếu trên thế giới này không có đêm thì cũng không lấy đâu ra buổi sớm.

Người ta nói rằng:

– Này chim ưng, chim sinh ra ở đâu?

— Trong khe núi hẹp.

— Chim bay đi đâu?

— Bay đến khoảng trời cao rộng.



# VỀ Ý NGHĨA CỦA CUỐN SÁCH NÀY VÀ TÊN GỌI CỦA NÓ

Chuông báo trước niềm vui khi hội hè
Nhưng ẩn bên trong cả từng hồi báo động

*Lời ghi trên chuông*

Cha can đảm, cha tận cùng trung thực
Mang tên cha, con ngủ ở nôi này
Lưỡi dao cha — đặt đầu nôi con đó
Chiến công cha — lời ru nựng con đây!

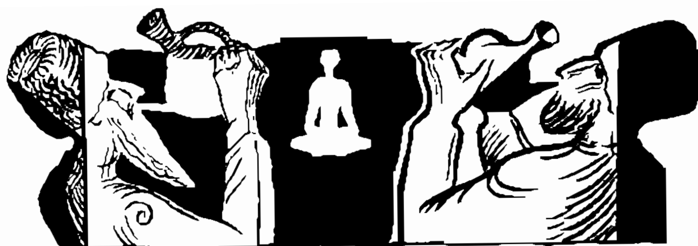
*Lời ghi trên nôi*

Có hai thứ người miền núi chúng tôi đặc biệt trân trọng giữ gìn: cái mũ của mình và cái tên của mình. Giữ gìn mũ là người có đầu dưới mũ. Giữ gìn tên là người trong tim có lửa.

Trên trần ngôi nhà nhỏ của chúng tôi có nhiều vết đạn. Bạn bè của bố tôi đã lấy súng lục nhằm bắn lên trần: những con chim ưng làm tổ trên các ngọn núi xung quanh cần phải biết rằng đứa em của chúng vừa mới ra đời, rằng ở Đaghextan có thêm một chim ưng nữa.

Tất nhiên đứa con trai không thể ra đời từ một viên đạn, từ một phát súng. Nhưng bao giờ cũng phải có một viên đạn nào đấy để ghi nhận sự ra đời của một chú bé trai.





Khi tôi ra đời và khi đặt tên cho tôi, bạn bố tôi đã hai lần nổ súng: vừa bắn lên trần vừa bắn xuống nền nhà.

Mẹ tôi kể lại mọi người đã đặt tên cho tôi như thế nào. Trong gia đình, tôi là đứa con trai thứ ba. Còn có một người con gái nữa, là chị tôi.

Tên đứa con trai đầu lòng cả làng đều biết từ trước khi nó ra đời, vì theo tục lệ, nó phải mang tên người ông đã quá cố. Mọi người dân trong làng đều nhớ đến điều đó và tất cả đều nói: sắp tới gia đình Gamzatốp sẽ có thêm cậu Mahômét.

Trong sân nhà ông tôi chưa từng bao giờ có con vật bốn chân bước vào, trừ chó và mèo. Không biết đã lần nào ông tôi ngủ trong chăn chưa, không chắc là ông tôi đã biết thế nào là quần áo lót. Chưa có vị bác sĩ nào trên thế giới này có thể khoe rằng đã được khám bệnh cho Mahômét, đã nhìn vào miệng ông, bắt mạch ông, bắt ông thở thật sâu, thật mạnh hay nói chung là nhìn thấy thân hình ông. Không có ai trong làng tôi biết rõ được ngày sinh và ngày mất của ông. Nếu tin vào một lá đơn được viết ra để bôi

nhọ bố tôi thì ông nội Mahômét có biết chút ít tiếng A-rập. Bố tôi đã lấy tên ông để đặt cho người con đầu lòng, người anh cả của tôi.

Bố tôi còn có một người chú chết ít lâu trước khi mẹ tôi sinh đứa con trai thứ hai. Chú tên là Akhintri.

— Đây, Akhintri sống lại rồi! — dân làng sung sướng nói, khi cậu bé thứ hai sinh ra trong nhà tôi. — Akhintri của chúng ta đã sống lại. Nếu có con quạ nào đậu lên nóc nhà đơn sơ của ông thì đấy sẽ là điềm lành, chứ không phải điềm dữ. Hãy cầu cho đứa bé này lớn lên cũng sẽ thành người tốt bụng như người nó đã mang tên.

Vào khoảng thời gian tôi sắp ra đời, bố tôi chẳng còn ai thân thích hay ruột thịt vừa mới chết hay mất tích ở xứ sở xa lạ để tên của người đó có thể được chuyển sang cho tôi, để tôi sẽ lại mang cái tên ấy trên đời một cách trung thực như vậy.

Khi tôi ra đời, bố tôi mời những người đáng kính nhất trong làng đến nhà để làm lễ đặt tên. Họ chậm rãi ngồi xuống trong nhà với đầy vẻ trịnh trọng, hệt như họ đang phải quyết định số phận của cả một nước. Trên tay mỗi người là một chiếc bình sứ miền Bankhar. Trong bình tất nhiên là rượu buza sủi bọt. Chỉ có một người cao tuổi nhất, râu tóc bạc trắng như tuyết, trông giống như một nhà tiên tri là không cầm gì trên tay.

Mẹ tôi từ một phòng khác bước ra và trao tôi cho ông già đó. Tôi quẫy đạp trên tay ông già, lúc ấy mẹ tôi nói:

Cụ đã hát trong đám cưới của cháu, lúc thì gẩy đàn, lúc thì rung trống. Những bài hát của cụ rất hay. Bây giờ cụ sẽ hát bài gì, khi cụ bế trên tay đứa bé của cháu?

— Hỡi thiếu phụ! Cô là mẹ nó, cô sẽ đưa nôi và hát

cho nó nghe. Rồi sau đó chim chóc và các dòng sông sẽ hát cho nó. Những thanh kiếm và viên đạn cũng sẽ hát cho nó. Bài hát hay nhất nó được nghe sẽ là bài hát từ miệng người con gái sau này nó yêu.

- Vậy thì cụ hãy đặt tên cho nó đi. Hãy để cho cháu, là mẹ nó, để cho cả làng này và cả Đaghextan nghe thấy cái tên cụ đặt cho nó.

Ông lão nâng bổng tôi lên phía trần nhà và dõng dạc nói:

— Tên con gái cần phải giống ánh sáng các vì sao hay giống bông hoa mềm mại. Tên con trai cần phải chung đúc âm thanh của những thanh kiếm và sự uyên thâm của các cuốn sách. Khi đọc các sách ta đã biết nhiều tên, ta đã nghe thấy nhiều tên trong âm thanh của kiếm. Những cuốn sách của ta và thanh kiếm của ta thì thào mách bảo ta rằng tên gọi đó là RAXUN.

Ông lão trông giống nhà tiên tri ấy ghé sát một bên tai tôi và thì thầm: «Raxun». Sau đó, cụ ghé sát xuống tai kia và kêu to: «Raxun!» Tiếp đấy cụ trao lại tôi đang khóc cho mẹ, và hướng về phía mẹ, hướng về mọi người ngồi trong nhà, cụ nói:

— Đây, Raxun đây!

Những người ngồi trong nhà im lặng đồng ý tên đặt cho tôi. Các ông già nghiêng bình rót rượu, đưa tay vuốt ria mép, vui vẻ cười ha hả.

Có hai thứ người dân miền núi cần giữ gìn: đó là cái mũ và cái tên. Có thể có cái mũ rất nặng. Cái tên cũng vậy. Hóa ra là cụ già râu tóc bạc phơ kia, người đọc nhiều sách và đi khắp thế gian, đã đem lại ý nghĩa và sứ mạng cho tên tôi.

Raxun trong tiếng A-rập có nghĩa là «sứ giả», hay đúng hơn là «người đại diện». Vậy thì tôi là sứ giả của ai, là đại diện cho ai?

Rút trong sổ tay. Nước Bỉ. Tôi tham dự cuộc gặp gỡ các nhà thơ thế giới, đại diện nhiều nước, nhiều dân tộc. Mỗi người đều lên diễn đàn và nói về nhân dân mình, về văn hóa, thơ ca, về số phận của đất nước mình. Cũng có những đại biểu như thế này: người Hunggari ở Luân-đôn, người Extônia từ Pari, người Balan ở Xan-Frăngxixkô... Biết làm thế nào được, số phận đã ném họ đi khắp các nước, qua những biển rộng và núi cao, cách thật xa quê hương.

Tôi ngạc nhiên hơn cả khi nghe một thi sĩ phát biểu:

Thưa các ngài, các ngài từ nhiều nước khác nhau đến đây. Các ngài là đại diện nhiều dân tộc khác nhau. Chỉ có tôi ở đây là không đại diện cho một dân tộc nào, một nước nào cả. Tôi là đại biểu của tất cả các dân tộc, của tất cả các nước, tôi là đại diện của thơ ca. Vâng, tôi — là thơ ca. Tôi — là mặt trời chiếu rọi cả hành tinh này, tôi — là cơn mưa tưới nhuần mặt đất mà không hề nghĩ đến nguồn gốc dân tộc của mình, tôi — là cái cây nở hoa như nhau trên khắp mọi miền của trái đất này.

Anh ta nói như vậy rồi rời khỏi diễn đàn. Có nhiều người vỗ tay. Và tôi nghĩ rằng: anh ta nói có phần đúng, tất nhiên, chúng tôi, những nhà thơ, có trách nhiệm với cả thế giới, nhưng kẻ nào không gắn bó với một mảnh đất quê hương thì không thể đại diện cho cả hành tinh này được. Đối với tôi, anh ta giống như một người rời bỏ quê hương, lấy vợ ở một miền xa và gọi bà nhạc là mẹ đẻ. Tôi không ghét bỏ gì các bà nhạc, nhưng ngoài mẹ ra, không

có ai khác là mẹ đẻ được.

Khi người ta hỏi anh rằng anh là người thế nào, thì anh có thể chìa chứng minh thư, tấm hộ chiếu ra, trong đó ghi mọi điều cần thiết.

Nếu khi có ai hỏi một dân tộc xem dân tộc đó là thế nào, thì dân tộc đó sẽ đưa ra «giấy tờ» của mình là các nhà bác học, nhà văn, nhà họa sĩ, nhạc sĩ, nhà hoạt động chính trị, các vị tướng lãnh.

Từng người một, từ khi còn trẻ, cần phải hiểu rằng mình ra đời trên trái đất này là để đại diện cho nhân dân mình, và cần phải sẵn sàng đón nhận vai trò đó.

Con người được đặt tên, được đội mũ và đeo vũ khí, con người được học những bài hát thân yêu ngay từ lúc nằm trong nôi.

Cho dù số phận làm tôi phiêu dạt đến thế nào, ở đâu tôi cũng sẽ cảm thấy mình là đại diện của miền đất ấy, của những rặng núi ấy, của cái làng    nơi tôi đã biết cách thắng yên cương. Ở đâu tôi cũng tự coi mình là phóng viên thường trú của Đaghextan quê tôi.

Nhưng tôi lại trở về Đaghextan với tư cách là một phóng viên của nền văn hóa chung nhân loại, là đại diện của cả đất nước chúng ta và thậm chí của cả thế giới.

Đất quê tôi, làm sao tôi kể nổi
Cho cả trăm miền bát ngát dưới trăng sao.
Giống như tôi đeo đầy mình báu vật
Nhưng tháo cởi ra thì không biết cách nào!

Đến một bài ca ngân vang trong tiếng mẹ
Tôi cũng không sao biết hát ở trăm miền!
Như trên vai, gánh hòm rương quý giá
Gánh mà không thể mở để ai xem!

Ngồi trên sân mái nhà, những người đồng hương của tôi bắt đầu hỏi tôi tới tấp:

Ở những nơi xa ấy anh có gặp người mình không?

— Trên trái đất không đâu có núi như núi quê ta chứ?

– Ở nước ngoài anh có thấy buồn không, anh có nhớ làng ta không?

— Ở các nước khác người ta có biết đến chúng ta không, có biết rằng chúng ta cũng cùng sống trên trái đất này?

Tôi trả lời:

— Làm sao mà họ biết chúng ta được, trong khi chúng ta cũng chưa tự biết mình đến nơi đến chốn. Chúng ta có một triệu người. Chúng ta sống bên những vách đá của miền núi Đaghextan. Một triệu người và bốn mươi thứ tiếng khác nhau...

– Thì anh hãy kể lại cho họ nghe về chúng ta cho bản thân chúng ta và cho những người cùng sống chung trên trái đất này. Đã hàng thế kỷ nay, kiếm và dao găm đã viết nên lịch sử của chúng ta. Anh hãy dịch ra tiếng nước khác những cuốn sách đó. Nếu một người sinh ra ở làng Xađa như anh không làm chuyện đó, thì sẽ không có ai thay anh làm việc đó được.

Anh hãy tập hợp ý nghĩ của mình thành những đàn ngựa quý, không con nào thua kém con nào. Anh hãy thả đàn ngựa ấy lên cánh đồng cỏ của những trang giấy trắng. Hãy để cho ý nghĩ của anh phi trên trang giấy như những con ngựa cuồng quít, như đàn dê rừng.

Đừng giấu những ý nghĩ của mình. Nếu giấu đi thì rồi anh sẽ quên mất đã để ở đâu. Giống như kẻ hà tiện đôi

khi quên mất nơi giấu tiền, và cuối cùng bị mất tiền chính vì sự keo kiệt của mình.

Nhưng cũng đừng trao ý nghĩ của mình cho người khác. Không thể đưa nhạc cụ quý cho trẻ con thay đồ chơi. Đứa trẻ hoặc sẽ làm gãy hỏng, hoặc sẽ đánh mất, hoặc sẽ bị đứt tay vì thứ nhạc cụ đó.

Không ai biết tính nết ngựa của anh rõ hơn chính bản thân anh.

Câu chuyện về con đường mòn của bố tôi. Từ làng Xada nhỏ bé của chúng tôi đến làng lớn Khunzắc, có một con đường ô tô đi. Huyện lỵ đóng ở Khunzắc. Mỗi lần đến Khunzắc, bố tôi không bao giờ đi đường chung mà đi bằng con đường mòn nhỏ của riêng mình. Ông đã vạch ra con đường đó, đã tạo thành lối mòn, đã đi trên đấy mỗi buổi sáng và buổi chiều.

Trên con đường nhỏ ấy bố tôi đã tìm ra được những bông hoa tuyệt đẹp. Ông hái chúng và kết lại thành những bó hoa còn tuyệt vời hơn.

Mùa đông, ông lấy tuyết nặn những hình người, hình ngựa, kỵ sĩ nho nhỏ dọc hai bên đường. Dân làng Xađa và dân làng Khunzắc đã đến ngắm nghía những hình tuyết ấy.

Những bó hoa ấy đã khô héo từ lâu, những hình tuyết kia đã tan từ lâu. Nhưng những bông hoa Đaghextan, những hình ảnh người dân miền núi còn sống trong những bài thơ của bố tôi.

Khi tôi mới là một thiếu niên và bố tôi còn sống, có lần tôi phải đến làng Khunzắc. Tôi rời khỏi đường cái lớn, và muốn đi bằng con đường mòn nhỏ mà bố tôi đã đi. Một ông già trông thấy thế, bảo tôi dừng lại và nói:

— Đường của bố, cháu hãy để nguyên cho bố. Cháu hãy tìm một lối đi khác, tìm con đường riêng của mình.

Tôi nghe lời cụ già và đi tìm con đường mới. Con đường thơ ca của tôi thật dài và gồ ghề, nhưng tôi đã đi trên đó, hái những bông hoa của tôi, ghép lại thành bó hoa của tôi.

Chính trên con đường ấy, lần đầu tiên tôi nghĩ đến cuốn sách này.

Bắt đầu nghĩ - cũng thế như hoài thai. Đứa trẻ nhất định ra đời, chỉ cần nuôi dưỡng nó, như người đàn bà đã mang nặng cái thai trong bụng để rồi sau đó đẻ nó ra, nhễ nhại mồ hôi, vật vã đau đớn. Nói sang chuyện sách – thì đó là viết.

Nhưng tên đứa trẻ thì có thể chọn trước khi nó ra đời. Vậy thì tôi sẽ gọi tên cuốn sách của tôi thế nào? Liệu tôi có đem tên hoa mà đặt cho nó được chăng? Hay là lấy tên một vì sao? Hay là đi tìm trong những cuốn sách uyên thâm?

Không, tôi sẽ không đặt yên cương của người khác lên con ngựa của mình. Tên chọn từ đâu khác chỉ có thể là tên tục, tên lóng chứ không thể là tên.

Tất cả là thế. Nhưng nếu đi tìm đầu đề thì anh cần xuất phát từ nội dung mà anh muốn đặt vào trong cuốn sách, cần xuất phát từ mục tiêu mà anh đã tự đặt cho mình. Hãy chọn mũ theo đầu, chứ không phải làm ngược lại. Chiều dài của sợi dây đàn tùy thuộc vào chiều dài cây đàn.

Làng của tôi, những rặng núi của tôi, Đaghextan của tôi, đó là tổ ấm, những ý nghĩ của tôi, tình cảm và khát vọng của tôi. Từ cái tổ ấy tôi đã bay lên như một con chim nhỏ đủ lông đủ cánh. Những bài ca của tôi đều bắt nguồn từ đấy. Đaghextan — là tổ ấm của tôi. Đaghextan — là

cái nôi của tôi.

Vậy thì việc gì phải nghĩ ngợi lâu nữa? Ở miền núi, người ta thường lấy tên ông nội để đặt cho con trai đầu lòng. Cuốn sách sẽ là con của anh, còn anh lại là con của Đaghextan. Vậy thì tên nó sẽ là «ĐAGHEXTAN». Mà làm sao có được tên nào khác, chính xác hơn, thích hợp hơn, đẹp đẽ hơn.

Người ta nhận ra nước mà ngài đại sứ đại diện, qua cây cờ nhỏ cắm trên xe ông ta. Cuốn sách của tôi là đất nước của tôi. Tên gọi của nó là cây cờ nhỏ ấy.

Ở người đang viết, các ý nghĩ luôn tranh cãi với nhau trên từng trang, từng dòng, từng chữ một. Và những ý nghĩ của tôi cũng lao vào cuộc tranh luận về tên gọi cuốn sách - như các vị bộ trưởng ở một hội nghị quốc tế nào lao vào cãi vã nhau ngay từ lúc thảo luận chương trình nghị sự.

Thế là có một vị «bộ trưởng» đưa ra đề nghị gọi cuốn sách tương lai là «Đaghextan». Vị «bộ trưởng» thứ hai lại không thích thú cái tên đó. Đặt tập giấy xuống trước mặt, vị này bắt đầu phản đối:

— Không được. Không thích hợp. Sao lại lấy tên của cả một nước mà đặt cho một cuốn sách nhỏ? Không thể lấy mũ của bố đặt lên đầu đứa trẻ được — đầu đứa trẻ sẽ lọt thỏm trong đó.

— Sao lại không thích hợp? - Vị «bộ trưởng» nêu ra đề nghị cãi lại. - Khi trăng trôi trên nền trời và in hình xuống mặt biển, mặt sông, thì chúng ta cũng sẽ tiếp tục gọi bóng hình dưới nước là trăng chứ không thể là gì khác. Chẳng lẽ cần phải nghĩ ra một cái tên khác để gọi bóng

hình ấy sao? Thật ra thì trong một chuyện cổ tích có con cáo chỉ cho con sói thấy bóng trăng dưới nước và bảo rằng đó là một miếng mỡ lợn, con sói ngu xuẩn liền nhảy xuống sông. Nhưng mọi người đều biết cáo là con vật lừa đảo, giả dối.

– Không được. Không thích hợp, – vị «bộ trưởng» kia khăng khăng nói. — Đaghextan trước hết là một khái niệm địa lý. Núi, sông, hang hóc, nguồn nước, thậm chí cả biển nữa. Khi người ta nói với tôi "Đaghextan", thì trước tiên tôi hình dung ra một cái bản đồ.

– Ồ, không phải thế! – tôi chen vào. – Trái tim tôi chứa đầy Đaghextan, nhưng trái tim tôi vẫn không phải là tấm bản đồ địa lý. Đaghextan của tôi hoàn toàn không có những ranh giới địa lý hay ranh giới gì khác. Đaghextan của tôi cũng không có một tiến trình lịch sử nhịp nhàng liên tục qua nhiều thế kỷ. Cuốn sách của tôi, nếu tôi viết được nó ra, sẽ không giống một cuốn sách giáo khoa về Đaghextan. Tôi xáo trộn các thế kỷ, sau đó tôi chọn ra thực chất của các sự kiện lịch sử, thực chất của nhân dân, thực chất của từ «Đaghextan».

Có cảm tưởng như là chỉ có một Đaghextan duy nhất cho mọi người Đaghextan. Tuy nhiên, mỗi người Đaghextan đều có riêng một Đaghextan của mình.

Tôi cũng có riêng Đaghextan của tôi. Chỉ có tôi nhìn thấy nó như thế, chỉ có tôi biết nó như thế. Từ tất cả những gì tôi đã thấy ở Đaghextan, từ những gì tôi đã nếm trải, từ những gì mọi người Đaghextan sống trước tôi và cùng tôi đã nếm trải, từ những bài ca và những dòng sông, những tục ngữ và những vách đá, những con chim ưng và những móng ngựa, từ những con đường mòn nhỏ trên núi và thậm

chỉ cả từ tiếng vọng trên vách núi mà một Đaghextan của riêng tôi đã dần dần kết lại.

Rút trong sổ tay: Kixlôvôtxk. Trong căn phòng có hai chúng tôi. Tôi và một người Uzbếch. Vào lúc chiều hôm và ban mai, qua khung cửa sổ, chúng tôi nhìn thấy cả hai ngọn núi Enbrux.

Tôi nghĩ rằng hai ngọn núi này giống như hai cái đầu cạo trọc, nham nhở vết thương của hai người bạn, hai chiến sĩ dũng cảm của vua Samin.

Vào đúng phút ấy, anh bạn tôi nói:

– Quả núi hai ngọn này tôi trông như một ông già bạc đầu miền Bukhara, hai tay cầm hai bát cơm lớn rồi bất chợt dừng lại và chết lặng đi trước vẻ đẹp của thung lũng sớm mai.

Rút trong sổ tay. Ở Canquytta, trong nhà của Rabindranát Tagor vĩ đại, tôi nhìn thấy bức vẽ một con chim. Trên trái đất này chưa từng bao giờ có một con chim như vậy. Nó xuất hiện và sống trong tâm hồn của Tagor, nó là kết quả trí tưởng tượng của ông. Nhưng tất nhiên, nếu Rabindranát không nhìn thấy những con chim thật trên trái đất thì ông cũng không thể sáng tạo ra hình ảnh con chim kỳ lạ của mình.

Tôi cũng có một con chim kỳ lạ như vậy – đó là Đaghextan của tôi. Bởi vậy để cho tên cuốn sách chính xác hơn, tôi cần gọi nó là «ĐAGHEXTAN CỦA TÔI». Không phải vì Đagnextan là sở hữu của tôi, mà là vì hình dung của tôi về Đaghextan không giống hình dung của người khác.

Thế là quyết định xong. Trên bìa cuốn sách sẽ đề: «Đaghextan của tôi».

Người ta thường đeo lên ngực đứa trẻ mới sinh một lá bùa, để cầu cho đời nó sung sướng, không bị ốm đau, không phải buồn khổ. Khoan hãy bàn đến chuyện lá bùa ấy trên thực tế có giúp ích gì không, ta hãy chú ý đến một điều là người ta đeo lá bùa cho trẻ dưới lớp áo chứ không đeo lồ lộ ra ngoài.

Mỗi cuốn sách đều phải có một lá bùa như vậy, lá bùa mà tác giả đã biết, độc giả đoán ra, nhưng lại ẩn đằng sau lớp áo.

Hay là, khi làm rượu urbet, người ta pha vào đó một chút mật ong. Mật ong tan đi trong rượu thơm thơm, ngòn ngọt, nhưng không thể trông thấy nó và sờ vào nó được.

Hay là, ở Bombay có một vườn hoa bốn mùa tươi tốt. Nó không bao giờ tàn héo, dầu chung quanh khô cằn nóng bức. Hóa ra là phía dưới vườn hoa có một cái hồ nước chảy ngầm đem nguồn nước mát tới nuôi sống cây cối.

Tư tưởng không phải là dòng nước đổ ầm ầm xuống qua các tảng đá, chỉ tung bọt trắng xóa, mà là mạch nước ngầm thấm nhuần lòng đất và nuôi sống muôn cây.

Như mọi người đều biết, cả dải đất bao la của chúng ta bắt đầu từ điện Kremli. Và tôi cũng nghĩ như vậy. Nhưng đối với tôi, ngoài điều đó ra, thế giới còn bắt đầu từ làng quê thân yêu, từ ngưỡng cửa ngôi nhà mình. Điện Kremli và làng quê, tư tưởng cộng sản chủ nghĩa và tình cảm quê hương, đó là đôi cánh của một con chim, là hai sợi dây trên cây đàn pandur của tôi.

- - Nhưng nếu vậy thì việc gì phải đi khập khiễng? Nếu nghĩ thêm một cái tên nữa cho cuốn sách, cái tên

thể hiện được thực chất bên trong của nó.

Tôi đã tìm cái tên ấy mọi nơi, mọi lúc. Tôi đã nghĩ về Đaghextan khi chu du Ấn-độ. Trong nền văn hóa lâu đời của đất nước này, trong triết học của đất nước ấy, tôi như nghe được âm thanh vọng lại của một tiếng nói nào bí ẩn. Còn tiếng nói của Đaghextan của tôi thì cụ thể đối với tôi, tiếng nói đó nghe được rất xa trên mặt đất này. Có một thời, khi cất tên gọi «Đaghextan», ta chỉ nghe thấy tiếng vọng của những khe núi hoang vắng và vách đá trơ trọi. Nhưng bây giờ nó vang xa khắp đất nước ta, khắp thế giới này và được hàng triệu, triệu trái tim đáp lại.

Tôi đã nghĩ về Đaghextan cả trong những ngôi đền thờ Phật ở Nêpan, nơi chảy ra hai mươi hai dòng nước chữa bệnh. Nhưng Nêpan chưa phải là viên kim cương đã được mài, và tôi không thể đem nó so với Đaghextan của tôi được, bởi vì kim cương Đaghextan nhiều lần đã được dùng cắt kính.

. Tôi đã nghĩ tới Đaghextan cả ở châu Phi. Châu Phi làm tôi nhớ đến con dao găm chỉ mới rút ra khỏi bao một phần tư. Và cả ở nhiều nước khác — ở Canađa, Anh, Tây-ban-nha, Ai-cập, Nhật-bản – tôi cũng nghĩ về Đaghextan, tìm ra ở đó những điểm giống nhau hoặc khác biệt với quê hương tôi.

Có một lần, trong chuyến đi thăm Nam-tư, tôi được đến thành phố Đubrốpnic tuyệt vời nằm trên bờ biển Adriatic. Ở thành phố này, nhà cửa, phố xá trông giống như những hẻm núi và vách đá, giống như tảng đá lớn có nhiều bậc thang. Lối vào các ngôi nhà đôi khi trông giống như lối vào hang động xẻ ra trong vách đá. Nhưng gần đây

là những ngôi nhà cao tầng hiện đại vươn cao, đứng bên cạnh những kiến trúc trung cổ và trước đó nữa.

Chung quanh thành phố có một bức tường dài bao bọc giống như thành phố Đerbent của chúng ta. Theo những đường phố nhỏ dốc dẫn lên như những cầu thang bằng đá, tôi leo lên bức tường thành. Dọc theo bức tường thành, cứ sau từng khoảng cách nhất định, lại có những tháp canh bằng đá nhô cao. Mỗi tháp có hai lỗ châu mai trông như hai con mắt dữ tợn. Những ngọn tháp canh này trông như những hiệp sĩ của đức giáo chủ đạo Hồi, những người suốt đời tận tụy, trung thành với chủ.

Leo đến tường thành, tôi muốn đứng trong tháp canh nhìn qua lỗ châu mai. Tôi muốn được nhìn ngay, nhưng ở đây đang có rất nhiều khách du lịch nên tôi không thể đến gần đó được. Qua lỗ châu mai từ xa tôi chỉ nhìn thấy những vệt gì xanh xanh nhỏ bé. Những vệt xanh ấy vừa bằng lỗ châu mai, và lỗ châu mai thì bằng bàn tay.

Khi tôi đến gần lỗ châu mai và ghé mắt vào, tôi rất kinh ngạc: tôi đã nhìn thấy biển mênh mông trải ra dưới ánh mặt trời tháng giêng, mặt biển hiền hòa vì đây là biển miền Nam Ađriatic, và có vẻ khắc nghiệt vì lúc này đang là tháng giêng. Màu biển không thuần một màu xanh mà đa sắc. Sóng biển trào lên đập ào ào vào những vách đá rồi lại lùi ra phía xa. Ngoài khơi là những con tàu lớn, mỗi con tàu rộng bằng cả làng tôi.

Vào lúc ấy, thoạt đầu tôi đứng sau lưng đoàn khách du lịch mà rướn người nhìn ra khoảng trời rộng và sau đó đến được gần ghé mắt nhìn, tôi lại nhớ về miền Đaghextan của tôi.

Miền đất này trước đây cũng đứng ở phía sau cô chờ đến lượt mình, cũng rướn mình lên nhưng vẫn bị lưng của những người may mắn đứng trước che khuất. Và bây giờ dường như nó mới được nhìn thấy cả thế giới qua khung cửa sổ nhỏ của bức tường thành lũy. Bây giờ thì nó đã hòa nhập vào thế giới bao la chung quanh, đem tới đây những phong tục, tập quán, những bài ca và phẩm giá của mình.

Ở những thời đại khác nhau, nhiều nhà thơ đã tìm kiếm những hình tượng khác nhau để đặt vào đó ý niệm của mình về Đaghextan. Nhà thơ buồn Makhơmút đã ví các dân tộc ở Đaghextan như những khe suối trên núi lúc nào cũng muốn nhập chung dòng, nhưng vẫn không thể nhập hòa và vẫn chảy từng dòng riêng lẻ. Ông còn nói rằng các dân tộc ở Đaghextan giống như những bông hoa mọc hai bên hẻm núi, ngả vào nhau mà không sao kết lại được. Nhưng bây giờ lẽ nào các dân tộc Đaghextan lại chưa hòa nhập thành một dòng, chưa kết lại thành một bó hoa duy nhất?

Baturai đã nói : giống như một người nghèo vứt vào xó tối chiếc áo rách của mình, Đaghextan đã từng bị vò viên lại và quẳng vào những hẻm núi.

Đọc xong lịch sử xứ Đaghextan, bố tôi đã so sánh nó với chiếc sừng đựng rượu mà mấy người say chuyền tay nhau trong bữa tiệc.

Tôi biết ví Người với ai, hỡi Đaghextan của tôi? Tôi sẽ tìm hình ảnh nào để nói lên ý niệm của tôi về số phận, về lịch sử của Người? Có thể rằng sau này tôi sẽ tìm được những từ chính xác hơn, xứng đáng hơn, nhưng hôm nay thì tôi muốn nói: «Khung cửa nhỏ mở ra đại

dương thế giới». Hay ngắn gọn hơn: «Khung cửa nhỏ nhìn ra đại dương».

Đó, các đồng chí «bộ trưởng» ạ, đây là tên gọi thứ hai của cuốn sách mà tôi đang định viết. Tôi hiểu rằng, nhiều nước láng giềng của Đaghextan cũng có thể tự gọi mình như vậy. Không sao cả, hãy để cho Đaghextan có những nước gọi trùng tên.

Thế đấy, thưa bạn, cái mũ là «Đaghextan của tôi» và ngôi sao đính trên mũ là «Khung cửa nhỏ nhìn ra đại dương».

Giống như người sắp chơi đàn, tôi lên dây cây đàn pandur của tôi. Giống như người sửa soạn khâu vá, tôi xâu chỉ vào kim.

Các vị «bộ trưởng» của tôi đã quyết định xong tên gọi cuốn sách như các bộ trưởng tại một hội nghị quốc tế nào đấy cuối cùng cũng thông qua được chương trình nghị sự.

Có khi, hai anh em thuận hòa ngồi chung một ngựa. Có khi một chàng kỵ sĩ dẫn một lúc hai ngựa xuống uống nước.

Abutalip nói: Anh ta mua một chiếc mũ giống như của Lép Tônxtôi, nhưng mua ở đâu được một cái đầu giống ông?

Người ta cũng nói: Tên cậu bé đặt hay đấy, không biết lớn lên nó thành người thế nào.



# VỀ HÌNH THỨC CUỐN SÁCH NÀY, VIẾT NÓ NHƯ THẾ NÀO

Dao nếu mãi nằm yên trong vỏ — thì dao gì.
Tráng sĩ nếu suốt đời ở nhà — sẽ phát phì.

*Lời khắc trên dao găm*

Chỉ tôi đã luồn vào kim — nhưng chiếc áo khoác nào tôi sẽ may đây?
Đàn tôi đã lên dây, nhưng bài hát nào tôi sẽ hát?

Con ngựa nôn nóng, trung thành của tôi đã được đóng móng. Tôi tự nhấc từng chân nó lên xem để soát lại độ bền của móng. Tôi thắng yên và kéo dây chằng. Khó khăn lắm mới luồn được ngón tay vào dưới dây chằng. Ngựa đã được thắng yên một cách khéo léo.

Một ông già hơi giống bố tôi, cho tôi sợi dây cương. Một cô bé đôi mắt tinh nhanh đưa cho tôi cây roi. Người phụ nữ hàng xóm cố tình đi ngược lại phía tôi với bình nước đầy trên tay. Thế có nghĩa là chị muốn chúc tôi lên đường may mắn. Tôi dắt ngựa qua làng và mỗi người tôi gặp đều tránh đường cho tôi và nói: chúc anh lên đường may mắn!



Đến ngôi nhà đầu làng, một người phụ nữ trẻ đặt lên cửa sổ ngọn đèn sáng. Thế có nghĩa là chị muốn nói với tôi:

— Anh đừng quên khung cửa này, đừng quên ngọn dèn này. Nó sẽ còn sáng mãi chừng nào anh chưa trở về. Trên đường xa, trong những đêm mưa rét, nó sẽ rọi sáng cho anh qua năm tháng. Và khi đã mệt mỏi sau những ngày lãng du, anh bắt đầu quay về làng quê, ngọn dèn ấy sẽ đập vào mắt anh đầu tiên. Anh hãy nhớ khung cửa này, nhớ ngọn dèn này.

Tôi quay đầu lại nhìn làng quê thân yêu lần nữa. Tôi nhìn thấy mẹ tôi đứng trên mái nhà. Bà đứng một mình, không nhúc nhích. Trông bà mỗi lúc một bé dần, đến khi chỉ còn là một vạch thẳng nhỏ trên đường ngang của những mái nhà bằng. Cuối cùng, khi đường quành ra sau núi, quả núi che khuất làng tôi, tôi quay lại và không nhìn thấy gì nữa ngoài ngọn núi.

Phía trước tôi cũng nhìn thấy một ngọn núi. Nhưng



tôi biết rằng, đằng sau núi là cả một thế giới bao la. Ở đấy có cả những làng xóm, những thành phố to, những đại dương, những nhà ga, sân bay và các cuốn sách.

Móng ngựa gõ xuống con đường đá chạy trên miền Đaghextan quê hương tôi. Trên đầu là khoảng trời in hình những ngọn núi cao. Bầu trời khi thì chan chứa ánh mặt trời, khi chi chit những vì sao, khi bao phủ đầy mây đen và tuôn xuống đất những cơn mưa.

Đợi một chút, ngựa ta ơi, hãy đợi!
Ta còn chưa kịp ngoái lại đằng sau.
Phía sau đó — những gì ta để lại
Một làng quê — Nơi cắt rốn chôn rau.
Giờ hãy lao đi, lao như bay, ngựa hỡi!
Khỏi cần chi ngoái lại mãi đằng sau...
Làng phía trước, cũng làng quê chờ đợi
Đâu chẳng anh em thân thuộc, bạn bầu...

Tôi đang đi đâu? Làm sao tìm được đường đi đúng? Làm sao tôi viết được cuốn sách mới?

Rút trong sổ tay. Bây giờ ở Đaghextan thanh niên không mặc quần áo dân tộc nữa. Họ mặc quần âu phục, áo vestông, cài cà vát dưới cổ áo sơ mi — giống như ta vẫn thấy ở Maxcơva, Tbilixi, Taskent, Đusanbê, Minxk.

Chỉ còn những diễn viên của Đoàn ca múa là ăn vận quần áo dân tộc. Có thể gặp người mặc quần áo ngày xưa trong đám cưới. Thỉnh thoảng, nếu có ai đó muốn mặc thì mượn bạn bè, người quen, hay thuê lại. Anh ta không có quần áo riêng may theo kiểu đó nữa. Nói ngắn gọn tức là quần áo dân tộc đang mất dần đi, nếu không phải là mất hẳn.

Nhưng vấn đề ở chỗ có một vài nhà thơ làm mất

hình thức dân tộc trong sáng tác của mình, và thậm chí họ còn thấy tự hào về điều đó.

Tôi cũng mặc âu phục, mà không mặc áo dài như bố tôi nữa. Nhưng tôi không có ý định loại bỏ khỏi thơ tôi màu sắc dân tộc. Tôi muốn những bài thơ tôi vận bộ đồ dân tộc Đaghextan của chúng tôi.

Bản thân tôi thì không sao! Tôi được trời phú cho sống vài chục năm. Những năm này rơi vào lúc mọi người đều mặc âu phục, đi giày da. Thơ cũng có cuộc sống riêng. Nó có thời gian sinh ra và chết đi. Tôi không nói gì đến thơ tôi, có thể là nó sẽ không sống lâu hơn tôi.

Ở Maxcơva tôi nhìn thấy một cây sồi cổ kính. Người ta nói rằng Ivan Hung bạo đã trồng nó. Có nghĩa là khi cây sồi lớn lên, thì mới đầu người ta mặc quần áo kiểu quý tộc, sau đó người ta mặc áo khoác ngoài cộc tay và đeo tóc giả, rồi đến đội mũ chóm cao vành hẹp và áo đuôi tôm, sau đó thì đội mũ kỵ binh Buđiônưi * và mặc áo bluzông bằng da, tiếp đấy người ta mặc vestông đơn giản và quần ống rộng, rồi quần ống hẹp... Còn cây sồi thì như muốn nói: các người dưới đó cứ chạy đi, cứ thay đổi kiểu mặc đi, nếu không còn việc gì khác hơn. Ta có một sứ mạng riêng – thu bắt những tia sáng mặt trời, biến chúng thành gỗ chắc, thành những hạt sồi mà từ đó sẽ nảy nở cũng những cây cao lớn như thế.

Ở miền núi người ta thường nói rằng quần áo làm nên con người, ngựa làm nên kỵ sĩ dũng cảm. Câu tục

---

* Buđiônưi X. M. (1883 - 1975) nhà hoạt động quân sự Liên-xô, anh hùng nhân dân trong nội chiến, nguyên soái lỗi lạc của quân đội Liên-xô (*ND.*)

ngữ này nghe kêu đấy, nhưng tôi cảm thấy nó không đúng. Người anh hùng không nhất thiết phải mặc áo khoác bằng da hổ. Đôi khi đằng sau tấm áo giáp thép lại ẩn náu trái tim của một tên nhát gan.

Bởi vì: Nhiều lần tôi đã phải gãi gáy khi thấy quả dưa hấu mình chọn có vẻ ngoài đẹp thế mà bên trong lại trắng bệch và nhạt thếch.

Bởi vì: Có lần, chàng trai trẻ trùm áo choàng lên người yêu và mang cô ta đi, thế rồi khi lật tấm áo đó lên thì chỉ thấy bà lão móm sều của cô gái.

Bởi vì: Abutalíp kể lại với tôi rằng có lần ông được mời dự đám cưới ở một làng xa và thổi kèn zurna ở đó. Đám cưới thật linh đình. Trên bãi rộng ven rừng đầu làng, ba ngày liền sáo thổi, ba ngày liền trống gõ, đàn kêu, người hát. Như ở Đaghextan người ta thường nói, vừa có «đam-đam», vừa có «tram-tram», tức là vừa được nghe vừa được ăn. Cả làng tham dự đám cưới, mọi người từ bé đến lớn đều nhảy múa ít nhiều.

Đến ngày thứ ba, theo lệnh của chủ trò, một người lớn tiếng báo rằng lát nữa chú rể và cô dâu sẽ bước vào vòng nhảy. Chú rể thì mọi người đã thấy trong ba ngày qua, còn cô dâu thì suốt thời gian ấy chỉ ngồi với tấm khăn voan che mặt. Ba ngày liền Abutalíp ngắm nhìn trang phục của cô ta. Quần áo sặc sỡ có thể ví như tấm bìa đẹp của bộ Tuyển tập thơ miền Kapkazơ.

Khi cô dâu đứng lên và bước vào vòng nhảy, Abutalíp hơi nghi ngại trước dáng vẻ của cô ta. Nhìn vóc người đẫy đà, ục ịch của cô ta, có thể so sánh cô với bộ trường ca «Manax» của Kirghizi do Nhà xuất bản Văn học quốc gia xuất bản. Cô dâu sửa soạn bỏ tấm khăn che mặt. Mọi

người lặng đi, và Abutalip cũng nín thở. Đây rồi, cô dâu đã nhấc tấm khăn lên – khoảnh khắc mà bao người đã chờ đợi từ ba ngày nay...

Một mắt cô dâu nhìn về làng Khunzắc, mắt kia lại nhìn về làng Bốtlic. Giữa hai con mắt hầm hằm tránh xa nhau ấy nổi lên một cách vụng về cái mũi dài ngoẵng...

Abutalip bỗng cảm thấy buồn rầu. Ông không thể thổi sáo, không thể ăn được nữa. Và đành phải bỏ dở đám cưới ra về.

Tôi nghĩ rằng, Abutalíp đã hơi phóng đại khi kể lại câu chuyện này.

Tuy nhiên, sự trình bày đẹp không thể cứu vãn được cuốn sách tôi. Để có thể đánh giá nó chính xác, cần phải vứt bỏ tấm vỏ che.

Bởi vì, có năm, người ta đã đặc biệt chú ý, «hết sức coi trọng» vấn đề địa vị của người phụ nữ miền núi và thái độ của nam giới đối với họ.

Vào năm đó, các ông chồng đã không dám nói nặng lời với vợ. Vì cãi cọ bình thường với vợ có thể bị gọi lên huyện ủy cảnh cáo. Để khỏi có những lời eo xèo, đầu tiên người ta cảnh cáo suốt lượt các cán bộ ở huyện ủy. Vào năm đó, người ta tổ chức những hội nghị phụ nữ mà tại đó các đại biểu đã nói những lời mà ở tất cả các hội nghị khác, qua mọi thời kỳ chưa từng ai được nghe.

Vào năm đó, trong phiên chợ ngày chủ nhật, ta thấy xuất hiện một người đàn bà cao lớn chuyên mua bán những mặt hàng cấm. Đồng chí công an coi chợ đã không dám động đến bà ta, để khỏi vi phạm quyền bình đẳng của phụ nữ dân tộc. Tuy vậy, đến chủ nhật thứ ba, anh vẫn

rụt rè nhắc nhở bà ta. và đến chủ nhật thứ năm, anh đánh liều bắt mụ ta dẫn vào đồn.

Khi anh dẫn mụ ta đi ngoài đường, mọi người đều chỉ trỏ và ngạc nhiên không hiểu hà cớ gì mà anh lại dám bắt một người phụ nữ dân tộc đã được quyền làm chủ?

Ngoài chợ, nơi mọi người chen chúc, anh khó quan sát kỹ mụ phe, và bây giờ anh mới có thể chú ý đến một vài chi tiết chẳng hạn như đôi ủng to quá khổ, lộ ra dưới váy.

«Suối này chẳng phải chảy từ nguồn ra!» — đồng chí công an nghĩ vậy và cởi tấm khăn trùm trên mặt mụ ta. Một khuôn mặt đàn ông to bè bè hiện ra với đôi mắt lồi, ria mép mọc lởm chởm như cây mận gai trên vách đá.

Một số nghệ sĩ không đủ tài năng, lòng kiên nhẫn, và lòng tự trọng, cũng đã cố tiêu thụ sản phẩm của mình bằng cách khoác tấm áo của người khác, hy vọng lấy vẻ ngoài hào nhoáng để che giấu những ý nghĩ nhèo nàn. Nhưng nếu bên trong rỗng tuếch thì có nghĩa gì?

C ũ n g  v ậ y, dù dao găm làm bằng gỗ có đẹp đến đâu, nó cũng không thể cắt được ngay cả cái cổ gà con. Có chăng, nó chỉ cắt được làn mưa đang rơi.

C ũ n g  v ậ y. Những đứa trẻ không thể sinh ra từ đám cưới búp bê.

C ũ n g  v ậ y, khi muốn cắt bao quy đầu cho chú bé người ta chỉ cho nó cái lông ngỗng. Nhưng làm thế chỉ cốt đánh lừa. Không thể dùng lông ngỗng mà cắt được, cần phải có dao sắc.

Nhưng độc giả không phải là con trẻ mà có thể đánh lừa, an ủi, và tôi cũng không phải diễn viên đeo dao bằng bìa, cho dù chiếc bao đó là thật, được mạ vàng hẳn hoi.

T ấ t  n h i ê n, cần có cả bao nữa - không có bao thì dao sẽ gỉ. Và nếu có bao đẹp thì cũng tốt;

t ấ t  n h i ê n, khi chàng kỵ sĩ trở về với vật quý thì vợ anh ta sẽ choàng lên cổ ngựa tấm khăn lụa;

t ấ t  n h i ê n, đối với ý nghĩ sắc sảo nhất thì ngôn ngữ cùn mòn chẳng khác gì chó sói với cừu non;

t ấ t  n h i ê n, ngay cả cỗ xe tốt nhất cũng có thể bị long ra trên đường xấu, và thậm chí có thể đổ kềnh xuống vực;

t ấ t  n h i ê n, không thể làm đẹp con ngựa bằng cách đặt lên lưng nó giá ngồi của con lừa, còn lừa thì không thể thích hợp với bộ yên cương của con tuấn mã.

Đến đây, tôi xin kể cho các bạn nghe câu chuyện về một người Bankhar và con ngựa xoàng của anh ta.

C â u  c h u y ệ n  v ề  m ộ t  n g ư ờ i  B a n k h a r  v à  c o n  n g ự a  x o à n g  c ủ a  a n h  t a. Một người Bankhar đặt lên lưng con ngựa khốn khổ của mình đủ các thứ lọ, bình, bát đĩa và đi bán rong khắp các làng.

Hôm ấy, ở một làng người Avar có tổ chức hội đua ngựa. Các chàng kỵ sĩ hăng máu đem tới đây những con tuấn mã còn hăng máu hơn. Các kỵ sĩ đều lừng danh, ngựa cũng lừng danh. Các kỵ sĩ trông rất đẹp và cân đối, và ngựa của họ còn đẹp và cân đối hơn. Đôi mắt các kỵ sĩ lộ đầy vẻ dũng cảm, hăng hái, mắt ngựa thì tỏ ra nôn nóng.

Các chàng kỵ sĩ bắt đầu xếp thành hàng thì bất chợt có anh lái buôn hiền lành cưỡi con ngựa xoàng xĩnh đi vào bãi rộng. Vẻ mặt người Bankhar trông ngái ngủ, còn ngựa của anh thì dường như vừa đi vừa ngủ. Đám kỵ sĩ trẻ tuổi cười phá lên, trêu chọc anh lái buôn.

Vào đây thi với chúng tôi nào!

— Chúng tôi ghi ngựa của anh vào danh sách ngựa đua nhé!

Sao lại không cho nó chạy đua với ngựa chúng tôi?

— Cùng đua với chúng tôi nhé, nếu không chẳng có ai nhặt móng sắt cho ngựa chúng tôi.

Đáp lại những lời diễu cợt ấy, anh chàng Bankhar lặng lẽ tháo dỡ khỏi ngựa của mình đủ thứ lọ, bình, bát đĩa. Anh bình thản xếp hàng lại một đống, bình thản ngồi lên ngựa và chiếm một chỗ bên cạnh các chàng kỵ sĩ kia.

Những con tuấn mã của các chàng kỵ sĩ kia lấy móng hất tung đất lên, hai chân trước giơ cao, toàn thân như dựng đứng, trong khi đó con ngựa của anh chàng Bankhar vẫn cúi đầu, thiu thiu ngủ.

Thế rồi cuộc đua bắt đầu. Những con tuấn mã hăng máu kia lao lên ào ào như gió cuốn. Một đám bụi mù bốc lên, và trong đám bụi đó, ở tận cuối cùng, là con ngựa của anh chàng Bankhar. Vòng đua đầu tiên kết thúc, rồi tới vòng thứ hai, thứ ba. Mọi người đều thấy rõ những con ngựa đua kia đã thấm mệt, mồ hôi đầm đìa, chúng sùi bọt mép ra, bọt rỏ xuống giữa đám bụi mù. Vó ngựa phi yếu dần, chúng chạy chậm lại. Dù các kỵ sĩ có thúc ngựa, quất roi vào chúng thế nào cũng không sao bắt được chúng phi nhanh hơn. Chỉ có chú ngựa của anh lái buôn nọ vẫn phi như lúc đầu, không yếu đi, không chậm hơn. Mới đầu nó đuổi kịp tốp sau, rồi tiếp đó nó phi tới ngang tốp đầu, và đến vòng cuối, vòng đua thứ mười, thì nó vượt lên trên.

Người ta đã phải quấn vòng khăn giải thưởng đầy hãnh diện lên cổ con ngựa xoàng của chàng Bankhar. Anh ta bình thản dắt ngựa của mình đến chỗ để hàng, chất hàng lên rồi lại tiếp tục đi.

Những trường hợp tương tự như vậy có lẽ còn thường gặp trong văn học hơn là trong các cuộc đua ngựa.

R ú t  t r o n g  s ổ  t a y. Những bài thơ viết dễ dàng, có khi lại rất khó đọc. Những bài thơ viết ra một cách khó nhọc, có khi lại dễ dọc. Hình thức và nội dung – dường như là quần áo và con người. Nếu con người tốt đẹp, thông minh, cao thượng thì việc gì lại không mặc quần áo tương xứng. Nếu con người có gương mặt đẹp, sao lại không có những ý nghĩ đẹp?

Ta thường thấy điều này, nhiều phụ nữ đẹp lại không thông minh, hoặc là rất thông minh thì lại không đẹp. Trong nghệ thuật cũng thường xảy ra như vậy.

Nhưng có những người phụ nữ may mắn, vừa thông minh vừa đẹp. Cũng có thể nói như vậy về những tác phẩm của các nhà thơ thật sự có tài.

M ộ t  n g ư ờ i  m i ề n  M a a l i a  n ó i: «Người đến làng tôi chỉ vừa mới lộ ra trên đèo, tôi đã có thể biết ngay người đó là tốt hay xấu».

M ộ t  n g ư ờ i  m i ề n  K u b a t r i  n ó i: «Vàng hay bạc tự nó chưa nghĩa lý gì. Cần phải có đôi tay vàng của người thợ nữa».

Những chiếc bình đẹp nhất
Nặn từ đất bình thường
Như câu thơ đẹp nhất
Từ những chữ bình thường.

*Lời ghi trên bình*

Tôi đã sống trên đời này hơn 15 nghìn ngày. Tôi đã đi qua rất nhiều con đường trên mặt đất này. Tôi đã gặp hàng

nghin người trên trái đất này. Ấn tượng trong tôi nhiều vô kể, nhiều như những con suối trên núi lúc trời mưa hay lúc tuyết tan. Nhưng làm thế nào để kết các ấn tượng đó lại thành một cuốn sách? Viết được nó khác nào như đào được giữa thung lũng một con kênh vừa rộng, vừa sâu. Nhưng đó chỉ là một nửa nhiệm vụ. Cần phải làm sao cho những con suối trên núi kia gặp nhau và chảy vào dòng kênh đó. Bằng cách nào tôi có thể làm được việc đó? Tôi cần phải có thêm những hiểu biết gì, ngoài sự hiểu biết cuộc sống? Lý luận văn học ư? Phải chăng không thể nghĩ thêm về điều làm thơ thế nào thay vì việc làm hẳn bài thơ.

Tôi muốn nói rằng tôi không yêu thích một trường phái, một trào lưu văn học nào. Tôi chỉ có những nhà văn, nhà nghệ sĩ mà tôi yêu thích.

Rút trong sổ tay. Tại trường Đại học văn học, trong một kỳ thi, một sinh viên người Avar được hỏi: chủ nghĩa hiện thực và chủ nghĩa lãng mạn khác nhau thế nào? Anh sinh viên người Avar đó chắc là không đọc những cuốn sách về vấn đề ấy, thế mà lại phải trả lời. Suy nghĩ một lát, anh trả lời vị giáo sư:

Chủ nghĩa hiện thực là khi ta gọi chim ưng là chim ưng, còn chủ nghĩa lãng mạn là khi ta gọi con gà trống là chim ưng.

Vị giáo sư cười phá lên và ký sổ kiểm tra cho anh bạn đồng hương của tôi.

Về phần tôi, ngay từ đầu tôi đã cố gắng gọi ngựa là ngựa, lừa là lừa, gà trống là gà trống và đàn ông là đàn ông.

Rút trong sổ tay. Nhà thơ danh tiếng Rabindra-

nát Tagor có một người em trai cũng là nhà văn. Người này là môn đồ của trường phái Bengan trong văn học Ấn độ. Còn Rabindranát thì bản thân ông đã là một trường phái, là cả một trào lưu, chính chỗ này là điểm khác nhau giữa hai anh em.

Trong tâm hồn của Rabindranát có một con chim, không giống những loài chim khác, xưa nay chưa từng thấy. Ông đã thả con chim ấy vào trong nghệ thuật, và mọi người đều thấy đó là con chim của Tagor.

Nếu nhà nghệ sĩ thả con chim của mình ra, mà nó lại lẫn vào cả đàn chim khác giống nhau như tạc thì có nghĩa là anh ta không phải nghệ sĩ. Có nghĩa là anh đã không có được con chim riêng của mình, khác thường, kỳ lạ, anh chỉ có một con chim sẻ bình thường và bây giờ không ai phân biệt được con chim sẻ của anh với cả đàn chim cho dù rất dễ thương nhưng vẫn là chim sẻ.

Mỗi người cần có riêng bếp lò của mình để tự mình nhóm lên ngọn lửa. Kẻ ngồi nhờ ngựa mượn người khác sớm muộn cũng phải xuống và trả ngựa lại cho chủ. Hãy đừng thắng yên cương lên những ý nghĩ của người khác, hãy tìm cho ra những ý nghĩ của chính mình.

Tôi dám ví văn học với cây đàn pandur, còn các nhà văn thì tôi ví với sợi dây căng trên cây đàn đó. Từng dây một có cung bậc riêng, âm điệu riêng, nhưng hợp lại với nhau, chúng làm nên một hòa âm.

Cây đàn pandur của dân tộc Avar chỉ có hai dây. Người ta nói rằng bố tôi đã căng thêm sợi dây thứ ba trên cây đàn pandur của văn học Avar.

May mắn bao nhiêu nếu tôi cũng đạt được một âm điệu khác mọi người. May mắn bao nhiêu nếu tôi được

trở thành sợi dây thứ tư trên cây đàn dân tộc cổ kính của chúng tôi.

Tôi không muốn giống như mấy nhà thợ săn mua hươu ngoài chợ rồi về nhà nói dối rằng tự họ bắn được.

Hay có khi thế này: Có tin đồn rằng một người thợ săn đã bắn được con dê rừng rất to trong một hẻm núi, và thế là tất cả thợ săn đã chạy hết cả về cái hẻm núi may mắn đó. Cùng lúc ấy, người thợ săn đầu tiên lại bắn được ở nơi khác một con gấu to. Đám thợ săn lại lao cả về phía đó, trong khi ấy thì nhà thiện xạ kia lại đang rình ở một hẻm núi khác một con báo... Thử hỏi ai là người thợ săn chân chính? Là người tự mình đi tìm mồi hay là bọn người chuyên chạy theo đuôi? Những kẻ chuyên chạy theo như vậy chắc không ngượng ngùng gì khi bắt thú rừng trong bẫy của người khác.

Họ làm tôi nhớ đến một số nhà văn. Không thể hành động như một người tôi quen đã hành động. Người này sau khi làm quen với Kornây Ivanôvích Trukôpxki*, liền giả tảng như là không biết Abutalíp.

Con suối nhỏ chảy ra tới biển, nhìn thấy trước mình là khoảng không xanh thẳm bao la và hòa mình vào khối nước màu xanh vĩ đại ấy, chớ nên quên nguồn nước nhỏ trên núi cao mà từ đó con suối đã bắt đầu, chớ nên quên con đường nhỏ dài, gập ghềnh sỏi đá mà nó đã phải đi qua.

Phải rồi, tôi là con suối núi. Tôi yêu ngọn nguồn của tôi, yêu con đường gồ ghề sỏi đá mà tôi đã đi qua. Tôi yêu những hẻm núi hoàng hôn chập choạng mà dòng nước

* Trukôpxki K. I. (1882-1972) — nhà văn xô-viết nổi tiếng, tác giả một số tác phẩm viết cho thiếu nhi, công trình biên khảo và dịch thuật. (*ND.*)

của tôi đã chảy qua, yêu những vách đá từ đó nó đổ xuống tung bọt trắng ngần, yêu những lúc nó dường như dừng lại, êm đềm lắng sâu, thu vào mình bóng hình của núi, trời, sao. Và rồi lại từ từ chảy tiếp, mỗi lúc một thêm hối hả.

Nhưng tôi không nói rằng tôi chỉ cần những hẻm núi. Tôi trôi đi — có nghĩa là phía trước có mục tiêu. Không phải tôi chỉ linh cảm, mà tôi còn nhìn thấy, biết trước khoảng rộng mênh mông của biển.

Và không phải chỉ có tôi. Đúng hơn là cả tôi nữa, bởi tầm mắt của Đaghextan đã vươn xa. Qua những tháng năm ấy, không phải chỉ có những ranh giới những nghĩa địa được mở rộng ra mà ranh giới những cảm quan của chúng ta về cuộc sống, về thế giới cũng mở rộng thêm nhiều.

Tôi là một nhà thơ Avar. Nhưng từ đáy lòng mình, tôi cảm thấy trách nhiệm người công dân không phải chỉ với miền Avarixtan, không phải chỉ với cả xứ Đaghextan, không phải chỉ với đất nước Liên-xô bao la mà với cả hành tinh này, thế kỷ hai mươi này. Không thể sống khác.

Người ta kể cho tôi. Sau khi tôi ra đời ít lâu, bố tôi phải chuyển công tác đến làng Arađêrích một thời gian. Bố tôi buộc bên cạnh yên hai cái túi lớn. Một túi chất đầy đồ đạc cần dùng: quần áo, bột mì, bột yến mạch rang, mỡ lợn, sách vở. Một túi nữa để đầu tôi thò ra.

Sau chuyến đi, mẹ tôi bị ốm nặng. Trong làng chúng tôi mới chuyển đến, có một người đàn bà cô đơn bất hạnh vừa mới chết con. Người đàn bà ở làng Arađêrích ấy bèn bắt đầu nuôi tôi bằng dòng sữa của mình. Bà trở thành người mẹ thứ hai của tôi.

Vậy là trên trái đất này có hai người phụ nữ tôi đã chịu ơn. Dù tôi có sống lâu đến đâu, dù tôi làm được gì

cho hai người phụ nữ đó, cũng không bao giờ tôi trả được ơn. Lòng biết ơn của một người con không bao giờ có tận cùng.

Hai người phụ nữ đó: — một người là mẹ tôi, người sinh ra tôi, người đầu tiên đưa nôi cho tôi và hát cho tôi bài hát ru đầu tiên; một người nữa... cũng là mẹ tôi, người đã đem dòng sữa đến cho tôi khi tôi bị cái chết đe dọa, người đã đem cho tôi sinh khí ấm áp, và từ con đường chết nhỏ hẹp tôi đã rẽ ngoặt sang con đường sống thênh thang.

Nhân dân chúng tôi, đất nước nhỏ bé của tôi, mỗi cuốn sách của tôi cũng đều có hai người mẹ.

Người mẹ thứ nhất là miền Đaghextan thân yêu. Nơi đây tôi đã sinh ra, nơi đây lần đầu tiên tôi đã nghe thấy tiếng nói quê hương, đã học nói thứ tiếng ấy và tiếng nói ấy đã thấm vào máu thịt tôi. Nơi đây lần đầu tiên tôi được nghe những bài ca quê hương và lần đầu tiên tôi cất tiếng hát. Nơi đây lần đầu tiên tôi cảm được mùi vị của nước và bánh mì. Đã bao lần hồi bé tôi bị đá sắc cứa vào da thịt, nhưng rồi nước và cỏ cây của miền quê đã làm liền lại các vết thương của tôi. Người miền núi nói: không có bệnh nào mà ở miền núi chúng tôi không tìm được cây thuốc chữa.

Người mẹ thứ hai của tôi là nước Nga vĩ đại, người mẹ thứ hai của tôi là Maxcơva. Người đã dạy dỗ tôi, chắp cánh cho tôi, đưa tôi lên con đường lớn, chỉ cho tôi những chân trời bao la, chỉ cho tôi cả thế giới.

Tôi mang nặng lòng biết ơn của một người con trước hai người mẹ ấy. Hai tấm thảm, hai tấm chân dung Makhơmút và Puskin được treo trên tường nhà tôi. Trong

những tập thơ Blốc còn mát rượi những đêm trắng Pêter-bua, tôi đã để vào đấy những bông hoa núi thắm đỏ miền Avar.

Hai người mẹ như đôi cánh, như hai bàn tay, hai con mắt, hai bài ca. Bàn tay hai người mẹ đã xoa đầu tôi, và beo tai tôi, những khi cần thiết. Hai người mẹ đã lên dây cho cây đàn pandur của tôi. Mỗi người lên một dây. Hai người mẹ đã nâng tôi lên cao, và từ trên vai mẹ tôi đã nhìn thấy nhiều điều trên thế giới mà tôi sẽ không bao giờ nhìn thấy nếu không được nâng lên cao. Như con chim ưng khi bay, làm sao biết được cánh nào cần hơn, quý hơn với nó, tôi cũng không biết được người mẹ nào thân thiết với tôi hơn.

Trước đây người miền núi chữa tất cả các bệnh chỉ toàn bằng cỏ cây và nước. Họ tin vào các ông lang. Thật ra đã có những chuyện ông lang đến giờ nhân dân vẫn còn kể lại. Mấy ông lang này khi chữa bệnh đau đầu, đã bắt gia đình phải mổ một con cừu đen.

Mọi người Avar đều biết rằng thịt cừu đen thơm hơn, ngọt hơn thịt cừu xám hay cừu trắng. Thầy lang bảo bệnh nhân chui đầu vào trong tấm da cừu mới lột và bắt ngồi như thế rất lâu. Còn thịt thì thầy đem về nhà mình.

Bây giờ thì chúng ta sẽ không nói đến những thầy lang như thế nữa. Nhưng trên thực tế cũng còn có những lương y giỏi và những vị thuốc dân gian rất quý.

Có lần bố tôi nằm chữa bệnh ở Maxcơva, tại bệnh viện Kremli. Tại đấy ông nhớ đến cỏ cây và nước miền Đaghextan, ông lại bảo các con mang tới cho ông thứ nước lấy từ nguồn mạch nhỏ trên rặng Buxrakhơ.

Đối với các con, lời của bố là đạo luật. Chúng tôi

trở về Đaghextan, trèo lên rặng núi Buxrakhơ, tìm được nguồn mạch ở đó và lấy nước từ đấy đem tới cho bố chúng tôi, một nhà thơ Avar đang nằm ở bệnh viện Kremli.

Bố tôi uống thứ nước ấy và ông cảm thấy nhẹ mình. Sau đó thậm chí ông đã khỏi hẳn. Ông không hay biết rằng, cũng từ ngày hôm ấy, người ta đã bắt đầu tiêm cho ông một thứ thuốc mới của nước ngoài.

Có lẽ ông đã không khỏi bệnh nếu chỉ nhờ mỗi thứ thuốc do khoa học tạo ra kia. Có lẽ ông đã không khỏi bệnh nếu chỉ nhờ uống thứ nước lấy ở miền quê ấy, như những người Avar đã uống. Đúng hơn là ông đã khỏi bệnh nhờ cả hai thứ thuốc.

Trong văn học cũng như thế. Ngọn nguồn của nó là quê hương, là nhân dân nước mình, là tiếng mẹ đẻ. Nhưng nhận thức của nhà văn chân chính hôm nay còn vươn xa ra ngoài giới hạn đất nước mình. Tất cả những cái gì có quan hệ đến con người, đến thế giới đều có thể xúc động trái tim, khối óc nhà văn.

Người bộ hành lên đường
Anh mang theo gì đó?
Rượu vang, bánh mì chăng?
Nhưng, khách ơi, hãy nhớ.

Anh cần chi hành lý
Có dân núi đón rồi!
Cô gái thì nướng bánh
Chàng trai rót rượu mời.

Người bộ hành lên đường
Anh mang theo gì đó?
Con dao mài sắc chăng?
Nhưng khách ơi, hãy nhớ:

Nếu kẻ thù lẩn quất
Khi anh được mời chào
Chúng tôi sẵn gươm dao
Che chở anh yên ổn.

Người bộ hành lên đường
Anh mang theo gì đó?
Anh mang theo bài hát.
Ôi, người bạn thân yêu!

Bài hát lạ bao nhiêu
Rừng núi này chẳng có?
Nhưng nó không nặng gì
Anh cứ mang dự trữ!

Vậy là nếu nhà văn muốn hành động giống như vị bác sĩ chữa cho bố tôi, anh ta cần phải biết sử dụng một cách khéo léo cả những phương tiện dân tộc truyền thống từ ngàn xưa và cả những thành tựu mới nhất trên thế giới.

Còn nếu nhà văn muốn giống như khách lãng du kia, thì khi đến thăm một dân tộc khác, anh cần phải mang theo những bài ca quê hương, nhưng anh cũng cần phải để dành chỗ trong trái tim mình cho những bài ca mà anh sẽ được nghe.

Dân tộc này tiễn anh đi, dân tộc kia lại đón anh, mà bài ca thì dân tộc nào cũng có.

Dạo trước, khi các báo cáo viên, các diễn giả đến miền chúng tôi nói chuyện, có nơi như ở làng Kêlép, phụ nữ ngồi quay lưng lại diễn giả để khỏi bị nhìn thấy mặt. Nhưng khi diễn giả nói chuyện xong và ca sĩ bước ra sân khấu hát, vì tôn trọng các bài ca mà các thính giả phụ nữ đã vượt qua được định kiến, quay mặt về phía ca sĩ; hơn thế nữa, họ còn tự cho phép mình bỏ tấm khăn che mặt.

Không một ngày nào, không giờ phút nào trong tôi không vang lên bài ca mẹ tôi đã hát ru bên nôi. Bài ca ấy là cái nôi của tất cả các bài ca của tôi. Nó là tấm gối mà tôi ngả mái đầu mệt mỏi của mình xuống, nó là con ngựa đưa tôi đi khắp thế gian này. Nó là ngọn nguồn mà tôi ghé môi xuống uống những lúc khô khát. Nó là bếp lửa sưởi ấm người tôi, hơi ấm của nó tôi đã mang theo trong suốt cuộc đời.

Nhưng đồng thời tôi cũng không muốn giống như anh chàng Sukum: dù đã lớn thành một chàng trai khỏe mạnh, anh ta vẫn không bỏ được thói quen bú sữa mẹ. Người ta thường nói về những kẻ như vậy thế này: «To như con bò đực mà trí khôn lại của bê».

Ở thời đại này, chúng ta đã quen trả lời đủ thứ thăm dò ý kiến. Trong đời tôi, tôi đã bao lần phải làm việc đó! Không có một bản thăm dò ý kiến nào tôi thấy đề ra câu hỏi về tình yêu quê hương, nhưng điều đó không có nghĩa trong lòng người trên trái đất này không tồn tại một tình yêu như thế.

Mặt khác, khi trả lời bản thăm dò, chỉ viết là «công dân Liên-xô» chưa đủ — cần phải làm một người công dân như vậy; chỉ viết là «Đảng viên Đảng cộng sản Liên-xô» chưa đủ — cần phải làm một người như thế; chỉ viết «tiếng mẹ đẻ là Avar» chưa đủ — cần phải làm sao cho tiếng nói đó thật sự là thân thiết, làm sao đủ dũng cảm không phản bội lại nó.

Hỡi các vị khách thập phương, hãy đến với tôi, hãy đem lại cho tôi những bài ca khác nhau! Hãy đến như những người anh em, chị em, tôi sẽ tiếp đãi tất cả các bạn, trái tim tôi sẽ cùng chia sẻ với các bạn mọi niềm vui, nỗi buồn!

Nếu chàng trai trẻ miền núi, khi trở về làng Khunzắc đã mang theo trên yên ngựa mình một phụ nữ thuộc dân tộc khác, thì mọi người nhìn anh ta trách móc, hành động của anh ta không được những người già cả trong làng ủng hộ. Nhưng bây giờ thì cả trẻ lẫn già đều đã quen với chuyện đó. Cuộc hôn nhân giữa chàng trai Avar và người phụ nữ dân tộc khác không còn bị coi là đáng xấu hổ. Chỉ còn một thứ hôn nhân bị lên án ở vùng núi — đó là hôn nhân không tình yêu.

Lẽ nào không phải là hoa càng nhiều loại thì bó hoa do đó lại càng đẹp hơn. Trên trời càng nhiều sao bầu trời sẽ càng sáng hơn. Cầu vồng sở dĩ đẹp vì nó mang tất cả sắc màu.

Ở châu Phi, tôi đã được xem một bông hoa kỳ lạ, dị thường. Mỗi một cánh hoa của nó đều mang màu riêng. Mỗi một cánh hoa có riêng tên gọi, có riêng hương thơm. Nói ngắn gọn là trên một bông hoa là cả một bó hoa kết sẵn, nhưng đồng thời đó vẫn chỉ là một bông hoa.

Tôi ao ước sao cho cuốn sách viết bằng tiếng Avar này của tôi sẽ giống như bông hoa châu Phi huyền diệu, sao cho mỗi người sẽ tìm thấy trong đó những gì thân thuộc, gần gũi.

Đấy, tôi đã bày ra tất cả những gì có thể tạo thành cuốn sách của tôi. Giống như người thợ lành nghề miền Kubatri, mọi thứ đều đã có trong tay. Anh đã có vàng bạc, dao cắt, búa gõ, đục đẽo, con dấu, tranh vẽ. Còn tôi thì có tiếng mẹ đẻ, vốn sống, chân dung nhiều kiểu người, tính cách của họ, âm điệu các bài ca, cảm giác về lịch sử, cảm giác về công lý, tình yêu thiên nhiên, quê hương, hồi ức về người cha, quá khứ và tương lai của dân tộc

tôi... Tôi đã có trong tay những thỏi vàng. Nhưng liệu tôi có đôi tay vàng không? Tôi có đủ tài năng, có đủ tài nghệ không?

Bằng cách nào tôi có thể chuyển vào tay các bạn bài ca của tôi như một chú chim nhỏ run rẩy, để bài ca của tôi ngập tràn trái tim các bạn như bỗng nhiên tình yêu đã đến?

Tôi lại cầm lên lần nữa những gì tôi có trong tay trên bàn làm việc...

Người ta nói: Hãy để cho vợ bỏ chàng kỵ sĩ nào không có ngựa.

Người ta còn nói: Hãy để cho vợ bỏ cả chàng kỵ sĩ nào ngựa không có yên cương, không có roi quất ngựa.

Người ta nói: Đừng cho chim ưng ăn rơm và cho lừa ăn thịt.

Người ta nói: Ngay cả ngôi nhà đẹp cũng có thể đổ nếu các bức tường xây dối.

Người ta nói: Gà mái mơ thấy mình là chim ưng, nó bay khỏi vách đá và ngã gãy cánh.

Con suối nhỏ mơ thấy mình là dòng sông lớn, nó tràn vào bãi cát và lập tức bị hút khô.



# NGÔN NGỮ

Đứa trẻ khóc và cười
Nhưng còn chưa biết nói
Rồi đến lúc nó kể
Nó là người thế nào
Đến thế giới này vì sao.

*Lời khắc trên nôi*

Nếu trên thế giới này không có lời
nói thì
thế giới đã không giống như
nó đang tồn tại.

Nhà thơ sinh ra từ một trăm năm trước
khi thế giới tạo thanh.

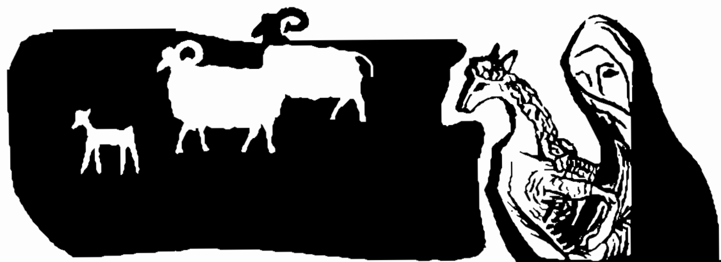
Người hạ bút làm thơ mà không am hiểu
ngôn ngữ chẳng khác gì anh chàng mất
trí lao xuống dòng sông cuồn cuộn mà
không biết bơi.

Nhiều người mở miệng nói không phải vì ý nghĩ chen chúc trong đầu mà vì ngứa lưỡi. Một số người làm thơ không phải vì trái tim tràn ngập những tình cảm lớn mà vì... Thật khó mà nói được vì lẽ gì mà bất ngờ họ quyết định làm thơ. Những câu thơ của họ nghe như tiếng lạo xạo của hạt dẻ khô khi đổ vào cái túi bằng da cừu thô.

Những người ấy không muốn quay lại để thoạt tiên thử nhìn xem điều gì đang xảy ra trên thế giới. Họ không muốn lắng nghe, không muốn nhận biết, thế giới này đầy ắp những bài ca, những âm điệu, những hòa âm thế nào.

Thử hỏi con người được phú cho đôi mắt, đôi tai và lưỡi để làm gì? Tại sao mắt người có hai, tai người có





hai, mà lưỡi chỉ có một thôi? Vấn đề là ở chỗ trước khi một cái lưỡi phát ra một lời nào đó, thì hai mắt đã phải nhìn, hai tai đã phải nghe.

Lời nói rời khỏi lưỡi chẳng khác nào con ngựa từ con đường nhỏ dốc ngược lao xuống cánh đồng. Thử hỏi liệu có thể tung ra thế giới lời nói chưa từng được ấp ủ trong tim?

Không có lời nói nào đơn thuần chỉ là lời nói. Có khi nó là lời nguyền rủa, khi nó là lời chúc mừng, là vẻ đẹp, là nỗi đau, là sự bẩn thỉu, là bông hoa, là giả dối, là sự thật, là ánh sáng hay là bóng đêm.

Tôi đã nghe trên đất này khắc nghiệt:
Thế giới tội lỗi được tạo nên, chỉ với một lời,
Lời ấy là gì, âm thanh trầm hay bổng?
Lời nguyện cầu chăng? Lời thề chăng? Hay mệnh lệnh ma thôi?

Chúng ta đang đấu tranh cho thế giới hôm nay
Thế giới đang bị thương, bị dằng xé vô cùng khốc liệt.
Hãy nói lên một lời đi: dù lời thề, lời cầu nguyện
Hay lời rủa cũng cam! Miễn để cứu thế gian này!

Một anh bạn tôi nói: tôi là chủ nhân lời nói của tôi, muốn giữ trong miệng thì giữ; muốn phát ra ngoài thì phát. Có thể là đối với bạn tôi, phương châm đó thích hợp, nhưng nhà văn thì cần phải trở thành chủ nhân chân chính những lời nói của mình, những lời thề và lời rủa của mình. Trước cùng một sự việc, anh ta không thể thề hai lần. Và nói chung kẻ nào thề luôn miệng, theo tôi đó là một tên lừa đảo.

Nếu cuốn sách này giống như tấm thảm thì tôi đã dệt lên nó từ những sợi nhiều màu của tiếng Avar. Nếu nó giống tấm áo choàng da cừu thì tôi đã khâu tấm áo ấy bằng những sợi chỉ bền của tiếng Avar.

Người ta nói rằng ngày xưa trong tiếng Avar chỉ có rất ít từ. Những khái niệm «tự do», «cuộc sống», «lòng dũng cảm», «hữu nghị», «lòng tốt», đều được thể hiện bởi một từ hoặc vài từ rất giống nhau về âm điệu và ý nghĩa. Mặc cho nhiều người nói rằng tiếng nói của dân tộc nhỏ bé chúng tôi nghèo nàn, tôi có thể dùng tiếng nói của tôi để nói lên tất cả những gì tôi khao khát, và để biểu hiện mọi tình cảm và ý nghĩ, tôi không cần viện đến một ngôn ngữ nào khác.

Ở Đaghextan có một dân tộc rất ít người dân tộc Lắc. Chừng 5 vạn người nói tiếng đó thôi. Kể cũng khó mà tính cho chính xác, bởi vì ở đó có những đứa trẻ chưa biết nói và còn có những kẻ đã quên mất tiếng nói của cha ông.

Dân tộc Lắc ít ỏi, tuy vậy vẫn có thể gặp họ ở nhiều nơi trên thế giới. Cuộc sống nghèo khổ trên miền đất cằn cỗi ấy đã đẩy họ đến chỗ phải tha phương cầu thực. Họ đều là những thợ thủ công khéo léo - - thợ đóng giày, thợ bạc

thợ mạ; một số người chuyên đi hát rong. Ở Đaghextan người ta thường nói: «Bổ dưa thì bổ cho khéo, kẻo mà người Lắc trong đó nhảy ra».

Khi tiễn con trai đi những miền xa, người mẹ Lắc dặn dò con: «Trước khi ăn đĩa cháo ở một thành phố nào, con nhớ nhìn xem dưới đáy đĩa có người Lắc ta nào không».

Người ta kể lại. Có một người Lắc đi lang thang trên phố xá Maxcơva, hay Lêningrát gì đó. Bỗng anh ta nhìn thấy một người mặc quần áo Đaghextan. Anh ta bỗng cảm thấy thân thuộc, muốn bắt chuyện. Anh ta xấn lại gần người đồng hương và nói bằng tiếng Lắc. Người đồng hương không hiểu và lắc đầu. Anh chàng người Lắc chuyển sang nói tiếng Kumức, rồi nói tiếng Tát, rồi tiếng Lêzghin... Dù anh ta nói bằng tiếng gì thì người đồng hương mặc quần áo Đaghextan kia vẫn không thể bắt chuyện được. Đành phải nói với nhau bằng tiếng Nga. Lúc ấy mới biết rằng anh người Lắc đã gặp một người Avar. Anh chàng Avar bèn mắng nhiếc người bạn đồng hương bất ngờ gặp mặt:

— Anh dám nhận là người Đaghextan, anh dám nói là đồng hương với tôi thế mà lại không biết tiếng Avar! Anh không phải là người Đaghextan mà là một con lạc đà dần độn!

Trong cuộc cãi vã đó, tôi không thể đứng về phía người đồng bào của tôi. Không việc gì anh ta lại phải công kích người Lắc đáng thương kia. Tất nhiên có thể biết tiếng Avar mà cũng có thể không biết thứ tiếng đó. Điều quan trọng là người Lắc kia đã biết tiếng mẹ đẻ của mình. Anh ta còn biết thêm nhiều thứ tiếng mà anh chàng Avar

nọ không biết.

A b u t a l i p có lần đến Maxcơva chơi. Một lần ngoài phố ông có việc cần hỏi người qua đường. Chắc là ông cần biết chợ ở đâu. Chẳng dè Abutalip hỏi phải một người Anh. Điều đó chẳng có gì đáng ngạc nhiên — trên đường phố Maxcơva chẳng thiếu người nước ngoài.

Người Anh nọ không hiểu Abutalip và hỏi lại ông mới đầu bằng tiếng Anh, sau đó bằng tiếng Pháp, rồi tiếng Tây-ban-nha, và có thể bằng nhiều thứ tiếng khác nữa.

Còn Abutalip thì cố nói cho người kia hiểu mới đầu thì bằng tiếng Nga, sau đó bằng tiếng Lắc, rồi tiếng Avar, tiếng Lêzghin, tiếng Đarghin, tiếng Kumức.

Hai bên không hiểu nhau và đành phải bỏ đi. Một vị người Đaghextan quá ư là có học, biết đôi ba chữ tiếng Anh, sau này đã nói với Abutalip rằng:

– Đấy, anh đã thấy thế nào là học vấn chưa. Nếu anh có học hơn một chút, anh đã có thể nói chuyện với người Anh kia, anh hiểu chưa?

— Tôi hiểu rồi, — Abutalip trả lời. - Chỉ có điều là tại sao anh chàng người Anh kia lại được coi là có học hơn tôi, vì anh ta cũng không hề biết một thứ tiếng nào mà tôi đã dùng để nói với anh ta!

Đối với tôi, ngôn ngữ của các dân tộc như các vì sao trên nền trời. Tôi không muốn nhiều vì sao hợp lại thành một vì sao chiếm nửa bầu trời. Đã có mặt trời rồi. Hãy để cho các vì sao lấp lánh. Hãy để cho mỗi người đều có riêng một vì sao.

Tôi yêu vì sao của tôi — tiếng Avar thân yêu của tôi.

Tôi tin vào các nhà địa chất nói rằng, trong quả núi nhỏ có thể chứa nhiều vàng.

— Tôi cầu trời không cho con bà nói được tiếng của bà nữa, hai người đàn bà rủa nhau như vậy.

Về những lời rủa. Khi tôi viết truyện thơ «Người đàn bà miền núi», tôi cần biết một lời rủa để đặt vào miệng người đàn bà độc ác trong truyện. Người ta mách cho tôi rằng ở một làng xa có một người đàn bà luống tuổi chưa từng chịu thua ai trong những lần chửi bới nhau. Tôi liền khăn gói lên đường tới gặp người đàn bà lạ lùng đó.

Một buổi sáng đẹp trời mùa xuân, khi tôi không muốn chửi bới, nguyền rủa mà chỉ muốn vui mừng, ca hát, tôi đã phải bước qua ngưỡng cửa ngôi nhà cần thiết cho tôi. Tôi thật thà nói với bà già vì cớ gì tôi đến. Đây, tôi muốn nghe một lời rủa nào thật cay độc, tôi sẽ ghi lại và đưa vào truyện thơ.

Cầu cho lưỡi mày khô đi, cho mày quên tên người yêu, cho người mày có việc cần gặp không hiểu lời mày nói. Cầu cho mày quên lời chào làng quê khi mày đi xa trở về. cầu cho gió lùa vào miệng mày khi mày rụng hết răng... Này đồ chó, già này có thể cười được chăng (cầu trời tước cái niềm hân hoan này của mày đi!) nếu già không thấy vui? Tiếng khóc trong nhà có đáng giá gì nếu ở đây không ai chết cả! Già làm sao nghĩ ra được một lời chửi rủa, nếu không bị ai xúc phạm đến? Đừng bao giờ đến đây mà yêu cầu ngu ngốc thế nữa nhé.

— Cám ơn bà già tốt bụng, — tôi nói vậy và rời khỏi ngưỡng cửa nhà bà.

Trên đường đi tôi nghĩ: «Nếu đang yên lành, không tức giận gì ai mà bà ta ứng khẩu cho tôi nghe những lời

rúa điêu luyện như vậy thì khi bị ai chọc tức bà sẽ tuôn ra những lời rúa đến thế nào?»

Tôi nghĩ rằng rồi đây sẽ có nhà sưu tầm văn học dân gian Đaghextan nào đó sẽ soạn ra cả một cuốn sách gom góp những lời chửi rúa ở miền núi, lúc đó mọi người sẽ biết được mức độ sáng tạo, mức độ chính xác, trí tưởng tượng phong phú của người miền núi và cả sức biểu hiện của ngôn ngữ chúng tôi.

Mỗi làng quê đều có riêng những lời chửi rủa. Có lời rủa trói chân trói tay anh bằng những sợi dây vô hình; có lời rủa đẩy anh vào quan tài; có lời rủa làm mắt anh rơi vào đĩa canh đang húp, có lời rủa làm mắt anh lăn xuống khe sâu qua những tảng đá lởm chởm. Những lời rủa động đến đôi mắt là vào loại độc địa nhất. Đó là lời rủa của các lời rủa. Nhưng vẫn có lời rủa còn đáng sợ hơn. Ở một làng tôi đã nghe thấy hai người đàn bà chửi nhau:

— Cầu trời nó bắt đi cái người biết dạy con mày học nói!

— Cầu trời nó bắt của con mày đi cái người mà con mày có thể dạy nói!

Đấy, những lời rủa có thể đáng sợ đến như thế. Nhưng một người không biết tôn trọng tiếng mẹ đẻ cũng sẽ không còn được kính trọng ở miền núi nữa, dù không phải nghe một lời rủa nào. Người mẹ miền núi sẽ không đọc các bài thơ của con, nếu các bài thơ đó được viết bằng một thứ tiếng méo mó.

R ú t t r o n g s ổ t a y. Có lần tôi gặp ở Pari một họa sĩ người Đaghextan. Sau cách mạng ít lâu, anh ta sang Italia học, lấy một cô gái Italia rồi không về nước nữa.

Đã quá quen với cảnh núi rừng, anh chàng Đaghextan nọ thấy xa lạ giữa miền quê mới. Anh đi khắp các nơi, dừng lại khắp các thủ đô tráng lệ của các nước xa xôi, nhưng, dù anh đi tới đâu, lúc nào anh cũng cảm thấy buồn. Tôi muốn nhìn thấy nỗi buồn đọng lại thành đường nét, màu sắc, tôi yêu cầu anh cho tôi xem các bức tranh anh vẽ.

Có một bức tranh được đặt tên như thế này: «Nỗi buồn nhớ quê hương». Trên bức tranh là một người phụ nữ Italia (chính là vợ anh) mặc quần áo kiểu Đaghextan ngày xưa. Cô ta đứng bên nguồn nước tay cầm chiếc bình chạm bạc, sản phẩm của những người thợ lành nghề xứ Gôxalin. Đằng xa là cảnh buồn của làng quê Avar nằm trên sườn núi, những ngọn núi bên làng trông còn buồn hơn. Mây mù bao quanh đỉnh núi.

Mây mù — là nước mắt của núi, — họa sĩ nói. Khi mây mù phủ đầu sườn núi, thì bên những nếp nhăn vách đá bắt đầu rỏ xuống những giọt nước trong trong. Mây mù đó là tôi.

Ở một bức tranh khác, tôi nhìn thấy một con chim đậu trên bụi mận gai. Bụi cây ấy mọc giữa vách đá trần trụi. Chim đang hót, một người đàn bà miền núi từ khung cửa sổ ngôi nhà buồn buồn nhìn ra... Thấy tôi chú ý đến bức tranh này, họa sĩ nói rõ thêm:

Bức tranh này dựa theo ý một câu chuyện cổ Avar.

— Chuyện cổ nào?

Người ta bắt một con chim và nhốt nó vào lồng. Sống trong cảnh tù túng, suốt ngày suốt đêm chim kêu: cuốc-cuốc, cuốc-cuốc... giống hệt như tôi đã thầm kêu suốt bao năm qua... Chủ nhân của con chim đó, bèn nghĩ:

«Quê hương của nó ở đâu nhỉ? Có lẽ đó là một đất nước tươi đẹp, trù phú, nơi có những loài cây kỳ diệu, những giống chim kỳ diệu. Hay là ta thả nó ra và thử nhìn xem nó bay đi đâu. Nó sẽ chỉ cho tôi con đường đến xứ sở diệu kỳ kia». Anh ta tháo chiếc lồng ra, và con chim liền vỗ cánh bay. Nó bay chừng mươi bước và đậu xuống bụi mận gai mọc lên giữa tảng đá trơ trọi. Trong bụi cây ấy đã có tổ của nó... Tôi cũng đang nhìn về quê hương mình từ khung cửa nhỏ chiếc lồng của tôi, — họa sĩ nói thế rồi dừng lại.

— Vậy thì sao anh không muốn trở về?

Muộn rồi. Trước đây tôi đã mang đi khỏi quê hương trái tim trẻ trung nồng nhiệt, liệu tôi có thể mang lại cho quê hương bộ xương già nua này không?

Rời Pari trở về nước, tôi tìm kiếm họ hàng của họa sĩ. Tôi rất ngạc nhiên khi thấy mẹ anh ta còn sống. Họ hàng thân thích tụ tập trong nhà buồn rầu nghe tôi kể chuyện về người con trai đã rời bỏ quê hương, đánh đổi quê hương lấy một miền đất lạ. Nhưng dường như họ đều tha thứ cho anh ta. Họ mừng là anh ta vẫn còn sống. Bất ngờ bà mẹ hỏi tôi:

— Anh nói chuyện với con tôi bằng tiếng Avar à?

Không. Chúng tôi phải nhờ phiên dịch. Tôi nói tiếng Nga, còn con trai bà nói tiếng Pháp.

Người mẹ kéo chiếc khăn đen che mặt như người ta vẫn làm khi nghe tin con chết. Mưa đều đều rơi trên mái nhà. Chúng tôi đang ngồi ở miền Avaria. Ở tận cuối chân trời, nơi có Pari ấy, có thể là người con lưu lạc của Đaghextan cũng đang nghe thấy tiếng mưa rơi. Im lặng một lúc lâu, bà mẹ nói:

— Anh nhầm rồi, anh Raxun ạ, con tôi đã chết từ lâu rồi. Đó không phải là con tôi. Con tôi không thể quên được thứ tiếng mà tôi, một bà mẹ Avar, đã dạy nó.

H ồ i ức. Có một thời kỳ tôi làm việc tại nhà hát Avar. Nhiều khi, với đủ thứ bài trí, phục trang, đạo cụ (lừa thồ các đồ lề của nhà hát chúng tôi, song cũng còn những thứ chính các nghệ sĩ phải mang lấy) chúng tôi đi hết làng này sang làng khác, giới thiệu với nhân dân miền núi nghệ thuật sân khấu. Tôi thường nhớ lại năm ấy, cái năm tôi đã sống trong ngành sân khấu.

Trong một vài vở kịch, tôi được giao đóng những vai phụ, nhưng thường là tôi được ngồi ở chỗ nhắc vở. Là một nhà thơ trẻ, tôi thủ vai nhắc vở hơn cả. Tôi cảm thấy diễn xuất của các diễn viên, điệu bộ, cử chỉ của họ trên sân khấu đều là thứ yếu và không cần thiết. Tôi cảm thấy cả quần áo, hóa trang, bài trí nữa cũng là thứ yếu. Có một điều tôi cho là quan trọng hơn hết thảy — đó là lời nói. Tôi theo dõi rất kỹ sao cho các diễn viên không thêm bớt lời nói, sao cho họ nói thật đúng với kịch bản. Và nếu có diễn viên nào đó bỏ bớt hay nói sai, tôi liền ló ra khỏi chỗ ngồi của mình đọc to lên cho cả rạp nghe thấy thế nào là lời nói đúng.

Phải rồi, tôi đã coi lời nói là quan trọng hơn hết bởi vì lời nói có thể sống được mà không cần đến quần áo, hóa trang – khán giả sẽ hiểu được ý nghĩa của lời nói.

Tôi nhớ lại một trường hợp buồn cười. Hôm đó chúng tôi trình diễn vở «Những người miền núi» viết về quá khứ xa xôi của dân tộc Avar. Như mọi khi, tôi lại giữ chân nhắc vở. Theo diễn biến của vở kịch, Aigazi, nhân vật trong vở, trốn trên núi để tránh sự trả thù, một

đêm đã lén về làng gặp người yêu. Cô bạn gái khuyên anh mau trở về núi, không thì sẽ bị người ta giết, nhưng Aigazi (do diễn viên Magaép đóng) vẫn không rời nàng, anh trùm tấm áo khoác che mưa cho nàng và nói với nàng những lời yêu đương, đau khổ.

Đến đây có một chuyện bất ngờ xảy ra. Vợ của Magaép bỗng chạy lên sân khấu. Chị ta tức giận nhẩy bổ vào túm lấy anh vì tội anh đã tư tình với một người đàn bà khác. Magaép nắm lấy tay vợ kéo vào sau cánh gà để giải thích cho vợ biết rõ đầu đuôi. Anh hy vọng sẽ trở ra sân khấu ngay và tiếp tục vở kịch, nhưng chị vợ bám chặt lấy chồng và không chịu thả anh ra sân khấu.

Người yêu anh đành đứng lại một mình trên sân khấu. Vở kịch phải dừng lại.

Tôi ngồi trên bục thấp, và tất nhiên không mặc quần áo tử tế, không hóa trang, áo sơ mi cổ không cài cúc, hình như chân chỉ đi giày vải. Với cách ăn mặc như thế, tôi không thể đóng thay Magaép, dù tôi đã thuộc lòng phần đối thoại của nhân vật Aigazi. Nhưng bởi vì đối với tôi quan trọng hơn cả là lời nói chứ không phải phục trang, và thế là tôi nhẩy lên sân khấu và nói với cô gái bất hạnh kia những lời mà Aigazi — Magaép lẽ ra phải nói.

Tôi không biết khán giả hôm ấy có hài lòng không, có thể là vở diễn biến thành một thứ hài kịch với họ, nhưng riêng tôi thì cảm thấy hài lòng. Bởi vì họ đã hiểu được nội dung vở kịch, họ không bỏ qua một lời nói nào, và điều này tôi cho là quan trọng nhất.

Tôi còn nhớ với đoàn kịch đó lần đầu tiên tôi đến làng Gunip nổi tiếng, nằm rất cao trên núi. Mọi người đều rõ là nhà thơ với nhà thơ là bạn, dù họ chưa quen

nhau. Ở làng Gunip cũng có một nhà thơ tôi đã được nghe tên, nhưng trước đây chưa từng được gặp. Tôi đến thăm nhà thơ đó và ở lại nhà anh ấy suốt những ngày đoàn kịch diễn tại đây.

Chủ nhân tốt bụng đã tiếp đón tôi thịnh tình đến mức tôi phải cảm thấy lúng túng, không biết đặt mình ở đâu. Tôi đặc biệt ghi nhớ tấm lòng dịu dàng, phúc hậu của

Ra đi, tôi không tìm được lời cảm tạ. Lúc tôi chia tay với mẹ nhà thơ, trong phòng không có một ai khác. Tôi biết rằng với các bà mẹ thì không có gì vui hơn là được nghe những lời khen con trai mình. Và mặc dầu tôi rất tỉnh táo khi đánh giá những khả năng hết sức eo hẹp của nhà thơ làng Gunip, tôi vẫn mở miệng dè dặt khen ngợi anh ta. Tôi nói với mẹ anh ta rằng, con trai bà là một nhà thơ rất tiên tiến, kịp thời.

Có thể là nó rất tiên tiến, - bà mẹ buồn rầu ngắt lời tôi, - nhưng nó không có tài. Có thể thơ của nó rất kịp thời, nhưng khi đọc nó, tôi cảm thấy tẻ nhạt. Raxun, cháu thử nghĩ xem nhé. Khi con tôi bắt đầu bập bẹ những tiếng đầu tiên, những tiếng không sao hiểu được, tôi đã cảm thấy sung sướng vô cùng. Thế mà bây giờ khi nó đã biết nói và còn làm được cả thơ nữa thì tôi lại thấy buồn tẻ. Người xưa nói là trí khôn của người đàn bà nằm nơi vạt áo. Khi ngồi thì còn, đứng lên thì rơi mất. Con trai tôi cũng vậy: khi ngồi sau bàn ăn, nó nói năng bình thường dễ nghe, nhưng chỉ cần đi từ bàn ăn đến bàn làm việc, là nó đánh rơi mất tất cả những lời hay ho, giản dị. Chỉ còn toàn những lời khuôn sáo, nhạt thếch.

Nhớ lại câu chuyện đó, tôi cầu trời cho tôi không

bao giờ bị mất đi lời nói. Tôi muốn sao cho những bài thơ của tôi, cuốn sách này của tôi và tất cả những gì tôi sẽ viết đều trở nên dễ hiểu, gần gũi với mẹ tôi, chị tôi, và mỗi người dân vùng núi, với những ai có cuốn sách này trong tay. Tôi không muốn gây ra sự buồn tẻ, tôi muốn đem tới niềm vui. Còn nếu lời nói của tôi không còn sinh khí, trở nên lạnh lẽo, khó hiểu và tẻ nhạt   nói ngắn gọn là nếu tôi làm hỏng mất lời nói của mình thì trong đời tôi sẽ không còn gì đáng sợ hơn.

Trước đây, khi dân làng chúng tôi tụ tập tại ngôi đền Hồi giáo để bàn bạc việc chung, tôi đã đọc cho mọi người nghe thơ của bố tôi. Lúc ấy tôi còn là một cậu bé, nhưng tôi đã biết đọc thơ một cách hăng say (thậm chí quá hăng say), đọc thật to và nhấn mạnh những chữ, những âm tôi thích. Chẳng hạn, khi đọc bài thơ mới của bố tôi «Đi săn sói ở Xađa», âm «x» trong chữ «Xađa» tôi đọc qua kẽ răng, làm chữ đó như rung lên, đập vào nhau. Tôi tưởng rằng cách phát âm gay gắt, căng thẳng như vậy đối với âm ấy sẽ gây được nhiều ấn tượng hơn.

Mỗi lần sửa cách đọc của tôi, bố tôi đều nói:

—Con cứ tưởng mỗi chữ là một hạt dẻ có thể lấy răng mà cắn vỡ sao? Hay là mỗi chữ giống như củ tỏi có thể bỏ vào cối đá mà giã sao? Hay là mỗi chữ là một thửa đất khô đầy sỏi đá để cần phải ráng sức đẩy lưỡi cày xuống mà cày xới sao? Con hãy đọc từng chữ thật nhẹ nhàng, không phải cố sức, sao cho hàm răng con không phải xít lại, đập vào nhau!

Tôi lại đọc lại, nhưng vẫn không sửa được thói quen. Lúc ấy mẹ tôi đang đứng rìa ngoài mái nhà. Bố tôi gọi mẹ tôi:

— Bà xuống mà dạy nó!

Mẹ tôi phát âm những chữ khó đối với tôi giống như bố tôi đã phát âm.

– Con nghe thấy chưa? Bây giờ thì đọc đi.

Tôi lại đọc sai như trước.

— Xì, bố tôi nối câu. Có lần tao đã lấy chổi phất trần quất một thằng vì tội làm hỏng lời nói. Nhưng với con tạo thì biết làm thế nào?

Ông bực bội bỏ cuộc họp ra về.

Bố tôi đã đánh anh chàng phá rối như thế nào. Hôm đó là một phiên chợ mùa xuân. Mùa xuân, như ta biết đấy, những thứ thu hoạch được của vụ trước thì sắp hết mà thu hoạch vụ mới thì chưa đến. Về mùa xuân, mọi thứ ở chợ đều đắt hơn mùa thu, thậm chí các thứ nồi niêu cũng đắt, mặc dù đó không phải cây mọc ngoài đồng.

Bố tôi, lúc ấy còn trẻ, định đi ra chợ. Người hàng xóm gửi ông 20 kôpếch và nhờ ông mua một cái chổi phất trần.

– Nếu mua rẻ hơn thì tiền thừa anh cứ giữ lại, — người hàng xóm dặn dò bố tôi. Với lời dặn dò ấy, bố tôi đi ra chợ.

Một lúc sau ông tìm thấy người bán chổi lông và tiến lại mua. Mọi người đều biết, ở các chợ phương Đông lần nói giá đầu tiên không có nghĩa gì. Người bán có thể đòi đến 100 rúp cho thứ hàng chỉ đáng giá 5 kôpếch.

Bố tôi chọn một cái chổi lông đẹp, chắc và hỏi:

Ông bán à?

Thế tôi đứng đây làm gì?

— Bao nhiêu?

— 40 kôpếch.

— Cái chổi lông không phải là con ngựa, việc gì phải xướng giá cao thế, nói thiệt giá coi.

— Đúng 40 kôpếch.

— Ông không nói đùa chứ?

— Đúng 40 kôpếch.

— 20 kôpếch nhé!

— Đúng 40 kôpếch.

— Nhưng tôi chỉ có 20 kôpếch.

— Đúng 40 kôpếch.

— Quả tình là tôi không có tiền hơn.

— Khi nào có tiền lại đến mua.

Biết là không mua được chổi lông, bố tôi bắt đầu đi lang thang trong chợ, lát sau ông nhìn thấy trên một mô đất cao, cách nơi bán hàng không xa, có nhiều người tụ tập. Ông lại gần, lách vào và hiểu là mọi người đang nghe ca sĩ Makhơmút hát.

Makhơmút ngồi giữa đám đông, tay cầm đàn panđur. Lúc thì ông gẩy đàn, lúc thì ông đặt bàn tay lên dây và hát. Mọi người nín thở lắng nghe. Chung quanh yên lặng đến mức có thể nghe rõ tiếng bay vo vo của một con ong nào đang tìm nhụy. Một chàng trai trẻ húng hắng ho khi nghe hát, liền bị một ông già tóc bạc, có lẽ là bố của chàng trai vừa ho, đẩy xa ra khỏi đám đông.

Giữa lúc mọi người im lặng nghe Makhơmút hát thì bỗng có một anh chàng nào đó cất tiếng nói chuyện với người bên cạnh. Thật ra thì anh ta cũng có ý định tốt thôi: anh ta kể lại cho người bên cạnh, người này không biết tiếng Avar, nội dung của bài Makhơmút đang hát.

Nhưng tai họa là ở chỗ việc làm của anh ta đã cản trở mọi người nghe và thưởng thức bài hát.

Người bố tương lai của tôi lúc ấy rất lấy làm bực bội với cử chỉ của anh chàng nọ. Ông giật giật ống tay áo người kia, nhưng không ăn thua gì; ông nói nhỏ vào tai nhắc người kia im đi, nhưng anh ta không thèm để ý. Bố tôi bối rối nhìn quanh và bắt gặp người bán chổi lông lúc này cũng đến nghe. Bố tôi chạy lại, cầm lấy cái chổi lông to nhất và bắt đầu quất tới tấp vào anh chàng phá rối kia.

Anh chàng này lùi lại de dọa bố tôi, nhưng bố tôi giận dữ đến mức không nghe thấy lời đe dọa và cuối cùng đã đuổi anh ta đi. Sau đó bố tôi quay lại phía người bán chổi lông để trả lại hàng.

— Anh cứ giữ lấy mà dùng.

Nhưng tôi chỉ có 20 kôpếch mà ông đòi những 40 kôpếch cơ mà?

Tôi biếu anh đấy. Hành động vừa rồi của anh còn đáng giá hơn tất cả gánh hàng của tôi.

Trên thế gian này, những kẻ phá rối bài ca như vậy có rất nhiều. Tiếc rằng ít khi tìm được chổi phất trần và tìm được người biết sử dụng cây chổi phất trần ấy.

Ở miền núi người ta thường nói về một chữ dùng hay, chính xác, sắc sảo là: «Chữ ấy đáng giá một con ngựa thắng yên rồi».

R ú t t r o n g s ổ t a y. Anh hàng xóm ở Makhátkala của tôi, Ali Aliép, là một đô vật tuyệt vời, bốn lần vô địch thế giới. Có lần ở Xtambun, anh phải đọ sức với đô vật mạnh nhất của Thổ-nhĩ-kỳ. Đô vật Thổ-nhĩ-kỳ quả thật là rất khỏe và nhanh nhẹn. Nhưng anh bạn hàng xóm của

tôi, Ali Aliép, là một đô vật dũng cảm, bình tĩnh, anh đã quật ngã đối thủ nằm sóng soài trên thảm. Khi đứng dậy, đô vật người Thổ buột miệng văng ra một câu chửi. Ali Aliép rất ngạc nhiên khi nghe thấy tiếng Avar. Đô vật người Thổ kia còn ngạc nhiên hơn khi thấy kẻ chiến thắng cũng nói với anh ta bằng tiếng Avar: «Việc gì phải chửi thế anh bạn, thể thao là thể thao chứ!»

Trọng tài và khán giả lại còn ngạc nhiên hơn cả họ, khi thấy hai đối thủ bỗng dưng ôm chầm lấy nhau, giống như hai anh em sau bao năm trời biệt tăm mới gặp lại nhau.

Hóa ra đô vật người Thổ kia xuất thân từ một gia đình Avar, gia đình này đã rời sang Thổ-nhĩ-kỳ sau khi Samin bị bắt. Đến giờ hai đô vật ấy khi gặp nhau vẫn coi nhau như bạn bè.

H ồ i ứ c c ủ a b ố t ô i. Năm 1939, bố tôi đi Maxcơva để nhận huân chương. Thời bấy giờ đó là một sự kiện lớn. Khi ông trở về làng với tấm huân chương trên ngực, cả làng họp lại yêu cầu ông kể chuyện Maxcơva, chuyện Kremli, kể lại chuyện Mikhain Ivanôvích Kalinin, người đã trao huân chương cho tất cả, kể lại ấn tượng lớn nhất của ông.

Bố tôi tuần tự kể lại mọi chuyện rồi nói:

- Điều tôi nhớ nhất là Mikhain Ivanôvích đã đọc tên tôi theo tiếng Avar chứ không theo tiếng Nga. Ông gọi tôi là Xađax Khamxát, chứ không phải chỉ đơn giản là Gamzát Xađax.

Các ông già làng ngạc nhiên, gật gù tán thưởng.

Bà con thấy chưa, bố tôi nói, —khi bà con nghe tôi kể thôi mà bà con đã thấy thích, huống gì là tôi

được nghe thế từ miệng Kalinin giữa điện Kremli. Nói thật với bà con là lúc ấy tôi mừng đến nỗi quên cả mừng được gắn huân chương.

Xúc động của người bố, với tôi rất dễ hiểu.

Cách đây mấy năm, trong đoàn đại biểu nhà văn xô-viết, tôi sang thăm Balan. Có lần ở Krakôp, tôi thấy tiếng ai gõ cửa buồng khách sạn của tôi. Tôi mở cửa. Một người lạ hỏi tôi hoàn toàn bằng giọng Avar:

— Gamzatin Raxun ở buồng này phải không?

Tôi mừng rỡ đến bối rối:

— Cầu cho nhà của bố anh không bao giờ cháy, không bao giờ sụp! Sao một người Avar như anh lại lọt vào Krakôp?

Thiếu chút nữa thì tôi đã ôm chầm lấy vị khách, tôi kéo anh ấy vào buồng và nói chuyện đến hết ngày và suốt buổi tối.

Nhưng vị khách không phải là người Avar. Đó là một nhà học giả Balan, chuyên nghiên cứu ngôn nhữ và văn học các dân tộc ở Đaghextan. Ông được nghe tiếng Avar lần đầu qua hai tù nhân Avar ở một trại tập trung. Ông thấy thích thú tiếng đó và còn thích hơn nữa chính bản thân người Avar. Ông bắt đầu nghiên cứu ngôn ngữ chúng ta. Sau này một tù nhân Avar đã chết, còn người kia thì chịu đựng cảnh tù đày, được Hồng quân cứu thoát và sống đến tận bây giờ.

Chúng tôi nói chuyện với nhau hoàn toàn bằng tiếng Avar. Đối với tôi, việc đó thật lạ lùng, khó quên. Cuối cùng tôi đã mời nhà học giả sang thăm Đaghextan.

Vâng, hôm đó cả hai chúng tôi đã dùng tiếng Avar. Tuy vậy giữa cách nói của hai người vẫn có một sự khác

biệt lớn. Ông nói như một nhà học giả cần phải nói, nói bằng một thứ tiếng rất thuần, rất đúng, nhưng lại đúng quá, đến mức trở nên bằng phẳng, đơn điệu. Khi nói, ông nghĩ nhiều hơn đến ngữ pháp chứ không phải đến mầu sắc của tiếng nói, nghĩ nhiều hơn đến sơ đồ, đến cấu trúc câu, chứ không phải là đến thịt da từng chữ một.

Tôi muốn viết một cuốn sách, trong đó không phải ngôn ngữ phụ thuộc vào ngữ pháp mà là ngữ pháp phụ thuộc vào ngôn ngữ.

Nói cách khác, tôi ví ngữ pháp với anh chàng đi bộ trên đường, còn văn học thì giống như một người cưỡi la. Anh chàng đi bộ xin đi nhờ, và người cưỡi la cho anh ta ngồi sau lưng. Dần dần anh chàng đi nhờ bạo dạn lên, anh ta lấn người kia ra khỏi đệm ngồi, đuổi người kia xuống và gào to: «Con la này của tao, tất cả đồ đạc buộc bên yên cũng là của tao!»

Hỡi tiếng Avar thân yêu của tôi! Người là tài sản của tôi, là kho báu của tôi trong những ngày hoạn nạn, là vị thuốc thần trị trăm ngàn bệnh. Nếu một người sinh ra với trái tim của một ca sĩ, nhưng mồm lại bị câm thì có lẽ tốt hơn hết là anh ta đừng sinh ra. Nơi trái tim tôi có nhiều bài ca và tôi lại có giọng nói. Giọng nói đó chính là Người, tiếng Avar thân yêu của tôi. Người đã nắm tay tôi, như nắm tay một đứa trẻ mà dắt tôi đi từ làng nhỏ ra thế giới rộng lớn để đến với mọi người, để tôi được kể cho họ nghe về miền đất quê hương tôi. Người đã dẫn tôi đến với tiếng Nga vĩ đại. Thứ tiếng ấy cũng trở thành thân thiết với tôi, nó đã cầm nốt tay kia của tôi mà dẫn đến nhiều nước trên trái đất, và tôi mang ơn tiếng Nga như mang ơn người đàn bà làng Aradêrich đã lấy bầu sữa của

mình nuôi sống tôi. Nhưng mặc dầu vậy tôi vẫn luôn ghi nhớ rằng một người đàn bà khác đã sinh tôi ra.

Bởi vì, có thể sang hàng xóm xin diêm để về nhóm lửa trong bếp lò của mình. Nhưng không thể đi gặp bạn để xin những que diêm có thể nhen lên ngọn lửa trong tim.

Tiếng nói mọi người có thể khác nhau nhưng trái tim thì giống nhau. Tôi biết có những người bạn tôi rời bỏ làng quê đến sinh sống ở những thành phố lớn. Chuyện đó không phải là tai họa. Chim non chỉ ngồi yên trong tổ chừng nào chưa mọc đủ lông cánh. Nhưng nên nghĩ thế nào về một vài người bạn tôi khi sống ở các thành phố lớn bây giờ lại viết bằng một thứ tiếng khác? Tất nhiên đó là chuyện của họ và tôi không hề có ý định khuyên bảo họ điều gì. Nhưng dù sao họ vẫn giống như những người định dùng một tay mà cầm hai quả dưa hấu.

Tôi nói chuyện với những người bất hạnh ấy và thấy rằng ngôn ngữ mà họ dùng để viết bây giờ không phải là tiếng Avar nhưng cũng chưa phải là tiếng Nga. Thứ tiếng họ dùng gợi cho tôi nhớ đến một cánh rừng mà người ta đã chặt cây bừa bãi.

Tôi đã thấy những người đó, đối với họ, tiếng mẹ đẻ quá nghèo nàn, co hẹp và họ phải đi tìm một tiếng khác giầu hơn. Nhưng kết quả lại giống như con dê trong truyện ngụ ngôn Avar. Con dê đi vào rừng để kiếm cho mình một cái đuôi sói, nhưng đuôi thì không kiếm được mà lại mất luôn cả cặp sừng.

Hay là, họ giống như những con ngỗng nuôi trong nhà, biết bơi biết lặn nhưng không thể như cá, biết bay một chút nhưng không thể như chim, biết cất tiếng hát

nhưng không thể như họa mi. Không việc gì biết làm đến nơi đến chốn.

– Công việc thế nào? có lần tôi hỏi Abutalíp.

— Thường thường vậy thôi. Không giống như sói mà cũng không giống như thỏ. Lừng chừng ở giữa. Abutalíp im lặng rồi nói thêm: Tâm trạng dở nhất ở một nhà văn là cảm giác lưng chừng. Anh ta phải cảm thấy mình hoặc là sói đã ăn thỏ, hoặc là thỏ đã chạy thoát khỏi sói.

R ú t t r o n g s ổ t a y. Có lần, đám thanh niên làng tôi kéo đến nhà bố tôi và kể lại rằng họ đã đánh một ca sĩ.

Sao các cậu lại đánh anh ta? bố tôi hỏi.

— Hắn hát sai lung tung bác ạ, khi thì cố tình ho, xuyên tạc lời hát, khi thì kêu ré lên, khi lại sủa gâu gâu như chó. Hắn làm hỏng cả bài hát, thế là chúng cháu đánh hắn.

— Các cậu lấy cái gì đánh nó?

— Người lấy thắt lưng, người lấy nắm tay.

— Lẽ ra nên dùng cả roi ngựa nữa. Nhưng tôi muốn hỏi là các cậu đánh vào chỗ nào của nó?

Chúng cháu đánh nhiều vào phần mềm thôi. Tất nhiên cũng có lần đánh vào cổ hắn ta.

Nhưng mà chính đầu nó mới có tội kia mà!

H ồ i ứ c. Sao lại không kể tiếp ra đây một chuyện nữa, nếu nó đã được nhớ lại? Ở Makhátkala có một ca sĩ người Avar... Tôi không muốn nói tên anh ta: anh ta thế nào cũng tự đoán ra, còn đối với chúng ta thì cái tên đó là thế nào cũng chẳng có gì hệ trọng, phải không? Nhiều lần chàng ca sĩ đó đến gặp bố tôi, yêu cầu ông viết lời cho

những bài hát của anh ta. Bố tôi nhận lời và thế là những bài hát mới ra đời.

Có lần chúng tôi đang ngồi uống nước chè thì trên rađiô nói rằng một ca sĩ nổi tiếng sẽ trình diễn một bài hát theo lời của Gamzát Xađax. Tất cả chúng tôi đều lắng nghe, cả bố tôi cũng vậy. Nhưng càng nghe chúng tôi càng kinh ngạc. Ca sĩ hát thế nào mà chúng tôi không sao nghe rõ được lời. Chỉ nghe rõ những tiếng rống lên, ca sĩ nuốt hết lời như con gà trống mới đầu thì ăn vội ăn vàng làm tung tóe thóc ra chung quanh, sau đó thì nhặt từng hạt một.

Khi gặp ca sĩ, bố tôi hỏi anh ta rằng sao anh ta lại xử tệ với lời hát của bố tôi.

— Tôi cố tình làm thế đấy, - ca sĩ trả lời, để những người khác không hiểu gì, không nhớ gì. Nếu các ca sĩ khác nhớ được bài hát, thì họ sẽ hát mà tôi thì muốn hát bài đó một mình.

Ít lâu sau, bố tôi mời một số bạn bè đến nhà chơi, trong số đó có cả anh ca sĩ nọ. Cuối buổi gặp gỡ, bố tôi lấy từ trên tường xuống cây đàn kumuz hỏng dây và gảy tưng tưng vào chiếc dây đàn duy nhất còn lại cũng đã bị chùng mà nghêu ngao hát một bài do ca sĩ nọ sáng tác phần nhạc. Lời bố tôi hát rất rõ, nhưng điệu nhạc phát ra từ cây đàn hỏng dây kia thì nghe không còn ra thế nào nữa. Ca sĩ nổi cáu nói rằng bài hát của anh ta không thể biểu diễn bằng cây đàn hỏng ấy và cây đàn ấy không thể truyền lại được vẻ đẹp của âm điệu bài hát của anh ta. Bố tôi bình thản đáp:

Tôi cố tình hát và đánh đàn thế đấy, để cho không ai rõ nhạc của anh. Nếu bài ca không ai rõ lời có thể nghe được thì tại sao bài hát không ai rõ điệu nhạc lại không nghe được?

Người Đaghextan viết văn làm thơ bằng mười thứ tiếng khác nhau, nhưng chỉ được xuất bản bằng chín thứ tiếng. Nếu vậy thì những ai viết bằng tiếng thứ mười làm thế nào? Tiếng đó là tiếng gì?

Viết bằng tiếng thứ mười là những người đã quên mất tiếng mẹ đẻ dù đó là tiếng Avar, tiếng Lắc hay tiếng Tát, nhưng cũng chưa kịp biết tiếng khác đến nơi đến chốn. Họ ở lưng chừng.

Hãy viết bằng thứ tiếng xa lạ nếu anh biết nó rõ hơn tiếng mẹ đẻ. Hoặc là hãy viết bằng tiếng mẹ đẻ nếu không biết một thứ tiếng nào khác. Chỉ có đừng viết bằng tiếng thứ mười.

Phải rồi, tôi là kẻ thù của tiếng thứ mười. Ngôn ngữ cần phải có chiều sâu hàng nghìn năm cổ kính, chỉ như vậy nó mới có thể dùng được.

Tất nhiên ngôn ngữ luôn thay đổi, tôi không chống lại điều đó. Nhưng chẳng phải lá cây hàng năm vẫn rơi đấy sao, lá cây rơi khi đã úa vàng và những lá khác lại mọc lên thay thế. Chỉ có cây là còn lại. Mỗi năm nó lại thêm um tùm hơn, cao lớn hơn, rắn chắc hơn. Cuối cùng nó sẽ khai hoa, kết quả.

Tôi đem tới cho các bạn những bài ca, những cuốn sách của tôi như đem tới những chùm quả chín trên cái cây tuy nhỏ bé nhưng lâu đời của tiếng Avar.

### TIẾNG MẸ ĐẺ

Thật vô lý lạ lùng, tất cả ở trong mơ.
Tôi chiêm bao thấy mình đã chết
Trong thung lũng Đaghextan, giữa ban trưa nóng bức
Tôi nằm yên. Ngực xuyên vết đạn chì.

Sông réo trôi, không một chướng ngại gì
Con tôi bị lãng quên, không ai cần đến nữa
Tôi nằm duỗi trên quê hương xứ sở
Trước lúc hòa chung vào đất mà thôi.

Không ai biết hôm nay tôi chết
Không ai phút này có mặt bên tôi
Chỉ cao tít là tiếng bầy chim ó
Con nai kêu từ đâu đó xa xôi.

Sẽ không một ai khóc trước mộ tôi
Thương tôi mất lúc đang còn tuổi trẻ
Không bè bạn, không người yêu, không cả hình bóng mẹ
Cho đến một người khóc mướn cũng không!

Tôi cứ thế thiếp dần trong bất lực
Thì đột nhiên, nghe thấy, cũng không xa
Tiếng hai người vừa đi vừa trò chuyện
Bằng tiếng mẹ yêu thương – thứ ngôn ngữ Avar

Trong thung lũng Đaghextan, giữa ban trưa nóng bức,
Tôi chết giữa bao chuyện gần kề.
Chuyện nói đến chàng Gaxan ranh mãnh,
Chuyện kể về hành động của Ali

Mơ hồ thấm từng âm thanh tiếng mẹ
Tôi bỗng tỉnh ra. Tới giây phút lạ lùng
Tôi chợt hiểu, người chữa tôi khỏi bệnh
Chẳng thể là ai, ngoài tiếng mẹ thân thương.

Những tiếng khác dành cho dân tộc khác
Cũng sẽ khiến cho lành bệnh bao người!
Tôi chỉ biết nếu tiếng tôi biến mất
Thì tôi sẵn sàng nhắm mắt, buông xuôi.

Tôi luôn mê say với cả tâm hồn
Dù ai bảo tiếng tôi nghèo đến mấy!

Thứ tiếng không được dùng giữa diễn đàn trọng đại.
Vẫn thân thuộc cùng tôi, trọng đại với hồn tôi.

Thế hệ tiếp sau tôi, để hiểu Makhơmút
Chẳng lẽ lại cần bản dịch hay sao?
Và chẳng lẽ tôi là nhà văn sau chót
Được viết, được ca, bằng tiếng mẹ tự hào?

Tôi yêu cuộc đời, yêu hành tinh tôi ở
Yêu đến từng góc nhỏ khắp gần xa...
Mà trên hết là quê hương xô-viết
Tôi muốn ngợi ca bằng chính tiếng Avar.

Cả đất nước tự do đang nở rộ
Từ Bantích đến Xakhalin — tôi thân quí vô vàn
Tôi có thể hy sinh vì nơi nào cũng vậy
Nhưng hãy chôn tôi vào lòng đất Đaghextan.

Có thể ngay đầu làng, đã gần kề mộ chí,
Để những người Avar, bằng tiếng mẹ Avar.
Thỉnh thoảng nhắc: Raxun, chàng đồng hương thuở trước
Họ nhà Gamzát đấy, người gốc ở Xađa.

Rút trong sổ tay. Bố mẹ một chàng trai Avar không đồng ý cho con mình lấy một cô gái Nga. Nhưng chắc là cô gái rất yêu chàng trai Avar. Có lần anh nhận được thư cô gái viết bằng tiếng Avar. Chàng trai liền đưa ngay thư cho bố mẹ xem. Cả hai người đều xúc động ghê gớm: tay vẫn cầm lá thư khác thường ấy, bố mẹ đã cho phép anh ta được đem cô gái về nhà.

Rút trong sổ tay. Ngôn ngữ đối với nhà văn khác nào mùa màng ngoài đồng với nông dân. Một bông lúa có nhiều hạt, mà bao nhiêu bông lúa không đếm xuể. Nhưng nếu người nông dân khoanh tay ngồi nhìn cánh đồng lúa của mình thì cuối cùng anh ta không

thể lấy được một hạt lúa nào. Lúa cần phải gặt và sau đó phải đập. Tuy nhiên đập rồi cũng chỉ mới làm xong một nửa công việc. Còn phải quạt sạch, sàng sảy loại bỏ hạt cỏ dại lẫn vào. Sau đó phải xay thành bột, nhào nặn nó rồi mới cho vào lò nướng. Nhưng điều chủ yếu cần nhớ nhất có lẽ là, dù cần phải làm bánh nhiều đến đâu cũng không thể sử dụng hết các hạt đem về. Những hạt mẩy chắc nhất người nông dân để dành lại làm giống.

Người viết văn suy nghĩ cách sử dụng ngôn ngữ đúng nhất là nên so với người nông dân.

N g ư ờ i  t a  n ó i: Trẻ con chặt cây nào có chim ác-là làm tổ, và phá tổ của nó đi.

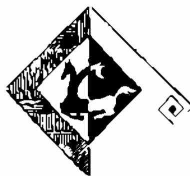
Này cây, sao người ta chặt mi đi?

— Vì tôi không thể nói gì với bọn trẻ.

Này chim ác-là, vì sao người ta phá tổ của mày?

-Vì tôi kêu nhiều quá.

N g ư ờ i  t a  n ó i: Lời nói là cơn mưa: mưa lần đầu là điều may mắn lớn, mưa lần hai cũng tốt, mưa lần ba còn chịu được, mưa lần bốn là tai họa.



## ĐỀ TÀI

Đừng phá cửa — có thể mở nó nhẹ nhàng bằng chìa khóa.

*Lời ghi trên cánh cửa*

Đừng nói: «Trao cho tôi đề tài!»
Hãy nói: «Trao cho tôi đôi mắt».

*Lời khuyên đối với nhà văn trẻ*

«Các đồng chí thân mến, tôi có nguyện vọng lớn muốn viết. Nhưng không biết viết gì. Hãy gợi ý cho tôi một đề tài kịp thời, tôi sẽ viết được một cuốn rất hay».

Không hiếm khi gặp những lời yêu cầu như vậy của những bạn trẻ được trình bày trong các bức thư gửi đến Hội nhà văn, đến tòa soạn các báo, các tạp chí và đến riêng các nhà văn. Tôi cũng từng nhận được những bức thư tương tự. Bố tôi cũng từng nhận được thư như thế. Nhận được thư kiểu đó, có lần bố tôi lắc đầu nói:

- Chàng trai trẻ muốn lấy vợ, nhưng thật bất hạnh vì anh ta không biết lấy ai. Không có cô gái nào thật đáng chú ý, không biết nhờ người mối lái đến gặp ai.

Hồi ức. Có lần Hội nhà văn Đaghextan nhận được thư của Abutalíp. Nhà thơ đề nghị cho đi thực tế sáng tác một tháng ở những làng xa trên núi cao. Tại hội nghị Ban Chấp hành người ta hỏi Abutalíp rằng ông muốn viết gì, về đề tài gì. Nhà thơ già nổi giận:

Chẳng lẽ người thợ săn biết trước là anh sẽ gặp con thú gì ư--gặp thỏ, ngỗng trời, chó sói hay là cáo? Chẳng lẽ người chiến sĩ biết trước rằng trong trận chiến đấu anh ta sẽ lập được chiến công gì sao?

Tôi có dự cuộc họp đó. Lời nói của Abutalíp đã ghi sâu vào lòng tôi.

Tôi rất kinh ngạc khi thấy có những người luôn quấy nhiễu nhà văn bằng cách bắt họ phải trình bày rõ kế hoạch sáng tác trong vài năm tới. Tất nhiên là nhà văn phải có hướng sáng tác trong đầu. Có thể đặt kế hoạch trước cho việc viết tiểu thuyết bộ ba, bộ tư, nhưng còn thơ... Thơ đến bất ngờ như tặng vật. Công việc bếp núc của nhà thơ không thể chịu theo kế hoạch gò bó được. Không thể đặt trước cho mình kế hoạch đại loại: hôm nay vào lúc 10 giờ sáng tôi sẽ yêu cô gái gặp ngoài đường, hay là 5 giờ chiều mai tôi sẽ căm thù một tên vô lại nào đó.

Thơ không phải là hoa trong chậu cảnh ở đó tất cả đều hiện ra trước mắt anh, anh không cần phải tìm đâu thêm—thơ giống như hoa trên đồng nội, trên rặng núi Anpơ, nơi mỗi bước đi lại hứa hẹn thêm một bông hoa mới, diệu kỳ hơn.

Cảm xúc sinh ra âm nhạc, âm nhạc lại sinh ra cảm xúc. Vậy thì đặt cái nào lên trước? Cho đến giờ vẫn chưa giải quyết được vấn đề cái nào là đầu tiên, quả trứng hay là gà mái. Cũng hệt như vậy: nhà văn đẻ ra đề tài hay đề tài đẻ

ra nhà văn? Đề tài là cả thế giới của nhà văn, đó là tất cả nhà văn. Không có đề tài thì không có nhà văn. Mỗi nhà văn đều có riêng đề tài của mình.

Ý nghĩ và cảm xúc là những cánh chim, đề tài là khoảng trời; ý nghĩ và cảm xúc là những con hươu, đề tài là cánh rừng; ý nghĩ và cảm xúc là những con sơn dương mà đề tài là núi; ý nghĩ và cảm xúc là những con đường và đề tài là thành phố mà những con đường sẽ dẫn đến và gặp nhau.

Đề tài của tôi là quê hương. Tôi không cần phải tìm đề tài, phải chọn lựa. Chúng ta không lựa chọn cho mình quê hương, nhưng quê hương thì ngay từ đầu đã chọn lựa chúng ta. Không thể có chim ưng mà không có bầu trời, không thể có dê rừng mà không có vách đá, không thể có cá hồi mà không có dòng sông trong chảy xiết, không thể có máy bay mà không có sân bay. Cũng vậy, không thể có nhà văn mà không có quê hương.

Chim ưng uể oải đi bên đàn gà trong sân, – không còn là chim ưng nữa. Dê rừng đi trong đàn súc vật của nông trường, —không còn là dê rừng. Cá hồi bơi trong bể kính, không còn là cá hồi nữa. Máy bay đặt trong viện bảo tàng, — không còn là máy bay nữa.

Cũng hệt như vậy, không thể là chim họa mi nếu không biết hót những bài ca họa mi.

N ó i  t h ê m  v ề  đ ề  t à i. Từ thuở nhỏ, phong cảnh quê hương đã in sâu vào lòng tôi. Chỉ cần mở cánh cửa sổ nhỏ ngôi nhà của bố tôi là đã có thể thấy một thảo nguyên xanh bát ngát như tấm thảm trải rộng ra từ ven làng. Chung quanh thảo nguyên là những vách đá. Những con đường mòn nhỏ chạy ngoằn ngoèo qua những vách đá trông như những con rắn dài, còn những lối vào hang trông

như miệng thú há ra. Sau rặng núi này là một rặng núi khác nhô lên. Các quả núi trông tròn tròn, đen đen như có lông bao phủ, như lưng con lạc đà.

Bây giờ thì tôi đã biết là ở Thụy-sĩ hay ở Naplơ còn có những nơi đẹp hơn, nhưng dù cho tôi đã đến tận đâu, dù đôi mắt tôi có nhìn thấy những cảnh đẹp đến thế nào trên trái đất, tôi vẫn thầm so sánh những gì đã thấy với bức tranh xa xôi của tuổi thơ tôi, bức tranh hiện ra qua khung cửa nhỏ ngôi nhà của bố, và trước bức tranh ấy mọi cảnh đẹp của thế giới đều trở nên mờ nhạt. Nếu vì lý do nào đó mà tôi không có làng quê và những vùng xung quanh ấy, nếu những cảnh vật đó không sống trong lòng tôi thì cả thế giới với tôi sẽ là một bộ ngực không tim, một cái miệng không lưỡi, một đôi mắt không có con ngươi, một tổ chim không có chim.

Điều này hoàn toàn không có nghĩa tôi giam hãm đề tài của tôi trong những giới hạn chật hẹp của ngôi nhà và làng quê tôi, điều này không có nghĩa tôi đã dựng lên một bức tường kiên cố chung quanh đề tài thân thiết của tôi.

Có những cánh đồng sau khi cày lật lớp đất dày ở trên thì lộ ra ở dưới một lớp đất mềm. Có những cánh đồng sau khi cày lật lớp đất mỏng ở trên thì lộ ra toàn sỏi đá. Có những cánh đồng chưa cần cày xới gì cả đã trông thấy lổn nhổn sỏi đá. Tôi không có ý định cày bừa gì ở thửa đất như thế vì tôi biết rằng không thể thu hoạch được gì kha khá ở đó cả.

Tôi không muốn trói buộc tình yêu quê hương của tôi như trói buộc con ngựa đã một thời tung hoành ngang dọc và bây giờ phải chậm chạp gặm cỏ trên đồng. Tôi tháo dây buộc ngựa, vỗ vào cổ ấm áp của nó và nói: ăn đi

nhé, tích cho nhiều sức lực. Trong tình cảm quê hương của tôi có cái gì bình thản yên lành giống như con ngựa đang thong thả gặm cỏ mà không bị trói buộc gì.

Tôi không muốn tìm mọi hiện tượng trên thế giới này trong ngôi nhà của tôi, trong làng tôi, trong Đaghextan của tôi, trong tình cảm của tôi với quê hương. Ngược lại, tình cảm quê hương tôi tìm thấy trong mọi hiện tượng bên ngoài thế giới, ở mọi nơi trên trái đất này. Với ý nghĩa đó, đề tài của tôi là cả thế giới.

Tôi còn nhớ ở thành phố Xanchiagô huyền diệu, xa xôi, tôi bị đánh thức dậy bởi tiếng gà gáy. Tôi tỉnh dậy và trong giây lát tôi có cảm giác rằng tôi đang ở một làng nhỏ Đaghextan. Những con gà trống Xanchiagô đã trở thành đề tài của tôi như vậy.

Ở Nhật-bản, trong thành phố Kamacura có phần còn huyền diệu hơn nữa, tôi đã đến dự hội thi hoa hậu. Các cô gái đẹp Nhật-bản lần lượt đi qua trước mắt chúng tôi. Bất giác tôi thầm so các cô gái đó với bà hoàng duy nhất của tôi nơi núi rừng Avaria và không tìm được trong các cô gái ấy những gì đã có nơi hoa hậu của tôi. Các cô gái đẹp Nhật-bản và cả hoa hậu của Nhật-bản đã trở thành đề tài của tôi như vậy.

Ở Nêpan, sau khi nhìn ngắm no nê các đền thờ Phật, các cung điện nhà vua, hai mươi hai nguồn nước trị bách bệnh, xua tan mọi phù phép và nói chung mọi điều ác trên đời, cuối cùng tôi đã trèo lên sườn núi dốc ngược của rặng núi Katamand. Và những ngọn núi này đã gợi cho tôi nhớ đến Đaghextan thân yêu, trái tim tôi bỗng trở nên ấm dịu không như lúc đứng trước những đền đài, cung điện nguy nga. Những ngọn núi bình thường với

tôi thân thiết, gần gũi hơn là những công trình kiến trúc tráng lệ. Lúc đó tôi nghĩ rằng không phải những nguồn nước kỳ diệu kia mà chính những ngọn núi này đã chữa được mọi thứ bệnh và xua đuổi khỏi trái tim những gì độc ác. Những ngôi đền và những ngọn núi ở Nêpan đã trở thành đề tài của tôi như vậy.

Sau khi thăm những thành phố lớn ồn ào ở Ấn-độ, tôi được dẫn đến một làng nhỏ gần Canquytta. Trên một sân kho rộng người ta đang lấy hạt ra khỏi bông lúa bằng cách cho cả đàn bò đực lớn đi vòng tròn dẫm lên những bó lúa vàng. Không một viện bảo tàng nào, không một nhà hát nào trên thế giới lại đem lại cho trái tim tôi nhiều niềm vui đến thế hơn là những chú bò đang chậm chạp dẫm lên những bó lúa vàng. Hệt như tôi được trở về làng quê thân yêu thời thơ ấu. Cái làng nhỏ Ấn-độ gần Canquytta đã trở thành đề tài của tôi như vậy.

T ô i  n h ì n  t h ấ y: ở rừng núi Inđônêxia người ta đánh trống hệt như ở vùng núi chúng tôi; trên đường phố Nữu-ước có một anh chàng người Kapkazơ đi lại trong bộ quần áo dân tộc; ở Xtambun và Pari lưu lạc những người dân miền núi bị xua đuổi, những người bất hạnh nhất trên thế giới này; ở Luân-đôn người ta trưng bày tại triển lãm những sản phẩm bằng sứ của những người thợ nổi tiếng miền Balkhar, ở Vơnizơ những người Lắc vốn ở làng Xôpkơra biểu diễn xiếc trên dây làm kinh ngạc khán giả; trong một hiệu sách cũ ở Pitxbơc tôi bắt gặp một cuốn sách về Samin.

Từ mọi nơi, từ mọi miền tôi đặt chân đến, đều có những sợi dây nối về Đaghextan.

Một chiến sĩ sẽ rơi vào cảnh hết sức bất lợi nếu anh

bị một lúc mấy người cầm gươm tiến công. Anh không thể vừa dỡ cả đằng trước lẫn sau lưng. Nhưng nếu tìm được một vách đá có thể tựa lưng vào thì người chiến sĩ sẽ cảm thấy mối đe dọa chưa đến nỗi ghê gớm: một chiến sĩ cường tráng, nhanh nhẹn có thể hạ được hai hay ba đối thủ nếu anh được tựa lưng vào vách đá.

Đối với tôi, Đaghextan chính là vách đá như thế. Nó giúp tôi đứng vững trong những phút gay go nhất.

Những người đi xa thường đem về quê hương bài ca của các nước mà họ đã tới. Chỉ có tôi là không gặp may mắn như vậy — dù tôi đi tới đâu, tôi cũng chỉ toàn mang về những bài ca mới về Đaghextan. Với mỗi bài thơ mới, tôi như được thấy mặt Đaghextan hoàn toàn mới, tôi lại hiểu và yêu quê hương tôi như từ buổi đầu.

Miền quê Đaghextan thân yêu đối với tôi là không có giới hạn, không có tận cùng.

Rút trong sổ tay.

– Này chim ưng, bài ca chim yêu thích nhất hát về cái gì vậy?

— Hát về những ngọn núi cao.

— Này chim hải âu, bài ca chim yêu thích nhất hát về cái gì vậy?

– Hát về biển xanh.

— Này quạ đen, bài ca chim yêu thách nhất hát về cái gì vậy?

Hát về những xác chết ngon lành ngoài chiến địa.

Trong văn học cũng có những loài chim: chim ưng và hải âu. Loài thì ngợi ca núi cao, loài thì ngợi ca biển rộng. Mỗi loài có riêng quê hương, có riêng đề tài. Nhưng

trong văn học còn có cả quạ. Loài này yêu mình hơn cả mọi thứ trên đời. Con quạ khi móc mắt người chết ngoài bãi chiến trường, không hề nghĩ ngợi xem đó là mắt người anh hùng hay là kẻ hèn nhát. Tôi biết những nhà văn hôm nay làm những điều gì hôm nay thấy lợi, và ngày mai lại làm những điều gì ngày mai thấy lợi.

L ạ i n ó i v ề đ ề t à i. Đề tài là cái hòm đựng của cải. Lời nói là chìa khóa mở cái hòm đó. Nhưng đồ đạc trong hòm cần phải là của anh chứ không phải của người khác.

Có những nhà văn nhảy từ đề tài này sang đề tài khác mà không kịp tìm hiểu một đề tài nào đến nơi đến chốn. Họ mở nắp hòm he hé, lật đống quần áo cũ nát ở trên rồi vội vàng bỏ đi chỗ khác. Còn người chủ nhân của chiếc hòm thì biết rằng nếu cẩn thận lấy từng thứ ra thì ở đáy hòm sẽ hiện ra một cái hộp nhỏ đựng tư trang quý giá.

Những người cứ mỗi đề tài đều ghé mũi ngửi một tý giống như anh chàng đa thê Đalagôlốp mà người miền núi đều biết tiếng. Anh ta lấy vợ hai mươi tám lần nhưng cuối cùng chẳng có vợ nào cả.

Tuy vậy không thể ví đề tài với người vợ hợp pháp duy nhất, không thể ví cả với người mẹ duy nhất, hay người con duy nhất. Bởi vì không thể nói rằng: đây là đề tài của tôi, đừng ai cả gan động vào đó.

Đề tài của tôi, nhưng nó mở ra cho tất cả mọi người. Tôi đã từng nghe một nhà văn mắng nhiếc một người khác vì người này đã «đánh tháo» đề tài của anh ta. Anh ta nói: «Ai cho anh quyền viết về Irtri Kazắc*? Anh biết

* Irtri Kazắc - nhà thơ Kumức thế kỷ trước, người khởi xướng nền văn học Kumức. *(ND.)*

rằng đó là đề tài của tôi, rằng tôi đang viết về Irtri Kazác. Đây là một sự ăn cắp rõ ràng!» Nhà văn nọ xúc động như là anh ta vừa bị cướp mất người yêu.

Câu trả lời, xứng đáng là của một người dân miền núi:

Trở thành thủ lĩnh Hồi giáo là người có lưỡi gươm sắc sảo hơn, táo bạo hơn. Cô gái không phải thuộc về người nào phái người mối lái đến nhà cô, mà thuộc về ai sẽ biến được cô ta thành vợ mình. Hãy để cho đề tài về Irtri, như mọi đề tài khác, thuộc về ai viết tốt nhất đề tài đó.

Phải rồi, nhiều nhà văn khác nhau có thể khai thác một đề tài theo cách riêng của mình. Trong văn học không thể có những nông trang tập thể. Mỗi nhà văn cần có riêng cánh đồng, có riêng thửa ruộng của mình, dù nó có hẹp đến đâu. Nhưng tôi không ngăn cấm ai đến cánh đồng của tôi, chỉ vì tự tôi cũng không phân chia thửa ruộng đó. Trên bờ ruộng của tôi các bạn sẽ không thấy một con chó hay một người nào cầm súng đứng gác cả. Mà bờ ruộng đó là ở đâu, làm thế nào mà đắp nó lên, vạch nó ra? Đề tài của tôi không phải là đồng cỏ cấm bò ngựa, không phải là chỗ cấm kỵ trong đền thờ không một người lạ nào được đặt chân tới.

Có lần, các nhà văn Đaghextan họp hội nghị, trong hội nghị xảy ra tranh luận. Một diễn giả nói:

— Việc gì các nhà văn Đaghextan lại đi viết về các miền khác và các dân tộc khác? Hãy để cho người Tây-ban-nha viết về Tây-ban-nha, người Nhật viết về nước Nhật, các nhà văn sống ở Uran viết về công nghiệp vùng Uran. Nếu chim có tổ trong vườn này thì việc gì lại phải bay

sang vườn khác mà hót? Việc gì phải lấy đất trên núi đá đem xuống thung lũng, trong khi ở thung lũng đã sẵn có quá nhiều đất màu mỡ? Khấu đuôi cừu vốn đã đầy những mỡ thì việc gì khi rán lại phải đổ thêm dầu vào chảo?

Tại hội nghị có một vị khách từ nước cộng hòa khác đến. Ông trả lời lại diễn giả kia thế này:

– Thú có hang có hốc, cũng như chim có tổ. Nhưng mặt trời thì chiếu sáng cho mọi loài thú và mưa thì tưới cho mọi loài cây. Cầu vồng đập vào mắt mọi người như nhau. Tia chớp sáng lóc lên cả trên núi cao và dưới khe sâu. Tiếng sét cũng vọng đến cả dưới đó. Có thể nấu một bữa cơm ngon bằng gạo mang từ nước khác đến. Tôi từ xa đến dự hội nghị của các bạn. Tôi chỉ có nhiệm vụ đến chào mừng các bạn. Nhưng bây giờ tôi cảm thấy rằng tôi đã yêu núi của các bạn, biển của các bạn, đã yêu những người đàn ông cao thượng và những người phụ nữ xinh đẹp đầy phẩm giá cao quý trên đất nước các bạn. Nếu tôi viết về các bạn thì những người đồng hương của tôi sẽ nói lời cảm ơn với tôi. Vậy nếu các bạn viết về quê hương tôi, điều đó sẽ chẳng có tai hại gì. Nhà văn có thể tự do lựa chọn đề tài như tự do tìm người yêu. Chẳng lẽ tình yêu lại phải nói lời xin phép khi định gửi gắm ở một trái tim nào sao?

Hội nghị vỗ tay hoan hô vị khách, lời nói của ông chính xác và sắc sảo như mũi tên; tuy vậy, mặc dù lúc đó tôi cũng vỗ tay và hầu như tán đồng hoàn toàn với vị khách, tôi thấy vẫn còn phải suy nghĩ thêm.

Viết về các nước khác, các dân tộc khác là điều rất tốt, nhưng chỉ sau khi anh đã tự khẳng định ở đề tài của mình.

Đaghextan nhỏ bé của tôi và thế giới rộng lớn của tôi. Hai dòng suối gặp nhau ở thung lũng và hòa nhập lại. Hai dòng lệ từ hai mắt chảy qua hai bên má nhưng cùng sinh ra bởi một nỗi đau hay một niềm vui.

Những giọt nước rơi trên má nhà thơ
Giọt bên phải và giọt rơi bên trái
Giọt của niềm vui, giọt của nỗi buồn đọng lại.
Giọt nước mắt tình yêu, giọt nước mắt căm hờn.

Hai giọt nước nhỏ nhoi, dịu dàng, trong sạch
Bất lực ở hai nơi, khi chưa nhập vào nhau
Khi nhập một, bỗng thành thơ lóng lánh
Như anh chớp bừng soi, như xối xả mưa rào!

Đaghextan nhỏ bé của tôi và thế giới rộng lớn của tôi, đó là đời tôi, là bản giao hưởng của tôi, cuốn sách của tôi, đó là đề tài của tôi.

Chim ưng nào không rời đỉnh núi cao bay xuống thung lũng rộng bao la đó là một chim ưng xoàng.

Chim ưng nào không trở về đỉnh cao từ thung lũng rộng bao la, đó là chim ưng xoàng.

Nhưng đối với chim ưng, mọi việc dễ dàng thôi. Nó sinh ra là chim ưng và dù muốn chăng nữa, nó cũng không thể biến thành hải âu hay thành quạ. Nhà văn thật khó mà trở thành chim ưng nếu anh ta sinh ra không có những phẩm chất của loại chim dũng cảm, cao quý đó. Về người không học được cách đánh đàn kumuz, chúng tôi thường nói an ủi rằng, không sao, ở thế giới bên kia, anh ta sẽ biết đánh.

Biết bao nhiêu nhà văn cầm lấy giấy bút viết mà không phải do cảm giác yêu thương hay căm giận thôi thúc mà chỉ do khứu giác xúi giục thôi!

Bởi vì đã có vị khách qua làng và nghĩ ngợi xem mình nên ghé vào nhà nào, cuối cùng đã chọn nhà bằng cách đánh hơi qua mùi khói bay lên. Có nhà khói mang theo mùi ngô rang, có nhà khói xông mùi thịt cừu luộc.

Bởi vì đã có chàng rể khi phải chọn lựa giữa hai cô gái, một cô rỗng tuếch, một cô thông minh, cuối cùng đã chọn lấy cô rỗng tuếch chỉ vì cô ta nhiều tiền.

Bởi vì đã có những nhà văn hoàn toàn không cần biết mình viết về cái gì và về nước nào. Họ giống những tay lái buôn chỉ biết nghĩ rằng càng đi xa, món hàng họ bán càng được giá.

Họ làm tôi nhớ tới cô gái tên là Parkhansa, cô này cho là trong làng không có chàng trai nào xứng đáng với cô, cô hy vọng tìm chú rể ở làng khác, và cuối cùng, như ta có thể dễ dàng đoán ra, cô ta đã biến thành một mụ gái già cô đơn.

Câu chuyện về hai người miền núi đi vào rừng. Có hai người miền núi rời làng đi vào rừng để tìm cây chặt làm vai cày. Chắc là cái vai cày cũ đã hỏng.

Người đầu tiên tìm được ngay đoạn cây thích hợp, anh ta chặt ra được hai cái vai cày tuyệt vời. Nhưng anh bạn cùng đi kia thì lúc nào cũng có cảm giác rằng cây sau nữa sẽ đẹp hơn cây vừa thấy. Và cứ thế anh ta đi suốt ngày, không chịu dừng lại chọn cây thích hợp. Cuối cùng anh ta cũng đẵn được hai đoạn gỗ làm vai cày, nhưng tồi hơn rất nhiều so với những cái anh ta đã thấy lúc đầu. Mãi đến chiều tối anh ta mới trở về làng, khi người bạn cùng đi đã rời thửa ruộng vừa cày xong bằng chiếc vai cày mới chặt ban sáng.

Câu chuyện này Abutalíp đã kể cho tôi, nhân có một

nhà thơ Đaghextan đi thực tế sáng tác rất xa và mang về hai bài thơ dở.

– Bài ca mà anh không thể học thuộc ở làng quê. thì anh cũng không thể học thuộc ở nơi xa, nhà thơ già rút ra điều giáo huấn như vậy, rồi nói thêm: Nhà thơ dôi khi giống như anh chàng suốt ngày đi tìm mũ, trong khi mũ dã nằm nguyên trên cái đầu ngớ ngẩn kia từ bao giờ.

Lại nói về đề tài. Nhớ lại ngày đầu tiên tôi phải rời ngôi nhà thân yêu lên đường đi xa. Mẹ tôi đặt lên cửa sổ một ngọn dèn tỏa sáng. Tôi bước đi, chốc quay lại nhìn, rồi lại đi, nhưng ánh lửa của ngôi nhà thân yêu vẫn lóe sáng qua sương mù, qua màn đêm.

Ánh lửa trên khung cửa nhỏ đã soi rọi cho tôi qua bao năm tháng. những lúc tôi đi khắp thế gian. Còn khi tôi trở về ngôi nhà thân thuộc và từ trong nhà nhìn ra ngoài, tôi thấy cả thế giới rộng lớn mà cả đời tôi dã đi qua.

Ai đem đề tài tới cho nhà văn? Đem tới cho anh ta cái đầu, đôi mắt, đôi tai, trái tim còn dễ hơn. Những nhà văn nào đi tìm đề tài không phải vì yêu thương hay căm giận mà đi tìm theo mùi hương, hay đúng hơn là đánh hơi, thì không thể trở thành người con của thời đại mình. Họ không phải là con của thời đại mà là con của từng ngày. Họ còn giống cô dâu bị điếc.

Câu chuyện về cô dâu điếc. Người ta kể rằng, ở một làng kia, có một cô gái điếc. Một chàng trai ở làng khác, hoàn toàn không biết cô bị điếc, đã nhờ người mối mai. Câu chuyện diễn ra xuôi xẻ, dám cưới được tổ chức. Dân làng tụ họp rất đông. Cô dâu không muốn những người dự dám cưới biết cô bị điếc. Cô ta yêu cầu một

người bạn gái luôn luôn ngồi cạnh cô. Nếu người ta đang kể một câu chuyện vui có thể cười được thì cô bạn gái sẽ khẽ véo vào vai bên trái. Nếu bắt đầu kể một chuyện buồn rầu thì cô bạn gái sẽ véo vào vai bên phải.

Trong đám cưới, cô dâu không nhất thiết phải nói, thậm chí tốt hơn hết là không nói gì. Bởi vậy lúc đầu mọi việc diễn ra rất tốt đẹp. Cô dâu đã cười những lúc cần cười, đã lộ vẻ rầu rĩ khi mọi người chung quanh rầu rĩ.

Nhưng sau đó cô bạn gái quên mất lời dặn, lẫn lộn lung tung, cô ta véo vào vai phải khi lẽ ra cần véo vào vai trái và ngược lại. Cô dâu cười phá lên vào những phút buồn rầu và im lặng đăm chiêu, thở dài buồn bã khi mọi người đều vui vẻ, hớn hở.

Chàng rể nhìn chăm chú vào cô dâu, theo dõi mọi cử chỉ của cô ta và cho rằng cô ta hoàn toàn ngớ ngẩn. Ngay lúc ấy, anh ta dẫn cô trở lại con đường mà cô ta đã đi đến đám cưới.

Vậy là nhà văn chân chính không cần phải nhờ ai lúc thì véo vào bên phải, lúc thì véo vào bên trái như cô gái điếc nọ. Chỉ có nỗi đau của chính trái tim anh, chỉ có niềm vui của chính anh mới bắt được anh cầm lấy bút. Anh cười không phải vì mọi người cười và cần phải làm theo mọi người không phải vì họ buồn mà anh phải bắt chước họ. Không, tự anh phải khởi xướng ra tâm trạng ở một đám cưới. Hãy để mọi người chung quanh cười vui, khi nhà thơ cười vui. Hãy để cho nỗi đau thắt trái tim lại, khi nhà thơ chia xẻ nỗi đau của trái tim mình với mọi người.

Nếu ai chưa đồng ý với tôi và đến bây giờ vẫn còn cho rằng viết theo sự mách bảo của người khác dễ dàng

hơn thì hãy để cho người đó tự rút ra bài học từ câu chuyện đã xảy ra với tôi.

Hồi ức. Hồi đó tôi học lớp hai ở trường cấp I trong thành cổ Khunzắc. Ngồi cùng bàn với tôi là cô bé Nhina mắt xanh, con cô giáo người Nga. Tôi rất thích cô bé nhưng không dám nói ra điều đó. Cuối cùng tôi quyết định viết cho cô ta một mảnh giấy. Nhưng việc ấy đối với tôi không dễ dàng vì lúc đó tôi còn chưa biết viết một chữ Nga nào. Tôi khẩn khoản nhờ một cậu bạn tôi. Nó nói cho tôi nghe mấy chữ tiếng Nga mà tôi không hiểu gì cả, còn tôi thì ghi lại bằng mẫu tự Nga. Tôi tưởng rằng tôi đã viết ra những lời yêu thương, những lời tôi muốn nói với Nhina. Tay run run, tôi đưa mảnh giấy cho cô bạn ngồi cùng bàn, và Nhina cũng run run mở tờ giấy ra. Bất ngờ cô bé đỏ bừng mặt, chạy vụt ra khỏi lớp và không bao giờ muốn ngồi cùng bàn với tôi nữa. Hóa ra là mảnh giấy chứa đựng toàn những lời xằng bậy, tục tĩu.

Tôi còn nhớ một chuyện nữa. Lúc này tôi đã học ở trường Đại học văn học, còn Nhina học trường Sư phạm Lênin. Có lần vào tháng chạp nàng mời tôi đến nhà chơi. Tôi biết ngày ấy là sinh nhật của nàng. Tất nhiên tôi đã lo sắm quà cho nàng, nhưng tôi nghĩ rằng món quà tốt nhất có lẽ là bài thơ tôi sẽ viết về nàng, đọc nó lên và trịnh trọng trao tặng nàng.

Vậy là tôi đã viết xong bài thơ chúc mừng, thuyết phục anh bạn cùng lớp cũng là nhà thơ trẻ dịch nó sang tiếng Nga. Anh bạn tôi đã thức suốt đêm để dịch. Nhưng khi anh ta đọc cho tôi nghe, tôi không còn nhận ra bài thơ của mình nữa. Trong bài thơ là những lời tỏ tình sướt mướt, những cơn say đắm đuối, nhưng không có

chút gì của tình cảm mà tôi muốn nói với Nhina.

Bây giờ thì khó mà đánh lừa tôi được. Tôi đã là con chim sẻ một lần phải tên. Tôi nói:

Thôi được rồi, bài thơ này cậu sẽ dùng để đọc cho người yêu của cậu khi nào sinh nhật cô ta, bởi vì bài thơ đó là của cậu chứ không phải của mình.

Lại nói về đề tài. Đề tài không trơ bụng nổi trên mặt nước như con cá chết trương. Nó lặn sâu dưới nước, ở vào giữa dòng xiết nhất. Hãy bắt lấy nó ở đó, hãy túm lấy nó trong chỗ nước xoáy từ dưới dòng thác đổ. Chẳng lẽ một đồng tiền tình cờ nhặt được trên vỉa hè, đồng tiền mà người khác đã mất bao công sức nhọc nhằn mới kiếm được, lại có một giá trị nào đó sao?

Người miền núi thường nói: có thể bắt được nhiều thú, nhưng tất cả sẽ là chó rừng hay là thỏ. Bắt được một con thôi nhưng là con cáo thì hơn. Chưa thể biết sẽ bắt được nó ở đâu. Nhưng không nhất thiết con thú quý nhất lại ở hẻm núi xa nhất.

Có một người thợ săn suốt đời ao ước săn được một con cáo đen. Suốt đời anh ta tìm kiếm nó, đi ngang dọc khắp các triền núi. Về già, ông ta không còn đủ sức đi xa nữa, đành đi săn ở hẻm núi gần nhất ngay cạnh nhà. Và bất chợt ông ta trông thấy con cáo lông đen mịn màng.

Người thợ săn hỏi cáo:

Bấy lâu nay mày trốn ở đâu vậy, làm tao tìm kiếm cả đời không gặp?

– Tôi vẫn sống từ bé trong hẻm núi này, – con cáo trả lời, — nhưng chẳng lẽ ông lại không biết rằng nếu ông có mất cả đời để đi tìm chăng nữa thì lúc thấy chỉ cần một ngày, thậm chí một giây lát thôi sao?

Phải rồi, mỗi nhà văn đều có một ngày, một giây lát mà anh ta tự tìm thấy mình, tìm được đề tài chủ yếu nhất. Một đề tài như thế, về sau nhà văn không nên phản lại. Nếu anh ta thay lòng đổi dạ, thì anh ta sẽ gặp phải câu chuyện như anh bạn quen của tôi đã gặp phải.

Như vậy, về vở kịch của người tôi quen. Một nhà văn Đaghextan viết vở kịch về đề tài đời sống nông trang. Nhưng dù cho đề tài này quan trọng thế nào, nhà hát vẫn không chịu dựng, giải thích bằng lý do khó chấp nhận nhất: chúng tôi không thích vở kịch này, thế thôi.

Có thể đối với người nào khác một lý do như vậy có thể hiểu được, nhưng nhà viết kịch lại không thể hiểu nổi. Ông nổi giận và viết một lá đơn đến nơi cần thiết. Một ban kiểm tra được thành lập ngay để nghiên cứu vấn đề và tìm ra biện pháp giải quyết. Qua quá trình nghiên cứu, ban kiểm tra phát hiện vở kịch có nội dung như sau: vừa làm vừa hát những bài ca vui vẻ, hai đội sản xuất thi đua với nhau trong việc thu hoạch lúa mì.

Một nội dung như vậy hoàn toàn có thể làm vừa lòng ban kiểm tra và vở kịch có thể được thông qua trót lọt, nhưng lại có một tình tiết phụ cản trở: vào thời kỳ đó cấp trên đã thông qua quyết định không trồng lúa mì ở vùng thảo nguyên Kumức nữa (chính vùng này đã có hai đội sản xuất vừa thu hoạch mùa màng, vừa vui vẻ thi đua), phải trồng bông thế vào. Trong hoàn cảnh «trồng bông» như vậy mà lại đi dựng kịch «lúa mì» là việc không thể chấp nhận được. Nhà viết kịch liền ngồi vào sửa ngay tác phẩm của mình. Bông mới trồng chưa kịp nở hoa thì vở kịch đã được sửa xong ở mức độ hoàn hảo nhất. Người

ta lại đem vở kịch ra đọc ở nhà hát. Khi người ta đang đọc nó thì lại có một nghị quyết mới được thông qua. Nghị quyết này nói rằng trồng bông ở vùng thảo nguyên Kumức không kinh tế bằng trồng lúa mì, tuy vậy cần phải trồng ngô.

Nhà viết kịch có nhiều khả năng làm việc kia lại bắt tay vào sửa vở kịch. Tôi không biết câu chuyện sẽ kết thúc thế nào, nhưng rồi vào thời gian đó nhà hát bị cháy. Anh bạn quen của tôi nổi giận về sự không may của mình, anh ta bước ra bờ sông cao vời vợi, buồn bực lao cả vở kịch của mình xuống dòng nước cuồn cuộn trôi. Bây giờ thì anh chẳng tiếc gì vở kịch đó nữa.

Có lẽ tôi cũng nên kể thêm về một vở kịch khác nữa. Vở kịch do một nhà văn Nga viết và được đặt tên là «Những người sôi nổi». Đây không phải là một vở kịch về lúa mì hay bông, mà là một vở kịch về đánh cá. Thậm chí cũng khó có thể gọi là về đánh cá, mà thế này.

Có chủ trương chuyển hết người miền núi từ các bản làng lâu đời trên cao xuống đồng bằng ven biển. Người ta gọi đó là chủ trương «xuống đồng bằng». Chúng ta sẽ không đi sâu vào vấn đề phức tạp đó, chúng ta chỉ nói là những người miền núi, từ bao đời chuyên chăn cừu trên núi, khi xuống đồng bằng đôi khi sẽ trở thành người đánh cá. Không thể giải thích một cách đơn giản là vì sao làm người đánh cá tồi lại tốt hơn làm anh chăn cừu giỏi, nhưng chính là vở kịch «Những người sôi nổi» đã viết về vấn đề những người miền núi ở bản làng xa đã trở thành người đánh cá ở biển Caxpic như thế nào.

Các nhân vật trong kịch đều là người Avar, vì vậy kịch sĩ bèn đưa tác phẩm của mình cho một nhà hát Avar.

Nhưng nhà hát đó đã chê bai vở kịch.

Nhà viết kịch sẽ có thái độ thế nào? Phải người khác lâm vào tình cảnh của anh ta, chắc sẽ hoang mang và mất hết tinh thần. Nhưng trong một ván cờ đôi khi cũng gặp trường hợp như thế này: chẳng hạn quân đen bị dồn vào một góc, không biết đi đâu, không còn chỗ thở; vào lúc đó bỗng quân đen đi quân mã một nước, một nước rất đơn giản và bất ngờ, và cục diện ván cờ bỗng thay đổi: bây giờ đến lượt quân trắng phải phòng thủ cố chống đỡ cho khỏi thua.

Tác giả vở «Những người sôi nổi» lúc đó cũng đã đi một nước cờ đơn giản như vậy. Anh ta bất ngờ đổi hết tên nhân vật dân tộc Avar sang thẳng tên dân tộc Kumức và đưa vở kịch cho nhà hát Kumức. Tuy nhiên nước đi của quân mã đó cũng không cứu vãn được tình thế. Nhà hát Kumức cũng từ chối dựng vở kịch về những người chăn cừu biến thành người đánh cá.

Ở vùng núi Đaghextan chúng tôi có rất nhiều dân tộc. Nhân vật của vở kịch lần lượt khoác tên dân tộc Đarghin, rồi Lêzghin, nhưng có lẽ họ cũng đều không trở thành những người đánh cá giỏi. Nhà viết kịch đã thả vở kịch của mình vào đời như người ta thả ra đường một con chó đói. Con chó chạy cùng sân các nhà lạ mà cuối cùng vẫn không tìm được một mẩu xương nào.

Vài năm sau nhà viết kịch về Maxcơva theo học chương trình Đại học về văn học. Có tin đồn về Makhátkala rằng những người đánh cá kia đã biến thành người Digan. Vở kịch được nhà hát Digan «Rômen» chú ý. Cuối cùng cô gái thọt cũng đã kiếm được chồng. Tuy nhiên cuộc hôn nhân đó kéo dài không lâu...

Đấy, tôi đã phê bình gắt gao một lúc cả hai vở kịch của các nhà văn tôi quen. Nếu bây giờ tôi đang đứng trên diễn đàn của một hội nghị nhà văn nào đó, thì chắc từ lâu tôi đã nghe những tiếng lao ó: «Nói về mình đi chứ! Tự phê bình xem nào!»

Vậy thì tôi sẽ nói về mình thế nào? Tôi đã cảm thấy sung sướng nếu lúc này tôi chỉ phải nhận lỗi lầm trong những sai sót của nghề viết văn như tôi vừa kể. Nhưng tôi đã phạm phải một tội lỗi mà đặt bên cạnh nó tất cả những sai sót đại loại như về «bông», «đánh cá» vừa rồi đều trở thành một thứ nghịch ngợm của trẻ con, không đáng gì phải nói. Lúc còn trẻ, tôi đã có một hành động mà mỗi khi nhớ lại tôi thấy thật nặng nề.

Sau này bạn bè tôi đã chửi tôi rất nhiều, rất lâu và đó là một sự trừng phạt đối với tôi. Nhưng sự trừng phạt lớn nhất là từ chính bản thân tôi và có lẽ không bao giờ có ai trừng phạt tôi nặng nề hơn.

B ố  t ô i  đ ã  n ó i: nếu đã gây ra một hành động xấu xa, nhục nhã, thì dù sau này có hối hận đến đâu, cũng không thể xóa đi được hành động đó.

B ố  t ô i  c ò n  n ó i: người nào phạm phải điều xấu xa, sau đó vài năm lại tỏ ra hối hận thì cũng giống như người định xóa món nợ cũ bằng thứ bạc lưu hành từ trước khi đổi tiền.

B ố  t ô i  c ò n  n ó i: nếu anh đã cho phép cái ác làm tất cả những gì nó muốn và thả rông nó ra khỏi nhà mình, thì việc quất vào chỗ cái ác vừa ngồi còn có nghĩa gì nữa?

Việc gì phải lấy khóa to tướng mà khóa chuồng lại sau khi đã xua hết bò đi?

Mọi chuyện là như thế. Và tôi biết rằng sau khi đánh nhau người ta không lấy nắm đấm mà vẫy nhau. Nhưng các độc giả của tôi sẽ lại viết thư, sẽ nhắc nhở, khơi lại vết thương. Tưởng như họ ném đá vào cửa sổ của tôi và nói:

— Ra đây, ló mặt ra đây, Raxun Gamzatốp. Hãy kể cho độc giả chúng tôi nghe xem mọi chuyện đã xảy ra vì sao và như thế nào!

— Tôi phải kể cho các bạn về chuyện gì?

Câu hỏi của những câu hỏi. Có thể rút được mũi tên ra khỏi da thịt. Nhưng liệu có thể rút được mũi tên ra khỏi trái tim không?

— Đây, chuyện này. Năm 1951 anh đã viết bài thơ lên án Samin, rồi năm 1961 anh lại viết bài thơ khác ca ngợi Samin. Cả hai bài thơ đều ký là Raxun Gamzatốp. Bây giờ chúng tôi muốn biết đó là một người hay là hai người trùng tên. Và chúng tôi nên tin Raxun nào.

Người bạn độc giả thân mến của tôi, tôi không biết bạn bao nhiêu tuổi, có thể rằng bạn còn rất trẻ. Trong đời mình đã có ranh giới nào bạn phải vượt qua chưa? Tôi đã phải một lần vượt qua ranh giới — tôi đã yêu mà không suy ngẫm nghiêm túc về tình cảm của mình. Sau đó tôi đã phải hối hận về điều đó.

Có khi hai người ở hai ngôi nhà đối diện nhau qua một con đường hẹp, cửa sổ mở sát sang nhau. Và thế rồi hai người đó cãi vã, chửi bới nhau là đã có những hành động xấu xa, khi thì người nhiều tuổi mắng người ít tuổi, khi thì ngược lại. Tôi giống như hai người hàng xóm đó, chỉ có điều cả hai người ở hai nơi ấy đó đều là tôi. Tôi lúc trẻ và tôi bây giờ.

Ánh sáng của thời gian đã làm lóa mắt tôi như cô

gái đẹp làm lóa mắt chàng trai khờ khạo. Tôi đã nhìn mọi sự trên đời này, như chú rể nhìn cô dâu, chẳng thấy một nét nào không vừa ý.

Nếu nói một cách nghiêm túc thì tôi đã là một cái bóng của thời đại. Mọi người đều biết là: cái gậy thế nào thì bóng nó như thế. Người ta đã công bố một cách chính thức rằng Samin là gián điệp của Anh và Thổ Nhĩ Kỳ và mục đích chủ yếu của ông là gây nên sự hằn thù giữa các dân tộc. Tôi tin vào ngôi nhà mà ở đó điều ấy đã được khẳng định, tôi tin cả vào người chủ của ngôi nhà đó. Chính lúc ấy tôi đã viết bài thơ lên án Samin của chúng ta.

Bây giờ thỉnh thoảng tôi cũng được nghe có người nói an ủi:

Chúng tôi nghe nói là anh đã làm bài thơ đó theo đơn đặt hàng đặc biệt, anh đã bị buộc phải viết bài thơ đó.

Không phải thế! Không một ai bắt ép tôi, không một ai bức bách tôi. Tôi đã tự nguyện viết bài thơ đó và tự tay mình đem đến tòa soạn. Chẳng qua hồi đó tôi giống một số người dân miền núi cứ giở cuốn kinh Hồi giáo mặc dầu không biết một chữ A-rập nào  tức là chẳng hiểu một chút gì cả  mà vẫn cảm thấy lòng lâng lâng say sưa.

Tôi đã là cái bóng của thời đại. Lúc đó tôi còn chưa biết rằng nhà thơ không thể làm cái bóng, anh ta phải luôn luôn là ngọn lửa, là nguồn sáng, vô luận đó là ngọn lửa yếu ớt hay mặt trời rực rỡ. Ánh sáng không thể đẻ lại bóng đen, ánh sáng chỉ đem tới ánh sáng.

Có thể rằng tôi hiểu điều này hơi muộn màng. Biết làm sao được, bởi vì ngay cây táo cũng có những loại khác nhau. Có những cây chín sớm, có những cây đến

mùa thu mới cho quả ngọt. Như các bạn thấy đấy, tôi là một thứ táo mùa thu.

Chuyện xảy ra là như thế. Vết thương của tôi vẫn còn mãi trong tôi.

Vết thương cũ chưa lành, từ lâu lắm
Lại cấu xé tim tôi và châm đốt lòng tôi.
Câu chuyện thời Samin: tôi đã nghe từ bé
Bao câu chuyện trong làng về người ấy không thôi

Người như một chuyện xưa, còn gắn vào thực tại
Trong truyền thuyết ấu thơ, làm tôi mãi bàng hoang
Mây những buổi hoàng hôn bay trên lều mê mải
Như đạo hùng binh, Người dẫn dắt đi ngang.

Người là bài ca núi rừng. Mẹ tôi thường hay hát
Tiếng hát tới giờ tôi chẳng hề quên
Giọt nước mắt trong ngần rưng rưng trong mắt mẹ,
Rơi thành sương trên đồng cỏ chiều yên.

Người chiến binh già bận áo quần Tséckét
Đứng trong khung treo, nhìn xuống căn lều
Thuận tay trái, Người cầm gươm tay trái
Còn súng đạn, dành bên phải Người đeo.

Tôi nhớ có lần hai anh tôi ra trận
Người đứng lặng trong khung ảnh, rồi nhìn.
Còn chị tôi đem nữ trang quyên góp
Đúc chiếc chiến xa Người được mang tên

Cha tôi đến cuối đời còn mê viết
Một trường ca, ca ngợi vị Anh hùng.
Nhưng thời ấy... Samin bị vu oan, đáng tiếc
Người chịu bao lời đồn đại tối tăm.

Nếu không có tai ương này bất chợt
Cha tôi dễ chưa mất sớm nhường kia!
Tôi cũng mắc lỗi lầm, khi nghe lời đồn thổi,
Vội viết bài ca, chung một duộc, một bè!

Lưỡi gươm cha ông, một phần tư thế kỷ
Hạ kẻ thù trăm trận chẳng rời tay
Tôi lỗi lầm, trong bài thơ con trẻ
Thô bạo gán thành của phản bội, nào hay!

Đêm đến tôi nghe bước chân Người chắc nặng
Thắp đèn lên. Người thoáng hiện bên ngoài
Vừa giống người giữ làng Akhungô nghiêm khắc
Vừa giống một cụ già Gunip, đến bên tôi

Và Người nói. «Giữa trận tiền khói lửa
Ta xông pha đổ máu đã nhiều phen.
Mười chín vết thương, ta mang theo bóng rát
Vết thứ hai mươi là mi, đồ hơi sữa ươn hèn

Có vết thương do dao, có vết thương do đạn
Nhưng vết thương mi đâm, còn đau gấp ba lần:
Vì ta bị người vùng cao, lần đầu sát hại
Còn gì do nỗi tủi hổ này chăng?

Chiến tích ta hôm nay, có thể không cần nữa
Nhưng nó từng gìn giữ núi rừng đây
Vũ khí ta hôm nay có thể thành cũ kỹ
Nhưng chính tự do giành lại bởi dao này!

Ta chiến đấu kiểu dân rừng, kiên gan, không mỏi mệt
Chẳng mong ai ngợi ca, chẳng đàn hát, tiệc tùng
Ta đã từng vung roi quất bọn làm thơ nhảm
Với bọn kẻ chuyện suông, ta nghiêm khắc vô cùng.

Có thể ta lỗi lầm, khi từng đàn áp họ
Có thể tính nết ta nóng nảy chưa kìm
Nhưng gặp kẻ như ngươi, đồ ba hoa bẻm mép
Thì cơn giận trong ta càng chẳng thể nào yên».

Tôi không biết, những người dân Đaghextan có tha thứ cho bài thơ trước của tôi không; tôi cũng không biết hương hồn Samin có tha thứ cho tôi không, còn tôi thì không bao giờ tha thứ.

Bố tôi đã nói với tôi:

— Đừng động đến Samin con ạ. Nếu con động đến thì suốt đời con không được yên lòng đâu.

Bố tôi đã nói đúng.

Ôi, thời gian! Nhiều ngày kết thành năm, nhiều năm kết thành thế kỷ. Nhưng thời đại là cái gì vậy? Có phải nó kết thành từ nhiều thế kỷ? Hay là từ nhiều năm? Hay là chỉ một ngày thôi cũng có thể trở thành thời đại? Đã năm tháng rồi cây phủ đầy lá xanh, nhưng chỉ qua một ngày, qua một đêm, tất cả lá đã úa vàng. Và ngược lại, đã năm tháng rồi cây đứng đó, trần trụi, đen như bị cháy khô. Thế rồi sau một buổi sớm ấm áp đầy ánh sáng, chồi xanh nhú lên trên khắp thân mình cây. Chỉ cần một buổi sớm náo nức cây lại xanh trở lại.

Có những cây tháng tháng lại thay màu lá, và có những cây chẳng bao giờ đổi màu.

Có những con chim di cư bay khắp thế gian này tùy theo thời gian thay đổi trong năm, và cũng có những con chim ưng chẳng bao giờ rời đỉnh núi cao của mình.

Chim thích bay ngược gió. Cá giỏi bơi ưa lội ngược dòng.

R ú t  t r o n g  s ổ  t a y. Tôi có một người bạn, một thi sĩ Avar. Năm ngoái, tập thơ mới của anh được xuất bản. Các bài thơ trong cuốn sách anh đều chia ra từng phần, như người ta chia căn nhà ở thành phố thành từng buồng với chức năng riêng biệt. Chẳng hạn như những bài thơ

chính trị — là phòng làm việc; những bài thơ tình riêng tư — là buồng ngủ; những bài thơ chung chung - là buồng khách; thế còn những bài thơ về nông nghiệp, về bánh mì, về người chăn cừu... thì tôi không biết sẽ được xếp vào đâu — chẳng lẽ xếp vào bếp chăng?

Lẽ nào ca sĩ đi từ núi cao xuống Makhátkala để dự cuộc thi hát của Đaghextan, đã xử sự không đúng? Nhà thơ của chúng ta, đã giở tập thơ ra, yêu cầu ca sĩ hát mỗi chương một bài. Ca sĩ lên dây đàn kumuz, yên lặng một lúc như suy nghĩ điều gì rồi cất giọng hát. Anh hát rất lâu. Mọi người đâm hoảng: Nếu đây chỉ là một bài trong một chương, mà cuốn sách thì bốn chương, bao giờ mới hát xong được? Nhưng rồi ca sĩ ngừng hát, lấy tay áp vào dây đàn. Anh không hát tiếp nữa. Hóa ra là anh đã thu hút hết ý chính, cảm xúc chính của nhà thơ vào một bài hát. Nhà thơ hỏi vì sao anh lại hành động như vậy.

Anh bạn ạ, ca sĩ trả lời, đây, cây đàn kumuz của tôi đây, nó có ba dây tất cả. Tôi không thể mới đầu thì gảy một dây, sau đó gảy sang dây thứ hai rồi thứ ba.

Lại nói về đề tài. Có lẽ không phải mọi người đều biết chuyện ngày xưa có anh chàng keo kiệt đi một đôi giày mới và rất sợ giày bẩn. Anh ta chỉ đi rón rén. Có lần anh ta gặp phải một chỗ rất bẩn, bùn có thể ngập đến đầu gối. Anh chàng keo kiệt đó đành phải trồng cây chuối, đi ngược đầu xuống đất.

Có chuyện như thế này. Nhiều khi các nhà thơ không phải sáng tạo ra nghệ thuật mà giống như là tham dự các cuộc đua ngựa ngày chủ nhật. Để con ngựa của mình được đeo khăn thưởng năm phút, họ sẵn sàng quất ngựa

đến tóc máu. Tấm khăn thướng dằng nào cũng phải cởi ra ngay trong ngày hôm đó, nhưng vết thương nơi da thịt ngựa thì còn lâu mới lên da non. Giống như chàng Alibulát ở làng Têlét, bao giờ họ cũng sẵn sàng... Chắc là các bạn chưa biết chuyện về Alibulát đâu?

Có lần viên tri huyện Khunzắc nói với tên lính hầu là Alibulát:

– Sửa soạn đi, sáng sớm mai mi phải đi tới làng Têlét đấy.

— Con xin vâng ạ, tên lính hầu kính cẩn đáp.

Sương còn chưa tan trên đỉnh núi, Alibulát đã thắng ngựa lên đường. Trước bữa ăn trưa, anh ta đã trở về Khunzắc. Lúc gần về tới Khunzắc, những người quen trông thấy anh liền hỏi:

— Trời phù hộ anh đấy, anh Alibulát ạ, anh phải đi xa không?

Dạ, tôi đã kịp rời Têlét về đây.

- Có việc gì mà anh phải đến Têlét?

Dạ, tôi không biết. Việc gì thì chỉ có ngài tri huyện biết. Ngài nói với tôi hôm qua là tôi cần phải đi, thế là tôi đi thôi.

Trong môi trường văn học chúng ta cũng có những anh chàng Alibulát như thế.

Lại nói về đề tài. Tôi đã thấy nhiều thanh niên trước khi lấy vợ đã không hỏi ý kiến chính mình mà lại đi bàn với họ hàng, với các ông chú bà thím. Trong sáng tác của nhà văn không thể có các cuộc hôn nhân phi tình yêu. Trong cuộc đời, từ những cuộc hôn nhân theo lời khuyên của bà cô, vẫn có những đứa trẻ khỏe mạnh ra đời. Thật ra thì người ta nói rằng tình yêu càng nồng, đứa con

càng đẹp. Ở nhà văn thì lại khác, những cuộc hôn nhân phi tình yêu chỉ có thể đẻ ra những cuốn sách chết. Nhà văn trước khi kết hôn với đề tài của mình cần phải lắng nghe nhịp đập trái tim mình.

Những bài thơ được làm ra theo lời khuyên của các ông chú bà thím sẽ có số phận như cuốn sách của một người bạn tôi.

V ề c u ố n s á c h c ủ a b ạ n t ô i. Tôi không nhớ chính xác là vào năm nào, chỉ nhớ là có lúc người ta bỗng đua nhau nói là nước ta bây giờ cần có những Gôgôn và Sêđrin. Bất thình lình xuất hiện nhu cầu cần phải có văn học châm biếm xô-viết.

Bạn tôi biết làm thơ một ít, biết viết văn xuôi một ít, biết làm biên tập một ít. Nói tóm lại là một nhà hoạt động văn học. Anh hăng hái đáp lại lời kêu gọi và viết ngay một tập thơ đả kích bọn dựng chuyện vu cáo, bọn nịnh hót, bọn lêu lổng, bọn đa thê và các hiện tượng phản diện trong hiện thực xô-viết nhìn chung là tốt đẹp.

Cuốn sách chưa kịp bày ra hiệu sách thì có nhà phê bình đã viết một bài báo gay gắt. Ông ta viết: «Khẩu hiệu chúng ta cần có những Gôgôn và Sêdrin đã bị tác giả hiểu một cách quá đơn giản, sơ lược. Bây giờ chúng ta thấy rõ là bên cạnh chúng ta đã có một kẻ nhỏ nhen độc địa thế nào. Bây giờ chúng ta thấy rõ trái tim anh ta nhỏ nhen, đen tối thế nào. Anh ta có thể tìm được ở đâu những mẫu người mà anh ta đã bêu xấu trong sách? Chẳng lẽ trên đất nước xô-viết của chúng ta lại có những kẻ như thế sao? Không, trên đất nước xô-viết không thể có những kẻ như vậy được. Các nhân vật đó chỉ được sinh ra trong trí tưởng tượng đen tối của một

người đen tối, kẻ đã tiếp tay cho kẻ thù của chúng ta bằng một cuốn sách bôi đen chế độ».

Thủ trưởng cao cấp Múctabêkốp đập nắm tay xuống bàn nói lớn:

— Nào, anh đã thấy ở đâu chẳng hạn một đội trưởng sản xuất lười nhác, tắc trách như thế, lại còn rượu say bét nhè nữa?!

-- Tôi đã thấy ở làng tôi, — tác giả dịu giọng trả lời.

Đó là một sự vu cáo. Tôi biết rằng nông trang làng anh là một nông trang tiên tiến. Không thể có một đội trưởng sản xuất như vậy trong một nông trang tiên tiến.

Nói tóm lại, sự đả kích đã rơi ngay vào đầu nhà thơ đả kích. Mọi việc xảy ra như trong bức tranh châm biếm của một tờ tạp chí. Bức tranh vẽ hai cái ban công: một cái ở tầng 1, một cái ở tầng 4. Mỗi ban công có một người đang đứng. Người tầng dưới ném lên người tầng trên một viên ngói, nhưng viên ngói không lên tới tầng 4 mà rơi trở lại xuống trúng đầu người đã ném. Còn người ở tầng trên thì bình thản thả viên ngói xuống dưới, và nó cũng rơi trúng đầu anh chàng bất hạnh đứng ở ban công dưới. Dưới bức tranh là dòng chữ: «Phê bình từ dưới lên và phê bình từ trên xuống».

Có người khuyên nhà thơ đả kích xấu số kia tốt hơn hết là nên tự nhận mình có lỗi, nhận nhiều lần càng tốt, chỗ nào có thể nhận lỗi được thì tranh thủ mà nhận: trên báo, trên tạp chí, trong các cuộc họp. Tác giả cuốn sách mang vạ kia bắt đầu tự đấm ngực mình, hối hận ăn năn. Nhưng như thế vẫn chưa đủ. Thủ trưởng cao cấp Múctabêkốp nói:

— Sau những bài thơ bôi nhọ của anh, chúng tôi

không tin anh đâu. Anh cần phải chứng tỏ bằng việc làm, bằng ngòi bút mình, rằng anh đã sửa đổi.

Bạn tôi bây giờ sẵn sàng làm mọi việc. Bảo tự phê bình thì tự phê bình, bảo phải cải tạo thì sẽ tự cải tạo. Anh bắt tay vào làm và viết truyện thơ «Cô Margianát yêu lao động». Nữ nhân vật của truyện thơ, một cô gái tiên tiến, hăng hái, trong chốc lát đã biến cả nông trang thành nông trang tiên tiến, vượt mọi kế hoạch sản xuất và cuối cùng lại đoạt giải nhất tại hội diễn nghệ thuật nghiệp dư sau khi hát một bài do chính cô sáng tác. Truyện thơ được in ngay trong tạp chí và được xuất bản thành một cuốn sách riêng. Nhưng thời thế đã đổi thay một chút rồi. Bất ngờ vẫn mấy tờ báo đã từng gọi nhà thơ là kẻ vu cáo, bôi đen chế độ, lại nói rằng anh quả thật là một kẻ tô hồng chính cống. Thủ trưởng cao cấp Múctabêkốp lại đập nắm tay xuống bàn:

Anh nhìn thấy ở nông trang nào không có một thiếu sót nào hả? Anh tìm được ở đâu một nông trang lý tưởng như vậy?!

Người chịu tội lần này im lặng. Có những nút thắt quá chặt dùng tay không cởi được, dùng răng cũng không cởi được vì đã bị bẩn bởi cứt gì đó. Bạn tôi hiểu rằng trước mắt mình là một thứ nút thắt như vậy, anh chỉ ngồi yên, cúi đầu.

Anh im lặng chẳng nhiều, chẳng ít; vừa vặn 10 năm. Suốt thời gian ấy anh cũng chẳng đến Hội nhà văn nữa. Chỉ có một lần ghé qua Hội, khi người ta phân nhà ở. Các bạn thông cảm cho, ở trường hợp đó, không đến không được!

Ít lâu sau, thủ trưởng cao cấp Múctabêkốp bị cách chức vì tội lừa dối cấp trên. Không ai tiếc cho ông ta cả.

Tiện đây cũng xin kể là ông ta rất thích tắm biển. Thường buổi sáng, buổi chiều ông ta đi chiếc xe «Zim» màu đen to tướng ra bãi tắm đặc biệt và ở đây một mình ngâm tấm thân phì nộn của mình dưới làn nước mặn mát của biển Caxpie. Nhà ông ta xây sát biển. Nhưng bây giờ thì không ai thấy ông tắm biển nữa, vì ông không muốn đến bãi tắm công cộng. Chắc là ông không muốn phải hạ mình thành một người khác và tự xúc phạm đến lòng kiêu hãnh của mình.

Lại nói về đề tài. Khi bước ra ngoài sân, anh sẽ thấy dưới đất, trong bụi, trên cây, đâu đâu cũng có chim. Chúng bay trên trời, có loài bay cao, có loài bay thấp: nào là nhạn, nào là quạ, nào là sẻ... Giữa đám chim ấy, trên cả bầu trời chỉ có một chim ưng. Nó bay cao hơn cả, xa hơn cả, nhưng nếu trên trời có nó thì người nào bước ra khỏi nhà cũng sẽ nhìn thấy nó đầu tiên. Nó làm cho người ta chú ý chính là vì nó bay cao hơn cả, bay xa hơn cả. Sau đó người ta mới nhìn thấy những con chim sẻ đang đậu trên bụi cây cách cửa chừng năm bước.

Nhưng không phải vì thấy chim ưng mà thành chim ưng được đâu! Nhà văn viết về người anh hùng không tự biến thành người anh hùng. Tôi biết nhiều người nhát gan lại nổi tiếng về những bài thơ ca ngợi lòng dũng cảm.

Nếu người con dũng cảm của miền đất núi là Makhát Đakhađaep sống lại thì anh sẽ nói gì với nhà «học giả» viết luận văn về anh?

– Sao anh lại dám kể lại cuộc đời anh dũng của tôi, nếu anh không dám bảo vệ lấy một dòng nào của anh trước nhà biên tập cả? Nhà biên tập nào cũng có thể thay đổi ý

kiến của anh về tôi nếu người ta muốn, mà anh thì chẳng dám hé môi phản đối. Không, anh không xứng đáng để viết luận văn về một người như Makhát Đakhadaép, — đấy, người con dũng cảm của núi rừng có thể sẽ nói như vậy nếu ông chui được lên từ dưới nấm mồ.

Có người tưởng rằng cứ bắt tay vào viết một đề tài vĩ đại là trở thành người vĩ đại. Nhưng cái vĩ đại lại nằm ở sự giản dị. Trong một hạt mưa rơi ẩn náu một trận hồng thủy. Sự khác nhau giữa người vĩ đại và kẻ tầm thường là ở chỗ: kẻ tầm thường chỉ nhìn được những sự vật, những hiện tượng thật lớn, thật to mà không thấy được gì ở dưới mắt mình. Còn người vĩ đại thì nhìn được cả cái lớn, cái nhỏ, và ngay trong cái nhỏ cũng tìm thấy một điều gì lớn mà chỉ ra cho mọi người biết.

H ồ i ứ c. Đôi khi xảy ra điều thế này: nhà văn có tài thì buồn rầu, còn nhà văn bất tài thì vênh mặt lên mà đi lại. Điều đó xảy ra khi người ta chỉ đánh giá tác phẩm theo thiện ý của tác giả thôi, tài năng của người viết ra sao, nghệ thuật cuốn sách thế nào — đều không được chú ý thích đáng. Trong hoàn cảnh ấy, người ban phát lời khuy nhiều hơn người được khuyên, người định giá hàng nhiều hơn hàng, kẻ ba hoa nhiều hơn nhà văn.

Chính vào lúc ấy bố tôi đã viết xong một trường ca lớn về Samin. Bản trường ca sắp sửa in thì bỗng có lời phán vĩnh cửu cho mọi thời đại mai sau rằng Samin là gián điệp của Anh và Thổ-nhĩ-kỳ. Hóa ra là 25 năm liền Samin đã chiến đấu không phải cho tự do của các dân tộc Đaghextan mà vì để lừa dối các dân tộc đó.

Bố tôi biết xoay sở thế nào với bản trường ca của mình! Người ta trách ông rằng giữa thời đại rực rỡ của

chúng ta sao lại quấn chân vào lịch sử xa xưa và tốt hơn hết là ông nên viết trường ca về một cái gì khác, hiện đại hơn, gần gũi hơn đối với độc giả.

Vào những ngày ấy, nhà thơ vui tính Abutalíp thường hay đến chơi nhà. Hầu như lần nào đến ông cũng mang theo cái kèn zurna hay cây sáo.

— Gamzát này, — Abutalíp sửa lại thế ngồi cho thuận hơn rồi rút cây kèn ra. — Đừng buồn quá thế, anh Gamzát ạ. Khi tôi còn là một chú bé và chưa làm thơ, tôi luôn miệng thổi cái kèn này... Nó đã nuôi sống tôi và gia đình tôi đến mấy năm liền. Bất kỳ ai yêu cầu bài gì nó đều thổi được. Thôi, chúng ta cùng nhau nhớ lại thời trẻ đi, gác chuyện làm thơ lại mà đàn hát một lúc đã. Tôi thổi kèn còn anh thì đánh trống nhé. Như thế thì sẽ dễ chịu hơn đấy.

Anh nói gi vậy, anh Abutalíp. Nếu chúng ta thành người thổi kèn đánh trống thì mới chỉ là một nửa tai họa. Thường thì khi thổi kèn zurna, có một người khác nhảy theo điệu nhạc đó hay biểu diễn xiếc trên dây. Người thổi kèn đứng dưới đất, còn diễn viên xiếc thì lại nhảy trên dây. Đấy, anh thử nói xem, anh Abutalíp, ai khổ hơn? Người làm xiếc trên dây hay là hai chúng ta? Người ta muốn biến chúng ta thành diễn viên xiếc leo dây đấy.

Nhà thơ Abutalíp vốn vui tính bỗng lộ vẻ buồn rầu, cây kèn của ông trầm hẳn lại. Ông lặng lẽ thổi lúc lâu, rồi ngẩng đầu lên nói:

— Làm thơ quả là khó thật.

Câu chuyện về con chim thường muốn bằng chim ưng. Có một đàn cừu đang từ trên núi xuống thung lũng. Bất ngờ từ trên trời cao, một con chim

ưng lao xuống quắp lấy một con cừu non. Một con chim nhỏ đã trông thấy hết cảnh đó. Nó nghĩ rằng: ờ, sao mình lại không làm như chim ưng nhỉ. Mà việc gì lại đi quắp cừu con, ta sẽ bắt hẳn con cừu to. Con chim nhỏ bay cao lên, cụp cánh lại và lao thẳng xuống. Nhưng chuyện lại kết thúc ở chỗ là nó va phải sừng cừu và chết ngay tại chỗ.

Một con ruồi có lần định lăn hòn đá đi, cũng bị thế này. –người chăn cừu nói, đặt trong lòng tay chú chim vừa chết.

Vậy là chú chim muốn bằng chim ưng cuối cùng đã đạt được điều là bị vì với con ruồi.

Lại nói về đề tài. Đề tài là tình yêu, đề tài là lời thề, đề tài là lời thỉnh cầu, đề tài là lời khấn vái. Ở phương Đông, người ta nói rằng lời khấn vái không vì lặp lại mà hỏng, càng lặp lại nhiều lần nó càng thiêng liêng.

Không thể nói như vậy về đề tài. Nếu anh cứ lặp đi lặp lại mãi một đề tài, nó sẽ bị vỡ vụn ra và mất giá trị. Viên kim cương càng to càng quý. Có ai cần đến bụi kim cương?

Có lần tôi làm một bài thơ về cô giáo Nga Vêra Vaxiliépna. Tôi nhận thấy nhiều độc giả, và thậm chí cả nhà phê bình nữa, đã thích bài thơ. Tôi vui mừng và bắt đầu lặp lại đề tài đó.

Thơ của tôi đã không giống như thứ rượu để nguyên trong thùng mà giống thứ rượu sau khi thùng đã bị tráng nước.

Có thể bày bán rượu mới cất dưới nhãn hiệu rượu để lâu năm. Tôi sẽ kể thêm chuyện đôi khi chúng tôi đã làm, lúc đãi người Maxcơva bằng thứ rượu của chúng tôi.

Tôi và những người bạn Kapkazơ của tôi mỗi lần

9*

từ làng quê đến Maxcơva đều mang theo rượu. Tụ tập bạn bè lại, mở thùng rượu ra và bắt đầu uống. Rượu trong thùng là thứ rượu để lâu, rất ngon. Bạn bè tôi uống thứ rượu ấy đều tấm tắc khen và kể lại cho các bạn của họ. Người ham rượu ngon rất nhiều. Mà thùng rượu, như mọi người biết đấy, lại có đáy. Đôi khi chúng tôi, nói bỏ quá cho, mua rượu chai ở quầy điểm tâm đổ vào thùng và nói rằng đó là thứ rượu quê chính cống, cất kỹ dưới hầm nhà. Chúng tôi rất ít gặp phải người sành uống vạch mặt được chúng tôi. Chỉ có một vị khách nếm thử, rồi nhìn tôi lắc đầu. Những người kia thì cứ càng uống càng say, mà càng say lại càng khen.

Với những bài thơ mà tôi đã lặp lại đề tài cũng lâm vào cảnh tương tự. Chỉ có một vài độc giả hiểu biết, khó tính nhất là lắc đầu và nói:

— Ê, anh bạn Đalagôlốp cũng đã đến vì chuyện ấy rồi!

Hay họ còn nói:

— Mỗi làng chỉ cần có một thằng ngốc là đủ.

Đến lúc ấy tôi mới hiểu rằng tôi đã làm một việc hệt như những người thợ mộc lành nghề đã làm với những cây gậy của mình.

Bây giờ tôi lần lượt kể hai câu chuyện.

Khi tôi còn nhỏ tuổi, ngày nào tôi cũng thấy ông Kurbanali xách túi thư báo đi phân phát ở các nhà. Đó là một người ở làng Ebút. Đưa thư báo xong, Kurbanali thế nào cũng ghé vào nhà bố tôi ngồi hút thuốc, tán gẫu. Tôi không biết vì sao ông ấy lại chọn bố tôi làm người nói những chuyện ấy. Bởi vì quanh đi quẩn lại, ông chỉ nói về mỗi một đề tài — về đám cưới. Nói đúng hơn là về

đám cưới mới của mình, vì ông ta thuộc loại sau một tuần là cưới, cưới một tháng là bỏ.

Đó là vào lúc ông ta vừa ly dị vợ và đang kiếm một bà góa trẻ. Và chắc ông ta đã tìm ra nên ngày nào cũng toàn nói chuyện bà ta đẹp thế nào, trẻ thế nào, niềm nở thế nào.

Nhưng bỗng không thấy ông ta nói về người đàn bà góa trẻ đó nữa. Kurbanali ngày ngày vẫn đến nhưng khi thì nói về thời tiết, khi thì nói về công việc của nông trường, về đủ thứ chuyện, chỉ trừ chuyện đám cưới mới.

—Sao, anh không định cưới bà ấy nữa à?—bố tôi hỏi.

—Sao lại nói thế, anh Gamzát, tôi vẫn muốn cưới chứ, nhưng cô ta lại hoàn toàn không nghĩ đến chuyện đó. Và bây giờ thì tôi phải đi khắp cái xứ Đaghextan này để tìm bà góa trẻ khác.

Một thời gian dài không thấy Kurbanali đến nhà—chắc là ông ta đã đi các làng để tìm kiếm. Thư báo dạo ấy ông ta giao cho con trai phát. Khi chàng rể bất hạnh lại xuất hiện ở nhà tôi, chúng tôi sốt ruột hỏi:

—Thế nào, việc đến đâu rồi? Đường anh đi có thẳng, có ngắn không?

-Lẽ ra thì nó đã thẳng đấy, nhưng Đalagôlốp đã bẻ cong nó.

—Thế là thế nào?

—Rất đơn giản thôi. Bất cứ chỗ nào tôi đến vì chuyện của tôi, người ta đều trả lời: ông đến chậm rồi, Đalagôlốp cũng đã đến vì chuyện ấy rồi.

Đarbis Đalagôlốp là một chàng Đông Gioăng nổi

tiếng của người Avar. Năm 1938, Đarbis đã lấy vợ lần thứ 18.

Từ câu chuyện của người đưa thư Kurbanali mà vùng Đaghextan có thêm câu thành ngữ: «Đalagôlôp cũng đã đến vì chuyện ấy rồi».

Câu chuyện thứ hai là về một anh ngốc. Mọi người biết rằng, mỗi làng đều có một anh ngốc. Thế là tốt. Nếu nhiều anh ngốc quá thì thật không nên, nhưng nếu không có anh ngốc nào thì cũng thiếu thiếu một cái gì. Những anh ngốc đều biết nhau rất rõ và thậm chí còn đi thăm nhau. Theo tục lệ đó, có lần, một anh ngốc ở làng Gortakôlư đến thăm anh ngốc ở làng Khunzắc.

— Chào anh ngốc!

— Kính chào anh ngốc!

Tiếp đó mọi chuyện diễn ra như giữa hai người bạn. Họ ngồi gần bếp lò, ăn uống vui vẻ. Đến ngày thứ ba anh ngốc ở làng Gortakôlư sửa soạn ra về. Anh ngốc chủ nhân tiễn khách với đầy đủ nghi thức, tặng quà cho khách, rồi tiễn ra khỏi làng. Hai anh ngốc chia tay nhau.

Tục lệ mến khách đã được giữ đúng. Chỉ cần khách rời khỏi một bước là có thể tha hồ muốn làm gì anh ta thì làm, bởi vì anh ta không còn là khách nữa. Ngay lúc đó anh ngốc làng Khunzắc liền nhảy bổ đến anh kia và thụi luôn anh ta một quả.

— Sao anh lại đánh tôi?

— Đừng vác mặt đến nhà tao nữa nhé! Lẽ nào mày không biết rằng mỗi làng chỉ cần có một thằng ngốc thôi là đủ à?

Đôi khi tôi suy nghĩ về câu chuyện này, và tôi cho

rằng có lẽ mỗi làng cũng chỉ cần có một người uyên thâm là đủ.

R ú t t r o n g s ổ t a y. Một tù trưởng giàu có hỏi một chàng nghèo khổ:

— Cái gì ngon nhất nơi con vịt? Nếu mày nói dúng, tao sẽ thưởng.

— Cái phao câu, — chàng nghèo khổ trả lời ngay.

Khi làm thịt vịt xong, viên tù trưởng nếm, và quả thật thấy rất ngon. Ông ta lại hỏi một chàng nghèo khổ khác:

Cái gì ngon nhất ở con trâu?

Anh chàng thứ hai cũng muốn được thưởng, bèn trả lời:

- Cái phao câu.

Viên tù trưởng nếm thử và quất cho anh ta một trận nên thân.

Tiếc là không có cái roi nào dành cho những nhà văn không nghĩ ngợi gì cả, lặp lại theo đuôi người khác. Câu trả lời giống nhau trong những trường hợp khác nhau...

V à b â y g i ờ - t h ì v ề l ờ i g h i t r ê n c h i ế c g ậ y l à m t ạ i U n x u k u n. Nhà văn Maxcơva Vladlen Bakhnốp bị thọt, đi phải chống gậy. Nghỉ hè, khi tôi trở về Đaghextan, tôi hứa sẽ mang tặng ông một cây gậy đẹp do những người thợ nổi tiếng ở Unxukun làm ra. Về đến nhà, việc đầu tiên là tôi viết thư cho người quen ở Unxukun nói rõ yêu cầu của mình. Đó là một thợ già, người bạn của bố tôi, và có thể hy vọng rằng cái gậy sẽ hoàn toàn như ý. Tôi chỉ không biết nên đề gì lên cây gậy.

Vào thời gian đó, một tờ báo trung ương đăng một bài báo dài về văn học. Bài báo có đầu đề: «Cây gậy thay cho sự phê bình».

«A, — tôi nghĩ, — có thể mượn câu đó mà để vào cái gậy tặng nhà văn Maxcơva».

Hai tuần sau chiếc gậy đã làm xong. Đó là cây gậy đẹp nhất trong những cây gậy của miền Unxukun. Trên gậy có khắc hàng chữ «Tặng Vl. Bakhnốp. Cây gậy thay cho sự phê bình. Raxun Gamzatốp».

Những chiếc gậy Unxukun thường thấy bày bán ở các cửa hàng bán đồ lưu niệm ở Makhátkala, ở Kixlôvôtxk, ở Piachigorxk và trong nhiều phiên chợ ở các làng cao.

Vài tháng sau, bất ngờ ở các nơi ấy xuất hiện nhiều cây gậy với hàng chữ đề giống nhau: «Tặng Vl. Bakhnốp. Cây gậy thay cho sự phê bình. Raxun Gamzatốp». Chắc là những người đi an dưỡng đã ngạc nhiên khi thấy dòng chữ như thế ghi trên đồ lưu niệm. Nhưng ngạc nhiên hơn cả là tôi.

Hóa ra là người thợ già làm giúp tôi cây gậy đầu tiên không biết một chữ tiếng Nga nào. Ông đã khắc lên cây gậy một cách máy móc lời tôi ghi trên giấy. Ông nghĩ rằng nếu nhà thơ đã muốn khắc lên gậy hàng chữ ấy, thì chắc là những chữ này thể hiện một ý gì sâu sắc lắm đây. Vậy thì việc gì lại không khắc lại những chữ đó trên những cây gậy khác?

Không thể trách người thợ già. Ông đã ngây thơ tin vào thi sĩ và tỏ ra chân thành, đôn hậu trong niềm tin của mình. Nhưng có phải thỉnh thoảng chúng ta, những nhà văn nhiều tuổi nghề, cũng đã hành động như ông già kia?

Điều cuối cùng tôi muốn nói về đề tài. Có một đề tài giống như lời khấn khứa, càng lặp lại nhiều lần càng quý giá hơn, cao thượng hơn, phong phú hơn.

Đề tài đó là quê hương.

Khi trẻ con nghịch ngợm và cần thấy phải đánh nó, thì phong tục miền núi cho phép đánh vào bất cứ chỗ nào, trừ mặt. Mặt người là bất khả xâm phạm, và đó là luật lệ đối với người dân vùng núi.

Đaghextan — Người là gương mặt của tôi. Tôi cấm không để ai động vào.

Người miền núi thường tỏ ra rất kiên nhẫn khi cãi nhau. Họ nói với nhau nhiều lời chẳng tốt đẹp gì, mỗi bên đều chịu được và đáp lại những lời cay dộc bằng những lời cay độc. Nhưng điều đó chỉ xảy ra chừng nào những lời cay độc chỉ động chạm đến chính bản thân những người cãi vã. Thật là tai họa, nếu một bên vô ý xúc phạm đến danh dự của mẹ hay chị của bên kia, thì lúc đó dao găm sẽ tham dự vào cuộc.

Đaghextan — Người là mẹ tôi. Hãy để cho ai phải cãi nhau với tôi nhớ đến điều đó. Có thể lăng mạ tôi đủ điều, tôi đều chịu được. Nhưng đừng động đến Đaghextan của tôi.

Đaghextan là tình yêu của tôi, là lời thề, lời nguyện cầu, lời khấn khứa của tôi. Người là đề tài chủ yếu trong mọi cuốn sách của tôi, của cả cuộc đời tôi.

Đôi khi người ta yêu cầu tôi chỉ kể về ngày hôm qua của Người, về những phong tục, tập quán cổ xưa, về những truyền thuyết, về bài ca, về những đám cưới và những lưỡi gươm, về các trận đánh và tình hữu nghị, về những chiến sĩ gang thép và những phụ nữ thủy chung, về sự cao thượng và lòng dũng cảm, về máu của các chàng trai và nước mắt các bà mẹ.

Đôi khi người ta yêu cầu tôi chỉ kể về ngày hôm nay

của Người. Về những nông trường quốc doanh và nông trang tập thể, về những đội trưởng và tổ trưởng sản xuất, về những rạp hát và thư viện, về những chiến công của Người trong lao động.

Tôi không thể kể riêng rẽ về ngày hôm qua hoặc ngày hôm nay. Với tôi chỉ có một Đaghextan đã sống qua nghìn năm. Quá khứ, hiện tại, tương lai của nó với tôi đã nhập hòa làm một. Tôi không thể phân chia nó ra thành những thời gian khác nhau.

Lịch sử nhiều quốc gia, nhiều đất nước từ lâu đã được viết không chỉ bằng máu, mà còn bằng mực, bằng bút viết trên giấy. Không chỉ do những người lính, những tướng soái viết mà còn do các nhà văn, các nhà sử học. Lưỡi gươm đã viết nên lịch sử của Đaghextan. Và chỉ thế kỷ 20 mới trao cho Đaghextan thêm ngòi bút.

Đaghextan! Tôi đi theo dấu vết những trận chiến đấu xưa của Người, tôi đã đến nhiều bãi chiến trường, nơi chôn vùi nắm xương những đứa con của Người. Những cánh đồng nông trang trồng lúa mì hay ngô hãy đừng giận tôi vì điều ấy. Bởi vì khi tôi làm những bài thơ về Đaghextan hôm nay quá khứ đã không trách móc tôi.

Khi tôi từ nước ngoài xa xôi trở về, dân làng xúm quanh yêu cầu tôi kể những gì đã thấy. Tôi dành ba tiếng đồng hồ kể về nước Pháp, nước Ấn-độ, nước Nhật-bản, nước Thổ-nhĩ-kỳ. Nhưng sau ba giờ, câu chuyện dần dần tự nhiên quay về Đaghextan. Tôi kể cho dân làng nghe về Đaghextan, và họ lắng nghe tôi hệt như mới được nghe lần đầu. Mặc dù chính họ là Đaghextan.

Makhơmút là một nhà thơ lớn. Đề tài chính của ông là tình yêu với cô gái Mariam. Một người bạn rất

thân yêu cầu ông sáng tác dùm một bài hát ru vì anh ta vừa sinh con trai. Makhơmút làm thử, nhưng không ăn thua. Đứa trẻ vẫn khóc trong khi nghe bài hát ru của Makhơmút mặc dù lẽ ra nó phải ngủ. Một người bạn khác yêu cầu Makhơmút làm bài điếu cho vợ anh mới chết. Makhơmút cũng thử làm nhưng không thành công. Người ta không khóc khi nghe đọc điếu văn của Makhơmút. Thậm chí có người còn mỉm cười.

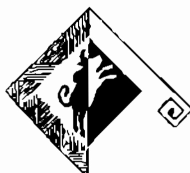
Nhưng đến giờ người ta còn khóc khi nghe những bài ca của Makhơmút về tình yêu đau đớn của mình với cô gái Mariam.

Mariam đã là đề tài chính của Makhơmút. Còn đề tài chính của tôi là Đaghextan. Tình yêu của tôi bao la hay ít ỏi, chân lý của tôi sâu sắc hay nhỏ nhen, tình cảm của tôi cũ kỹ hay mới mẻ, tôi cũng không biết nữa, nhưng tôi vẫn viết về Người, Đaghextan của tôi. Những khi tôi viết bất giác cây bút của tôi run run trên tay.

Bố tôi nói: Nếu có thửa ruộng trồng dưa sát ngay bên đường, mỗi người đi qua đó sẽ hái được quả dưa chưa chín.

Người ta nói: Đừng cầm vào hòn đá mà anh không nâng nổi. Đừng bơi đến chỗ mà từ đây anh không thể bơi trở về.

Người ta nói: Nếu nước suối ngập đến bắp chân, đừng kéo quần lên đầu gối.



# THỂ LOẠI

> Kẻ ngu làm kinh ngạc bằng tiếng gào, người thông minh làm kinh ngạc bằng câu tục ngữ dẫn ra đúng chỗ.
>
> Mùa xuân đã đến  hãy hát bài ca  Mùa đông đã đến  hãy kể chuyện cổ tích.

Đây, tôi đang đứng trước quả núi mà tôi cần phải vượt qua. Con ngựa cừ đưa tôi vượt qua bất cứ ngọn đèo nào. Quả núi — là đề tài của tôi, ngựa — là lời nói của tôi. Nhưng bây giờ tôi phải chọn con đường nhỏ, mà theo đó, sẽ vượt được núi cao.

Các bậc tiền bối của tôi đều yêu thích con đường thẳng. Nó khó đi hơn, nguy hiểm hơn nhưng ngắn hơn... Nó có thể giết chết người vượt núi, nhưng lại dễ dẫn người đó mau đến đích.

Hay trước mặt tôi là một thành lũy cần phải chiếm. Tôi có một thứ vũ khí tuyệt diệu mà nó sẽ không phản bội tôi trong trận đánh. Thành lũy — là đề tài của tôi, vũ khí —

là lời nói của tôi. Nhưng cần phải tìm cách nào có thể dễ chiếm được thành lũy kiên cố đó. Hoặc là tấn công bất ngờ, hoặc bao vây kéo dài thì tốt hơn.

Có cánh đồng đã gieo hạt kê, và có con nước trên dòng suối núi. Nhưng làm thế nào dẫn nước xuống đồng?

Có củi trong bếp lò, có nồi và một thứ gì có thể đặt vào nồi. Nhưng sẽ nấu món ăn gì cho bữa cơm trưa?

Vị tổng biên tập nọ trong bức thư của mình đã cho phép tôi lựa chọn bất kỳ thể loại nào: truyện ngắn hoặc truyện vừa, thơ hay là bài báo. Càng nhiều khả năng, càng khó lựa chọn.

*Rút trong sổ tay.* Ở Đại học văn học chúng tôi đã có một sự diễn biến thế này.

Năm thứ nhất — có 20 nhà thơ, 4 nhà văn xuôi và 1 nhà viết kịch.

Năm thứ hai — có 15 nhà thơ, 8 nhà văn xuôi, 1 nhà viết kịch và 1 nhà phê bình.

Năm thứ ba   có 8 nhà thơ, 10 nhà văn xuôi, 1 nhà viết kịch và 6 nhà phê bình.

Đến cuối năm thứ năm — chỉ có 1 nhà thơ, 1 nhà văn xuôi, 1 nhà viết kịch, còn lại tất cả đều là nhà phê bình.

Chuyện đó tất nhiên là chuyện tiếu lâm, phóng đại. Nhưng điều có thật là nhiều người bắt đầu nghề viết bằng thơ, sau đó chuyển sang viết văn xuôi, viết kịch rồi cuối cùng viết các bài phê bình. Bây giờ lại thêm mốt mới là chuyển sang viết kịch bản điện ảnh.

Có những hoàng đế và quốc vương phế bỏ hoàng hậu vì không có con. Nhưng sau khi thay vợ vài lần, vị hoàng đế hay quốc vương đó mới biết là không có con không phải vì lỗi của các bà vợ. Trong khi đó, một bác

nông phu khác suốt đời chỉ sống với một vợ thì lại có đến mười hai đứa con.

Tôi cho rằng: cứ uống rượu đi nhưng đừng chê bai bánh mì. Cứ việc hát, nhưng hãy nghe cả chuyện cổ tích. Cứ làm thơ đi, nhưng cũng đừng xua đuổi truyện ngắn tránh xa mình.

Văn xuôi. Đã có thời tôi nằm trong nôi nghe mẹ tôi hát bài hát ru. Bà chỉ biết duy nhất một bài hát. Mặc dù bố tôi là một nhà thơ có tiếng, nhưng ông không viết cho các con của mình một bài hát nào. Ông ưa kể cho chúng tôi nghe những câu chuyện, những mẩu chuyện khác nhau. Đó là văn xuôi của ông.

Bố tôi không thích nói về những bài thơ của mình. Theo tôi, ông đã coi làm thơ là một việc ít nghiêm chỉnh. Những việc nghiêm chỉnh của ông là: cày ruộng, chữa kho thóc, chăn nuôi bò sữa và ngựa, gạt tuyết khỏi mái, sau này là tham gia công việc chung trong làng và cả trong huyện nữa.

Viết xong một bài thơ, bố tôi chẳng quan tâm nhiều lắm đến việc nó sẽ được in ở đâu. Đối với ông thì báo trung ương hay báo tường của thiếu nhi trong làng cũng thế. Tôi đã thấy là có khi ông lại còn thích thú báo tường hơn.

Ông thường nhớ lại điều Anaxin Mahômét đã nói với con trai của mình, là một người ngợi ca tình yêu nổi tiếng, — nhà thơ Makhơmút. Khi Makhơmút sau một thời gian dài lưu lạc, đau khổ vì tình yêu và những bài ca về tình yêu, nhợt nhạt và đói mệt trở về nhà, xin bố cho ăn, người bố bình thản trả lời:

- Lấy thơ mà ăn, lấy tình yêu mà uống. Tao phải cày ruộng thay mày mệt lắm rồi.

Tất nhiên, với chim, hót cũng cần, nhưng việc chính là xây tổ, kiếm thức ăn, nuôi con.

Bố tôi coi thơ cũng hệt như tiếng chim hót. Đẹp đấy, thú vị đấy, nhưng không nhất thiết phải có. Ông nghĩ thơ cũng giống như là tiếng chào khi gặp nhau buổi sớm, lời chúc nhau ngủ ngon ban đêm, lời mừng khi gặp lễ lạt, lời chia buồn khi nhà ai đó có tang.

Có ý kiến cho rằng nhà thơ không phải là những người như ở thế giới này - mỗi nhà thơ đều có riêng tính nết. Bố tôi lại hoàn toàn là một người dân miền núi bình thường. Bố tôi thích nhất là ngồi chậm rãi trò chuyện với bè bạn, khi mọi người quây tròn lại lần lượt kể cho nhau đủ thứ chuyện — tức vẫn là văn xuôi.

Những bài thơ đầu tiên ông đưa cho nhà thơ nổi tiếng Makhơmút xem. Nhà thơ rất ngạc nhiên khi đọc những bài thơ của bố tôi và nói rằng ông không hiểu được những bài thơ đó, và nói chung là ông không thể hiểu vì sao lại có thể làm được thơ về con bò sữa, về máy kéo, về những con chó, về con đường nhỏ dẫn tới làng Khunzắc.

— Vậy thì phải làm thơ về cái gì? — bố tôi từ tốn hỏi.

— Về tình yêu và chỉ về tình yêu thôi! Cần phải xây lên một lâu đài tình yêu.

Bố tôi không dựng lâu đài tình yêu. Mà ông cũng chẳng lo tới chuyện phải dựng nó. «Lâu đài» của ông, mối lo của ông — những gì chất chứa trong thơ ông — đó là cái nhà, gia đình, con cái, làng bản, ngựa, đất nước, hòa bình và ruộng đất, bầu trời, cơn mưa, mặt trời, cỏ cây.

Đúng ra, có một lần ông làm một bài thơ tình về người đàn bà ông yêu. Nhưng để không ai đọc được bài

thơ đó, ông đã viết bằng tiếng A-rập. Đó là bài thơ viết riêng cho người yêu, riêng cho ông.

Phải rồi, bố tôi ưa thích hơn cả là câu chuyện kể từ tốn, thông minh. Buổi tối, khi mặt trời vừa lặn, bố tôi thường đặt tôi ngồi lên đùi, lấy vạt áo dày ấm thơm thơm choàng qua người tôi, rồi bắt đầu kể chuyện và kể rất lâu. Ông kể về những người đi đến những miền xa lạ và những người ở lại quê hương. Ông kể về những con đường, những dòng sông, về những bông hoa nở và vì sao đàn ong lại đến. Ông kể về mặt trời đỏ mọc lên rồi lặn đi thế nào. Ông kể về những phong tục, tập quán cổ xưa, những lời cầu nguyện trước khi bước vào trận đánh.

Chỉ cần nhìn lên trời, ông cũng có thể biết ngày mai mưa hay nắng. Ông biết rằng nếu chung quanh đều mưa mà làng Têlét lại nắng thì có nghĩa là có mưa đá trên cao nguyên Khunzác.

Ông kể cho tôi nghe một bông lúa có bao nhiêu hạt và vì sao cầu vồng rực rỡ hiện lên.

Nếu từ xa thấy một người bộ hành đi từ làng này qua làng khác, bố tôi có thể kể rõ người đó là ai, vì chuyện gì phải lên đường, buổi tối sẽ ngủ lại nhà ai...

Mà việc gì lại phải kể tất cả những chuyện đó cho tôi! Tốt hơn hết là ghi lại trên giấy. Đấy có thể đã là văn xuôi của ông, văn xuôi của nhà thơ Gamzát Xađax.

Chuyện kể và cuộc đời đối với ông là một. Ông cho sự suy nghĩ là chuyện kể và chuyện kể là sự suy nghĩ. Còn thơ thì ông ví với trái tim mỗi lúc đập một nhịp.

Tốt hơn hết, bố tôi tự mình ghi lại những chuyện ông đã kể. Bởi vì đằng nào khi tôi lớn lên, trái tim tôi vẫn đi trước. Khi có con chim bay ngang qua, tôi chẳng hề

nghĩ nó bay đi đâu và vì sao, tôi chỉ muốn bắt được nó lúc đang bay. Dù bố tôi có cố công đến thế nào, bài hát ru duy nhất của mẹ hồi nhỏ tôi vẫn yêu thích hơn tất cả những chuyện kể của bố tôi.

Với bài ca, tuổi thơ của tôi đã trôi qua; với bài ca, tôi đã sống những năm trẻ trung; với bài ca, tôi đã trưởng thành; cũng với bài ca đầu tôi đã bạc.

Nhưng bây giờ tôi đã hiểu, dù tôi phiêu bạt tận đâu, dù tôi đã hát những bài ca nào, bao giờ cũng có vách đá chờ chim ưng tới đậu, bao giờ cũng có ngọn cây chờ chim đến kết tổ, bao giờ cũng có ngôi nhà chờ khách gõ cửa, và có văn xuôi đang chờ nhà thơ đến với nó.

Và đây, tôi đã đậu xuống vách đá chờ tôi, đã gõ vào cánh cửa ngôi nhà sẽ mở đón tôi bước vào. Tôi hiểu rằng tôi không thể nói ra bằng thơ tất cả những gì tôi đã thấy trên trái đất, tất cả những gì tôi đã cảm, đã nghĩ.

Tôi hiểu rằng văn xuôi không phải là bài ca có thể đứng mà hát được. Cần phải ngồi xuống cạnh bàn, xắn tay áo lên, cần phải vặn chuông đồng hồ báo thức thật sớm, cần phải pha chè thật đặc để khỏi ngủ thiếp đi trong đêm.

Nếu xây móng thật chắc và biết dựng dàn giáo thật chắc thì việc dựng nhà sẽ trót lọt. Đây sẽ là gì — là truyện ngắn, truyện vừa, truyện cổ tích, truyện hoang đường, tùy bút, suy tư hay chỉ là bài báo — tôi cũng không biết.

Có thể có những nhà biên tập, nhà phê bình nói với tôi rằng không phải tôi đã viết tiểu thuyết, truyện cổ tích, truyện vừa mà cũng chẳng biết tôi đã viết ra cái gì. Một vài nhà biên tập, nhà phê bình khác lại có thể nói rằng đây vừa là thể loại đầu vừa là thể loại thứ hai, thứ ba, thứ năm và thứ mười nữa.

Tôi cũng không phản đối. Các bạn cứ việc gọi tùy thích những gì tôi đã viết. Tôi không viết theo những quy cách sách vở đã định, mà viết theo mệnh lệnh của trái tim. Trái tim không có quy cách. Nói đúng hơn là nó có riêng những quy cách không phải bao giờ cũng thích hợp với mọi người.

Tôi thầm nghĩ: không biết mình có làm hỏng bữa ăn không, nếu tôi đổ vào một nồi cả thịt, cả gạo, cả hoa quả, cả ớt, hoặc nếu vừa cho thêm muối lại cho thêm cả mật? Hay là, ngược lại, đây sẽ là một món ăn ngon lành, phi thường? Hãy để cho người ngồi ăn đánh giá dở ngon.

Câu chuyện của tôi, những suy nghĩ của tôi, chuyện cổ tích của tôi! Đã nhiều lần hồi bé, vào đêm mùa đông, tôi không thể nào ngủ được vì nóng lòng chờ bố tôi hay anh tôi trở về nhà. Tôi lắng nghe tiếng cửa cót két và tiếng sột soạt ngoài hiên, và những phút ấy như đã kéo thành giờ dài dặc.

Vào những đêm đó, ông tôi ngồi xuống bên cạnh tôi và bắt đầu khe khẽ kể khi thì chuyện cổ tích, khi thì một bài bát, một truyện ngụ ngôn, một câu tục ngữ, lúc buồn cười, lúc đáng sợ. Tôi không nhớ đến thời gian nữa, tôi chỉ còn biết lắng nghe chuyện kể của ông, những chuyện gợi trí tưởng tượng cho tôi. Bố hay anh tôi trở về nhà, và tôi tiếc rằng câu chuyện lý thú đã bị cắt ngang.

Sau này, khi tôi đã lớn và đi khắp thế gian rồi vội trở về làng như bố tôi hay anh tôi trước đây, thì càng gần đến nhà bao nhiêu, tim tôi càng đập gấp bấy nhiêu, tôi tính đếm xem trên đường còn bao hẻm núi nữa sẽ đến nhà; lúc đó có ai trong số bạn đồng hành lên tiếng kể một chuyện hấp dẫn, tôi liền chăm chú nghe và khi ngôi nhà

đã hiện ra trước mắt, tôi cảm thấy tiếc tiếc là đường đã hết và người đồng hành chưa kịp kể hết câu chuyện.

Bố tôi hỏi:

—Thế nào, qua đèo thế nào, hẻm núi có bị tuyết lấp không?

Nhưng tôi đã chẳng để ý gì đến đèo, đến hẻm núi, đến tuyết. Tôi chỉ nhớ những gì người bạn đồng hành hay chuyện đã kể cho tôi. Những chuyện kể của anh đối với tôi biến đèo cao thành đường bằng, tuyết lạnh thành bông ấm áp.

Những câu chuyện của tôi, những suy nghĩ của tôi! Liệu chúng có thể rút ngắn cho ai đó đêm mùa đông dài chờ đợi người thân, hay đường mùa đông dài dặc dẫn về ngôi nhà ấm cúng vẫn hằng mong nhớ?

Như người ta cho rau thơm vào canh, tôi cũng cho dôi ba câu thành ngữ, tục ngữ vào những câu chuyện nhàn nhạt của tôi.

Các cô gái ở làng Tailúc tự chấm lên cằm mình, gần duôi mép, hai nốt ruồi nho nhỏ làm duyên. Hãy để cho những tục ngữ trong cuốn văn xuôi này của tôi cũng giống như hai nốt ruồi ấy trên gương mặt cô gái.

Như người ta ốp vào tường phẳng phiu những hòn đá sù sì, tôi cũng gắn vào câu chuyện của tôi những hồi ức, những đoạn rút từ trong sổ tay. Nhưng không phải hòn đá nào cũng thích hợp với bức tường cả. Khi tôi đã gắn vào đấy một vài đoạn như thế, rồi tiếp tục viết, thì tôi có cảm giác giống cảm giác của những người theo đạo, khi họ tiếp tục nguyện cầu, nhưng đã không còn lòng cầu nguyện. Những hòn đá nào không thích hợp cần phải lấy ra khỏi tường.

Vậy là từ những bài thơ, bài ca sôi nổi, tôi chuyển sang chuyện kế từ tốn, chuyển sang văn xuôi. Nhưng nếu tôi quyết định tạm thời xa bài ca, thì nó lại không muốn xa tôi. Giống như chú mèo con mềm mại, nó chui vào chăn tôi, khi tôi đang ngủ. Giống như tia mặt trời ló qua đỉnh núi, nó vụt chiếu vào nhà tôi, khi tôi vừa mở cánh cửa sổ. Nó chờ tôi ở đáy cốc cùng với những giọt rượu cuối cùng ngon ngọt nhất. Nó theo dõi tôi khắp nơi như người đàn bà vừa bị phụ tình, và khi túm được tôi, liền chắn ngang đường và nói:

Sao, anh định cắt đứt với tôi thật à? Nhưng anh cứ nghĩ kỹ đi, có thật là anh có thể sống thiếu tôi được không. Anh là con sơn dương đã quen kiếm ăn trong khu rừng mát mẻ. Anh là con cá hồi đã quen bơi trong nước băng đang tan. Chẳng lẽ anh tưởng rằng anh có thể quen với mặt hồ phẳng lặng âm áp sao? Cũng được thôi, nếu anh quyết định bỏ đi, ta hãy ngồi xuống đây nói chuyện với nhau lần cuối đã.

T h ơ  c a, chẳng lẽ ngươi không biết rằng, ta không bao giờ có thể xa ngươi sao? Chẳng lẽ ta có thể rời bỏ những niềm vui đã đến với ta, những giọt nước mắt chảy trong lòng ta?

Thơ giống như cô bé đã ra dời trong khi mọi người chờ sinh một đứa con trai. Thơ giống như đứa bé gái đã ra đời và bằng sự ra dời của mình dường như muốn nói: «Tôi biết rằng, các người đã không mong tôi xuất hiện và bây giờ chưa một ai yêu tôi. Cũng được thôi, hãy để cho tôi lớn lên, hãy để cho tôi tết đuôi sam và hát bài ca. Rồi xem liệu có ai trên đời này lại không yêu tôi?»

THƠ CA.

Có công việc làm, hẳn có lúc ngừng tay,
Có cuộc hành trình, phải có mười phút nghỉ.
Thơ vừa là nghỉ ngơi, vừa là việc đầy lao lực,
Thơ vừa là chỗ dừng chân, vừa là cuộc hành trình.

Thơ như bài hát ru, ngây ngất đầu giường thơ bé,
Như mơ ước mùa xuân, như khát vọng chiến công
Tôi yêu thơ và thơ liền hiển hiện,
Thơ đã sinh ra, tình yêu cũng đến cùng.

Khi tôi nhỏ, thơ giống như bà mẹ,
Tôi lớn lên, thơ lại giống người yêu,
Chăm sóc tuổi già, thơ sẽ làm con gái,
Lúc từ giã cõi đời, ký niệm hóa thơ lưu.

Có lúc thơ như trái núi cao không thể tới
Có lúc thành cánh chim sà đậu xuống lòng tay.

Thơ như đôi cánh nâng tôi bay
Thơ là vũ khí trong trận đánh
Là tất cả, thơ ơi, chỉ trừ không chịu là yên tĩnh!
Tôi nguyện suốt đời trung thực sống cho thơ...

Là công việc tận cùng? Là rảnh rỗi bắt đầu?
Là cuộc hành trình ư? Hay chỉ là chỗ nghỉ?
Tôi chỉ biết với tôi, thơ vẫn là hai vế:
Rảnh rỗi và việc làm; chỗ nghỉ với hành trình...

Bố tôi đã nói: Nếu muốn cắt lời một anh chàng ba hoa tẻ ngắt thì cần phải nhờ đến một bậc cao niên đáng kính hay một vị khách. Nếu sau đó, chàng ba hoa vẫn không chịu chấm dứt những lời rỗng tuếch đó, thì cần hát lên một bài. Và nếu cả đến bài hát cũng không có tác dụng với anh ta, thì lúc ấy có thể mạnh dạn túm lấy cổ áo anh ta mà lôi ra ngoài nhà. Bất cứ ai nói lời ba hoa cản trở bài hát đều có thể thụi cho một quả kha khá.

Thơ ca, chính ngươi biết rõ hơn ai hết, rằng những lời bàn về ngươi chẳng làm cho ngươi trở nên tốt đẹp hơn, cao quý hơn. Có thể dùng lời nói để làm bài hát hay hơn chăng? Có thể lấy ấm nước để làm dòng suối núi chảy xiết thêm chăng? Có thể dùng miệng thổi làm gió thêm mạnh? Có thể đắp thêm nắm tuyết làm ngọn núi cao trở nên hùng vĩ hơn?

Thơ ca, nếu không có ngươi, tôi đã mồ côi.

Cuộc sống tối sầm nếu không có thơ ca
Không thấy mặt trời, sẽ không còn khái niệm.
Giống một vòm đêm không ngôi sao nào hiển hiện
Giống tình yêu khô cằn, không có phút trao hôn.

Thế giới ra sao, nếu biển không còn biếc?
Không còn hơi mát dịu, vĩnh viễn rập rờn?
Nếu vườn tược không hoa và không cỏ,
Không cả tiếng ve rền, không tiếng họa mi ngân?

Cây sẽ xám đen, trơ trụi, khô gẫy.
Tháng mười một trống trơn, mùa xuân không trở lại.
Và con người sống nghèo nàn, hoang dại,
Sẽ không một ai biết hát bao giờ!

Người Avar thường nói: «Nhà thơ sinh ra một trăm năm trước khi thế giới tạo thành». Qua đó họ muốn nói rằng, nếu nhà thơ không tham dự vào việc tạo thành thế giới thì thế giới đã không được đẹp như thế này.

Bố tôi sinh được bốn người con trai và một người con gái. Người con gái là chị cả chúng tôi. Như mọi phụ nữ miền núi khác, chị tôi đã phải làm rất nhiều việc, đã phải

gánh chịu nhiều buồn khổ, nhiều nước mắt. Bố tôi nhiều lần nói:

— Các con có bốn anh em trai, mà chị gái thì chỉ có một thôi. Các con phải biết quý chị, lo cho chị. Trên thế gian này, các con không có ai thân thiết hơn chị gái đâu.

Bố tôi nói đúng, chị tôi đã là người thân thiết nhất đối với tôi. Nhưng tôi còn có một người chị gái thứ hai nữa mà tôi không biết có kém phần thân thiết với tôi hơn không. Người chị thứ hai của tôi là Thơ ca. Không có Thơ ca, tôi không thể sống được.

Đôi khi tôi tự hỏi, không biết có thể lấy gì thay Thơ ca được không. Tất nhiên tôi còn có những ngọn núi, còn có tuyết và những dòng suối, cơn mưa và những vì sao, mặt trời và bánh mì... Nhưng lẽ nào những ngọn núi, cơn mưa, hoa lá và mặt trời có thể không cần đến Thơ ca, và Thơ ca — không cần đến chúng? Không có Thơ ca, những ngọn núi biến thành đống đá chất lên cao mà thôi, cơn mưa biến thành nước đổ xuống thành vũng lầy lội, mặt trời biến thành một khối vật chất khổng lồ bức xạ nhiệt năng trên bầu trời.

Tôi lại tự hỏi: có thể lấy gì thay Thơ ca? Tất nhiên còn có những miền đất xa xôi, tiếng chim hót, bầu trời và nhịp đập con tim. Nhưng thiếu thơ ca không gì có thể trở thành chính nó. Sẽ chỉ còn những khái niệm địa lý thế vào những miền đất xa xôi đầy vẻ hấp dẫn, sẽ chỉ còn khối nước khổng lồ vô nghĩa thế vào các đại dương, hỗn hợp của một vài chất khí thế vào bầu trời xanh, tiếng con cái gọi con đực thế vào tiếng chim hót, sự tuần hoàn của máu thế vào nhịp đập run rẩy của con tim.

Tất nhiên còn có sự dịu dàng, lòng phúc hậu, tình

thương, tình yêu, vẻ đẹp, sự dũng cảm, lòng căm thù, tính kiêu hãnh... Nhưng tất cả các khái niệm đó đều do Thơ ca sinh ra và Thơ ca sinh ra từ đó. Những tình cảm đó không thể tồn tại ngoài Thơ và Thơ cũng không tồn tại ngoài chúng.

Thơ tôi đã làm nên tôi, và tôi đã làm ra thơ của tôi. Không có nhau, hai chúng tôi đều chết, hay đúng hơn là chưa từng có. Trong người tôi có những chiếc xương. Mắt người ngoài không làm sao biết được xương nào của tôi nguyên vẹn, chắc chắn, xương nào đã bị gãy rồi, sau dính liền lại. Tuy nhiên, những tia Rơnghen đã xuyên qua người tôi và tất cả những gì bí mật của tôi đã lọt vào mắt người ngoài.

Tâm hồn tôi còn ẩn náu sâu hơn, kín đáo hơn những cái xương, cột sống, lá phổi của tôi. Nhưng những tia sáng Thơ ca đã rọi chiếu qua tôi, và mỗi một rung động nhỏ trong tâm hồn tôi trở thành cái mọi người đều biết. Tâm hồn tôi như đặt trong lòng bàn tay trần, những tia sáng huyền diệu của Thơ ca chiếu tới, và mọi người nhìn thấu qua tôi.

Trong cỗ máy tính ngày nay có hàng ngàn dây dẫn và linh kiện khác nhau. Người ta đưa vào máy chương trình phức tạp nhất bằng nhiều con số. Một dòng điện chạy qua vô số dây dẫn và linh kiện đó. Không một con mắt nào, không một bộ óc nào có thể bao quát kịp tất cả mọi quá trình diễn ra trong cỗ máy phức tạp. Nhưng sau đó xuất hiện một con số là kết quả, là câu trả lời cuối cùng.

Không ai có thể biết những ấn tượng nào, những dòng điện tình yêu và lòng căm giận nào đã chạy trên vô số những dây dẫn của cơ thể tôi. Nhưng sau đó thì xuất

hiện bài thơ — cái cuối cùng, cái cao nhất mà tâm hồn tôi đã có thể tạo ra từ những ấn tượng cuộc sống đi qua tôi.

Tôi đã đi rất nhiều trên thế gian này. Tôi đã đi bộ, ngồi trên yên ngựa, đi trên máy bay — ngồi lọt vào chiếc ghế bành và như thiu thiu ngủ, ngồi trong xe hơi vun vút lao đi, nằm trên giường cao gắn trong toa tàu hỏa...

Trông thấy tôi đi bộ hay cưỡi ngựa trên con đường nhỏ, mọi người có thể nói: Raxun Gamzatốp đấy. Anh ta đi một mình, chắc là buồn lắm. Nhưng tôi chưa bao giờ phải đi một mình. Bên cạnh tôi luôn luôn có người chị là Thơ ca. Không một phút nào chúng tôi xa nhau. Đôi khi cả trong giấc ngủ tôi cũng làm thơ hay nhớ lại bài thơ đã viết, hay đọc thuộc lòng những bài thơ của các nhà thơ khác.

Trước đây tôi nghĩ rằng, trên thế gian này có rất ít nhà thơ. Sống giữa mọi người chắc họ cảm thấy buồn tẻ lắm. Trong cuộc đời, mỗi người đều có một mối quan tâm riêng mà họ có thể đem ra tâm sự với bạn bè, hàng xóm: chuyện công việc làm ăn, chuyện gia đình vợ con, lương bổng, ngày nghỉ, ngôi nhà thân thuộc, câu cá, xem phim, bệnh tật... Tôi nghĩ rằng tất nhiên nhà thơ có thể nói những chuyện đó với người khác, nhưng có ai sẽ chia sẻ cùng nhà thơ sự cảm nhận thế giới bằng thơ ca của anh ta?

Sau này tôi vỡ lẽ ra rằng không có người nào không là nhà thơ. Mỗi người đều là một nhà thơ theo kiểu của người ấy. Hay ít ra thơ ca đến với mỗi người trong chúng ta như là một người bạn đến chơi nhà một người bạn.

Nhân dân miền Đaghextan chúng tôi vốn yêu các bài ca tựa như người ta yêu con mình. Phải rồi, tất cả chúng tôi đều là nhà thơ. Sự khác nhau giữa chúng tôi

chỉ là ở chỗ, một số người làm thơ vì họ biết làm thơ. Một số người khác làm thơ vì họ có cảm giác rằng họ biết làm thơ. Còn một số đông người khác thì hoàn toàn không làm thơ. Có phải rằng chính họ, những người không làm thơ, mới thật là các nhà thơ chân chính?

Có một thời gian tôi không làm thơ. Chẳng lẽ lúc đó tôi không phải là nhà thơ sao? Lẽ nào trái tim tôi lúc ấy đã đập chậm hơn, máu lạnh hơn? Lẽ nào nỗi buồn đau dằng xé tôi ít hơn, và niềm vui đối với tôi ít hơn? Lẽ nào nỗi khát khao hiểu biết mọi thứ của tôi lại nhỏ đi hơn? Lẽ nào đôi mắt tôi không thấy quê hương đẹp như bây giờ mắt tôi đang thấy? Lẽ nào tôi xúc động ít hơn khi bất chợt nhìn thấy ngôi sao xanh long lanh giữa những đám mây đen? Lẽ nào tiếng suối chảy róc rách tôi không nghe thấy êm ái nhịp nhàng? Lẽ nào lòng tôi không thấy nôn nao khi nghe tiếng sếu kêu hay tiếng ngựa hí? Lẽ nào nước mắt tôi không rơi, khi tôi nghe bài ca xưa và câu chuyện cổ về sự nghiệp của cha ông?

Tôi nhớ lại, khi tôi còn nhỏ, tôi đã đi chăn ngựa thuê cho người hàng xóm. Cứ ba ngày chăn thì ông hàng xóm kia phải kể cho tôi nghe một chuyện cổ tích.

Tôi nhớ lại, cũng vào dạo đó tôi đã đi lên núi, đến chỗ những người chăn cừu. Nửa ngày đi đến đó, nửa ngày trở về. Mà cả ngày như vậy chỉ cốt để nghe một bài thơ.

Người ta vẫn thường nói: lê Unxukun, nho Ghimrin, mật ong Bútxra và những bài ca Avar.

Tôi nhớ lại, khi tôi học lớp hai, từ làng Xada, tôi đã phải đi hai mươi cây số theo con đường nhỏ vắt qua những triền núi cao để đến làng Bútxra. Ở đấy có một

ông già, bạn bố tôi, biết rất nhiều bài hát cổ, bài thơ và truyện cổ tích. Bốn ngày liền suốt từ sáng đến chiều tối, ông già đọc thơ và hát cho tôi nghe, và tôi cố gắng ghi lại hết các bài ca của ông. Tôi sung sướng trở về với một túi đầy những thơ và bài ca.

Bên cạnh làng Bútxra có một quả núi cao. Khi tôi trèo lên quả núi đó thì bỗng thấy một đàn chó săn cao lớn dữ tợn lao đến phía tôi. Chúng phải đến một tá. Chúng chạy vun vút trên bãi cỏ xanh trông như những quả ngư lôi lao thẳng vào thành tàu đen sì. Tôi đã nhìn thấy mõm chúng há hốc và những cái răng nanh vàng nhớp nháp trơ ra. Chỉ một phút nữa là tôi đã có thể bị xé xác, bỗng bất ngờ tôi nghe thấy tiếng quát của một người chăn cừu:

Nằm xuống! Đừng nhúc nhích!

Tôi nằm dán xuống đất giả vờ chết. Tôi không dám động đậy và hình như còn ngừng cả thở nữa. Chỉ có tim tôi là đập thình thình xuống đất, và tôi có cảm giác là tiếng đập của nó nghe được từ xa. Đàn chó ngơ ngác dừng lại bên tôi, ngửi ngửi vào tôi và cái túi đựng đầy thơ của tôi. Đàn chó tưởng rằng đây là một xác chết, chúng ngơ ngác nhìn nhau rồi tiếp tục đuổi theo tôi như đang hiện trong trí tưởng tượng của chúng. Một lát sau chúng biến mất sau núi.

Tôi cứ nằm yên như thế cho đến khi người chăn cừu đến bên.

Anh là con cái nhà ai?

Cháu là Raxun, con trai ông Gamzát ở làng Xada. — Tôi cố ý nhắc tên bố tôi với hy vọng rằng, nghe thấy tên ông, người chăn cừu sẽ chú ý đến tôi hơn và không làm tôi xấu mặt.

— Anh làm gì ở đây, trên ngọn núi này?

— Cháu đến làng Bútxra chép thơ, để ở trong túi này này.

Người chăn cừu lấy thơ ra và xem qua.

Vậy là anh cũng định trở thành nhà thơ à? Thế thì tại sao lại sợ chó săn*. Chẳng lẽ sợ thứ chó ấy sẽ lao vào anh trên đường đi à? Mà chúng sẽ chẳng bỏ chạy sau khi ngửi, như những con chó của tôi vừa rồi đâu! Nhưng anh đừng sợ, không nên sợ bất cứ cái gì. Anh có biết ngọn núi này có sự tích gì không? Chính từ ngọn núi này Khátgi-Murát đã thoát khỏi tay mấy tên áp tải bằng cách lao cả người xuống. Bọn lính áp tải không còn biết áp tải ai, còn Khátgi-Murát thì được cứu sống. Ở quê hương, ngay cả những ngọn núi cũng có thể giúp mình.

Trước đây tôi nghĩ rằng những xúc động thơ ám ảnh tôi, nỗi lo âu thường xuyên bám riết tâm hồn tôi, tình yêu đọng lại trong trái tim tôi và cả dòng máu nóng sôi nổi nữa — tất cả những cái đó đều nhất thời và sẽ mau chóng qua đi. Nhưng bây giờ đầu tôi đã bạc, con cái tôi đã khôn lớn, những cuốn sách của tôi cũng đã có tuổi, mà không một tình cảm nào rời bỏ tôi. Thơ ca tôi đã đi theo tôi thủy chung hơn tất cả.

Bây giờ tôi muốn nói mấy lời với thơ ca.

Thơ ca, người đã không bỏ tôi trong cuộc đời và trong những chuyến viễn du tới miền đất lạ, người cũng không bỏ tôi bây giờ, khi tôi bước xuống biển phẳng

* Những người chăn cừu thường đem chó săn để bảo vệ đàn cừu, chống lại chó sói. (*ND.*)

lặng, mênh mông của văn xuôi. Tôi biết rằng ghép vần cho truyện ngắn là điều vô nghĩa. Truyện ngắn hay nhất nếu bị ghép vần có thể biến thành bài thơ dở nhất. Nhưng thơ trong truyện có lẽ như muối trong thức ăn. Bởi vì đối với cả đời tôi, thơ ca đã là muối mặn. Không có thơ, đời tôi sẽ nhạt nhẽo, vô vị. Ở miền núi chúng tôi, khi dọn cơm mời khách, không bao giờ quên đem lọ muối.

Văn xuôi bay xa hơn, nhưng thơ bay cao hơn. Văn xuôi giống chiếc máy bay khổng lồ có thể bình thản bay vòng quanh trái đất. Còn thơ lại giống như chiếc máy bay tiêm kích có thể lao vút lên bầu trời và trong nháy mắt lên ngang tầm chiếc máy bay khổng lồ kia, dù chiếc máy bay đó có bay cao đến đâu.

Tôi muốn pha trộn những thể loại khác nhau trong cuốn sách của tôi và đưa nó đi xa ra ngoài ranh giới miền Avaria. Sao lại không thể? Những bài thơ của chúng ta từ lâu đã tìm được đường đến trái tim các vị độc giả ở rất xa ngoài phạm vi Đaghextan. Một số truyện ngắn cũng đã nhận được «hộ chiếu» xuất cảnh. Thật ra thì kịch của chúng ta vẫn còn ngồi nhà. Hoặc là phải mở những cuộc trưng cầu ý kiến, hoặc phải học thêm cách xử thế lịch lãm hơn.

Nếu tôi có ý định viết một vở kịch thì nơi xảy ra sự việc sẽ là cả Đaghextan, – những bản làng, những thành phố – và tất cả các nước, cả thế giới. Bài trí của vở kịch sẽ là những dãy núi, bầu trời, những dòng sông, biển và mặt đất. Thời gian xảy ra sự việc – là các thế kỷ đã qua, là ngày hôm nay và cả tương lai. tôi sẽ pha trộn những gì cổ kính nghìn năm với những phút giây hiện tại. Nhân

vật kịch sẽ là chính tôi, là bố tôi, các con tôi, bạn bè tôi, những người đã chết từ lâu và những người còn chưa ra đời.

Vở kịch này có thể là cuốn sách chính của đời tôi — là «Chiến tranh và hòa bình» của tôi, là «Đông Kisốt», là «Thần Khúc» của tôi, nhưng tôi không những sẽ không mạo hiểm viết vở kịch đó mà thậm chí cũng sẽ không mạo hiểm đặt dù chỉ một «hòn đá kịch» vào bức tường cuốn sách đó. Tôi để lại vở kịch đó cho thời đại khác, hay đúng hơn là cho các nhà văn khác. Tôi sẽ tạm bằng lòng với thơ và văn xuôi, sẽ luân phiên «dùng» hai thứ đó. Thơ là phi trên mình ngựa, văn xuôi là cuốc bộ. Cuốc bộ có khi lại đi xa hơn. Tuy đi ngựa thì đến đích nhanh hơn. Tùy lúc mà tôi sẽ ngồi lên yên hay xuống ngựa. Chỗ nào có thể kể được, tôi sẽ kể, chỗ nào không kể được tôi sẽ hát. Trong tôi có cả sự sôi nổi của tuổi trẻ và sự chín chắn của tuổi già. Hãy để cho tuổi trẻ cất lời hát, và tuổi già chín chắn chậm rãi nói bằng văn xuôi.

Trong tôi có những người khác nhau: khi thì tôi ngồi ăn đúng kiểu gọi là lịch thiệp nhất, cầm dĩa ở tay trái, dùng khăn lau miệng; khi thì tôi ngồi quây quần với bạn bè trên bãi cỏ, nhậu thịt cừu với rượu buza, hai tay cầm cả cái đùi cừu mà gặm.

Từ thành phố trở về làng, cùng với những cứ chỉ thị thành, tôi mang theo cả hoa quả và những chai rượu nhẹ. Chia tay với những người chăn cừu mộc mạc, mến khách, trở về thành phố, tôi vắt ngang yên ngựa những tảng thịt cừu.

Bởi vì ngay cả biển cũng có khi hiền hòa, khi gợn sóng, khi cau có và nổi giận. Những tính nết khác nhau

cũng chung sống trong tôi như thế.

Tôi đã nhìn thấy đôi trai gái ngồi ôm nhau bên bờ vực sâu. Có thể thấy bóng hình chung của cả hai người, nhưng không thể tách biệt được ra — họ ôm chặt lấy nhau, như đã nhập hòa làm một.

Cũng như vậy, trong tôi không thể tách biệt rành rẽ niềm vui và nỗi buồn, nụ cười và nước mắt, sức mạnh và sự yếu đuối.

Rút trong sổ tay. Một người làng Xiúc trông thấy dưới chân vách núi một đám mây trắng, anh ta nghĩ rằng đấy là một tấm lông mềm xôm xốp xếp ken vào nhau và nhảy xuống. Dù mây có giống lông thú hay giống bông đến đâu, nó cũng không bao giờ trở thành bông cả.

Dù cho hình thức cuốn sách có đẹp đến đâu chăng nữa mà nó được viết ra chỉ là vì hình thức không thôi, thì cuốn sách đó cũng không bao giờ làm xúc động trái tim con người.

Không thể chỉ nhìn vào hình thức. Một người đánh cá suốt đời sống trên biển, một lần vào rừng trông thấy tổ kiến, anh ta liền tưởng lầm là trứng cá đen. Một người miền núi rừng chưa bao giờ ra biển, trông thấy khối trứng cá đen lại tưởng lầm là tổ kiến.

Lại rút trong sổ tay.

Nước mắt và nụ cười cùng ở trên khuôn mặt
Độc dịa và ngọt ngào cùng ẩn trong một miệng người
Chim ó với bồ câu cùng lượn bay trên một bầu trời,
Chớp lửa và nước mưa cùng từ một đám mây đen phát xuất,
Con dao và cây đàn cùng treo trên một chiếc đinh

Lại rút trong sổ tay. Một cô gái trẻ miền núi

lần đầu tiên được yêu, buổi sớm nhìn qua cửa sổ và thốt lên:

— Ôi, những cây đầy hoa kia đẹp quá.

— Con thấy ở đâu những cái cây đầy hoa ấy? — người mẹ già ngạc nhiên. Đấy là tuyết đó, ngoài trời bây giờ là cuối thu, đầu đông rồi.

Thế là cùng một buổi sáng, với hai người phụ nữ khác nhau đã có thể vừa là mùa xuân vừa là mùa đông. Trong tôi, hai điều trái ngược nhau đã cùng chung sống: trẻ trung và già nua, hoa nở và tuyết bám, mùa xuân và mùa thu. Vậy thì đừng ngạc nhiên nếu trong cuốn sách của tôi các bạn gặp cả thơ và văn xuôi.

— Nhưng anh có muốn cầm hai quả dưa hấu một tay không?

Không, tôi không muốn.

Khi tôi pha trộn những thể loại khác nhau vào trong một cuốn sách, điều đó không có nghĩa là tôi lấy nhiều thứ hoa quả khác nhau, gọt chúng ra để làm một món ăn hổ lốn nào đó. Tôi muốn ghép những cây sống với nhau, như những người thợ vườn thông minh vẫn làm, để làm, để tạo ra giống cây mới.

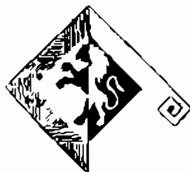
Tôi không biết, cuối cùng, việc làm này của tôi sẽ đưa đến cái gì. Nhưng trong nhiều việc làm khác, cũng có tình trạng như vậy kia mà. Khi nhóm một đống lửa, không thể hình dung trước mọi hậu quả. Nhưng điều đó không có nghĩa là bao giờ cũng phải sợ nhóm lửa. Và đây, tôi đã bật diêm lên, lấy lòng bàn tay che cho khỏi gió rồi mang đến bên cành củi khô. Ngọn lửa bắt đầu được nhen lên. Tôi không sợ, nếu bây giờ nó chỉ đang leo lét, yếu ớt thế kia rồi bất ngờ sẽ biến thành con thú dữ không sao điều

khiển được. Tôi không nghĩ đến điều đó, tôi đang nhen lên ngọn lửa.

Trên thanh kiếm của Samin còn khắc rõ câu nói của chính ông: «Không thể là người dũng cảm nếu khi ra trận còn đắn đo hậu quả».

Người ta nói. Trong tay người hiểu biết thì nọc rắn cũng có ích. Trong tay kẻ ngu si thì mật ong cũng thành tai vạ.

Người ta nói. Nếu không biết kể chuyện thì hãy hát, nếu không biết hát — hãy kể chuyện.



## BÚT PHÁP

Qua giọng hát, anh nhận ra người hát
Qua nét khắc anh nhận ra người thợ bạc.
*Lời ghi trên sản phẩm vùng Kubatri*

Sao cô quát tôi thế?
Tôi không quát, cách nói của tôi chỉ thế thôi.
*Vợ chồng nói với nhau*

-- Thơ của anh hình như không giống thơ hay sao ấy?
— Không, cách viết của tôi như vậy.
*Độc giả và nhà thơ nói chuyện với nhau*

Bọn trẻ con chúng tôi không được đến đình làng, nơi những người cao tuổi thường tụ tập trò chuyện. Đứng trên một tảng đá lớn, từ xa chúng tôi nhìn xuống nơi các cụ trò chuyện.

Có lần chúng tôi thấy một vị khách từ làng Anđi đến nói chuyện cả giờ đồng hồ và mọi người trong làng tôi đều chăm chú lắng nghe và không ai dám ngắt lời. Chúng tôi đoán với nhau: chắc là vị khách ở làng Anđi kia đã đem tới nhiều tin tức quan trọng, nên mọi người mới lắng nghe ông ta lâu thế, chăm chú thế.

Về nhà, tôi hỏi bố tôi:

—Ông khách làng Anđi nói chuyện gì mới thế hở bố?

Ôi dà, dân làng Xada này đã nghe đến lần thứ hai mươi những điều ông ấy nói hôm nay, nhưng ông ta nói hấp dẫn lắm, không muốn nghe cũng phải nghe. Ông ta giỏi đấy, cầu trời phù hộ ông ta!

Lại nói về cách riêng. Mỗi con thú đều có cái khéo léo riêng, đều có cách riêng để thoát khỏi sự săn bắt. Mỗi người thợ săn đều có cách riêng để tìm bắt được thú. Cũng vậy, mỗi nhà văn đều có cách làm việc riêng, bút pháp riêng, cá tính riêng, dấu ấn riêng.

Khi tôi mới là một nhà thơ trẻ, tôi được theo học ở Đại học văn học. Đó là một môi trường hoàn toàn mới lạ đối với tôi. Tôi được học thêm rất nhiều điều, — học ở chính Maxcơva, học trong các buổi mạn đàm, học các nhà thơ lớn đến trò chuyện với chúng tôi, học các vị giáo sư, học bạn bè cùng khóa, cùng nhà tập thể. Các bài học tới tấp trút xuống đầu tôi từ mọi phía, và một thời gian tôi cảm thấy hoang mang, mất phương hướng; tôi quay sang viết theo một cách mới, theo một bút pháp là lạ chưa từng thấy trong văn học Avar xưa nay.

Tôi không giấu giếm là dạo ấy tôi rất mong thấy thơ của mình được dịch sang tiếng Nga. Tôi khao khát được đến với độc giả Nga, và tôi có cảm tưởng là cách viết mới của tôi sẽ dễ hiểu hơn, gần gũi hơn với độc giả Nga. Tôi hoàn toàn không để ý đến nhạc điệu của tiếng Avar, đến nhạc điệu của bài thơ nữa. Điều đáng chú ý trước tiên là cấu trúc bài thơ, là tứ thơ trần trụi. Tôi tưởng rằng tôi đã tìm ra cách viết cần thiết, nhưng trên thực tế — bây giờ tôi hiểu rõ điều này — tôi chỉ giở phép khôn khéo ra thôi.

Rất may, tôi đã sớm nhận ra rằng thơ ca và sự khôn



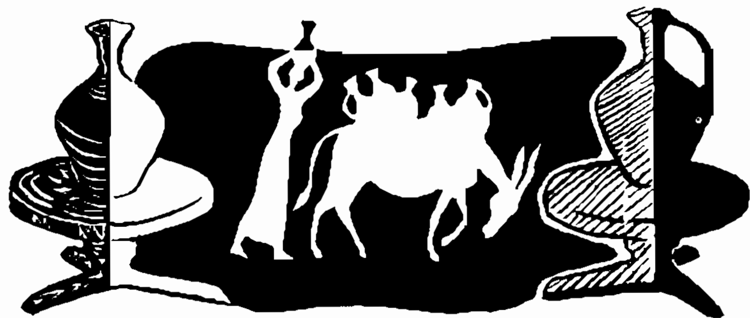
khéo không thể dung hòa với nhau được. Nhưng bố tôi còn hiểu rõ điều này sớm hơn tôi. Khi ông đọc những bài thơ mới của tôi, ông đã thấy ngay rằng chỉ vì để ăn miếng khấu đuôi mà tôi đã giết cả con cừu, rằng tôi đã định cày bừa, gieo hạt trên một thửa đất đầy sỏi đá, một thửa đất không thể có gì mọc lên được dù có tưới nước nhiều đến đâu, rằng tôi muốn làm ra mưa trong khi không có bầu trời.

Bố tôi đã hiểu ngay tất cả, nhưng ông luôn luôn là một người rất hay để ý và dè dặt, thận trọng. Có lần, khi nói chuyện, ông đã nhắc nhở tôi:

Raxun, bố sợ rằng cách viết của con đã thay đổi rồi đấy.

Bố ạ, con là người lớn rồi, mà cách viết thì chỉ trong trường phổ thông mới chú ý đến. Người ta không chỉ hỏi một người đã lớn là anh ta viết thế nào mà còn hỏi anh ta viết cái gì.

Phải, đối với anh công an hay người thư ký Ủy ban xã cấp giấy chứng nhận có lẽ thế thật. Còn đối với



nhà thơ thì cách viết, bút pháp của anh ta là một nửa việc làm. Dù bài thơ thể hiện ý tứ độc đáo đến đâu, nó cũng nhất thiết phải đẹp. Không chỉ đơn giản là đẹp mà còn đẹp một cách riêng. Đối với nhà thơ, tìm cho ra bút pháp của mình và thấy được mình nghĩa là trở thành nhà thơ.

Con chí vội vàng, nhưng dòng suối chảy xiết vội vàng không bao giờ đi tới biển: nó sẽ bị thu vào một dòng nước khác, bình thản hơn, êm đềm hơn.

Con chim kết nhiều tổ mà vẫn không biết nên ở tổ nào, cuối cùng lại thành chim không tổ. Nên chăng chỉ đơn giản kết cho mình một tổ riêng lúc đó sẽ không phải lựa chọn nữa.

Giờ đây, khi tôi đã ngoài bốn mươi tuổi, tôi ngồi trước bốn mươi cuốn sách của tôi, lật lật xem qua và thấy rằng trên cánh đồng gieo lúa mì của tôi đã có những thứ cây từ cánh đồng khác lan sang, những thứ cây mà tôi không gieo.

Cứ cho đấy không phải là cỏ dại, mà là những cây hữu ích là đại mạch, yến mạch, mạch đen, — nhưng chúng vẫn là những thứ cây lạ trên cánh đồng lúa mì của tôi.

Trong đàn cừu của tôi, tôi nhìn thấy những con cừu lạ. Chúng không bao giờ quen được độ cao và không khí trên những ngọn núi.

Trong chính bản thân mình, đôi khi tôi nhận ra những người khác. Nhưng trong cuốn sách này tôi muốn được làm chính mình. Con người tôi tốt hay là đáng ghét — xin các bạn cứ đón nhận như nó tồn tại.

Người miền núi đến dự đám cưới ở vùng cao thường hỏi những người đến trước:

Chỉ cần các anh là đủ rồi, hay nên thêm cả tôi vào nữa?

Những người dự cưới trả lời khách:

— Anh cứ vào đi, nếu quả thật anh là anh.

Và đây là cuốn sách của tôi, cuốn sách mà qua đó, tôi muốn nói: tôi là tôi. Tôi muốn làm nhà văn, chứ không phải đóng vai nhà văn. Hãy thử nhìn xem diễn viên uống rượu cônhắc trên sân khấu. Đấy, hơi men đã bốc, lưỡi anh ta ríu lại, đầu gục xuống.

Nhưng trong chai trên sân khấu không phải rượu cônhắc mà là nước chè. Uống rượu bằng chè không thể say được. Tôi nghĩ rằng ai ai cũng tán đồng điều này, kể cả những người chưa từng nếm cônhắc.

Nếu trong một vở kịch có vai nhà thơ, thì việc khó nhất với người viết kịch là làm những bài thơ cho nhân vật đó. Bởi vậy thường là nếu trong kịch có nhân vật nhà thơ thì anh ta không đọc thơ của mình. Làm nhà thơ thế nào được nếu anh ta không có thơ? Lấy cái gì phân biệt anh ta với hình nhận bằng chất dẻo đặt trong tủ kính cửa hàng?

Tôi không cần phải giống ai khác, cho dù đó là Omar, là Puskin hay Bairơn.

Có những tên trộm, khi trộm trâu đã chặt sừng hay cắt đuôi trâu đi. Có những tên cắp, khi đánh cắp xe hơi, đã sơn cho xe một màu sơn khác. Tuy nhiên, dù khôn khéo đến đâu, ăn cắp vẫn là ăn cắp.

Với tôi, có lẽ sung sướng nhất là nếu như được nghe độc giả nói với nhau: Raxun đã viết một cuốn sách đúng là của Raxun.

Tôi thích chim hót hơn chim kêu. Tôi thích chim bay

hơn là chim đậu. Tôi thích con tàu ngoài biển cả hơn là con tàu nằm im trong bến hẹp.

Hãy nhìn con thuyền nhỏ nhẹ bập bềnh lướt trên ngọn sóng. Hãy nhìn những con tàu to lớn không chòng chành ngay cả khi gió bão.

Bọn ngu xuẩn, ngay cả khi chưa nhấp một hớp rượu nào, cũng đã cãi nhau ầm ĩ như những thằng say. Những người thông minh thì dù uống cả cốc rượu lớn, vẫn từ tốn trò chuyện với nhau.

Cuốn sách của Raxun hãy xử sự giữa mọi người như cuốn sách của Raxun cần phải xử sự.

Nếu có vị khách lạ vào nhà người dân miền núi thì chủ nhà sẽ không hỏi tên không hỏi gốc gác người khách, chừng nào chưa qua ba ngày.

Các bạn hãy đón nhận cuốn sách của tôi mà không cần hỏi nó là thế nào, từ đâu tới, và của ai. Hãy để cho cuốn sách tự nói về mình.

Tôi không muốn tỏ ra tốt hơn hay xấu hơn chính con người mình. Hai mươi tuổi rồi mà không có sức lực — thì đừng chờ, không có nữa đâu. Ba mươi tuổi rồi mà không có trí thông minh — thì đừng chờ, không có nữa đâu. Nếu đến bốn mươi tuổi, mà không có tiền — thì đừng hy vọng, không có nữa đâu. Tục ngữ Nga đã nói thế.

Ở miền núi chúng tôi, người ta lại nói: nếu người bốn mươi tuổi rồi không phải là chim ưng thì anh ta không bao giờ bay được nữa! Hãy mặc cho cái xe bò của tôi lăn bánh trên con đường của tôi.

Ở làng tôi, khi mưa, từ trên những quả núi cao, hàng trăm con suối nhỏ đổ xuống. Chúng hòa nhập lại,

làm thành một cái hồ nhất thời sau mưa. Từ cái hồ đó, nước chỉ chảy ra thành một dòng suối lớn.

Từ những triền núi bao quanh, có rất nhiều con đường nhỏ dẫn xuống làng chúng tôi. Những con đường ấy, cũng như những dòng suối, hòa nhập lại trong làng tôi. Nhưng nếu cần phải rời làng ra đi, đến huyện lỵ hay vào thành phố, vào thế giới rộng lớn, thì chỉ có một con đường lớn bằng phẳng.

Tôi không biết tôi có thể tự so sánh mình với gì — với con đường hay với dòng sông. Nhưng tôi biết rằng ý nghĩ của nhiều đồng bào tôi, lời nói của nhiều đồng bào tôi, cảm xúc của nhiều đồng bào tôi đã hòa vào trong tôi như những con suối núi hay những con đường nhỏ gập ghềnh dẫn xuống làng. Còn con đường của riêng tôi, con đường của tôi đã dẫn tôi từ làng đến với Thơ ca.

Tôi đã đi khắp thế gian này, đã đến nhiều nước, gặp nhiều loại người khác nhau. Tôi đã từng dự nhiều cuộc chiêu đãi trọng thể — khi thì của các vị tổng thống, quốc vương, khi thì của các vị thủ tướng, hay có khi chỉ là của các vị bộ trưởng, đại sứ. Những mũi giầy đen nhánh, những cái đầu hói bóng lộn, cà vạt thắt khéo léo, nơ trắng bông nơi ve áo, những nụ cười, những cái cúi chào quá ư lịch sự, mỗi lời nói, mỗi cử chỉ đều được dắn đo định trước! Trong những cuộc chiêu đãi trọng thể ấy thì các nghệ sĩ y như các vị bộ trưởng, còn các vị bộ trưởng thì lại y như các nghệ sĩ.

Trong những cuộc chiêu đãi đó, chưa bao giờ tôi cảm thấy mình được là mình. Tôi làm những động tác mà tôi không muốn làm, nói những lời không muốn nói. Qua vẻ hào nhoáng sang trọng của những buổi chiêu đãi

ấy, tôi bỗng nhìn thấy bếp lửa của làng Xađa thân yêu mà những người ruột thịt của tôi đang quây quần ngồi quanh, hoặc nhìn thấy những bạn bè vui vẻ của tôi tụ tập lại trong một căn buồng khách sạn, và thế vào những cao lương mỹ vị, lúc ấy tôi thèm được ăn món khinkal đẫm tỏi. Thật là thú vị biết bao nếu được xắn tay áo lên mà ăn khinkal đẫm tỏi bên cạnh bếp lò, cùng với bạn bè, mỡ dính đầy tay.

Có một số cuốn sách mà khi đọc, tôi có cảm tưởng những cuốn sách này đang dự tiệc ngoại giao. Trong các cuốn sách đó, tôi không thấy những cử chỉ, lời nói tự nhiên.

Cuốn sách của tôi, tôi mong nó không trở thành vị khách trong buổi chiêu đãi ngoại giao. Hãy để trong đó chỉ có những lời nào thích ứng với tính cách thật của nó, chứ không là những lời cần phải nói vì phép lịch sự.

Tôi đã thấy những người bình thường như tất cả mọi người khi họ ở nhà trong khung cảnh gia đình, bên vợ, bên con hay cạnh bạn bè. Nhưng khi họ ngồi vào chiếc ghế bành bên bàn làm việc, họ thay đổi hoàn toàn. Mỗi một chức tước mới, mỗi một ghế bành mới khiến tính tình, nét mặt, cách xử thế của họ thay đổi theo.

Cuốn sách của tôi, tôi muốn nó không bao giờ thay tính đổi nết, như tôi không tự phản lại mình. Hãy yêu bè bạn của mình và làn khói bếp, chứ không phải những cuộc chiêu đãi long trọng, hãy yêu đồng ruộng chứ không phải những cuộc hòa nhạc, hãy nghe tiếng nói của đất đai, chứ không phải tiếng ồn ào trong cuộc họp. Bởi vì có khi trong cuộc họp người ta nói với nhau thế này, nhưng sau cuộc họp người ta lại nói thế khác.

R ú t  t r o n g  s ổ  t a y. Có ai ở Daghextan lại không

biết chiếc mũ to tướng của Xulâyman Xtanxki, chiếc áo khoác bằng da cừu dày nặng, đôi giầy khâu bằng da bê móng nhẹ! Tôi nghĩ rằng không phải chỉ những người Đaghextan mới không thể hình dung Xulâyman thiếu đi cái mũ, đôi giầy ấy.

Và thế rồi Xulâyman Xtanxki được tặng huân chương. Mácxim Gorki gọi ông là Hôme của thế kỷ 20. Xulâyman được mời lên Maxcơva, và ở đấy ông gặp một vị bộ trưởng người Đaghextan.

-Chà, chà... ông Xulâyman thân mến, –vị bộ trưởng nói với nhà thơ. Không thể sống ở Maxcơva như ở làng mình đâu. Ông phải thay đổi cách ăn mặc đi.

Theo chỉ thị của chính phủ Đaghextan, người ta may cho ông một bộ quần áo bôxtông, thửa giầy mới, mũ che tai và bành tô mùa đông cổ cao. Xulâyman ngắm nghía kỹ từng thứ một. Ông mở rộng bành tô ra, lấy tay nhấc thử xem nặng nhẹ thế nào, cầm đôi giầy đập đập đế vào nhau, rồi sau đó cho vào va li.

—Cám ơn các bạn đã sắm toàn đồ mới, tốt. Cũng vừa vặn đến lúc con trai tôi, Muxaip, mặc vừa. Còn tôi thì muốn mình vẫn là Xulâyman. Tôi không muốn đem tên tôi đổi lấy bất cứ thứ quần áo, giầy dép nào. Đôi giầy của tôi nó sẽ giận tôi đấy.

Bố tôi rất thích bản lĩnh rõ ràng của Xulâyman ngay ở cả những biểu hiện bên ngoài như thế.

Rút trong sổ tay. Con cái Xulâyman nhiều lần thử dạy bố học chữ. Lần nào Xulâyman cũng sốt sắng học, nhưng rồi ông lại gạt vở sang một bên và nói:

— Không, các con ạ. Khi bố vừa cầm cây bút chì thì thơ nó bỏ chạy đâu mất, bố không còn nghĩ đến thơ được

nữa, vì phải nghĩ xem cần phải cầm cây bút chì chết tiệt này thế nào!

Rút trong sổ tay. Épfenđi Kapiép là bạn của Xulâyman Xtanxki. Chính ông đã dịch thơ của Xulâyman sang tiếng Nga. Tình bạn ấy làm cho nhiều kẻ nhỏ nhen, vô tích sự ghen tỵ. Họ ra sức dèm pha Kapiép trước mắt nhà thơ nổi tiếng, hay thậm chí còn nói xấu ông. Họ nói với Xulâyman:

— Bác không biết đọc tiếng Nga, còn chúng tôi biết khi dịch thơ bác, Kapiep đã làm hỏng hết cả. Ông ta muốn thêm đâu, muốn bớt đâu tùy thích, nhiều câu lại còn viết lại theo ý mình.

Có lần trong một cuộc nói chuyện từ tốn, Xulâyman bắt đầu gợi chuyện.

— Này anh bạn, -Xulâyman nói. — tôi nghe nói là anh đã đánh các con tôi.

Épfenđi ngay lập tức biết là bạn mình muốn nói điều gì.

-- Thơ của anh không phải là con anh đâu, Xulâyman ạ. Thơ của anh — chính là anh đó.

Nếu vậy thì một ông già như tôi lại càng đáng được tôn trọng hơn là trẻ con.

Nhưng mà anh Xulâyman này, cái gì quan trọng hơn, số lượng câu trong bài thơ hay là bút pháp, là tinh thần của nó? Đây, trước mặt chúng ta là một chai rượu. Nếu rượu hả, thì chai rượu sẽ hầu như không cạn, nhưng nó không còn là thứ rượu chúng ta đã uống và thưởng thức vị men say. Vấn đề không phải ở số lượng rượu, mà ở hương vị của nó, ở độ nồng của nó.

— Anh nói đúng, cái đó quan trọng hơn tất cả.

Trên thực tế, quả thật là Épfendi Kapiép đã đem Xulâyman lại cho độc giả Nga.

Rút trong sổ tay.

—Tôi không sao tìm được chìa khóa để mở các bài thơ của bố anh,– Épfenđi than phiền với tôi. Chính ông cũng dịch thơ Gamzát Xađax sang tiếng Nga.— Thơ của bố anh như bị khóa chặt. Tưởng là ông cười cợt, nhưng thật ra, ông đang buồn. Tưởng là ông ngợi khen, nhưng thật ra, ông diễu cợt, thậm chí khinh bỉ. Tưởng là ông chửi rủa, nhưng thật ra ông khen. Tất cả những điều đó tôi đều hiểu, nhưng chưa thể chuyển sang tiếng Nga được. Tôi có thể chuyển được những thủ pháp nghệ thuật và ý tứ các bài thơ, nhưng tôi cần giới thiệu được một Gamzát sinh động như chúng ta đã biết về ông. Tất cả những người đọc ông qua tiếng Nga cần phải hình dung ông như thế. Tưởng như ông giống mọi người, nhưng tuy nhiên không thể lẫn ông với một ai khác.

Thơ của một nhà thơ phải được như vậy.

Rút trong ký ức. Bây giờ dân làng biết tôi với tư cách là nhà thơ Raxun Gamzatốp. Trước đây có lúc họ đã biết tôi là một kẻ hậu đậu, lơ đãng. Tôi làm việc này, nhưng đầu lại nghĩ đến cái khác. Có khi tôi mặc áo trái hoặc cài lệch khuy áo bành tô và cứ thế đi ra đường. Dây giày quên không buộc, hay nếu buộc thì đi một chốc lại tuột ra. Dạo ấy, người ta nói về tôi thế này:

—Sao ông bố thì chỉnh tề, cẩn thận, điềm đạm thế, mà con thì lại hấp tấp, luộm thuộm như vậy? Trong hai bố con thì ai già, ai trẻ: người quên buộc dây giày hay là người không bao giờ quên cái gì cả?

—Vâng, được rồi,—tôi đáp lại những lời bàn tán

nhàn rỗi. Tôi lấy tuổi già của bố tôi và trao cho ông tuổi trẻ của tôi.

Trên thực tế, cho đến tận cuối đời mình, bố tôi ăn mặc rất gọn gàng, cử chỉ nhanh nhẹn như thanh niên. Cả bên trong bên ngoài ông đều tỏ ra nghiêm chỉnh, mực thước. Cả làng đều biết rõ giờ, biết rõ phút, khi bố tôi mặc áo khoác vào và trèo lên mái nhà. Cứ theo việc làm đó của bố tôi, có thể kiểm tra đồng hồ của mình. Một anh trai làng đi bộ đội đã viết thư về nhà cho bố mẹ thế này: «Chúng con dậy sớm lắm. Người ta đánh thức chúng con vào giờ ông Gamzát trèo lên mái nhà».

Nếu ai định gặp bố tôi buổi sáng, thì đều biết phải ra đón ngoài đường đi Khunzác vào giờ nào, phút nào. Hàng ngày ông rời khỏi nhà đi làm luôn luôn theo một giờ giấc nhất định.

Mọi người biết rõ về ông tất cả: biết rằng ông sẽ dắt ngựa đến chỗ nào thì ngồi lên yên; biết chiếc áo sơ mi màu đen giản dị của ông, những chiếc quần chật ống, những đôi ủng ông tự khâu và tự lau chùi mỗi buổi sáng. Họ biết chiếc thắt lưng của ông, đầu không bao giờ cạo nhưng luôn được cắt tỉa cẩn thận; biết cái mũ ông đã đội một cách ngay ngắn. Lông cừu làm mũ không đến nỗi xoăn lắm nhưng cũng không dài quá.

Đã có một sự hình dung về bố tôi, và tất cả những gì ông mặc, những gì ông làm đều hết sức phù hợp với hình dung đó. Khó có thể hình dung một cái gì khác trong cách ăn mặc, cách xử sự của Gamzát.

Tự ông cũng không thích những sự thay đổi. Khi áo rách, cần phải thay, ông cũng cố tìm cái giống như cái đã rách. Mặc dù chiếc áo mới được may bằng cùng một thứ

vải, cùng một kiểu như trước, thế mà những ngày đầu, khi mặc chiếc áo mới, ông vẫn cảm thấy bị bó buộc, không thoải mái.

Có lần thắt lưng ông bị đứt. Mua cái mới chẳng đáng là bao, nhưng ông đã cẩn thận khâu lại cái cũ đã quen và còn dùng được một thời gian nữa. Ông không phải người tham lam, mà tiền cũng có, nhưng ông cảm thấy tiếc khi phải bỏ vật gì ông đã quen. Cuối cùng thì thắt lưng đó lại đứt và ông đành phải mua cái mới. Tuy vậy ông vẫn tháo cái khóa ở thắt lưng cũ lắp sang cái mới.

Ông hay vuốt ve cái mũ của mình như tuồng đó là một con cừu non. Nếu ông đã quý chiếc thắt lưng bình thường đến thế thì ông còn quý cái mũ của mình đến đâu.

Mùa hè năm 1941 khi chiến tranh bùng nổ, chính phủ Đaghextan đã yêu cầu bố tôi chuyển từ vùng núi về ở Makhátkala. Đã từng quen với vùng cao mát mẻ, bố tôi cảm thấy ở thành phố rất oi bức, nóng nực. Quần áo thích hợp với vùng núi trở nên bất tiện ở thành phố nóng bức. Đặc biệt không thích hợp là cái mũ lông cừu. Bố tôi thử đội nhiều kiểu mũ, nhưng chúng đã thay hình đổi dạng ông đến mức ông phải vứt chúng vào xó, mặc dù bọn con cái chúng tôi đều ra sức thuyết phục ông đội.

Thế là ông Gamzát đã đi ngoài phố xá Makhátkala với chiếc mũ lông cầm trên tay. Đôi lúc ông đội lên đầu rồi lại bỏ ra, nhưng không một phút nào ông rời nó.

Một tai họa lớn như chiến tranh cũng có thể làm mọi người quen đi, và cuộc sống chuyển sang một nhịp điệu khác, theo kiểu thời chiến. Thỉnh thoảng bố tôi lại về vùng núi. Ở đây ông cảm thấy khoan khoái biết bao, ở đây ông lại được đội chiếc mũ lông cừu của mình một cách thích

thú! Những ngày ấy trông ông giống như người bấy lâu khổ sở vì không có thuốc hút hay bị cấm ngặt thuốc lá, nay bất ngờ được dịp từ từ cuốn điếu thuốc sâu kèn bằng thứ sợi thơm, từ từ châm lửa rồi hít vào thật sâu, thật chậm rãi với đầy khoái cảm.

Bố tôi chưa bao giờ hút thuốc, nhưng trong nhiều điều nhỏ nhặt khác của cuộc sống, ông đã tìm thấy một khoái cảm như thế, hay hơn thế, chưa nói đến niềm vui lớn nhất của ông là niềm vui sáng tác, niềm vui của tình yêu đối với quê hương.

R ú t t r o n g s ổ t a y c ủ a b ố t ô i. «Mặc dầu Ratgiáp là bạn tôi, nhưng anh ta đã đối xử với tôi tồi hơn cả kẻ thù. Anh ta đã liên minh với dao cạo để chống tôi» — bố tôi đã có lần ghi vào sổ tay như vậy. Chuyện là thế này. Năm 1934, bố tôi đi Maxcơva họp Đại hội các nhà văn lần thứ I. Hồi đó nhà văn Avar Ratgiáp Đinmagômaép còn sống. Ông kéo bố tôi vào hiệu cắt tóc để sửa lại mái tóc và bộ râu. Không biết vì Ratgiáp đã sắp xếp trước hay là vì anh thợ cạo không hiểu yêu cầu của khách mà cả bộ râu bạc chưa từng bị cạo của bố tôi đã bị cạo nhẵn. Khi bố tôi biết thì đã muộn. Nhìn thấy trong gương một khuôn mặt hoàn toàn lạ lẫm, ông lấy hai tay che mặt và nhào ra khỏi hiệu cắt tóc. Sau đó ông không đến dự các phiên họp của Đại hội nữa, không dám xuất hiện trước mắt mọi người.

— Tôi không thể thay đổi được bộ mặt mình trong cuộc sống, - sau này bố tôi nói, — vậy thì sao lại có thể thay đổi bộ mặt mình trong thơ?

Bố tôi không thích sự kiểu cách trong cuộc đời, cũng như trong thơ, mặc dù có lần xuýt nữa ông đã quen với một dáng ngồi đầy kiểu cách, xa lạ.

H ồ i ức. Một lần, có nhiều dân làng Xađa đến thăm bố tôi ở Makhátkala. Họ để ý thấy khi nói chuyện với họ, Gamzát Xadax ngồi trong một tư thế thiếu tự nhiên, không quen mắt như thế này: ông đưa ba ngón tay chống vào cằm. Một người làng hỏi ông:

— Trước đây chúng tôi không thấy ông chống ba ngón tay vào cằm. Ông quen làm thế lâu chưa và để làm gì? Thói quen này không thích hợp với ông đâu. Ông Gamzát ạ, đó không phải là diệu bộ của ông.

— Anh nói đúng đấy, — bố tôi trả lời, cần phải bỏ đi thôi. Thủ phạm trong chuyện này là họa sĩ Muetđin Đơgiêman. Số là suốt ba tháng ròng ông vẽ chân dung tôi. Ba tháng liền tôi phải ngồi không động dậy trước ông ấy, ba ngón tay tỳ dưới cằm. Ông ta bảo tôi phải làm thế và tôi phải nghe theo lời họa sĩ.

· Có khó chịu lắm không?

Ngồi thì không sao nhưng cái điệu bộ ấy mới khổ! Đôi lúc tôi có cảm tưởng rằng ba ngón tay người khác đã tỳ vào cằm của tôi. Hoặc đôi lúc tôi có cảm tưởng rằng ba ngón tay của tôi tỳ lên cằm của ai khác. Tôi cứ ngồi như thế suốt ba tháng và dần dần quen. Chuyện vẽ vời đã kết thúc từ lâu, bức tranh đã xong và đã treo lên, còn tôi thì các anh thấy đấy, vẫn tiếp tục giữ diệu bộ tỳ ba ngón tay lên cằm. Có khi người đau tim đưa tay lên ngực cả những lúc không đau. Nhưng các bạn đừng lo, tôi sẽ cố gắng bỏ thói quen đó.

T r o n g s ổ t a y c ủ a b ố t ô i có đoạn ghi lại việc người ta đã trồng răng giả cho ông thế nào.

Khi sắp sửa trồng răng, bác sĩ hỏi ông thích trồng loại răng gì: răng vàng, răng bạc hay răng thép. Ông lúng

túng không biết trả lời thế nào, bèn cầu cứu mấy người bạn ông có mặt bên cạnh lúc đó.

— Anh cứ nói lắp răng vàng vào, — một người bạn gợi ý, — vàng là một thứ kim loại quý.

— Cứ trồng răng thép ấy, — một người khác khuyên. — Thép rất chắc mà lại không bao giờ gỉ.

- Biết làm thế nào bây giờ, — ông Gamzát phản đối. — Nếu tôi trở về làng với những chiếc răng vàng hay răng thép, mọi người sẽ nhìn tôi với vẻ ngạc nhiên rằng không phải răng trong mồm tôi mà là những cái đèn lấp lánh. Mọi người sẽ không nhìn tôi nữa mà chỉ nhìn răng tôi thôi. Răng sẽ che mất mặt. Có thể trồng cho tôi những chiếc răng bằng xương, những chiếc răng không làm ai để ý là tôi có những chiếc răng mới. Tôi thích trồng những cái răng bình thường như vậy.

Bác sĩ đã đáp ứng những yêu cầu của ông, trồng cho ông những chiếc răng giống như những chiếc răng vốn có.

Sau này khi nhận thấy trong các bài thơ của một thi sĩ nào đấy có những câu lạc lõng hay vay mượn, bố tôi liền nói:

Trong các bài thơ này có những chiếc răng giả.

Tất nhiên là với răng vàng cũng có thể cắn táo được, nhưng không thể ngon lành như cắn bằng răng thật của chính mình.

Hồi ức. Năm 1947, ở nhà hát thành phố Makhát-kala có tổ chức một buổi lễ trọng thể mừng bố tôi, nhà thơ Gamzát Xađax tròn 70 tuổi. Nhiều diễn văn, nhiều lời chúc tụng, nhiều bài thơ đã được đọc, nhiều tặng phẩm đã được trao. Cuối cùng người ta dành thì giờ cho chính người được mừng là bố tôi phát biểu. Ông bước lên diễn

đàn, bình thản rút từ túi áo ngực một tờ giấy chi chít những câu thơ được viết nhân ngày ấy, rồi bình thản cho tay vào túi khác lấy kính... Nhưng liền đó cử chỉ của ông đang bình thản bỗng chuyển thành vội vàng. Ông cho tay vào hết túi này đến túi khác. Mọi người hiểu rằng nhân vật chính của buổi lễ này đã quên kính ở nhà.

Người ta liền phái người đi lấy kính. Nhưng bố tôi đã đứng trên diễn đàn rồi, và không biết làm gì tiếp. Lúc đó bạn bố tôi là Abutalíp đã đưa cho ông cặp kính của mình, cặp kính hình như cũng thích hợp. Bố tôi đeo kính của Abutalíp và bắt đầu đọc. Ông đọc thơ mình, nhưng trong giọng ông, trong cả dáng đứng của ông có vẻ gì thiếu tự tin, e ngại, và mọi người đều cảm thấy rằng không phải ông đọc thơ mình mà đọc thứ thơ nào khác tình cờ lần đầu ông trông thấy.

Khi bố tôi bắt đầu đọc bài thơ sau thì chàng trai được phái đi lấy kính đã chạy vào rạp. Ông bỏ kính của Abutalíp xuống, đeo kính mình lên, và ngay lập tức điệu bộ của ông thay đổi hẳn, giọng của ông vang lên rắn rỏi hơn, mọi người dự lễ vỗ tay hoan hô ông, như đến bây giờ ông Gamzát Xađax thật mới bước lên diễn đàn, còn trước đó chỉ là phân thân của ông.

- -Suýt nữa thì cái kính làm hỏng cả buổi lễ mừng tôi, ông cười nói.

—Chẳng lẽ kính của tôi tồi hơn sao?—Abutalip to tiếng hỏi.

Kính ấy rất tốt nhưng vẫn là kính của anh. Mỗi người có riêng đôi mắt, nên kính cũng cần phải riêng.

Bố tôi không thích cái gì chói lóa, cũng không thích cái gì tối mù. Ông không thích đặc quá hay loãng quá,

lạnh quá hay nóng quá, đắt quá hoặc rẻ quá. Ông không thích quá lạc hậu cũng như quá tiền phong.

Ông không thích sự dữ tợn của sói và sự yếu ớt của thỏ, sự lộng quyền và sự nô lệ. Ông nói:

— Đừng khô cứng để khỏi bị gẫy, nhưng cũng đừng ướt át quá để người ta vắt anh như cái giẻ lau.

Bố tôi không thuộc loại người ướt trụi khi mới mưa vài hạt hoặc khô khốc khi gió hanh vừa thổi tới. Bố tôi là một cán bộ bình thường, ông có mọi thói quen và phẩm chất của dân tộc chúng tôi, và ông đã mang theo trong mình những phẩm chất đó một cách xứng đáng.

Hồi ức. Có lần bố tôi cùng chúng tôi cần phải đi từ Makhátkala về làng để thăm một người họ hàng bị ốm. Đứng đầu chính phủ Đaghextan hồi đó là Apđurảcman Đanhijalốp. Biết chúng tôi sửa soạn về quê, ông cho một chiếc xe màu đen của chính phủ đến đón chúng tôi. Hình như đó là một chiếc «Zim».

Khi xe chạy trên đường phố, bố tôi cảm thấy rất thích thú. Khi xe vừa ra khỏi thành phố và bắt đầu vượt qua những người miền núi cưỡi lừa, cưỡi ngựa, cưỡi la hay đi bộ thì bố tôi bắt đầu ngồi không yên trên chiếc ghế đệm êm. Trong khi tôi, do còn ít tuổi, cứ cố ló mặt ra ngoài cho mọi người thấy tôi được đi xe «oai» thế nào, thì bố tôi lại cố ngồi thụt vào trong, phía tối.

Trời mưa. Đến bờ sông Gốtxátlin, chúng tôi thấy một chiếc xe bò do ông già điều khiển bị sa lầy giữa dòng. Bố tôi bảo xe dừng ngay lại, rồi bước xuống sông giúp ông già. Cùng với ông già, chúng tôi vừa thúc bò kéo, vừa quay bánh xe. Một lát sau, chiếc xe đã lên được đoạn đường bằng. Chúng tôi đi tiếp. Vài cây số sau, trên đường đi, chúng tôi

lại gặp một con sông nữa. Bố tôi bảo xe dừng lại để chờ ông già đánh xe bò ban nãy.

— Ông già thế nào cũng lại mắc kẹt ở đây. Còn tôi thì biết cách điều khiển bò kéo xe qua con sông này. Tôi chờ ông già ở đây để giúp ông ấy.

Chờ một lúc sau thì chiếc xe bò kia ì ạch đến bờ sông thứ hai, bố tôi liền điều khiển bò kéo xe rất thành thạo.

Trước đây khi bố phải chở đủ thứ đồ từ Buinắcxcơ đi lên miền cao, nhiều lần bố đã rơi vào cảnh thế này, - bố tôi nói với chúng tôi khi trở về chỗ xe hơi đỗ, chùi chùi tay vào vạt áo. Ông buồn rầu nhìn theo chiếc xe bò đi, dường như nó đã kéo theo cả quá khứ của ông, cả cuộc đời ông.

Trên đường lên cao nguyên Khunzắc, chiếc xe hơi của chúng tôi bị một chiếc xe vận tải chạm phải. Một chiếc bánh bị hỏng. Có cảm tưởng như là bố tôi lại có phần thích thú với tai nạn đó; ông liền đi bộ tiếp về làng. Chúng tôi cố thuyết phục ông chờ lắp xong bánh dự trữ, nhưng ông không chịu.

Dự đám cưới mà đến bằng chiếc xe đó, bố cũng còn thấy áy náy nữa là đi thăm một người ốm thì cần gì thứ nghi thức sang trọng này. Không, xe bị hỏng thế là bố mừng, bố đi bộ thôi.

Bố tôi đi về làng bằng con đường mòn nhỏ quen thuộc từ thời thơ ấu, con đường mà bao thế hệ người dân ở đây đã đi. Chúng tôi chữa xong bánh xe và đi theo con đường lớn. Chúng tôi tới làng cùng một lúc với bố tôi.

Sau đó, ở Makhátkala, Apđurắcman Đanhijalôp lo ngại hỏi bố tôi về tai nạn dọc đường.

Bố tôi nói đùa:

— Chiếc xe tốt quá anh ạ. Nếu nó xấu hơn một chút thì đã chẳng việc gì đâu!

H ồ i ức. Những năm cuối đời, bố tôi bị ốm nặng. Ông bị ốm bất ngờ trong thời gian đi các vùng cao để gặp gỡ các cử tri. Sắp đến kỳ bầu cử Xô-viết tối cao Liên xô, và Gamzát Xadax được chọn vào danh sách ứng cử.

Đến huyện lỵ đi bằng xe hơi, nhưng từ đấy đi tiếp tới các miền núi cao thì phải đi bằng ngựa. Bố tôi thích những con ngựa hiền lành. Ông thích cưỡi ngựa đi bước một, nhưng thường thường ông hay dắt ngựa đi. Ông thích nhất là đi bộ.

Chính quyền địa phương cố tạo điều kiện thuận lợi cho ông. Họ đem tới cho vị đại biểu tương lai một con ngựa đua đầy sức lực. Không thể trách họ được, họ chỉ muốn giúp ông được tốt hơn. Họ cho rằng đối với vị khách quý như vậy phải đem tới con ngựa khá nhất huyện.

Ông già 72 tuổi không muốn làm phật ý những người đón ông. Nhớ lại thời trai trẻ, ông nhẹ nhàng nhảy lên mình ngựa. Đứng giữa đám thanh niên cưỡi ngựa, ông già râu bạc trông giống như vị thủ lĩnh Hồi giáo bên cạnh những kỵ sĩ hộ vệ của mình.

Các chàng trai trẻ quất roi phi ngựa về các làng báo tin ông Gamzát sắp đến. Thấy những con khác đã phi đi, ngựa ông ngồi cũng chồm lên. Ông già không kịp kìm nó lại và cứ thế nó vun vút lao tới. Toàn thân ông bị lắc mạnh trên yên, mỗi lúc ông thấy yếu dần và cuối cùng ông bị ốm, và bệnh này đã theo ông đến khi chết.

— Với thơ cũng vậy thôi, - bố tôi vừa húng hắng ho vừa nói. — Nhà thơ cần phải cưỡi con ngựa quen thuộc của mình chứ đừng ngồi lên mình con ngựa đua xa lạ. Con ngựa đua xa lạ sẽ hất anh ra khỏi yên.

Tôi có thể kể nhiều về bố tôi, nhưng bây giờ tôi muốn kể về bạn của ông là Abutalíp. Cả ngày hôm qua tôi đã ở bên ông.

Một ngày sống gần Abutalip. Khó nhất đối với tôi là ngồi viết tiếp bài thơ vì lẽ gì đó chưa làm xong. Người miền núi nói rằng cho đến già, ếch vẫn chưa có đuôi vì nó cứ gác việc gắn đuôi sang ngày hôm sau.

Từ sáng sớm tôi đã quyết định phải viết tiếp bài thơ dài mà tôi đã làm từ hai tuần trước. Công việc này thật khó khăn và tôi phải nói với bà giúp việc Frôxa:

Nếu có ai đến hỏi thì bà nói dùm tôi đi vắng. Ai cần lắm thì bà báo đến sau bữa trưa.

Dặn dò xong, tôi lên gác trên và bình thản bắt tay vào việc. Nhưng những tiếng động dưới đường vẫn vọng lên và tôi bỗng nghe thấy tiếng cổng ra vào ken két mở ra. Một lát sau có tiếng chuông reo dưới nhà. Tôi không nghe thấy giọng Frôxa, nhưng giọng của Abutalip vọng lên rất rõ. Chiếc ghế tôi ngồi bỗng biến thành một cái chảo nóng bỏng hay là thành bụi mận gai. Chưa từng bao giờ ở nhà Gamzát Xađax, và bây giờ ở nhà Raxun Gamzatốp lại có ai từ chối Abutalíp để ông phải rời khỏi ngưỡng cửa và quay về. Chưa từng có chuyện như thế và không thể có chuyện như thế. Nhưng lúc ấy tôi rơi vào một tình trạng khó xử: một mặt không thể để Abutalíp ra về, mặt khác không muốn để cho bà Frôxa khó xử vì trung thành thực hiện yêu cầu của tôi   đã nói với Abutalíp rằng tôi đi vắng và sau bữa ăn trưa mới về nhà.

Nhưng cuối cùng tôi đã hành động theo lời khuyên của trái tim chứ không phải lý trí. Tôi ló đầu ra cửa sổ và cất tiếng gọi to ông già bạn cũ của bố tôi:

Bác vào đi, bác Abutalip, cháu ở nhà đây mà!

— May quá, trời phù hộ! Chẳng lẽ con trai ông Gamzát ở làng Xađa đang phải trốn chủ nợ sao? — Abutalíp liền bỏ mũ ra, đi qua trước mặt Frôxa và lườm bà một cái. — Anh Raxun này, anh hãy nói với người phụ nữ này là khi nào có Abutalip tới nhà thì cửa tự mở và anh thì lúc đó bao giờ cũng có nhà. Mà nếu anh không có nhà thì bao giờ trong nhà này cũng có cái gì đó cho Abutalíp ăn, uống và nếu cần thì có cả chỗ ngủ nữa.

— Bà Frôxa không có lỗi đâu ạ. Patimát, vợ cháu, khi đi làm đã dặn bà ấy nói với tất cả rằng cháu không có nhà. Vợ cháu lo cho cháu mà!

Cũng hay, khi có vợ là người để đổ hết tội lỗi của mình sang. Nhưng chẳng lẽ Patimát lại quên hôm nay là thứ năm sao, — Abutalip vừa nói vừa giữ chiếc mũ lông ướt nước mưa.

— Thứ năm thì có gì đặc biệt hả bác?

— Đó là ngày tắm của tôi. Chẳng lẽ anh không để ý cứ thứ năm là tôi đến nhà tắm công cộng à, mà nhà tắm lại gần nhà anh, nên bao giờ cũng có thể nghĩ rằng tôi sẽ ghé vào nhà anh ngồi chơi, nói chuyện, hút thuốc.

— Sao bác lại cần đến nhà tắm hở bác? Ở nhà riêng của bác có bồn tắm, có vòi hoa sen và cả nước nóng nữa rồi mà?

Bồn tắm và vòi hoa sen là một mẩu bánh mì đen. Còn nhà tắm là một bữa tiệc cưới. Tôi có một vườn cây và một con suối từ ngàn năm nay chảy từ núi xuống, tôi xẻ rãnh cho con suối đi qua từng cái cây, và nó sẽ tưới nước cho cây. Chẳng lẽ tôi ngày ngày lại đem bình tưới đến từng gốc cây sao? Nhà tắm tôi ví với dòng suối núi đầy

ắp nước, còn bồn tắm và vòi hoa sen của anh — là cái bình tưới, cái gáo múc nước. Không, anh Raxun ạ, anh hãy để các thứ đồ chơi ấy lại cho nhà thơ thiếu nhi Nurátđin Iuxupốp. Người ta nói rằng anh này bây giờ đang viết kịch bản múa rối. Những thứ đó sẽ thích hợp với các con rối của anh ta lắm đấy.

— Sau khi tắm xong, uống nước chè nóng tốt lắm bác ạ, — tôi ngỏ ý mời ông, khi chúng tôi đi từ hành lang vào phòng.

— Xoàng ra thì uống nước chè là được. Không thì ăn xúp cũng không sao, còn nếu có rượu thì càng tốt. Nhưng sau khi tắm xong tốt nhất là uống rượu vôtka nguyên chất.

- Xúp thì cháu cũng có nhưng để từ hôm qua. Bây giờ mới buổi sáng, nhà chưa nấu xúp mới.

— Chúng ta cứ ăn xúp hôm qua trước đi rồi thì xúp hôm nay cũng vừa được.

Khi bà Frôxa đang tất bật dọn cái ăn ra bàn, tôi bèn khoe với cụ Abutalip những thứ rượu mang từ nước ngoài về. Từ những nước xa xôi, tôi đã đem về những chai rượu màu sắc đủ loại, nào là rượu rum, rượu cônhắc, rượu gin, uytki, kanvađôx, apxăng, vecmut, rượu mận, rượu unikum của Hungari... Rượu cônhắc cũng đủ loại: loại mactini, loại kamuy, loại plixka.

- Bác thích uống thứ rượu nào?

- Anh Raxun, anh dẹp tất cả cái thứ tạp pí lù này đi. Nếu anh muốn, anh cứ đãi tôi thứ rượu trắng bình thường. Rượu trắng không chỉ hay ở chỗ là chúng ta đã biết nó mà còn hay ở chỗ là nó đã biết chúng ta. Những thứ anh vừa cho tôi xem có thể là rất ngon, nhưng tất cả các chai ấy

đều từ xa đến, chúng nói thứ tiếng lạ mà tôi không hiểu, còn tôi lại nói thứ tiếng mà chúng không hiểu. Lại còn thói quen, còn tính nết nữa chứ. Không, những thứ rượu ấy và tôi hoàn toàn không biết nhau. Những chai rượu này giống như những vị khách không quen mà thoạt đầu cần bắt chuyện, cần ăn đến hết một pút* muối. Tôi sợ rằng tôi không làm quen được chúng. Cứ để lại mà đãi bạn bè anh — những nhà văn ở Maxcơva. Cứ để dành mà đãi những ai đã quên mất mùi vị thức ăn mẹ nấu trên bếp lò nhà mình.

Trong số rượu của tôi, không có một chai rượu trắng nào. Tôi làm như tôi sắp sửa đi ra hiệu ngoài phố để mua với hy vọng là ông Abutalip sẽ ngăn tôi: ngoài trời đang mưa lại thêm gió rét nữa, ở nhà thì rượu quá nhiều rồi. Tôi nghĩ rằng cuối cùng thì ông cũng phải thấy yêu cầu của ông là hơi gàn dở chứ: đòi uống rượu trắng, trong khi trên bàn đầy những rượu cônhắc thượng hảo hạng của Pháp!

Và Abutalíp quả thật đã can ngăn tôi:

— Không, anh Raxun ạ, có thể thấy ngay là anh vẫn còn trẻ, mặc dầu tóc đã bắt đầu bạc. Chẳng lẽ anh lại phải tự mình đi mua rượu, chẳng lẽ không có ai trẻ hơn anh sao? Anh sang nhà bên cạnh nhờ cậu thanh niên bên ấy đi mua, cậu ấy sẽ đi đấy. Tôi chẳng vội đi đâu cả, tôi sẵn sàng chờ anh ta mua về.

Đành phải làm như cụ Abutalíp đã nói. Tôi đưa tiền cho anh thanh niên hàng xóm, anh ta chạy ngay ra hiệu. Còn cụ Abutalíp lúc ấy đưa mắt nhìn quanh căn buồng.

* 1 put = 16,3 kg. (*ND.*)

Hình như nhà anh không có khách miền quê lên chơi phải không? Chẳng lẽ không có ai đến thật à?

– Hôm nay thì không có ai.

– Hồi bạn tôi, tức là bố anh, còn sống, trong ngôi nhà này lúc nào cũng có khách. Các vị khách ấy hay ở chỗ ai cũng mang theo thuốc lá.

–Cháu cũng có thuốc hút.– Tôi rút trong ngăn bàn ra mấy bao thuốc lá.

— Những điếu thuốc tròn trịa, trắng trẻo này không phải dành cho tôi. Đó là thứ thuốc dành cho các bạn Maxcơva của anh, tôi chỉ thích thứ thuốc nặng miền núi chúng ta thôi. Đành phải giở bao thuốc của mình vậy.

Abutalip rút từ túi áo ngực phía trong một cái hộp, mở nắp ra lấy sợi vấn thành một điếu thuốc. Ông vấn lại rất thành thạo rồi đưa lên đầu lưỡi nhấp.

— Những điếu thuốc phẳng phiu của anh liệu có thể so sánh với điếu sâu kèn này không? Điếu thuốc tự vấn này của tôi không lần nào giống lần nào đâu, còn các điếu thuốc của anh thì cả trăm điếu giống nhau như một. Bây giờ anh hãy nói cho tôi nghe đằng nào thú vị hơn, rút từ trong hộp ra một điếu thuốc có sẵn hay là tự vấn cho mình một cái sâu kèn tuyệt vời như thế này? Ngay từ lúc đang vấn tôi đã thấy thú rồi, vậy thì việc gì tôi lại phải tự tước đi cái thú đó?

Tôi bật chiếc bật lửa gaz của Thụy-sĩ hay Bỉ gì đó, nhưng Abutalip đã gạt tay cầm bật lửa đang cháy của tôi. Ông rút trong túi áo một thỏi thép, cục đá và một túm bùi nhùi. Ông đặt túm bùi nhùi sát hòn đá để lấy lửa. Lửa bén vào túm bùi nhùi, ông cầm nó khoa khoa tay lên cho lửa

cháy thành ngọn, rồi châm thuốc hút. Ông đưa túm bùi nhùi đang cháy lên sát mũi tôi và nói:

Thử ngửi xem mùi lửa thế nào? Thơm không? Thơm quá đi chứ? Còn bật lửa của anh có mùi gì?

Abutalip biến đi một lát trong làn khói thuốc. Sau đó, khi khói thuốc tan ra, ông lại hỏi tiếp:

— Này, anh Raxun, anh hãy nói cho tôi biết vì sao đầu anh đã bạc?

— Cháu không biết, bác Abutalip ạ.

— Thế mà tôi lại biết vì sao đầu tôi bạc.

— Bác kể cho cháu nghe đi.

— Đầu tôi bạc vì bao giờ tôi cũng phải chờ quá lâu những thằng bé mạt hạng kẻ cả đến hiệu mua rượu trắng. Phải rồi, anh Raxun ạ, bọn trẻ không hiểu được những ý nghĩ của bố mẹ khi chúng chưa có con. Cũng vậy, ai không uống rượu, không thể hiểu được chúng ta. Cần phải nhờ người thích uống rượu đi mua rượu thì mới khỏi phải chờ lâu thế này.

Lúc ấy, bà Frôxa đã dọn các thứ ra bàn. Một lúc sau nửa chai rượu trắng cũng được đặt lên giữa bàn.

— Chà, — Abutalip nói. — Hệt như là vị chủ tịch vùng Xurkhin xuất hiện giữa những nông trang viên. Ông cầm chai rượu rồi dung đưa nó như nựng một đứa bé. Chà, chà, chai rượu hay thật! Cậu nào vừa đem nó về chắc là một chàng trai khá lắm!

Khi ấy, Abutalip mới để ý đến những chiếc ly nhỏ đặt trên bàn. Trán ông nhăn lại hệt như nếm phải cái gì rất đắng hay bị đau răng. Ông xoay xoay chiếc ly đựng rượu, nhìn vào ly — theo tôi, ông rất muốn ném vào đấy mẩu thuốc lá đã hút xong để bày tỏ sự khinh bỉ của mình.

Tôi cầm một chiếc sừng lớn mà mấy người bạn Gruzia đã tặng tôi và đưa cho Abutalíp.

Nhà thơ già ngắm nghía chiếc sừng kỹ lưỡng rồi đánh giá: -Một cái sừng hay đấy, nhưng nếu không bị chạm bạc vào thì còn hay hơn nữa. Thứ bạc chạm vào đây khác nào cái dây da quấn quanh bụng chàng rể. Để làm gì mới được chứ? Chẳng nhẽ nhờ thứ bạc đó mà rượu sẽ trở nên ngon hơn, nồng hơn sao? Không, anh Raxun ạ, anh làm ơn đưa cho tôi cái cốc bình thường mà suốt đời tay tôi đã cầm. Tôi biết rằng uống mấy hớp thì hết cốc, biết uống đến đâu thì dừng lại nghỉ một lúc rồi uống tiếp.

Tôi thực hiện cả ý muốn này của Abutalíp. Ông rót rượu, ném vào cốc một mẩu bánh mì và nói bằng tiếng Đarghin:

Đêrơkháp! — Ông uống một hơi cạn cốc, ngừng lại thở rồi nói tiếp:- «Đêrơkháp» là tiếng bao giờ cũng phải nói trước khi uống rượu. Tất nhiên giải thích rõ ràng nghĩa của nó cũng khó, mà cũng có thể là nó chẳng có nghĩa gì đặc biệt, nhưng lẽ nào lại không hiểu được khi thốt ra tiếng «Đêrơkháp»!?

Uống xong, Abutalip kéo đĩa xúp lại gần, gắp miếng thịt sang một đĩa khác rồi bẻ bánh mì vào đĩa xúp. Ông ăn chầm chậm với dáng vẻ thích thú, như cảm thấy rõ vị ngon lành của từng thìa canh nóng. Chốc chốc ông lại xẻo một miếng thịt nhỏ cho vào miệng. Tôi nghĩ rằng miếng thịt đối với ông sẽ không ngon lành thế, nếu ông không ăn theo kiểu như vậy hay thậm chí không xẻo bằng con dao nhỏ bỏ túi của ông.

Ăn xong đĩa xúp và miếng thịt, ông nhặt hết những

mẩu bánh mì còn trên bàn cho vào mồm. Sau đó ông uống thêm ít rượu nữa rồi vuốt bộ ria mép.

— Chắc bây giờ bác muốn uống chè chứ ạ?

Bây giờ nước chè của tôi lại là thuốc lá. Này, anh Raxun, anh hãy nói cho tôi biết điếu thuốc lá khác với mọi thứ khác thế nào?

— Cháu không biết.

— Mọi thứ khac khi ta kéo một hơi thì nó dài ra, còn điếu thuốc lá thì lại ngắn lại. Rồi ông cười hà hà ra chiều thú vị với câu nói chẳng lấy gì làm sâu xa của mình.

-- Bác hút nhiều lắm phải không, như thế có hại cho sức khỏe đấy bác ạ.

Người ta nói, sau bữa ăn no thì đến đức Allah cũng hút thuốc.

Hút xong, ông bất ngờ hỏi:

- -Bao giờ thì họp Ban chấp hành?

Ngày mai ạ.

Anh biết lần này Ban chấp hành có bàn đến cái đơn của Zainútdin gửi tới Quỹ văn học không nhỉ?

— Cháu không biết, nhưng bác hỏi làm gì ạ?

Tôi sẽ kể cho anh một câu chuyện. Hồi còn bé, tôi đi chăn bò, lũ bò của tôi rất lành. Tôi nằm thoải mái trên bãi cỏ xanh, dưới ánh mặt trời, còn chúng thì gặm cỏ chung quanh: tất cả đều vừa lòng: cả tôi, cả lũ bò và cả bà chủ những con bò tôi chăn. Nhưng sau đó bỗng xảy ra tai họa một chú bò lanh lợi tìm được đường dẫn đến ruộng yến mạch. Những con khác liền đi theo. Cuộc sống thư thả của tôi đến đó là chấm dứt. Tôi không thể làm cho lũ bò quên được ruộng lúa đó, và tôi đành phải theo sát chúng từng bước. Đối với nhiều nhà thơ chúng ta, Quỹ

văn học cũng na ná như vậy. Họ vẫn sống bình thản, vẫn viết sách chừng nào chưa đánh hơi được Quỹ văn học. Tôi không biết ai là người đầu tiên ngửi thấy cái Quỹ đó, nhưng bây giờ thì tất cả đều bị hút cả về đây như lũ bò của tôi bị hút về ruộng lúa. Họ nghĩ đến thơ ít hơn là nghĩ đến Quỹ văn học. Sáng sớm dậy, họ không làm thơ mà viết đủ thứ đơn yêu cầu gửi tới đó. Đến lượt tôi cũng muốn viết một cái đơn, rồi ở Hội nghị chấp hành các anh sẽ bàn xem.

Bác cần gì cơ ạ, bác Abutalíp?

– Anh biết đấy, tôi từ bé đến giờ chưa hề biết đến bác sĩ là gì. Tuy vậy bây giờ tôi vẫn quyết định xin một cái giấy đi an dưỡng.

– Bác có thể coi rằng trong túi bác đã có sẵn một chiếc giấy đi nghỉ. Nhưng có lẽ bác gửi đơn lên Xô-viết tối cao Đaghextan thì tốt hơn là gửi tới Hội nhà văn chăng? Vì bác là ủy viên Chủ tịch đoàn Xô-viết tối cao mà an dưỡng đường của Chính phủ tốt hơn an dưỡng đường của Hội.

Ông lắc đầu và chặc lưỡi. Chặc lưỡi của ông có thể biểu hiện những tình cảm khác nhau — thán phục, giận dỗi, ngạc nhiên và bây giờ là phản đối.

– Không, anh Raxun ạ, thứ nhất, tôi chỉ được bầu vào Xô-viết tối cao một thời gian nhất định là 4 năm thôi, còn nhà văn thì cả đời. Thứ hai, ở an dưỡng đường nào cũng có điều chưa vừa ý. Bây giờ anh hãy nói, lúc đi tôi sẽ trách ai tiện hơn – trách anh và Khappalaép hay là Xô-viết tối cao?

Thế thì bác viết đơn đi, ngày mai Ban chấp hành sẽ làm việc.

Mirza sẽ viết đơn hộ tôi, tự tôi không bao giờ viết

cái gì cả, còn các anh chuẩn bị sẵn giấy đi nghỉ nhé.— Cụ nói xong câu ấy thì đứng dậy sửa soạn ra về.

— Bác đi đâu bây giờ?

— Tôi muốn đến nhà xuất bản. Người ta nói là một cuốn sách mới của tôi vừa in xong. Cần xem xem «con trai» hay là «con gái».

— Tối nay bác cố đến Trường Đại học Sư phạm một lúc nhé. Sẽ có cuộc gặp gỡ giữa nhà văn với sinh viên đấy.

Được rồi, tôi sẽ đến. Mang theo kèn zurna chứ?

— Không cần bác ạ, bác là nhà thơ chứ có phải người thổi kèn zurna đâu. Tốt hơn hết là mang theo một tập thơ.

Tôi sẽ gặp nhau!—Abutalip nói, rồi ra về.

Buổi dạ hội văn học tổ chức ở Trường Đại học Nữ sư phạm dự định bắt đầu vào 7 giờ tối. Các nhà thơ của nhiều dân tộc ở miền Đaghextan đã đến dự đầy đủ. Đúng 7 giờ tối. Tôi nhìn quanh mà không thấy Abutalíp đâu. Đành phải tiến hành trước mà không cần chờ ông. Lần lượt các nhà thơ bước lên diễn đàn. Họ đều đọc thơ bằng tiếng dân tộc. Người đọc tiếng Lắc, người đọc tiếng Ku-mức, tiếng Lêzghin, tiếng Avar. Trong khi một nhà thơ trẻ đang đọc bài thơ dài của mình thì bỗng nổi lên những tiếng vỗ tay không hợp thời lắm. Hóa ra là từ sau cánh gà Abutalíp Gafurốp đã bước ra sân khấu. Các cô gái đã vỗ tay hoan hô ông.

Nghe xong hai nhà thơ nữa, tôi ra hiệu cho Abutalíp chuẩn bị phát biểu. Abutalíp liền làm ra vẻ nghiêm nghị, sửa lại tư thế ngồi như trước mặt ông là ống kính chụp ảnh, rồi bắt đầu mân mê bộ ria mép. «Anh thấy đấy, tôi đã sẵn sàng rồi», nhà thơ già muốn nói với tôi như vậy.

Khi phát biểu, Abutalíp nói với các cô sinh viên

Trường sư phạm khi thì bằng tiếng Nga, lúc thì bằng tiếng Avar, bằng tiếng Lắc, bởi vì mỗi thứ tiếng dân tộc ở miền Đaghextan ông đều biết ít nhiều. Ông đọc hai bài thơ bằng tiếng Lắc.

Nhưng tất cả «phần văn học» này ông tiến hành với vẻ vội vàng, như đó chỉ là phần mào đầu, để dành thời giờ cho phần chính sau. Ra hiệu cho thính giả ngừng vỗ tay, Abutalíp hỏi tất cả:

— Các bạn có muốn tôi thổi kèn zurna không?

— Muốn ạ, muốn ạ. Bác thổi đi! — các cô gái nhao nhao nói.

Abutalíp vào sau cánh gà lấy ra một cái kèn zurna và một cây sáo rồi lần lượt khẽ thổi hai thứ nhạc cụ đó. Nhưng tất cả đều hiểu rằng đây chỉ mới là lúc thử nhạc cụ thôi. Biết chắc là kèn sáo đều tốt, Abutalíp bất ngờ lấy cốc nước đặt trên bàn và đổ vào kèn.

Trước khi rót nước cho mình, hãy cho ngựa uống, - người miền núi nói thế, — trước khi uống, hãy cho kèn uống trước, những người thổi kèn zurna ở miền núi đã nói như vậy.

Abutalíp bắt đầu thổi kèn, tay đung đưa cây kèn lúc về phía này, lúc về phía kia. Trước cả một hội trường toàn các cô gái trẻ, Abutalip tỏ ra rất hăng hái. Chắc là tối hôm ấy cả thành phố Makhátkala đã nghe thấy tiếng kèn của Abutalíp.

Ngồi xuống ghế của mình trên chủ tịch đoàn, Abutalip thật thà hỏi tôi:

Thế nào, tôi thổi kèn nghe có được không?

— Được lắm ạ.

— Thế thì tại sao anh lại vỗ tay uể oải thế. Vỗ thêm

ngay bây giờ đi xem nào?

Lời nói này của Abutalip đã được cả hội trường cười tán thưởng.

Với tư cách là người chủ trì buổi dạ hội, quả thật tôi không thích lắm khi thấy một nhà thơ nổi tiếng như Abutalíp lại đóng vai người thổi kèn zurna. Chuyện này cũng giống như là nhà thơ Nga Êxênhin đáng lẽ phải đọc thơ của mình thì lại bước ra sân khấu mà nhảy. Chắc là Êxênhin cũng biết nhảy. Nhưng việc nào cũng có lúc của nó. Chắc khi ngồi trên chủ tịch đoàn, tôi đã cau mày và ít vỗ tay, nên Abutalíp mới phải hỏi đùa câu buồn cười lúc này.

Đi giữa một đoàn các cô gái ồn ào theo tiễn, chúng tôi bước xuống mấy bậc tam cấp rộng dẫn tới chỗ gửi áo khoác. Dạo ấy, áo bành tô mốt nhất là loại áo độn vai giả vuông, cao. Tôi cũng mặc một chiếc bành tô như vậy. Abutalíp nhìn thấy tôi và lắc đầu:

— Trước kia vai người ta to là do ăn khấu đuôi cừu, còn bây giờ thì do được nhồi bông. Trước kia người ta vừa ngâm các bài thơ vừa đệm đàn kumuz, còn bây giờ thì rút giấy ra đọc thơ. Nhiều sự đổi thay đã diễn ra. Tôi không thích chúng.

- Sao bác lại tới chậm, bác Abutalíp?

— Tôi đã sửa soạn xong hoàn toàn và sắp bước ra khỏi nhà thì bỗng có một diễn viên nhà hát Avar chạy đến.

— Nhà hát ấy cần đến bác làm gì vậy?

Họ đang diễn một vở kịch có đám cưới trong đó. Bây giờ chẳng có vở kịch nào không có đoạn đám cưới. Mà người thổi kèn zurna lại bị ốm. Không có kèn zurna thì còn là đám cưới thế nào được nữa! Và thế là họ phải chạy tới mời tôi đến thổi kèn giúp. Chỉ mười phút thôi.

Chúng tôi tới nhà hát thì cũng vừa vặn đến chỗ đám cưới. Tôi thổi cho họ nghe hai bài hát làm khán giả quên luôn cả vở kịch, chỉ còn nghe mỗi tôi. Ví thử tôi có thổi cho họ nghe suốt buổi thì chắc là họ cũng sẵn sàng ngồi nghe tôi.

– Với cương vị nhà thơ nổi tiếng Abutalip Gafurốp, ủy viên Đoàn chủ tịch Xô-viết tối cao nước cộng hòa, cháu nghĩ là bác không nên đóng vai người thổi kèn trên sân khấu.

– Abutalip biết rõ hơn anh là điều gì Abutalip nên làm, điều gì không nên.

– Bác đã đến nhà xuất bản chưa? Cuốn sách của bác thế nào?

— Nhờ trời, cuốn sách ra rồi. Nhờ trời, tôi đã lĩnh được ít tiền. Nhờ trời, đã giả được nợ. Nhờ trời, đã mua được con ngỗng.

– Cụ sẽ tổ chức một bữa magarứt * chứ?

— Mời ai?

— Biên tập, họa sĩ, kế toán. Tất cả những ai tham gia vào việc xuất bản cuốn sách.

— Mời biên tập viên dự magarứt ư?! — Abutalip dừng lại vì nổi giận. Không phải cho anh ta ăn magarứt mà là xơi môgôrốt!

Môgôrốt theo tiếng Avar nghĩa là «mấy quả thụi». Abutalip cười rất lâu, lấy làm khoái trá với cách chơi chữ khá đạt của mình. Tiếp đó ông nói:

— Này anh Raxun, tôi nghe nói là người Đaghextan nào làm lễ ôbrêzanhiê ** cho con trai mình thì có thể bị

* Magarứt: thết đãi. *(ND.)*

** Lễ ôbrêzanhiê: tục cắt bao quy đầu cho con trai nhỏ ở những người Do-thái và một số dân tộc theo đạo Hồi. *(ND.)*

đình chỉ công tác, thậm chí bị khai trừ ra khỏi Đảng. Vậy, thì sao lại không sa thải những nhà biên tập cắt xén tùy tiện thơ tôi? Theo cách biên tập cuốn sách, tôi có thể nói ngay cho anh biết nhà biên tập quê ở làng nào. Những người Lắc chúng tôi mỗi làng đều có thổ ngữ riêng. Thế là nhà biên tập cố công dịch thơ tôi sang thổ ngữ làng mình. —Abutalip dừng lại và mỉm cười.—Nhưng mà cái chị đưa hợp đồng cho tôi ký thì đẹp lắm. Chà, chị ta đẹp thật! Tôi đã nói lời cám ơn với chị ta.

Bác còn nói gì với chị ấy nữa? Có thể tặng quà chị ấy nữa chứ?

—Tôi nói với chị ấy là nếu ở nhà chị có thứ bình hay chậu nào bị hỏng thì chị cứ mang đến cho tôi, tôi sẽ chữa lại, hàn lại, tráng men tử tế, trông như mới cho mà xem.

Hành động này của ông còn làm tôi không thích nhiều hơn cả việc ông thổi kèn zurna ở rạp hát Avar. Trông thấy một đống đồng nát vứt bên bờ rào, tôi cố ý hỏi ông già như để chọc tức:

Ngày trước, khi bác còn làm thợ tráng men, chắc các đồ hỏng này đã chẳng bị vứt ở đây. Chắc bác đã nhặt chúng mang về nhà chứ?

—Không, tôi không nhặt được chúng đâu, anh Raxun ạ,—Abutalíp thật thà đáp. Người ta đã nhặt trước tôi rồi.

Có một người bộ hành muộn màng đi ngược về phía chúng tôi. Abutalip ngăn người đó lại, xin thuốc lá, mượn bao diêm rồi châm thuốc hút.

Biết nói thế nào, cách xử sự của ông, tôi không thích. Nhà thơ nhân dân Đaghextan, một người nổi tiếng khắp miền này, một thành viên chính phủ như ông khi thì đóng

vai người thổi kèn trên sân khấu, khi thì định sửa bình, lọ cho cô thư ký nhà xuất bản, khi thì xin thuốc lá một người tình cờ gặp ở ngoài đường phố Makhátkala ban đêm. Nhưng tôi không muốn can ông già. Tôi sợ làm ông phật ý. Tôi chỉ nói với ông:

Bác đã già rồi, bác Abutalíp ạ. Nếu bác bỏ thuốc đi có phải lợi cho sức khỏe của bác hơn không?

— Cứ thế, hôm nay anh bảo bỏ thuốc, mai anh bảo đừng tráng men nữa, ngày kia thì lại nói đừng thổi kèn nữa. Trong trường hợp đó thì cũng không cần phải thôi làm thơ nữa, thơ nó sẽ tự bỏ tôi mà đi. Thơ nó biết, nó yêu Abutalíp hút thuốc, thổi kèn, tráng men. Nếu tôi không phải là Abutalíp nữa, thì tôi còn cần thiết gì cho thơ của tôi nữa? Tôi – là Abutalip Gafurốp, chứ không phải là Raxun Gamzatốp, người không muốn hút thuốc, không biết tráng men nhưng lại biết lãnh đạo Hội nhà văn. Tôi cũng không phải là Iuxúp Khappalaép, không phải là Nurátdin Iuxupốp, là Mácxim Gorki và thậm chí không phải là Zôsenkô...

(Hồi ấy người ta đang phê phán Zôsenkô, nên Abutalíp mới nhớ đến tên nhà văn này.)

— Dê rừng biết trú ở đâu, nếu không ở núi? Suối chảy ở đâu nếu không đi qua các hẻm núi? Anh đừng đội mũ lạ lên đầu tôi. Sao anh cứ có vẻ khó chịu với quá khứ của tôi như vậy? Phải rồi, trước kia tôi là người thổi kèn, người chăn bò, thợ tráng men. Nhưng chẳng lẽ tôi tự thấy xấu hổ với những năm tháng đã qua của mình sao? Đó cũng là tôi, là Abutalíp cơ mà. Anh Raxun, anh hãy nhớ điều bây giờ tôi nói với anh: Nếu anh bắn vào quá khứ bằng súng lục thì tương lai sẽ bắn vào anh bằng

đại bác. Tôi đã bỏ vợ nhiều lần, các bà vợ cũng đã bỏ tôi. Nhưng công việc mà tôi biết làm, không thể rời bỏ tôi, và tôi cũng không thể rời bỏ nó.

Phải rồi, đó là nhà thơ già Abutalíp, người bạn của bố tôi! Ông là như vậy và cần phải tiếp nhận ông như thế. Nếu ông khác đi, ông sẽ không còn là Abutalíp, là nhà thơ nữa.

Tôi xin kể thêm một chuyện có thể đặt đầu đề là:

Căn nhà mới của Abutalíp. Chuyện này xảy ra vào hồi tôi mới được bầu làm chủ tịch Ban chấp hành Hội nhà văn Đaghextan. Chức vụ này có nhiều quyền hơn là trách nhiệm, và nếu tự mình không tìm ra công việc thì có thể ngồi yên ở nhà mà làm việc riêng, tức là làm thơ. Nhưng dạo đó tôi còn là một người trẻ trung, hăng hái. Tôi bắt đầu biểu lộ sự tích cực. Tôi tìm cho mình đủ thứ việc gắn liền với cương vị mới của tôi.

Tôi nghĩ rằng nếu người ta định đánh giá độ chắc chắn của ngôi nhà mình thì thoạt tiên họ phải xem xét dầm cột, vì kèo. Tôi chú ý xem xét và thấy rằng «tứ trụ» của Hội nhà văn Đaghextan là bốn nhà thơ thuộc bốn dân tộc khác nhau ở vùng này: Taghia Khrucxki người Lêzghin, Ali Kaziáp người Kumức, Zaghít Gatgiép người Avar, và Abutalip Gafurốp người Lắc. Phát hiện ra điều này, tôi liền tìm biện pháp để tranh thủ họ. Tôi nghĩ rằng cũng hay nếu tổ chức được cho bốn ông già đó gặp đại diện chính phủ Đaghextan. Các nhà thơ sẽ nêu ra những khó khăn của mình và đại diện chính phủ sẽ nói với các nhà thơ lòng mong muốn của chính phủ.

Và thế là ít ngày sau chúng tôi đã ngồi nói chuyện với bí thư khu ủy Đaghextan là Apđurắcman Đanhijalốp.

Cuộc gặp gỡ đã diễn ra rất tự nhiên, đầy vẻ tâm tình. Các nhà thơ của tôi đều sung sướng như được bay lên mây xanh và đều đồng thanh nói rằng chủ tịch mới của Hội, Raxun Gamzatốp, là người rất tốt. Đồng chí Đanhijalốp cảm thấy rất vui khi trò chuyện với các nhà thơ nhân dân, và ông thành tâm khen ngợi Raxun, còn tôi im lặng ngồi nghe như không có chuyện gì xảy ra.

Chúng tôi nói chuyện với nhau về Đaghextan, về cuộc sống, về thơ. Cuối cùng, đồng chí bí thư khu ủy đề nghị mỗi nhà thơ phát biểu yêu cầu, nguyện vọng từng người. Người nói đầu là Taghia Khrucxki:

– Tôi thấy tiếc lắm đồng chí Đanhijalốp ạ. Khi mùa đông lạnh lẽo đến, cừu trong chuồng bị chết khá nhiều. Chẳng lẽ mùa hè, chúng ta không thể cử đến miền núi thật nhiều người để họ có thể chuẩn bị đủ thức ăn dự trữ cho suốt mùa đông sao?

Đồng chí Đanhijalốp ghi lại lời của nhà thơ và nói:

— Đồng chí còn yêu cầu gì nữa không?

– Không biết có thể cấp cho nông trang làng Khrúc chúng tôi một chiếc ôtô không?

Đến lượt Kaziáp Ali phát biểu. Kaziáp há mồm và chỉ cho chúng tôi xem, cho cả đồng chí bí thư nữa, những cái răng già nua, lung lay của mình.

Có thể trồng cho tôi những chiếc răng mới chắc chắn được không, chứ thế này khó nhai quá. Người móm ngâm thơ cũng khó hay lắm. Khi ngâm thơ giọng nó cứ thều thào.

Ngay lúc đó Kaziáp «thị phạm» luôn cho chúng tôi thấy không có răng thì đọc thơ bất tiện như thế nào. Ông đọc bài thơ «Thư gửi đồng chí chủ tịch Ủy ban thành phố

Khaxavuy». Bức thư bảy tỏ yêu cầu cung cấp cho nhà thơ già ít than để sưởi ấm mùa đông.

— Thế họ đã cấp than cho đồng chí chưa? - Đanhijalốp hỏi.

Chưa, chuyện này kéo dài từ năm ngoái đến nay rồi.

Đồng chí bí thư lại ghi vào sổ tay, và chúng tôi chuẩn bị nghe Zaghit Gatgiép.

— Ở các buổi ca nhạc, đáng lẽ phải hát thì các diễn viên trẻ bây giờ lại gào rống lên. Cách hát đó đã làm hỏng các bài dân ca hay. Còn các bài hát mới không biết được sáng tác thế nào, mà khi hát, các diễn viên vô tình cứ phải gào lên. Điều này nên chấm dứt ngay. Đài truyền đi quá nhiều bài hát về tình yêu. Có người lại còn hát những bài ca ngợi các nàng tiên trong truyện hoang đường. Đồng chí Đanhijalốp ạ, đồng chí hãy nói cho họ đừng ca ngợi các nàng tiên nữa, mà là ca ngợi những người lao động tiền tiến trên mặt trận sản xuất nông nghiệp.

Nói xong, Gatgiép quay về phía tôi và nói nhỏ:

— Này, hóa ra hôm qua Sắctamanốp và Xulâymanốp đã uống rượu trong cửa hàng ăn uống đấy. Cần phải cấm các nhà văn uống rượu. Về chuyện này, tôi sẽ gặp riêng anh để bàn.

Đến lượt Abutalíp.

- Anh Apđurắcman thân mến, — Abutalip nói với đồng chí Bí thư thứ nhất khu ủy. Bà vợ cuối của tôi mới sinh cho tôi một đứa con trai.

«Cuối» nghĩa là thế nào?

— Tôi đã có nhiều đời vợ. Biết làm thế nào được - - vì ảnh tôi cứ được in lên báo, tên tôi cứ được nhắc trên

đài, ai cũng nghe thấy, người ta gọi tôi là nhà thơ nhân dân của miền Đaghextan, là đại biểu Xô-viết tối cao, là người được thưởng huân chương. Các bà phụ nữ nhẹ dạ nghe thế mắc mồi, tưởng rằng nếu tôi nổi tiếng như vậy chắc là tôi có cả một lâu đài, hàng chục rương hòm của cải, tiền đựng vào bao tải. Và thế là họ lấy tôi. Nhưng sau đó họ thấy Abutalíp nghèo túng, ở trong nhà hầm, điều này làm họ chẳng thích thú gì và thế là họ bỏ tôi. Đấy là lý do vì sao tôi phải lấy vợ nhiều lần. Phải rồi, đồng chí Apdurắcman ạ, thơ của tôi thì vút lên trời như những chim sơn ca, mà tôi thì vẫn tiếp tục ngồi trong nhà hầm. Từ căn nhà hầm thảm hại đó tôi đã thả bay lên trời những bài ca vàng ngọc của mình. Bây giờ, bà vợ mới của tôi vừa sinh con trai và đe rằng sẽ bỏ tôi, nếu tôi không được một căn nhà mới, đẹp hơn. Bà sẽ bỏ đi, ôm đứa bé vào ngực... Anh Apđurắcman ạ, bây giờ thì bà ấy chưa đi, nhưng tôi thương bà ấy lắm, đừng làm gia đình tôi tan vỡ, cho tôi một cái bếp để tôi đặt nồi. Tôi đã ngoài 70, cỗ xe của tôi không lên núi nữa mà đã xuống đèo. Ngoài ra, nếu anh cấp nhà cho tôi, tôi sẽ mời anh đến chơi.

Chưa đầy một tuần sau, Abutalíp nhận được giấy phân phối nhà. Vĩnh biệt căn nhà hầm vui vẻ! Abutalíp của chúng ta dọn đến căn nhà ba buồng ở gác ba một nhà mới xây trên đường phố Puskin.

Có lần tôi gặp ông ngoài phố. Trông thấy tôi, ông làm ra vẻ như đang tìm vật gì trong đống sắt vụn.

Chào bác Abutalip, bác ở nhà mới thế nào, có thích không?

— Đã mấy ngày rồi tôi phải đi tìm một cái chuông để treo cạnh nhà, rung lên mà gọi anh đến chơi đây, anh con

trai của ông Gamzát làng Xađa ạ! Đã ba lần tôi mở cửa sổ trông ra biển và thổi kèn zurna để mong anh nghe thấy tiếng kèn của tôi và đến chơi. Nhưng rõ ra là không ăn thua. nếu không có cái chuông thật to. Đành phải đi tìm.

Ngay lúc đó, chúng tôi đi xem căn nhà mới của Abutalip. Trong căn nhà mới ấy hầu như chỉ có tường. Dưới sàn nhà, chỗ này chỗ kia thấy chỏng trơ mấy thứ đồ đạc cũ mang từ căn nhà hầm tới: cây kèn zurna cũ kỹ, đàn kumuz, vài ống thổi bễ lò rèn có lỗ (trời mà biết được trong căn nhà mới, những thứ này dùng để làm gì). cây đèn dầu cũ, sô, chậu, bình đất nung, giày ủng. Các vị khách già từ trên núi xuống thăm Abutalip. Họ đem theo những chiếc bị cũ kỹ. Những người miền núi không chỉ xuống chơi mà họ còn phải chạy chọt công việc gì đó nữa. Nắm chiếc bị rỗng của một vị khách như thế Abutalip nói:

-Vì sao mà mi lại rỗng tuếch thế này hỡi chiếc bị đáng nguyền rủa? Vì thứ mi chứa đầy thịt cừu thì công việc của ông bạn ta hẳn phải xuôn xẻ và chóng vánh hơn nhiều. Chỉ tại mi rỗng tuếch, mà biết bao nhiêu lần người ta đã phải vượt qua dãy núi Trankho một cách uổng công vô ích!

Abutalip đã «xỉ vả» chiếc bị rỗng như thế rồi đưa mắt tìm chỗ để mời tôi ngồi. Cuối cùng không tìm được chỗ nào thích hợp, ông đưa vào tay tôi một con dao to; rồi bước lại gần cửa sổ, ông chỉ xuống nhà kho nhỏ trong sân và nói:

--Con ngỗng của tôi ở dưới đó. anh xuống mà cắt tiết nó đi. Đó là bữa ăn của chúng ta đấy.

Tôi mở hé cánh cửa nhà kho, tóm lấy con ngỗng. Con ngỗng tuyệt vọng dẫy dụa trong tay tôi, khi tôi bắt tay

vào việc kết liễu nó. Từ trên cao vọng xuống giọng nói của Abutalíp:

- Ai lại cắt thế? Quặt đầu ngỗng vào phía khác. Sao, anh không biết Mécka ở phía nào à?

Nhưng kết quả là tôi đã hoàn thành nhiệm vụ không tồi lắm, thậm chí cuối cùng lại được Abutalíp tán thưởng nữa.

Abutalíp bắc nồi lên bếp và nấu nướng rất lâu. Lúc này tôi quan sát kỹ hơn căn nhà của ông. Tuy nhà thơ già đã chuyển từ căn nhà hầm lên đây, nhưng tất cả lối sống dưới nhà hầm, kể từ cái nồi cũ kỹ đến những thói quen, ông đã mang theo lên đây. Trong nhà không có một cái ghế, cái bàn nào, không có tủ, giường, không có một thứ đồ gỗ nào.

— Bác làm thơ ở chỗ nào hả bác?

Trong căn nhà này tôi chưa viết được bài thơ nào ra hồn cả. Hồi mới đầu, tôi phải đến căn nhà hầm cũ mà viết, nhưng bây giờ người ta đã cho một họa sĩ lấy làm xưởng vẽ. Nói có trời chứng giám, thậm chí ở đây tôi kém ngủ hơn ở chỗ nhà hầm. Ở đấy tiền tôi phải tiêu ít hơn, thời giờ lại có nhiều hơn. Người ta cũng không đến nỗi làm tôi phát ngấy nhiều như ở đây. Ở đấy ít ai ghé đến thăm tôi. Nói cho đúng thì ở đấy không được trông thấy biển. Còn bây giờ thì biển lúc nào cũng hiện ra trước mắt ông già Abutalíp.

Ông nhìn rất lâu ra biển Caxpie lúc này đang cuồn cuộn những con sóng màu xanh tung bọt trắng. Tôi không muốn cắt ngang dòng suy nghĩ của ông, và chúng tôi cùng im lặng. Sau đó Abutalíp lại nói:

— Tôi sẽ kể cho anh nghe, anh Raxun ạ, về hai ngày trong đời tôi: ngày vui nhất và ngày buồn nhất.

— Bác kể đi.

-Anh Raxun, anh thấy đấy, ngày vui trong đời tôi tất nhiên là không ít. Được tặng huân chương tôi cũng vui; được cấp giấy phân phối nhà — tôi cũng vui; hồi năm 20, Hồng quân cấp cho tôi một con ngựa chiến — tôi cũng vui. Tôi đã cùng đi với Hồng quân, là người thổi kèn của đơn vị, và trên đường chiến đấu, con ngựa của tôi đi sát bên ngựa của người chỉ huy. Đó cũng là một niềm vui của tôi. Mặc dầu vậy, niềm vui đầu tiên nhất, lớn nhất không phải là những cái đó. Dạo ấy tôi mới 11 tuổi và đi chăn bò. Và thế rồi lần đầu tiên trong đời, bố tôi cho tôi một đôi giày. Không thể tìm được chữ để nói lên sự hãnh diện của tôi khi có đôi giày mới ấy. Tôi tha hồ đi qua những hẻm núi, qua những con đường mòn mà mới ngày hôm qua còn bị tóe máu chân vì dẫm lên những hòn đá sắc lạnh. Bây giờ tôi có thể đạp bừa lên những hòn đá đó mà không hề thấy đau, thấy lạnh. Niềm vui của tôi kéo dài đúng ba ngày, tiếp đó là những phút buồn tủi nhất trong đời tôi. Đến ngày thứ tư, bố tôi nói: «Này Abutalip, con đã có giày mới bền chắc, con đã có chiếc gậy, đã sống 11 năm trên đời này rồi. Bây giờ thì đi đi thôi, tự mình kiếm lấy cơm ăn, áo mặc». Bố tôi bảo tôi đi khắp các làng để xin của bố thí. Vào giờ phút đó tôi cảm thấy đau đớn trong lòng nhiều hơn tất cả những nỗi đau suốt cuộc đời sau này cộng lại. Sau này tôi cũng còn nhiều lần rơi nước mắt, nhưng đó không phải là những giọt nước mắt cay đắng đến thế. Một nhà văn nói về tôi: «Abutalip đã được nhận nhà mới. Thử chờ xem ông sẽ viết được những bài thơ gì ở đây». Cứ làm như thế tôi không biết rằng thơ ca không phải phụ thuộc gì vào nhà ở cả. Nhà

thơ tự mình là căn nhà cho những bài thơ của mình. Trái tim nhà thơ — đó chính là chỗ ở của các bài thơ của anh. Trong tôi chứa dựng tất cả những giây phút sung sướng và đau buồn của đời tôi. Còn tôi sống ở đâu, không có nghĩa gì hết.

Căn nhà của Abutalíp đã gây một ấn tượng mạnh cho tôi. Tôi kể lại điều đó cho các đồng chí lãnh đạo nước cộng hòa Đaghextan. Mọi người đi đến quyết định là sử dụng một phần nhuận bút cuốn sách của Abutalíp «Nhạn bay về Nam» để mua sắm một số đồ gỗ mới cho nhà thơ. Một «bộ ba chấp hành» được thành lập gồm: giám đốc nhà xuất bản Đaghextan, bộ trưởng thương nghiệp và tôi. Chúng tôi cần tìm đủ số đồ gỗ cần thiết, mua và chở đến nhà Abutalíp. Mọi thương lượng có thể nảy sinh với nhà thơ trong quá trình mua sắm được giao cho tôi đảm nhiệm.

Ba chúng tôi đi khắp các kho ở Makhátkala và lựa chọn những thứ cần thiết: giường ngủ — để cho nhà thơ nhân dân của chúng ta nghỉ ngơi thoải mái, bàn làm việc — để ông viết những bài thơ xuất sắc của mình, bàn ăn — để ông ăn uống ngon lành.

Chúng tôi tưởng rằng, sau khi nhận được đồ gỗ của chúng tôi và bày biện ra. Abutalíp sẽ chạy đến cám ơn tới tấp. Nhưng chúng tôi không hề nghe thấy một lời cám ơn dù là qua loa của ông hay ít ra là lời xác nhận rằng đồ gỗ đã được chuyển tới nơi. Lúc đó, chúng tôi bèn quyết định đến thăm Abutalíp và thử xem ông đã bày biện những thứ chúng tôi mua thế nào.

Chúng tôi khỏi phải gõ cửa vì cánh cửa căn phòng

mở toang. Chúng tôi bước vào nhà. Bên cạnh bàn ăn cơm, ngay dưới sàn, trên tấm thảm, là Abutalip cùng với gia đình ông. Tất cả ngồi qui chân quanh «mâm» cơm đặt trên một tờ báo. Abutalip đang xúc sữa chua đựng trong dĩa mà ăn. Abutalip nhìn lên chiếc bàn ăn đánh vécni bóng lộn như nhìn một cô gái đang chờ được ôm ấp, nhưng ông lại không hề muốn ôm cô ta.

Ở một căn buồng khác, chúng tôi thấy một cái bàn viết tuyệt đẹp. Trên bàn đặt giấy, bút, mực chưa ai mó tay vào. Những đồ vật đó, và cả cái bàn nữa, trông giống hiện vật bảo tàng hơn là những thứ để dùng hàng ngày. Đối diện với chiếc bàn, ở dưới sàn, có mấy tờ giấy viết chi chít những hàng chữ theo mẫu tự A-rập.

Bác Abutalip, chẳng lẽ bác không biết sử dụng mẫu tự hiện đại sao?

– Biết chứ, nhưng tôi quen viết theo lối cũ. Mới đầu viết bằng mẫu tự A-rập, sau đó chuyển sang lối viết mới để đưa cho các nhà biên tập, đại khái như là tôi tự dịch cho mình ấy mà.

- Ông ấy chưa ngủ một lần nào trên chiếc giường đó cả, – bà vợ ông cho biết. Các anh mua các thứ đồ đắt tiền này phí quá.

Giường để làm gì kia chứ? Dạo đầu năm tôi mới về ở thành phố, tôi dùng một hòn đá mang từ núi xuống để thay gối thế rồi tôi đã ngủ say hơn cả lúc kê đầu lên gối. Tôi đã quen gối đầu lên đá để ngủ như vậy từ hồi đi chăn bò.

– Có nghĩa là bác không thích các thứ chúng tôi đã chọn cho bác chứ gì? Không thích các thứ bàn, ghế, giường, tủ này phải không?

— Các thứ đồ này rất đẹp. Nhưng có lẽ những thứ

này thích hợp với ông hàng xóm Gôtfrit Gaxanôp hơn.

Ông hàng xóm này tốt không?

— Có thể ông ấy là người tốt, nhưng chúng tôi bất hòa với ông ấy.

Vì sao hở bác?

— Ông ấy sống văn minh quá. Ngoài ra, tôi thì quá quê mùa mà ông ấy lại quá thị thành. Tôi thì quá «rừng núi», còn ông ấy thì quá «đồng bằng». Mũ chúng tôi đội cũng khác nhau. Chắc là đầu cũng không giống nhau. Tôi là con của đất, còn ông ấy là con của nghề nghiệp. Ông không thể chịu được tiếng kèn zurna và những bài hát nó thổi, còn tôi thì không thể chịu nổi đàn pianô và các thứ nhạc giao hưởng của ông ta. Tôi cố thưởng thức âm nhạc của ông ta và không thể thưởng thức được. Ông ta cũng vậy — tôi chỉ vừa cầm cái kèn lên là ông ta đã gõ cửa: «Này ông Abutalíp, ông ngăn trở tôi làm việc». Tôi cố ý nói với ông ấy là đây không phải tôi thổi mà là trên đài họ phát đấy. Quả thật đã có lần ông gõ cửa nhà tôi khi trên đài đang có người biểu diễn kèn zurna. Hóa ra là ông ta không những đã cấm tôi thổi kèn zurna mà còn cấm nghe thứ kèn đó qua rađiô nữa. Nói tóm lại là chúng tôi không giống nhau chút gì. Khách đến nhà tôi là khách miền núi cầm túi, còn khách của ông ấy là khách từ Maxcơva tới và xách cặp da. Tôi đãi khách bằng rượu buza và món khinkal dầm tỏi, còn ông thì đãi khách bằng rượu cônhắc và cà phê. Tôi đi mua thức ăn ở ngoài chợ, còn ông ấy thì vào cửa hàng. Khi tôi ngủ thì ông viết, khi ông ấy ngủ thì tôi viết. Ông thích hoa trồng trong chậu cảnh ở thành phố, còn tôi lại yêu những loài hoa đồng

nội mọc trên núi cao. Anh nghe xem, bây giờ ông sắp đánh một bản giao hưởng nào đó của mình đấy.

Ông hàng xóm của Abutalíp, chúng tôi biết rất rõ. Đó là nhà hoạt động nghệ thuật công huân của Đaghextan và nước Cộng hòa liên bang Nga Gốtfrit Aliêvich Gaxanốp. Vào thời gian đó, ông đang viết bản hòa tấu cho pianô và dàn nhạc. Tôi rất thích thú khi được nghe âm nhạc sôi nổi, tinh tế của ông. Tôi nghĩ rằng: «Một bản giao hưởng tuyệt diệu thế nào sẽ ra đời nếu kết hợp được hai tài năng lớn, mãnh liệt đó: tài năng nhân dân mộc mạc của Abutalíp và tài năng đào luyện chính quy của Gaxanốp».

Tôi còn nghĩ thêm rằng sẽ là một thành công lớn nếu trong những bài thơ của tôi, trong những cuốn sách của tôi, tôi có thể hòa hợp được hai dòng: tính chất mộc mạc đơn sơ của nhân dân tôi, tấm lòng cởi mở hồn nhiên của họ và nghệ thuật hoàn chỉnh của một người viết chuyên nghiệp. Tôi muốn sao cho Abutalíp và Gốtfrit hòa hợp với nhau trong thơ tôi. Tôi muốn rằng trong sáng tác của tôi, hai cá tính đó sẽ thuận hòa bên cạnh nhau chứ không như khi ở cạnh nhà nhau.

Phải rồi, tôi hy vọng vào sự phối hợp giữa hai yếu tố ban đầu đó. Tuy nhiên, nếu sự phối hợp đó không có được và nếu tôi buộc phải chọn lựa... Có lẽ, cuối cùng, tôi sẽ chọn mạch nước nguồn mát lạnh, trong vắt trên núi hơn là một thứ nước giải khát văn minh tinh chế nhất. Nói gì thì nói, trình độ văn hóa, văn minh, sự tinh thông nghề nghiệp – đều là những cái có thể tạo ra được. Nếu chưa có những phẩm chất đó, có thể đạt tới được thông qua đào luyện, trong khi những tình cảm dân tộc gắn liền, thấm sâu vào máu thịt con người từ lúc mới sinh. Nhà

thơ nhân dân và người thổi kèn zurna Abutalíp nếu rơi vào những hoàn cảnh khác có thể trở thành nhạc công chuyên nghiệp, thậm chí thành nhà soạn nhạc nữa, nhưng nhạc sĩ chuyên nghiệp Gôtfrit thì không bao giờ có thể trở thành ca sĩ nhân dân chất phác được.

Khi chúng tôi chia tay, Abutalip chợt hỏi:

– Anh Raxun này, có thể cho mắc têlêphôn đến nhà tôi được không?

— Bác cần têlêphôn làm gì, nếu bác từ chối không sử dụng ngay cả bàn viết và giường ngủ?

– Tôi sẽ thổi kèn zurna vào têlêphôn. Khi thì thổi cho Nhikôlai Chikhônốp ở Maxcơva nghe, khi thì thổi cho ông chủ tịch nông trang chúng tôi. Cần phải để cho ông ấy biết là tôi vẫn còn sống và cây kèn zurna của tôi vẫn thổi những bài hát ấy. Nghe tiếng kèn của tôi qua têlêphôn, ông chủ tịch sẽ hiểu là trong căn nhà thành phố của tôi, vẫn có những âm thanh, những mùi hương của núi rừng chúng ta.

Thôi bác Abutalíp ạ, những bài ca đầy hương vị núi rừng của bác không cần têlêphôn cũng vang đến tận Maxcơva, tận làng quê của bác và tất cả làng quê miền Đaghextan, tận bốn phương trời trên thế gian này. Chúng bay cao hơn núi.

Bây giờ tôi tạm biệt Abutalip và kể cho các bạn nghe một chuyện xảy ra với tôi và bố tôi.

H ồ i ứ c. Không hiểu tại sao tôi và bố tôi có cái lệ là không bao giờ đọc thơ cho nhau nghe hay nói chuyện về chúng. Tôi biết những bài thơ mới của bố tôi khi chúng đã được đăng hoặc đọc qua radiô. Hoặc là khi bạn bè nghe được các bài thơ đó nói lại với tôi. Cũng vậy, bố

tôi không biết đến những bài thơ mới của tôi, chừng nào chúng chưa được in.

Năm 1949, báo Avaria đăng trường ca của tôi «Năm tôi ra đời». Tất nhiên là tờ báo đó đã đến tay bố tôi, và tôi đã thấy tờ báo đó với những chỗ chữa bằng bút chì. Hóa ra là bố tôi đã đọc rất kỹ bài thơ dài đó và rất nhiều câu ông đã chữa lại theo cách của mình. Có thể thấy ngay rằng bố tôi đã chữa những câu trúc trắc, khó hiểu, ông không thích những ví von rắc rối của tôi, những so sánh quá sặc sỡ của tôi. Bên trên câu thơ của tôi, ông viết lại những câu mà ông cố gắng diễn đạt giản dị hơn, sáng rõ hơn, dễ hiểu hơn.

Đến bây giờ tôi còn tiếc là đã không giữ được tờ báo đăng bài thơ có những chỗ chữa của bố tôi. Tôi có thói quen một khi bài thơ đã được đăng, tôi đốt hết bản chép tay và những bản thảo các dạng khác nhau của bài thơ.

Phần lớn những chỗ chữa tôi đều vừa ý. Tôi nhận thấy rằng bài thơ dễ đọc hơn, nhưng cũng có một số chỗ chữa tôi không đồng ý. Tôi nói với bố:

— Tất nhiên bố thâm thúy hơn, có tài hơn, lớn hơn con. Nhưng con là nhà thơ của thời đại khác. Con theo trường phái khác, con có những thiên hướng văn học khác, bút pháp khác — tất cả đều khác. Trong những chỗ chữa ấy có thể thấy ngay thủ pháp nghệ thuật của nhà thơ Gamzát Xađax. Nhưng con không phải là Gamzát mà chỉ là Raxun Gamzatốp. Cho phép con có riêng bút pháp, có riêng cách viết của mình.

— Con không hoàn toàn đúng đâu. Bút pháp của con, cách viết của con, tức là cá tính, bản lĩnh của con, phải đứng hàng thứ hai trong thơ. Phải đặt lên hàng đầu

cá tính, bản lĩnh của dân tộc mình. Trước hết con hãy là một người dân miền núi, một người Avar đã, rồi hãy là Raxun Gamzatốp. Con người trong thơ con nhiều chỗ không giống người miền núi một chút nào. Còn nếu những bài thơ của con trở nên xa lạ với đồng bào miền núi, với tính chất của họ thì cuối cùng cách viết của con chỉ là kiểu cách, những bài thơ của con sẽ biến thành những đồ chơi đẹp, cho dù có thể là lý thú. Nếu không có mây đen làm sao có mưa? Nếu không có bầu trời sao có tuyết rơi? Nếu không có Avaria và dân tộc Avar làm sao có Raxun Gamzatốp được? Nếu không có những quy luật chung từ ngàn dời nay của nhân dân thì làm sao có những quy luật riêng của con được?

Đấy, một lần hai bố con chúng tôi đã nói chuyện với nhau như vậy. Những năm tháng sau này của tôi, những con đường sau này của tôi đã chứng minh rằng bố tôi hoàn toàn đúng.

Câu chuyện về người vợ thứ ba. Một nhà thơ trẻ Đaghextan lên Maxcơva theo học ở Đại học văn học. Một năm trôi qua, và bỗng có tin anh sinh viên xứ Đaghextan kia đã nộp dơn xin ly dị vợ, một phụ nữ ở làng núi xa xôi.

—Sao anh lại bỏ vợ? -chúng tôi hỏi anh ta.- Anh mới lấy vợ thôi, mà hình như anh yêu cô ta rồi lấy chứ phải ép uổng gì đâu, vậy thì sao lại có chuyện như thế?

—Chúng tôi không tìm được tiếng nói chung. Cô ta không biết đến Sếchxpia, không đọc «Épghênhi Ônhêghin», cô ta không biết «Trường phái hồ nước» là gì, chưa bao giờ nghe đến tên Mêrimê.

Ít lâu sau, nhà thơ trẻ trở về Makhátkala với một

cô vợ người Maxcơva chắc là đã nghe tới tên Mêrimê, tới Sếchxpia. Cô ta chỉ sống ở thành phố chúng tôi một năm, rồi lại phải trở về Maxcơva vì chồng đòi ly dị.

— Sao anh lại nộp đơn ly dị? — Chúng tôi hỏi anh. — Anh mới lấy vợ thôi, mà hình như anh yêu cô ta rồi lấy đấy chứ, sao lại có chuyện như vậy?

Hóa ra là chúng tôi không tìm được tiếng nói chung. Cô ta không biết một tiếng Avar nào, không biết phong tục, tập quán Avar, không hiểu tính tình người miền núi, đồng bào tôi, không muốn họ làm khách ở nhà mình. Cô ta không biết một câu tục ngữ Avar nào, không biết một câu đố, một bài hát nào.

— Thế rồi anh sẽ phải làm thế nào?

— Chắc là phải lấy vợ lần thứ ba.

Tôi có cảm tưởng rằng, trước khi tìm cho mình người vợ thứ ba, nhà thơ trẻ kia phải tìm được con người mình cái đã.

Tôi muốn cuốn sách của tôi gần gũi với núi rừng Avaria và gần gũi với cả các bài xonnê của Sếchxpia. Tôi muốn cuốn sách của tôi chính là người vợ thứ ba mà cho đến nay nhà thơ trẻ Đaghextan kia vẫn đang tìm kiếm.

R ú t  t r o n g  s ổ  t a y. Ở Makhátkala người ta đã xây xong ngôi nhà của Hội nhà văn gồm 40 căn. Bắt đầu tiến hành phân chia. Một số thì yêu cầu phải phân phối nhà tương xứng với tài năng, một số khác thì yêu cầu phải tính đến số con cái.

Cần phải nói rằng phân phối nhà giữa các nhà văn là một việc đầy khó khăn. Nhưng rồi đâu cũng vào đấy. Bốn

mươi gia đình nhà văn đã dọn đến, ăn mừng nhà mới, và ngày hôm sau thì hai mươi bà vợ nhà văn cũng lên đường đi Maxcơva. Vài ngày sau họ trở về trông gầy gò, mệt mỏi như vừa qua một cuộc chiến tranh. Ít lâu sau, đồ gỗ Maxcơva gửi theo tàu hỏa cũng về đến nơi.

Mới đầu họ tìm kiếm, chọn lựa rất lâu. Nhưng sau, có một bà dánh bạo mua trước. Những bà kia không muốn đồ gỗ của mình lại xấu hơn. Thật không may là bà mua đầu tiên lại mua thứ đồ gỗ đắt tiền nhất, và cũng khó mà có thể vượt được bà ta. Kết quả là cả hai mươi căn buồng đều giống nhau như đúc, giống nhau như những cái răng của một chiếc lược. Vào những căn buồng như thế, không thể nói được đây là nhà ở của người Avar.

Trong những căn buồng khác, chỉ vừa bước qua ngưỡng cửa, anh đã thấy xộc vào mũi mùi thịt phơi khô, mùi giò chả nhà tự làm, mùi rượu buza, thịt cừu, mỡ cừu rán. Ở đây thì rõ là nhà người Avar đang ở, nhưng không thấy rõ là nơi ở của các nhà văn, những người có khái niệm về tinh thần và phong cách của thời đại.

Tôi mong sao cho những ai đọc cuốn sách này của tôi sẽ hiểu ngay rằng trong cuốn sách này có những người Avar đang sống, nhưng đồng thời cũng sẽ hiểu ngay rằng ở đây còn có người cùng thời đại, người của thế kỷ 20 đang cảm, đang nghĩ.

Tôi không muốn chỉ có bóng mát hay chỉ có mặt trời. Hãy để cho căn nhà của tôi có những cửa sổ rộng mở đón ánh mặt trời và cũng có những góc nhỏ kín dáo, khuất bóng mặt trời. Tôi muốn mỗi vị khách đến nhà tôi đều cảm thấy dễ chịu, thoải mái, tự nhiên, muốn sao cho họ không thích ra về, nói đúng hơn (nếu nói đến các

vị khách) là muốn sao cho họ ra khỏi nhà với cảm giác luyến tiếc và mong trở lại.

Có lần ở Nhật-bản, chúng tôi, đại diện nhiều nước khác nhau, chia sẻ với nhau ấn tượng của mình. Chúng tôi đứng bên cạnh vòi phun nước có lẽ đã được xây bằng đá của miền Đaghextan chúng tôi, thứ đá mà đồng bào của tôi đã dùng để xây nơi họp làng.

Thật là một đất nước lạ lùng, một nhạc sĩ Mỹ nói đầu tiên. — Tôi có cảm giác ở Nhật-bản tôi gặp lại bộ mặt công nghiệp của nước Mỹ.

— Sao anh lại nói thế, — một nhà báo Haiti phản đối. — Tôi vừa thăm một làng Nhật-bản — đúng hơn hết là Nhật-bản giống hòn đảo nhỏ của chúng tôi.

— Các ngài đừng tranh cãi nhau nữa, tất cả cái vui, tất cả cái buồn của Pari đã chung đúc lại ở đây, — một kiến trúc sư người Pháp đã chống lại cả hai người.

Còn tôi nhìn lên những hòn đá nơi vòi phun nước ấy, những hòn đá tưởng như được mang từ một làng Avar nào, và nghĩ rằng: «Nước Nhật thật lạ lùng. Ở đây có tất cả những gì ở các nước khác, nhưng đồng thời nó không giống một nước nào cả. Đó là nước Nhật-bản».

Hãy để cho mỗi độc giả tự tìm thấy một chút của mình trong cuốn sách này, nhưng đây vẫn là cuốn sách của tôi, không giống một cuốn sách nào khác. Cuốn sách này là ngôi nhà Avar, ngôi nhà Đaghextan của tôi. Hãy để cho ngôi nhà này có những cái đã từng có ở đây hàng bao thế kỷ, và cũng có những cái chưa từng có.

Bố tôi nói: Tác phẩm văn học mà trong đó không thấy rõ tác giả thì chẳng khác gì con ngựa chạy trên đường không có người cưỡi.

Người ta nói: Một người dân miền núi sinh toàn con gái, ông ta ước ao có một đứa con trai. Ai ai cũng thấy có trách nhiệm phải bảo ban, khuyên nhủ ông bố không may kia. Mọi người khuyên can ông nhiều đến mức, cuối cùng ông phát cáu lên và nói:

Thôi thôi, dừng nói nữa, nghe xong đủ thứ lời khuyên của các người, tôi cũng đến quên luôn cả những gì đã muốn.



# NGÔI NHÀ CUỐN SÁCH NÀY — CỐT TRUYỆN

Chúng ta là những hòn đá
Ít nữa sẽ gắn thành tường
Làm lâu đài, nhà kho, đền chùa hay là nhà tù.

*Lời ghi trên đá*

Đá quý phải xem trong khung, nhìn người phải nhìn trong nhà.

Khi đám cưới đã xong — cần phải dựng nhà.

Những lâu đài rộng lớn của những ý nghĩ của tôi, những ngọn tháp nặng nề của những điều nghiền ngẫm, ngôi nhà của những câu chuyện kể, những chỏm tháp cao vút của thơ... Đây, tôi đã mang đủ đá về, đã chuẩn bị sẵn cột kèo, đã chọn chỗ để cất ngôi nhà mới. Bây giờ tôi phải làm một kiến trúc sư, kỹ sư, nhà toán học, thợ đá, cán bộ lập kế hoạch.

Tôi sẽ cất ngôi nhà thế nào đây? Tôi sẽ đem lại cho nó những đường nét gì để mắt ưa nhìn? Để nó trông ngay ngắn, đẹp đẽ, để nó trông khác những ngôi nhà xưa nay, nhưng vẫn quen mắt. Không phải trần thấp lè tè chạm đầu người như những ngôi nhà vẫn thường xây ngày nay,

nhưng cũng không phải cao đến mức phải ngửa cổ lên mới thấy trần. Không phải như ngôi nhà kéo bàn vào không lọt cửa, nhưng cũng không như ngôi nhà có thể cưỡi lạc đà vào trong. Không phải như ngôi nhà có thể làm câu lạc bộ để mọi người đến nghe ca nhạc rồi lại ra về, nhưng cũng không phải ngôi đền chỉ khi cầu nguyện người ta mới đến. Không phải như ngôi nhà có thể đặt văn phòng chất đầy những chứng từ, những lá đơn, và không phải giống như cái cối xay quay vĩnh viễn của Ali.

Đọc xong bản trường ca của một nhà thơ trẻ, bố tôi nói:

— Bản trường ca này có những bức tường rất đẹp. Nó giống như cái chuồng gà mà Alikêbét đã xây. Chuồng gà không nên làm người ta thấy giống lâu đài, và lâu đài cũng không nên dùng làm nơi nuôi gà.

Còn khi bố tôi đọc một truyện quá dài của một nhà văn khác, một truyện mà hình như nhà văn không sao chấm dứt được, ông đã nói với nhà văn:

Anh cố đẩy một cái cửa mà người ta không đóng. Anh đã cố mở một cái vòi đã mở sẵn. Anh đã thấm nước quá nhiều vào sợi dây khi thắt nút.

Hồi nhỏ, tôi còn nhớ có nhiều ca sĩ đến làng tôi. Tôi nằm trên rìa mái nhà nhìn xuống sân và nghe họ hát. Người thì tự đệm bằng trống, người đệm bằng viôlông, người đệm bằng nhị, nhưng thường là bằng đàn kumuz. Họ đến từ nhiều nơi khác nhau, vào nhiều thời gian khác nhau. Họ hát nhiều bài hát và không bao giờ hát lặp lại đến hai lần một bài nào cả. Đặc biệt tôi rất thích khi hai hay ba ca sĩ bắt đầu ganh đua với nhau.

Những bài hát đó rất dài, và tôi đã quên cả. Tuy vậy,

mỗi bài tôi vẫn còn nhớ được dăm ba câu. Chắc là những câu được nhớ hoặc là thơ mộng nhất, hoặc là thông minh nhất, hoặc là sắc sảo nhất, vui tươi nhất, hay buồn rầu nhất.

Tôi không biết vì sao tôi nhớ chính những câu hát đó mà không phải là những câu khác, và tôi đã canh cánh mang theo trong lòng cho đến hôm nay. Đôi khi tôi thầm nhắc lại những câu hát ấy như một cái gì gần gũi, thân thiết nhất, như tên của người tôi yêu.

Cả trong những bài hát Avar khác mà tôi thuộc lòng từ đầu đến cuối, cũng có một số câu mà tôi yêu thích nhiều hơn so với những câu còn lại.

Không phải chỉ các bài hát! Trong những bài thơ của tôi, tôi cũng yêu thích một số câu, những câu mà tôi cảm thấy hay hơn, thơ hơn, thành công hơn những câu khác. Tôi xin tiết lộ với các bạn là có những bài thơ rất dài của tôi được viết ra chỉ vì vài dòng mà tôi tâm đắc.

Những dòng thơ đó: nếu bài thơ là chiếc dây lưng thì chúng là cây dao găm đeo ở đó; nếu bài thơ là cánh đồng thì chúng là lúa mọc trong đó; nếu bài thơ là con chim thì chúng là cánh chim; nếu bài thơ là con nai đứng trên vách đá thì chúng là đôi mắt nai trông về phía xa.

Có lần tôi nghĩ rằng: nếu trong cả bài thơ tôi chỉ tâm đắc giả dụ là tám câu thôi, vậy thì việc gì tôi phải viết tới tám mươi câu? Sao lại không thể viết ngay tám câu thích nhất đó ra? Đó là điều vì sao tôi đã viết cả một cuốn sách gồm các bài thơ tám câu.

Vui mừng vì có khách đến chơi nhà, người dân miền núi thường nắm lấy dao và chọc tiết con bò thiến lớn. Nhưng khách thì chỉ cần ăn một miếng thịt nhỏ thôi. Chẳng có khách nào ăn được hết một con bò.

«Vậy thì việc gì, — tôi nghĩ, — tôi phải mổ cả con bò to, nếu chỉ cần một con gà mái là đủ?»

Bởi vậy trong cuốn sách mà tôi sẽ viết xong vào một ngày nào đó, tôi muốn loại bỏ tất cả những gì thừa, chỉ để lại những chỗ nào mà tôi vẫn thấy quý, ngay cả khi cuốn sách mười lần hay hai mươi lần dài hơn.

Một lần, lúc có mặt tôi, một nhà thơ trẻ người Lắc đã đọc thơ mình cho Abutalíp nghe. Anh đọc mười bài thơ. Khi anh ta ra về, Abutalíp nói với tôi:

Anh ta cũng khá đấy, sau này có thể ăn nên làm ra.

— Bác thích thơ của anh ta à?

— Các bài thơ nói chung đều yếu. Nhưng có tám câu thôi mà có thể đem một thành lũy vừa chiếm được để đổi lấy. Chưa từng có ai viết được tám câu như thế bằng tiếng Lắc.

Nhưng nếu trong các bài thơ, bài hát có những câu không thể quên được thì trong đời người ta cũng có những ngày, những cuộc gặp gỡ — đối với một nước thì đó là những sự kiện, những chiến công — còn in đậm trong trí nhớ. Tôi muốn đưa chúng vào, muốn đặt và lắp chúng vào bức tường ngôi nhà mới của tôi tức cuốn sách mới của tôi. Tôi không muốn lấy những lời giảng giải đẹp đẽ để thay thế chúng mà để cho những câu thơ ấy tự nói về mình.

Biển tháng ba bao giờ cũng nổi nhiều gió bão. Một lần vào tháng ba, có cơn bão đi qua Makhátkala. Hai luồng gió mạnh đã gặp nhau: một luồng từ biển Caxpie, một luồng từ trên núi xuống. Một luồng gió tràn vào thành phố sau khi đã lồng lên giữa biển khơi, một luồng nữa thì lao từ trên cao xuống. Hai luồng gió cuốn vào nhau,

giằng xé nhau, vật lộn với nhau. Khi hai người khổng lồ đọ sức, thì đứng dưới chân họ thật là nguy hiểm. Lần này thì Makhátkala đã phải ở dưới chân hai tên khổng lồ đang vật lộn đó.

Tất cả những gì gắn không chặt vào đất, ngay lập tức bị cuốn lên không trung: những cái cây xương xẩu, gầy gò, những cái hộp rỗng, những mái nhà ọp ẹp, những quầy hàng bằng gỗ dán và mọi thứ rác rưởi khác.

Nhưng những ngôi nhà cao, những cây cổ thụ bắt rễ sâu vào lòng đất vẫn hiên ngang đứng vững. Những gì nhẹ bỗng, ọp ẹp thì bị cuốn đi, những gì bền vững, chắc chắn thì ở lại.

Cũng hệt như vậy: tình cảm, ý nghĩ của con người, có những cái ngay một làn gió nhẹ của thời gian cũng đủ cuốn nó bay đi, nhưng cũng có những cái mà ngay giông bão cuộc đời cũng không đủ sức xua tan.

Chính những sự kiện vững chắc ấy, những ý nghĩ, tình cảm ấy tôi cần phải chọn lấy để xây lên ngôi nhà cuốn sách của tôi. Ngôi nhà đó cần phải được xây theo kiểu truyền thống của dân tộc Avar, nhưng đồng thời nó phải mang dáng dấp hiện đại. Ngôi nhà phải xây làm sao cho gia đình người xây cảm thấy thích thú ở, đồng thời sao cho khách đến cũng hài lòng. Ngôi nhà phải xây sao cho những đứa bé tìm thấy hạnh phúc ở đó, tuổi trẻ tìm thấy tình yêu và người già tìm thấy sự yên tĩnh.

Cuốn sách của tôi — là Đaghextan của tôi. Tôi muốn nó có những đường nét, dáng hình gì? Tôi biết so sánh với cái gì? Với chim ưng đang liệng bay ư? Nhưng chim không phải là sản phẩm của bàn tay con người, thiên nhiên đã sáng tạo ra nó, trong đó chẳng có ý nghĩ nào của

con người. Vậy thì có lẽ nên ví với máy bay chăng? Nhưng máy bay thì bay quá cao trên mặt đất, và khi chạy trên mặt dất, thì chung quanh nó chỉ là cảnh sân bay. Tôi không thích từ trên cao nhìn xuống đất và nói về đất từ trên cao.

Không, tôi hình dung ra những đường nét của một thứ máy nào đó bay như máy bay, chạy như xe hỏa, rẽ sóng như con tàu. Trên đó, tôi vừa là phi công, vừa là thợ máy, vừa là người bẻ bánh lái. Nơi xuất phát của nó là sân bay của chúng tôi, là bến cảng của chúng tôi, nhà ga của nó là Đaghextan nghìn đời bất diệt. Từ đấy, chúng tôi có thể lao đi mọi miền đất nước trong không trung, trên cạn, dưới nước. Đến nơi tôi đã từng tới, hay đến nơi mà chí ước vọng của tôi đã tới. Chúng tôi đi xe, đi máy bay, đi tàu thủy. Ngoài cửa sổ trông rõ những đỉnh núi phủ đầy tuyết trắng, những đồng cỏ xanh tươi màu mỡ, những dòng sông mênh mông và những đại dương bát ngát. Mùa xuân đầy bão to, mùa thu ngắn ngủi, mùa đông khắc nghiệt và mùa hè nóng bức trôi qua cửa sổ chúng tôi. Chung quanh tôi bao nhiêu là hành khách, là những chàng hiệp sĩ của Samin tay quấn băng còn rỉ máu, là những du kích miền núi, là những người, sống cùng thời đại với tôi — những người làm đủ nghề khác nhau. Chung quanh tôi là tất cả những ai tôi đã từng thấy, từng gặp gỡ, nói chuyện và ghi nhớ.

Phải rồi, muốn vào trong cuốn sách-xe hỏa, cuốn sách-máy bay, cuốn sách-tàu thủy của tôi, hành khách chỉ cần một tấm vé duy nhất : được tôi nhớ mặt. Sao cho những con người và sự kiện ấy phải giống như những câu thơ in sâu vào tâm khảm tôi từ những bài hát dài những người hát rong đã hát. Sao cho những con người và sự kiện ấy

phải giống như tám câu thơ mà Abutalíp đã để ý sau khi nghe cả mười bài thơ dài. Sao cho những con người và sự kiện ấy giống như những cây cổ thụ, những ngôi nhà đứng vững bình yên trước bão tố, trong khi những gì nhẹ bỗng, ọp ẹp bị cuốn đi như lá mùa thu.

Nếu không thì tôi sẽ giống như chàng Muxlim ở làng Kazanhisi. Giờ tôi sẽ kể cho các bạn nghe, chuyện gì đã xảy ra với anh ta.

Vào tháng Năm, khi người ta xua những đàn cừu từ thảo nguyên nóng nực, lầm bụi lên những triền núi xanh mát, anh Muxlim ở làng Kazanhisi đã yêu cầu Hội nhà văn cho đi thực tế sáng tác để viết bút ký về chuyện di chuyển đàn cừu. Cũng có thể chuyện này xảy ra vào tháng Chín, khi người ta xua cừu theo hướng ngược lại: từ những triền núi đã bắt đầu lạnh xuống trú đông ở những thảo nguyên ấm áp hơn. Chúng tôi đã đồng ý cho Muxlim đi thực tế. Muxlim lên đường và đã hăng hái đi cả đoạn đường ấy cùng với những người chăn cừu. Khi anh ta trở về thì những sổ tay ghi chép chi chít những chữ của anh đã phải chất riêng lên một con ngựa. Hóa ra hết ngày này sang ngày khác anh ta miệt mài ghi chép tất cả những gì trông thấy. Không một cái gì, không một điều vặt vãnh nào có thể thoát khỏi cây bút chì của anh ta. Nhìn thấy con ngựa, anh ta liền ghi chép về ngựa; nhìn thấy người chăn cừu, liền ghi chép về cừu. Mà ở đây thì có bao nhiêu là cừu và người chăn! Anh ta ghi lại tất cả những gì nhìn thấy và cả những gì nghe thấy. Anh ta không bỏ qua một câu chuyện nào. Anh ta ghi lại cả điều là ai đã đi quá nhanh lên phía trước cần ghìm lại, cũng như ai đi chậm quá cần phải thúc. Cuốn sách về chuyến đi kết quả là dài hơn cả

đường đã đi. Cuối cùng anh ta viết ra một cuốn sách, mà muốn đọc hết phải cần một số thì giờ vừa bằng số thì giờ Muxlim đã bỏ ra để đi theo những đàn cừu đó. Những người chăn cừu sau này đã kể cho chúng tôi là khi lên rặng núi Gemrinh, họ gặp một con la. Vừa chợt thấy con la, Muxlim đã rút ngay bút chì ra, anh ta muốn nhìn kỹ cả bốn móng chân của nó. Muxlim chạy lại bên con la, túm lấy chân sau của nó và định nhấc lên xem. Nhưng con la không thể hiểu được dụng ý tốt đẹp của nhà văn nọ và tính chất hệ trọng của sự kiện này, nó bèn tung chân đá vào anh chàng Muxlim nhàn rỗi; cú đá bật trúng mũi.

Mấy người chăn cừu cười phá lên:

Muxlim, anh phải ghi chép cả chuyện này nữa chứ!

Tất nhiên, la là một loài vật khó bảo và có nhiều tính xấu, nhưng trong trường hợp này thì nó đúng: Sự mẫn cán quá mức cần phải bị trừng phạt.

Sau đó, chúng tôi đã thảo luận công trình của Muxlim tại Hội nhà văn. Chúng tôi hỏi đùa anh ta:

— Này anh Muxlim, cuốn sách của anh viết đủ thứ chuyện, từ chuyện con lừa ở làng Kharicôlô đến chuyện móng sắt con la. Vậy thì sao anh lại bỏ qua không nhắc đến loài dê không sừng?

Sao các anh lại nói thế, tôi bỏ qua thế nào được? Cuốn sách của tôi cũng có nói đến dê không sừng đấy chứ, chỉ có điều là tôi đã nhắc đến nó bằng tiếng địa phương. Tôi gọi nó là «khankơva».

Chúng tôi cười ồ lên, nhưng sau đó tất cả đều cố gắng thuyết phục Muxlim thấy rằng nhà văn không cần viết về tất cả những gì mình thấy, mà chỉ chọn những gì

đáng chú ý thôi. Một câu có thể biểu hiện được một ý nghĩ lớn. Một chữ có thể biểu hiện được một tình cảm lớn. Một chi tiết có thể biểu hiện được cả một sự kiện.

Cách đây không lâu, chúng ta bắt đầu tiến hành đủ thứ cách tân. Và bây giờ chúng ta cũng đang đổi mới một cái gì đó. Tôi cũng bị cuốn vào quá trình đó. Tôi cũng đang cách tân thể loại mà tôi đã nắm vững. Tôi thu thập tất cả các thể loại vào một cuốn sách, tiến hành một sự chỉ đạo tập trung với các thể loại đó. Ở chỗ này tôi thu hẹp phạm vi các bang, chỗ kia tôi lại mở rộng ra. Tôi đổi chỗ các thể loại, lúc thì nhập làm một, lúc thì tách một thành ra hai. Nếu tiến hành cách tân thật nhiều thì may ra có một cách tân nào đó tình cờ thành công.

Câu chuyện về một người miền núi đến Makhátkala. Có một người dân miền núi đi công tác ở Makhátkala. Anh mang rất nhiều tiền, nhưng không phải tiền riêng của anh mà là tiền công quỹ. Anh ta ăn trưa, ăn chiều toàn ở khách sạn. Ngày đầu mới đến, anh gọi to cả phòng ăn khách sạn nghe thấy:

— Anh dọn bàn đâu, đem thêm rượu cônhắc ra đây!

Mọi người nghe thấy, quay lại phía anh và ngạc nhiên không biết anh là ai mà nhiều tiền thế, không tiếc tiền khi gọi thứ rượu cônhắc rất đắt.

Đến ngày công tác cuối cùng, anh chàng miền núi của chúng ta rón rén tiến lại bên cạnh người dọn bàn và thì thào hỏi:

– Ở khách sạn của anh, mỗi đĩa cháo giá bao nhiêu?

Vậy là không thể biết bò tốt xấu ngay lúc mới cầy mà chỉ biết lúc nó đã cầy xong; không thể biết tốt xấu, khi nó húc nhau trên đồng cỏ mà chỉ biết lúc nó đeo ách lên

cổ. Đừng bình phẩm ngựa khi người ta trèo lên nó mà hãy bình phẩm khi người ta từ trên mình nó tụt xuống.

Liệu tôi có thổi phồng cuốn sách của tôi lên như người ta thổi ống thủy tinh? Liệu có phải tôi đang làm bếp lò bằng gỗ như người Xiúc không? Liệu có phải tôi đã giết chó thay vào chó sói như có lần người làng Xađa quê tôi đã làm không?

Khi bắt đầu lên đường đi tới đích, đích ở rất xa. Liệu tôi có đủ dũng cảm, đủ kiên nhẫn và tình yêu để đạt tới đích đó không? Hay là cuối cùng tôi phải đưa tay gãi gáy và nghĩ thầm không biết đĩa cháo giá bao nhiêu?

Hồi ức. Có một năm, mùa đông ở Đaghextan lạnh ghê gớm. Tuyết đột ngột rơi xuống phủ đầy mặt đất tới một mét. Cừu lớn cừu bé không có gì ăn. Chúng theo nhau chết. Tôi được gọi lên tỉnh ủy và được nghe:

— Anh Raxun, anh hãy về các khu chăn nuôi miền núi, cần phải cứu các đàn cừu.

Tôi có thể giúp được gì?

Đến nơi rồi anh sẽ thấy. Anh sẽ nghĩ ra cách. Cần phải tìm được biện pháp cứu đàn cừu.

Đường đến những nơi chăn cừu ngay cả lúc thời tiết tốt tôi cũng còn chưa biết rõ, nói gì đến chuyện tìm ra những nơi đó vào lúc mưa tuyết! Nhưng kỷ luật Đảng là cao hơn hết thảy, và tôi phải dò dẫm bước đi trong lớp tuyết dày và gió ngược. Cuối cùng tôi tìm được tới một chỗ chăn cừu. Những người chăn cừu buồn rầu đón tôi. Nước mắt lăn xuống gò má và ria mép đã đóng lại thành băng. Những con cừu mồm ri rỉ máu cố xục qua lớp tuyết băng mà tìm đến cỏ. Nhưng chúng không sao xục qua được lớp băng. Chó tránh gió tuyết, trú vào những hang hốc,

không còn biết sợ gì chó sói hay kẻ cắp. Nói tóm lại, điều tôi tìm thấy ở đây là một thảm họa và sự bất lực. Nhìn thấy tôi, những người chăn cừu cười cay đắng:

— Bây giờ chúng tôi chỉ còn thiếu có thơ với bài hát thôi. Cho nên anh mới tới đây để đọc thơ hay hát cho chúng tôi nghe chứ, phải không anh con trai ông Gamzát ở làng Xada? Tốt hơn hết là anh hãy tả lại tiếng khóc, còn chúng tôi sẽ khóc theo anh.

Ba ngày liền tôi ngồi trong lều của những người chăn cừu, sau đó, khi thấy rằng tôi không đem và không thể đem tới cho họ một điều gì có ích, tôi đành từ giã họ, quay lưng ra về. Tôi đi thẳng tới Makhátkala.

Thế nào anh cứu được cừu rồi chứ? - các đồng chí ở tỉnh ủy hỏi tôi.

Tôi cứu được ba con.

— Anh kể lại xem, bằng cách nào?

— Rất giản đơn thôi, những người chăn cừu mổ thịt ba con để đãi và chúng tôi đã ăn hết. Tôi cho rằng tôi đã cứu được ba con ấy.

— Thôi được rồi, các đồng chí ở đó tức giận nói, anh cứ đi mà làm thơ của anh, còn việc cứu đàn cừu, chúng tôi sẽ tiến hành không cần đến anh. Và để anh có thể làm thơ hay hơn, chúng tôi sẽ cảnh cáo anh nghiêm khắc.

Tôi cầu cho cuốn sách của tôi không gặp phải chuyện như vậy. Lên đường đi cứu đàn cừu, nhưng lúc về sẽ đem theo cái gì? Một ngày mở đầu bằng buổi bình minh không phải bao giờ cũng sẽ như ta mong muốn.

Hồi ức. Tôi nhớ lại ngày đầu vào học Đại học văn học ở Maxcơva. Chúng tôi vừa bước vào học tập thì ngày sinh của tôi đã tới. Tất nhiên không có ai mừng

tôi cả vì chưa ai biết rằng tôi đã sinh ra vào ngày đó. Tôi còn giữ một số tiền bố cho để mua bành tô.

«Thôi được, anh bạn Raxun đáng thương ạ, — tôi thầm nói, – chúng mình sẽ tự mua quà mừng chúng mình vậy – sẽ mua một cái bành tô». Tôi cầm tiền và đi tới chợ Chisinô.

Những năm đầu tiên sau chiến tranh, các chợ trời ở Maxcơva thật là nhộn nhịp, sầm uất. Ở đấy có những luật lệ riêng, có những vị cảnh sát riêng và những tên phe riêng. Chắc là ở đây có thể mua đủ mọi thứ trên đời, có lẽ chỉ trừ lừa đực hay lừa cái gì đó là không mua được.

Chợ Chisinô trông hệt như một tổ kiến bị phá vỡ. Hàng giờ đồng hồ tôi lách mình qua đám đông người vung lên sát tận mũi tôi đủ các thứ hàng: nào là quần áo, giầy dép, quân phục, mũ lưỡi trai, váy đàn bà, áo lót, nạng chống...

Dạo ấy tôi lại đang muốn tạo cho mình một vẻ ngoài thật bệ vệ. Tôi lách đám đông để tìm kiếm một cái bành tô sao cho khi mặc vào lập tức trông tôi giống như một vị bộ trưởng.

Cuối cùng tôi nhìn thấy một cái áo có lẽ là ưng ý đang vắt trên vai một tên phe. Thêm vào đấy, lại có cả chiếc mũ lưỡi trai đồng màu, cùng một thứ vải với chiếc bành tô.

Tất nhiên tôi bắt đầu thử từ chiếc mũ. Đội vào, nhìn trong gương trông rõ ra là nhân vật quan trọng, đường bệ. Tôi bắt đầu mặc cả. Khi tôi cao giọng rạch ròi nói giá thấp thì người bán làm như không nghe thấy. Nhưng khi tôi nói nhỏ cái giá mà y có thể vừa ý thì hắn nghe thấy ngay. Chúng tôi đập tay vào nhau thỏa thuận giá cả. Để có thể đếm những tờ bạc lẻ dễ dàng hơn, tôi

đưa bành tô cho tên phe cầm hộ. Tôi đếm được một số tiền là hai nghìn hai trăm năm mươi rúp. Tôi đưa tiền cho hắn ta. Tôi nghiêm trang trở về nhà tập thể với vẻ mặt bệ vệ như một bộ trưởng. Chỉ khi về đến nhà, tôi mới sực nhớ ra là cái áo bành tô vẫn còn nơi tay tên phe. Tôi đã bỏ ra hai nghìn hai trăm năm mươi rúp để mua một cái mũ lưỡi trai.

Vậy là vì mải mơ thành giống như bộ trưởng, tôi đã hết sạch cả tiền mà không có áo bành tô. Tôi mong rằng điều tương tự như vậy sẽ không xảy ra với cuốn sách này của tôi.

Mọi người đều biết họ cần những gì, nhưng không phải tất cả đều có những thứ ấy. Mọi người đều nhìn thấy mục tiêu của mình, nhưng không phải ai cũng đạt tới. Có những người tưởng rằng mình đã biết cần phải viết sách như thế nào, nhưng họ lại không biết viết sách ra sao.

Người ta nói: Cũng vẫn một chiếc kim ấy vừa may áo cưới vừa may đồ khâm liệm.

Người ta nói: Đừng mở cánh cửa mà sau đó anh không biết đóng.



## TÀI NĂNG

Cháy lên để mà tỏa sáng

*Lời ghi trên cây đèn*

Câu chuyện về nhà thơ và con cá vàng. Người ta kể lại rằng có một nhà thơ bất hạnh bắt được con cá vàng ở biển Caxpie.

— Hỡi thi sĩ, thi sĩ, chàng hãy thả tôi về với biển, con cá vàng khẩn khoản van xin.

Nhưng ngươi sẽ đền đáp lại gì cho ta?

— Tất cả nguyện vọng thầm kín của thi sĩ sẽ được thực hiện.

Nhà thơ mừng rỡ và thả con cá vàng xuống biển.

Từ đó trở đi, không biết từ đâu, những may mắn liên tiếp theo nhau đến với nhà thơ. Các tập thơ của ông ta liên tiếp được xuất bản. Ông tậu được một ngôi nhà trong




thành phố và một nhà nghỉ tuyệt vời ở ngoại ô. Trên ngực nhà thơ đeo đầy huân chương, huy chương vì «tinh thần lao động dũng cảm». Nhà thơ trở nên nổi tiếng, ai ai cũng biết đến tên ông. Cả thế giới bày ra trước mắt ông như một đĩa thịt cừu nướng đã rắc hành tươi và vắt chanh lên. Chỉ cần đưa tay ra cầm là có thể xơi ngon lành.

Thế rồi có lần, khi ông đã trở thành viện sĩ, thành đại biểu xô-viết và được giải thưởng văn học, bà vợ ông tình cờ buột miệng nói:

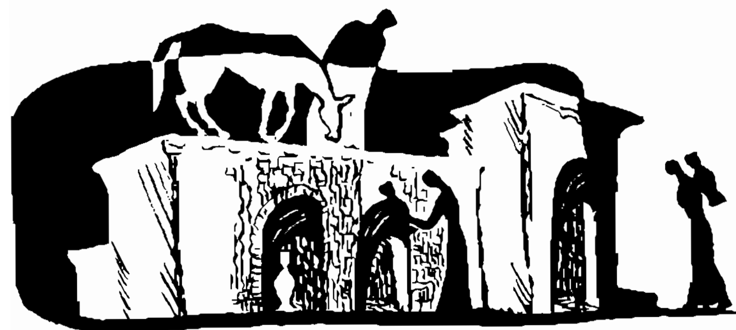
— Chà, khi yêu cầu cá vàng đem tới cho anh những thứ này sao anh lại không bảo nó cho anh tài năng nữa?

Nhà thơ chợt tỉnh ngộ, hệt như ông đã hiểu ra rằng điều gì ông còn thiếu suốt những năm qua. Ông chạy ra bờ biển, cất tiếng gọi cá vàng:

Cá ơi, cá ơi, hãy cho tôi dù chỉ một ít tài năng thôi.

Cá vàng trả lời:

— Tôi đã cho anh tất cả những gì anh ao ước. Sắp tới tôi cũng có thể cho anh những gì anh muốn. Nhưng



tài năng thì tôi không thể cho được. Ngay phần tôi, tôi cũng không có tài thơ...

Như vậy, hoặc là có tài năng hoặc là không. Không một ai có thể cho tài năng và cũng không một ai tước đoạt được tài năng. Cần phải sinh ra những con người tài năng.

Nhà thơ của chúng ta được cá vàng đem lại đủ điều may mắn, chẳng bao lâu đã tự cảm thấy giống như con quạ mang lông công trên mình. Tất cả vẻ đẹp của bộ lông nhân tạo bảy sắc cầu vồng rực rỡ ấy ít lâu sau đã biến mất, hơn nữa cũng trong thời gian ấy những chiếc lông thật cũng rụng đi một phần, và nhà thơ trở nên kém cỏi hơn lúc mới đầu.

Lời nguyện cầu không vì bị nhắc lại mà bớt thiêng, và tôi muốn nhắc lại một lần nữa. Để có thể viết được, cần có tài năng, không thể kiếm ở đâu khác nếu ngay cả đến cá vàng thần cũng không có.

Bố tôi kể lại. Một người miền núi từ một làng xa đến gặp bố tôi và đọc thơ của mình cho bố tôi nghe. Bố tôi chăm chú lắng nghe nhà thơ mới xuất hiện, sau đó ông chỉ ra những chỗ yếu kém hơn cả. Rồi ông nói cho vị khách nghe, nếu ở vào địa vị của vị khách kia thì ông, Gamzát làng Xađa, sẽ làm những bài đó như thế nào.

— Nhưng mà thưa bác Gamzát thân mến, - vị khách miền núi thốt lên, - muốn làm được như vậy thì cần phải có tài.

— Có lẽ anh nói đúng đấy, một chút tài năng thôi, chắc không gây trở ngại gì cho anh đâu.

Nhưng bác hãy bảo cho tôi, tìm ở đâu được thứ đó, — người khách miền núi mừng rỡ nói, không hiểu ý hài hước trong câu trả lời của ông Gamzát.

Hôm nay tôi có ghé mấy cửa hàng, không thấy bày bán, có lẽ phải kiếm ở ngoài chợ.

Không biết tài năng có trong con người là do đâu. Không biết do trời hay do đất ban cho. Hay nó là con của trời và đất, không biết nó ẩn náu ở đâu trong cơ thể con người: ở trái tim, trong dòng máu hay trong óc? Ngay từ lúc mới ra đời nó đã trú vào trái tim nhỏ bé của con người, hay sau này con người mới tìm thấy nó khi đã đi qua bao chặng đường nhọc nhằn trên thế gian? Cái gì nuôi sống nó nhiều hơn: tình yêu hay lòng căm thù, niềm vui hay nỗi buồn, nụ cười hay nước mắt? Hay là cần phải có tất cả — cả cái đầu tiên, cái thứ hai, thứ ba, - để cho tài năng có thể trưởng thành và cứng cáp. Nó có được tiếp nhận qua di truyền hay là con người cô kết chắt lọc ra nó ngay trong bản thân mình từ tất cả những gì anh thấy, anh nghe, anh đọc, anh xúc động và nhận biết?

Đó là kết quả của lao động hay của trò chơi tạo hóa? Đó là màu mắt có từ lúc con người mới sinh ra hay là những bắp thịt mà anh đã tạo nên qua những ngày luyện tập chuyên cần? Nó là quả táo mà người làm vườn đã cố công chăm sóc mới có hay là quả táo rơi thẳng từ trên cây xuống lòng bàn tay chú bé?

Tài năng là một điều bí ẩn đến nỗi khi con người đã biết tất cả về Trái đất, về quá khứ và tương lai của nó, khi con người đã biết tất cả về Mặt trời và các vì sao, về ngọn lửa và đóa hoa, khi con người thậm chí đã biết tất cả về Con người, thì điều cuối cùng mà con người biết sẽ vẫn là: tài năng là gì, nó xuất hiện từ đâu, nó ẩn náu tại nơi nào, vì sao nó có ở người này mà không có ở người kia.

Tài năng của hai người có tài không giống nhau bởi

vì tài năng mà giống nhau thì đã không phải là tài năng nữa. Hơn nữa, tài năng không phụ thuộc vào cái bề ngoài giống nhau. Tôi đã gặp nhiều người có gương mặt rất giống bố tôi, nhưng tài năng như của bố tôi thì tôi không thấy ở ai cả.

Tài năng không di truyền lại, nếu không thì trong nghệ thuật đã có những triều đại trị vì cha truyền con nối. Không hiếm thấy người thâm thúy sinh ra người con ngốc nghếch, và con một anh đần độn lại có thể trở thành người uyên bác.

Tài năng khi trú vào một người, không hề hỏi han xem người đó có thuộc một quốc gia lớn không, một dân tộc đông người không. Sự xuất hiện của tài năng bao giờ cũng ít ỏi, bất ngờ và vì thế mà đáng ngạc nhiên như ánh chớp, như cầu vồng trên bầu trời, như cơn mưa giữa sa mạc nóng bỏng đã khát cạn, khát kiệt không còn sức chờ mưa được nữa.

Tôi mất bạn như thế nào. Có lần, khi tôi đang ngồi bên bàn, có một người trẻ tuổi cưỡi ngựa tiến tới gần nhà tôi.

— Chào chú ạ!

Chào anh!

Cháu có một yêu cầu nhỏ muốn gặp chú để trình bày.

Anh cứ vào nhà, bày yêu cầu của mình lên bàn cho tôi xem thử.

Người trẻ tuổi rút trong túi ra mấy tờ giấy và quả thật đã đặt lên bàn yêu cầu của mình. Tờ giấy đầu tiên là thư của người bạn thân của bố tôi, cũng là một vị khách hay đến nhà tôi. Người bạn của gia đình tôi đã viết: «Anh

Raxun thân mến, người thanh niên mang lá thư này đến anh là một người họ hàng gần gũi của chúng tôi, một người rất tốt. Anh hãy giúp người này cũng trở thành một nhà thơ nổi tiếng như anh».

Những giấy tờ còn lại là: giấy chứng nhận của Xô-viết xã, giấy chứng nhận của nông trang, giấy chứng nhận của Đảng ủy và sơ yếu lý lịch.

Giấy chứng nhận của Xô-viết xã ghi rõ anh này đích thực là cháu của nhà thơ nổi tiếng Makhơmút ở làng Kakhap - Rôxô và Xô-viết xã coi anh là người xứng đáng được trở thành một trong số những nhà thơ Đaghextan nổi tiếng.

Những giấy tờ khác ghi rõ cháu của Makhơmút đã 25 tuổi, anh ta đã tốt nghiệp lớp 9 và hoàn toàn khỏe mạnh.

— Được rồi, tốt lắm, - tôi nói. — Anh cho tôi xem các tác phẩm của anh, có thể anh quả thật có tài và dần dà với thời gian sẽ trở thành một nhà thơ nổi tiếng. Tôi rất sung sướng có thể giúp được anh trong phạm vi khả năng của tôi, và bằng cách đó đáp ứng được yêu cầu người bạn lớn của chúng ta.

— Sao cơ hở chú?! Người ta cử cháu đến gặp chú là để chú dạy cháu làm thơ chứ cháu đã làm thơ bao giờ đâu!

— Thế anh làm gì?

— Cháu làm việc ở nông trang. Nhưng việc làm này không hay lắm. Người ta ghi công điểm cho cháu, nhưng rồi sau đó chẳng thấy phát gì cho số công điểm đó cả. Mà gia đình cháu đông người lắm. Thế rồi mọi người mới nghĩ rằng hay là cho cháu đi học nghề làm thơ. Cháu biết

chú Makhơmút của cháu kiếm được nhiều tiền lắm, nhiều hơn cháu làm ở nông trang. Cả chú cũng vậy, chú Raxun ạ, người ta nói là chú cũng được nhiều tiền lắm!

– Tôi sợ rằng dù tôi rất mong muốn cũng không thể biến anh thành nhà thơ được.

— Sao hở chú? Cháu là cháu ruột nhà thơ Makhơmút cơ mà? Giấy chứng nhận của cháu ghi rõ cả. Xô-viết xã giới thiệu. Đảng ủy cũng giới thiệu.

— Anh có là con đẻ của Makhơmút cũng thế thôi. Như mọi người đều biết đấy, chính Makhơmút có bố làm nghề đốt than, chứ có phải là nhà thơ đâu.

– Vậy thì công bằng là ở đâu? Ở đây, ở Makhátkala, các nhà văn, nhà thơ chia nhau hết phần thịt, mỡ ngon lành của văn học, chẳng lẽ không phần cho cháu được bộ lòng sao? Cháu sẵn sàng lấy bộ lòng. Bây giờ thì cháu biết làm gì? Chú giúp cháu tìm việc làm ở đâu đó vậy. Giấy tờ của cháu đủ cả.

Chúng tôi lấy trong Quỹ văn học ra một số tiền nhỏ để trợ cấp cho anh ta với tư cách là cháu ruột nhà thơ Makhơmút, rồi sau đó, theo yêu cầu của tôi, giám đốc xí nghiệp điện máy Đaghextan đã nhận anh vào làm. Nhưng như sau đó tôi đã thấy, người có tham vọng trở thành nhà thơ lớn đã không bằng lòng với số phận của mình. Ít lâu sau, bố của anh ta, người bạn lớn của gia đình tôi, đã gửi cho tôi một bức thư đầy tức giận:

«Trước kia, bố anh là Gamzát bao giờ cũng thực hiện được hết các điều tôi yêu cầu. Ông chưa từng bao giờ từ chối tôi điều gì. Thế mà anh, con trai ông Gamzát, lại từ chối thực hiện một yêu cầu cỏn con là sắp xếp cho con tôi trở thành nhà thơ. Rõ ràng là anh đã kiêu ngạo không

còn giống bố anh nữa rồi, anh Raxun ạ. Chưa bao giờ tôi phải bỏ một người bạn nào của mình, nhưng bây giờ thì phải làm thế. Vĩnh biệt».

Thế là vì chuyện tài năng, hay đúng hơn là vì chuyện không có tài năng, mà tôi đã mất một người bạn tốt. Người bạn của tôi thực ra là một người tốt, nhưng ông chỉ không hiểu rằng, không một ai dù là chủ tịch Hội nhà văn, dù là Bí thư Đảng ủy hay người đứng đầu chính phủ chăng nữa — cũng không thể phân phát tài năng như người ta xẻo thịt cừu, khi mọi người đã ngồi quây quần quanh bàn trước một tảng thịt cừu luộc đang bốc hơi nghi ngút.

Hay là, khi đi trên những con đường Đaghextan, anh thấy một chiếc xe bò chở nặng đang leo lên dốc. Người thì cố kéo đằng trước, người thì cố đẩy từ đằng sau;

hay là như anh nhìn thấy, một chiếc xe vận tải lớn dùng dây kéo chiếc «Maxcơvich» nhỏ bé bị sa lầy giữa tuyết;

hay là, như một chiếc xe ben to lớn, nặng nề chạy chậm rì rì đằng trước không cho chiếc xe du lịch nhỏ chạy nhanh phía sau vượt lên được đường núi quá hẹp, chiếc xe chạy nhanh không thể vượt qua chiếc xe nặng nề chậm chạp kia được.

Đấy, tài năng không phải là chiếc xe bò mà hai người có thể vừa kéo vừa đẩy; tài năng không phải là chiếc «Maxcơvich» có thể dùng dây lôi đi được; tài năng không phải chiếc xe bị chắn không vượt lên phía trước được.

Tài năng không cần đẩy đằng sau và không cần kéo đằng trước. Nó tự mình tìm được đường đi và tự nó sẽ vượt lên phía trước.

Thế mà vẫn có nhiều người hy vọng rằng họ sẽ được

đẩy tới hoặc kéo lên. Đây là một câu chuyện nhỏ, câu chuyện có thể đặt tên:

Tuy hơi già, nhưng có tài. Hồi tôi theo học ở Đại học văn học Maxcơva, tôi kết bạn với nhiều nhà thơ Nga, cũng là sinh viên của trường. Họ bắt đầu dịch thơ của tôi. Các bài thơ dịch lần lượt được đăng trên các báo, tạp chí. Nhờ các bản dịch tiếng Nga mà nhiều dân tộc Đaghextan khác đã đọc được thơ của tôi.

Vào những năm ấy, có những người ác khẩu phao lên rằng: Raxun Gamzatốp đâu có biết làm thơ bằng tiếng Avar, những người phiên dịch tiếng Nga giỏi giang đã cố gắng vực thơ anh ta lên và anh ta lập tức chuyển sang viết những bài thơ theo khẩu vị của độc giả Nga.

Nhân chuyện này, tôi thường nhớ tới một nhà thơ Đaghextan.

Có một dân tộc ít người là dân tộc Tát. Họ có chừng mười lăm nghìn người. Tuy vậy, cũng đến năm sáu nhà văn người Tát mà cả Đaghextan biết tên. Sách của họ được in bằng tiếng mẹ đẻ ở Makhátkala và được dịch sang tiếng Nga. Tôi muốn kể về một nhà thơ người Tát. Tên của anh không cần thiết phải nêu.

Tốt nghiệp Đại học văn học, tôi trở về Makhátkala thân yêu. Ngay những ngày đầu tiên, nhà thơ Tát đã mời tôi đến nhà chơi. Anh đãi tôi ngay ngoài trời. Trước mặt là biển Caxpie mênh mông, phía sau lưng là những rặng núi cao. Anh đọc thơ của mình cho tôi nghe bằng tiếng Tát, sau đó anh dịch nghĩa từng chữ sang tiếng Nga cho tôi hiểu ý tứ các bài thơ của anh.

Lưu ý tôi là khách, anh ấy là chủ; lưu ý rằng anh có thể cho là tôi đang muốn khoe khoang những kiến thức đã

học được ở Maxcơva, rằng tất cả các nhà thơ đều thích được khen hơn là bị chê, rằng chẳng có thứ phê bình nào giúp ích được cho anh ta, rằng chính anh cũng đã bốc lên tận mây xanh từng bài thơ của tôi, từng câu thơ của tôi – lưu ý đến tất cả những điều đó, tôi cũng bèn khen mọi bài anh đã đọc cho tôi nghe.

Quả thật cũng có một vài bài thơ tôi thích, và tôi nói về những bài đó một cách chân thành, còn đối với các bài tôi không thích thì tôi đã nói một cách miễn cưỡng. Ngay lúc đó tôi tưởng tượng mình đang dang hai tay ra về phía biển Caxpie, thậm chí còn quỳ xuống nữa, mà nói: «Hãy tha thứ cho tôi lời nói dối này». Sau đó tôi lại tưởng tượng mình đang quay về phía núi, tay dang ra về phía những đỉnh cao phủ đầy tuyết trắng, chân quỳ xuống và nói: «Hãy tha thứ cho tôi lời nói dối này!»

Đọc cho nhau nghe đủ các thứ thơ và tới tấp khen nhau, chúng tôi im lặng ngồi một lúc. Tôi lắng nghe tiếng biển, còn anh thì chắc là đang mải suy nghĩ điều gì. Cuối cùng anh bắt sang chuyện sau:

– Anh Raxun này, tôi muốn thổ lộ với anh một ý nghĩ hệ trọng. Nhưng anh phải hứa là anh sẽ không nói với ai nhé.

Tôi hứa với anh.

– Anh biết không, – anh bạn tôi tiếp tục,- dân tộc Tát chúng tôi rất ít người. Thơ của tôi ít người đọc quá. Anh đã hành động đúng khi đi tìm độc giả ở Maxcơva. Tôi muốn theo gương anh, muốn chuyển về sống ở Maxcơva. Nhưng ở đây tôi chẳng có người thân thích ruột thịt, chẳng có bạn bè, chẳng có người quen. Không có nhà nữa. Anh nghĩ dùm xem, nếu nhận nhuận bút cuốn

sách mới xong, tôi dùng số tiền ấy để đi Maxcơva thì liệu tôi có kiếm được chỗ trú chân ở đấy không?

—Sao lại không được? Nếu anh có tiền, anh sẽ thuê một căn buồng.

Không, tôi không nói chuyện đó. Liệu tôi có tìm được vợ ở đấy không? Có thể là hơi già một chút, hơi xấu một chút, thế nào cũng được, chỉ cần cô ta có tài và dịch thơ tôi sang tiếng Nga, chỉ cần cô ta giúp tôi nên người. Sau đó, khi tôi có tên tuổi đứng được, thì tự mình tìm đường đi cho mình không khó gì. Còn không thì tôi sẽ còi cọc, khô héo trong cái vỏ dân tộc chật chội này.

Tôi nhìn lại hình dạng anh một lần nữa. Hai mươi lăm tuổi, bắp thịt cuồn cuộn, một người Kapkazơ tràn trề sinh lực. Đôi bàn tay to bè bè, ngay cả những ngón tay cũng có lông mọc tua tủa. Lông ngực cứng như những cái đinh đóng vào tường. Trên gương mặt bầu bĩnh, màu da nâu là đôi môi dầy và đôi mắt xanh như mặt hồ biếc. Mái tóc anh nhìn có thể nhầm là lông nhím. Hàm răng trắng to tướng. Chân chắc nịch như cột nhà. Gân nổi khắp người. Thật là đứa con chính cống của tạo hóa. Chẳng lẽ anh không tìm được vợ ở cái thành phố mấy triệu dân đó vào năm thứ ba sau chiến tranh? Tôi nói với anh:

Anh chỉ cần dừng lại giữa phố, và huýt sáo gọi là các bà các cô sẽ đua nhau chạy lại, bao nhiêu tùy thích.

Anh bạn tôi tỏ vẻ mừng rỡ như trẻ con. Anh trồng cây chuối và cứ thế đi bằng hai tay xuống nước. Trước khi bơi ra ngoài biển, anh còn hỏi:

—Anh bảo tôi nên đi Maxcơva bằng gì—đi máy bay hay tàu hỏa?

Nửa năm trôi qua. Vừa phủi bụi tuyết ướt bám trên

mũ, tôi vừa leo lên gác tư nhà xuất bản «Thanh niên cận vệ». Đi ngược xuống phía tôi là nhà thơ Tát nọ, người đã dãi tôi trên bờ biển Caxpie. Anh mang một chiếc cặp da to tướng. Điều đầu tiên tôi chú ý là anh không xách cặp như bình thường các nhà văn vẫn xách, mà cắp dưới nách như những người kế toán, thủ quỹ vẫn mang. Tôi còn ghi nhận thêm là anh đã thay đổi rất nhiều qua nửa năm vừa rồi. Mái tóc lởm chởm như lông nhím đã được cắt tỉa cẩn thận, đầu chải rẽ ngôi gọn gàng. Anh để râu quai nón trông như một nhà cách mạng tháng Chạp. Móng tay ngón út để dài và nhọn hoắt như lưỡi lê. Tay đeo nhẫn mặt đá. Ở cổ áo, nơi vẫn thường đeo cà vát, anh đính một miếng vải gì trông như đôi cánh con bọ hung tháng Năm. Trông bảnh bao lịch thiệp lắm. Sau khi chào nhau, anh đưa tay sửa chiếc cà vạt của tôi chắc là bị lệch sang một bên. Tôi đương nhiên là cảm ơn anh.

Akhơmét giới thiệu vợ anh với tôi và giới thiệu tôi với vợ mình.

— Rất hân hạnh, chị ta nói và chìa ba ngón tay ra cho tôi.

Ở Đaghextan không có tục lệ hôn tay phụ nữ, bởi vậy tôi chỉ tự giới hạn mình vào một động tác bắt tay nhẹ nhàng, nhưng chị ta đã kêu đau ầm lên hệt như tôi đã bẻ gãy cả mấy đốt xương ngón tay của chị.

– Tha lỗi cho tôi, dân miền núi quê mùa... quả tình tôi không cố ý.

—Đã đến lúc phải học cách xử thế văn minh rồi đấy, -chị ta ném một câu và bước về phía gương rồi bắt đầu uốn éo trước nó, dường như cái gương có thể sửa đổi được chút gì cho hình dáng của chị ta.

Đúng rồi, chị ta quả là vừa già vừa xấu, phấn sáp trên mặt nhiều đến mức có thể dùng để trát lên bốn bức tường của một căn phòng cỡ vừa. Điều tôi tiếc hơn cả là không có mặt Abutalíp ở đây, nếu có ông thì chắc ông đã tìm cách cho chị ta một chữ chính xác.

Người ta nói rằng không có gì ranh ma hơn cáo và cái đuôi của nó. Thế mà nó lại phạm sai lầm ghê gớm là đặt cái đuôi mầu đồng hun của mình lên cổ áo của chị ta. Người đàn bà bước lại quầy báo chí, tôi và Akhơmét đứng nói chuyện một lúc với nhau.

- Anh sống thế nào, có thoải mái không, anh bạn Akhơmét?

Ồ, tôi cảm thấy mình như con bò thiến mà người ta đã đeo ách vào để kéo cối xay đậu. Vợ tôi chỉ huy tôi trong mọi việc. Chà, nếu anh biết cô ta là người có học thức thế nào! Thật là thông minh. Quen biết riêng Blốc và Maiakốpxki này. Từng làm bạn với Xécgây Êxênhin này. Đã ở Pari. Nói tiếng Anh rất tuyệt. Chúng tôi có căn nhà bốn buồng, mà chỉ có hai chúng tôi thôi. Không có con. Chỉ có con chó Tôsích thôi. Thứ chó Nhật-bản, bé hơn cả mèo.

— Phải rồi, anh gặp may đấy. Bây giờ anh đi đâu vậy?

Tôi đem thơ đến tòa soạn «Murzinka». Người ta nói là đối với trẻ em thì hơi sâu sắc quá. Tôi mang tới tạp chí dành cho các nông trang viên nhỏ tuổi. Các anh ở đấy khen bài thơ lắm, nhưng nói là cần phải viết thêm đôi ba câu cho có chữ «nông trang» trong bài. Tối nay tôi viết nốt và sáng mai lại mang đến... Anh Raxun ạ, hóa ra là cần phải kiếm sống và làm việc như vậy! Vợ tôi nói với tôi: đứa bé trước khi biết đi cũng phải bò. Sau này thế

nào tôi cũng sẽ viết được những tác phẩm ra trò.

— Anh Aliôsa, — chị vợ bước lại gần và gọi chồng vừa âu yếm vừa như ra yêu sách. — Chúng ta ghé qua nhà cho con Tôsích ăn một chút gì đã, rồi đến tòa soạn «Cá sấu» và «Nữ công nhân».

Sau lần đó, rất lâu tôi không gặp lại Akhơmét. Có lần tôi nhận được thư anh. Anh yêu cầu tôi đặt mua cho anh một chiếc bình của vùng Bankhar với dòng chữ khắc: «Tặng vợ thân yêu của tôi». Tôi đặt làm chiếc bình và nghĩ rằng: «Chắc là quả tình chị ta cũng làm được cho anh ấy nhiều việc». Thơ anh do vợ dịch đã thỉnh thoảng được đăng khi thì ở báo «Murzinka», khi thì ở báo «Thiếu niên», báo «Cá sấu». Chỉ có điều là không thấy thơ anh xuất hiện ở Makhátkala bằng tiếng Tát của anh.

Vài lần chúng tôi đề nghị anh gửi bài cho chúng tôi, nhưng không nhận được trả lời.

Mười lăm năm sau lần gặp đầu tiên, chúng tôi mới gặp lại nhau. Ở Maxcơva năm ấy, có tổ chức Tuần lễ văn học nghệ thuật Đaghextan. Bốn mươi nhà thơ Đaghextan đi Maxcơva. Bằng những thứ tiếng khác nhau, chúng tôi đọc thơ của mình ở hội trường Kôlônhưi. ở nhà hát Kremli, ở nhà máy ô tô và ở sư đoàn cận vệ Kanchêmia.

Vào đêm kết thúc Tuần lễ văn học nghệ thuật, Akhơmét đã lén lút đến gặp tôi đang đứng sau cánh gà.

— Anh Raxun, — Akhơmét nói, giọng như van vỉ. — anh lấy tôi về Đaghextan đi! Tôi buông lưới định bắt cá mà cuối cùng mất cá chì lẫn chài!

Thế là Akhơmét trở về Đaghextan. Nhưng rồi cây đàn panđur của anh không sao lên lại được dây, không sao đánh lên đúng điệu. Anh giống như cái bình bị nứt

làm rượu chảy đi hết. Dù có hàn gắn thế nào, rượu vẫn ngấm qua và chảy đi hết.

Vậy là người dịch không thể đắp điếm thêm tài năng cho ai không có tài năng. Một số người nói rằng Épfenđi Kapiép đã tạo ra Xulâyman Xtanxki. Một số người khác lại nói: Xulâyman đã tạo ra Épfenđi Kapiép. Trên thực tế thì cả hai đều có tài. Tài năng của Épfenđi tạo ra Épfenđi, và tài năng của Xulâyman tạo ra Xulâyman.

Để tôi nói với Iza. Có thể đặt đầu đề như thế cho câu chuyện tôi vừa chợt nhớ lại sau đây.

Ở Trường Đại học sư phạm Đaghextan tôi đã cùng học với Mahômét Xulimanốp, bây giờ là một nhà văn Đaghextan có tiếng. Từ nhỏ, anh đã tỏ ra là một người lắm tài: anh vẽ đẹp, múa các điệu dân gian rất cừ và làm thơ nữa. Anh rất yêu thích tác phẩm «Épghênhi Ônhêghin». Lúc nào anh cũng mang theo mình cuốn sách đó và gần như là thuộc lòng nó. Ngay từ dạo ấy anh đã ước mơ dịch tác phẩm «Épghênhi Ônhêghin» sang tiếng Avar. Khi ra mặt trận, anh cũng mang theo cuốn sách đó.

Cuối chiến tranh, anh bị thương và nằm điều trị tại một quân y viện ở Maxcơva. Ở đấy anh làm quen với một cô gái người Maxcơva tên là Maria. Khi vết thương đã lành, anh cưới cô ta và ở lại Maxcơva.

Lên học ở Maxcơva, qua trạm chỉ dẫn địa chỉ, tôi đã tìm đến được chỗ anh. Tôi rất nhớ anh, và anh cũng nhớ tôi. Maria không ngăn trở cuộc trò chuyện thân mật, say sưa của chúng tôi. Cả ba chúng tôi ngồi rất lâu bên chai rượu nồng. Mahômét kể lại thời kỳ ở bộ đội, tôi kể cho anh nghe về Đaghextan, về những ngọn núi, làng bản quê hương. Tôi đọc những bài thơ của tôi và của bạn bè

tôi, những nhà thơ Avar trẻ tuổi. Sau đó tôi hỏi anh định dành cả đời mình cho công việc gì.

— Tôi cũng nghĩ ngợi nhiều xem mình nên làm việc gì. Nhưng Maria có một bà cô, bà cô có người quen thân tên là Iza, một người có nhiều quyền lực ở Maxcơva. Bà cô tôi thấy tôi đang phải nghĩ ngợi khổ sở, bèn nói: «Việc gì phải nghĩ ngợi cho khổ hở Mahômét! Để tôi nói với Iza, ông sẽ lo chu tất cho anh». Quả thật là ông Iza đã kiếm cho tôi một chỗ làm việc khá tốt ở Viện Hàn lâm khoa học. Bây giờ tôi làm việc ở đấy.

- Thế còn nghề vẽ của anh?

Ôi dào, dạn nó vẽ lên người tôi thế cũng đủ rồi.

Còn thơ thì sao?

Đó là chuyện hồi trẻ, Raxun ạ. Bây giờ tôi đã là người lớn, đứng đắn, phải tìm cho mình một việc làm nghiêm túc chớ!

Thế còn «Épghênhi Ônhêghin»?

Anh bạn tôi ra chiều nghĩ ngợi. Rõ là tôi đã chạm phải chỗ đau của anh.

Sao anh không muốn trở về Đaghextan?

–Thế Maria thì sao?

—Anh đem cô ấy theo.

— Tôi chỉ có nhà ở làng thôi. Tôi không thể đưa Maria về làng được. Vì nàng không thể nói chuyện với mẹ tôi được. Tất nhiên tôi không thể mang theo người phiên dịch để Maria hiểu được mẹ tôi và mẹ tôi hiểu được Maria.

Để cắt đứt câu chuyện khó xử đối với Mahômét, tôi nâng cốc chúc mừng Mahômét, mừng Maria, mừng cả «Épghênhi Ônhêghin» nữa.

Lần sau ghé thăm Mahômét, tôi được Maria kể lại là

Mahômét bỗng nhiên thay đổi hoàn toàn. Cả ngày lẫn đêm, hễ rỗi phút nào là anh lại viết, viết rồi xé, rồi lại viết, lại xé.

Bà cô của Maria thấy Mahômét như vậy, cuối cùng bèn hỏi anh đang viết gì và tại sao lại xé những cái đã viết.

— Tôi muốn trở thành nhà thơ, — Mahômét trả lời bà. — Tôi muốn dịch «Épghênhi Ônhêghin».

— À hóa ra thế, nhưng mà việc gì anh phải khổ sở thế chứ! Để tôi nói với Iza, ông ấy sẽ lo chu tất cho anh.

— Không đâu cô ạ, cả ông Iza, cả thủ trưởng của ông, thậm chí cả vợ ông cũng không thể giúp cháu thành nhà thơ được. Chỉ có cháu mới giúp cháu trở thành nhà thơ được.

Ít lâu sau, Mahômét đọc cho tôi nghe bản dịch sang tiếng Avar chương đầu của «Épghênhi Ônhêghin». Và ba năm sau thì độc giả Avar đã có thể đọc tiểu thuyết đó bằng tiếng mẹ đẻ của mình.

Biết in ảnh ai bây giờ? Người ta nói rằng các bà vợ năng nổ có thể giúp ích rất nhiều cho thành công của chồng. Phải rồi, chúng ta đã thấy nhiều bà vợ như vậy. Một nhà thơ không phải là không nổi tiếng ở Đaghextan đã có một bà vợ như thế. Cả Hội nhà văn, mọi nhà xuất bản và báo chí, đều run bần bật khi nghe nhắc đến tên bà. Tôi cũng sợ bà ta và để tỏ thiện cảm, tôi còn treo ảnh chồng bà trong phòng làm việc của mình. Tôi nghĩ rằng bà ta sẽ hài lòng và đối xử với tôi gượng nhẹ hơn. Nhưng việc làm đó của tôi chẳng tác động gì nhiều đến bà. Vì lẽ bà ta không lĩnh thêm được một kôpếc nào do chỗ ảnh chồng bà treo trong phòng làm việc của tôi.

Có lần bà ta đòi nhà xuất bản phải lập tức in ngay tuyển tập thơ của chồng bà. Vị giám đốc rụt rè nói lại là

kế hoạch xuất bản năm nay đã được duyệt, rằng số giấy được cấp có hạn thôi, rằng tuyển tập đó có thể in sang năm...

– Anh là đồ vô lương tâm! — người đàn bà tức giận hét lên! - Chẳng qua chỉ vì anh sợ mọi người thấy thơ chồng tôi hay hơn thơ anh. Đấy, chính vì thế mà anh bịa ra với tôi đủ thứ chuyện về kế hoạch, về giấy má. Ồ, tôi nhìn rõ gan ruột của anh. Tôi không để anh làm thế đâu. Tôi buộc anh phải in tuyển tập thơ chồng tôi!

Nói xong mấy lời đó, người đàn bà đóng sập cửa nhà xuất bản.

Hai giờ sau, điện thoại bàn giám đốc reo lên. Đầu ống đằng kia nghe rõ giọng nói của bí thư tỉnh ủy:

– Anh làm ơn làm phúc tìm cách giải quyết dùm cho, – đồng chí bí thư khẩn khoản, — sao cho người đàn bà này không bao giờ đến chỗ tôi nữa. Tôi chưa kịp thay kính trên mặt bàn của tôi, bà ta đã đấm vỡ thêm một miếng.

Kết quả là thế nào? Người ta phải loại ra ngoài kế hoạch truyện vừa của Lép Tônxtôi «Khátgi-Murát» và cuốn thơ dành cho thiếu nhi của Gamzát Xađax. Thế chỗ hai cuốn đó, người ta đưa vào kế hoạch tuyển tập thơ của chồng người đàn bà hùng hổ kia.

Tưởng là mọi chuyện đã yên lành. Nhưng ít lâu sau lại nổ ra một vụ ầm ĩ nữa. Hóa ra trong tuyển tập người ta không để ảnh nhà thơ.

Toàn là bọn vô lương tâm! – bà vợ nổi tam bành gào lên. — Các anh sợ rằng mọi người thấy chồng tôi đẹp hơn các anh chứ gì? Chính vì thế các anh không in ảnh chồng tôi.

Chết, không phải thế đâu, – giám đốc nhà xuất bản trả lời. Chẳng qua là chúng tôi không biết phải in ảnh ai

trong cuốn sách này: ảnh chị hay là ảnh chồng chị.

— Còn sao nữa, — người đàn bà cười khẩy, — chưa ai biết là nếu không có tôi, liệu chồng tôi có trở thành được nhà thơ hay không?

Có lần gặp nhà thơ kia, Abutalíp nói:

— Anh nghe này, anh Kuxa, anh nhường cho tôi bà vợ của anh một tuần thôi, tôi sẽ lập tức đoạt được giải thưởng Xtalin.

Sao anh lại nói thế, anh Abutalíp, tôi đã sống gần bà ta mười năm mà đến giải thưởng mang tên Khatgi Khaxum thôi, tôi cũng có được đâu!

- Thế thì anh hãy xin bà ta một tý tài năng.

Câu chuyện về Abutalíp và nàng Khatimát. Abutalíp thoạt đầu làm nghề chăn cừu. Sau đó ông chuyển sang nghề hàn thiếc nhưng ông vẫn luôn mang theo bên mình cây sáo của người mục đồng và thổi sáo những lúc rỗi rãi. Nghề nghiệp ấy đưa ông hết làng này sang làng khác, và rồi một lần - người thì nói ở Kuli, người thì nói ở Kumukhi, có một cô gái tên là Khatimát mang chiếc bình cao hóng đến gặp ông.

Abutalíp chữa chiếc bình đó rất lâu. Khi thì ông đặt chiếc bình sang một bên rồi chậm rãi hút thuốc, khi thì ông đặt sang một bên rồi bắt đầu thổi sáo, khi thì ông ngừng tay làm và kể cho Khatimát nghe đủ thứ chuyện thật, chuyện bịa.

Khatimát giục ông sửa bình nhanh, nàng kêu lên:

Ông vấn điếu thuốc ngắn ngắn thôi.

- Cô Khatimát dáng yêu ạ, bây giờ thì tôi sẽ vấn điếu thuốc dài một ácsin * để hút cho thật lâu.

* Ácsin bằng 0,71 m. *(ND.)*

Cuối cùng cô gái nổi cáu và Abutalip đành phải trao lại chiếc bình cho cô gái. Cả chiếc bình ánh lên mầu men bóng như mới. Abutalip đã cố công làm đẹp. Tuy nhiên, khi về nhà, cô gái vừa đổ nước vào bình thì nước đã chảy ra ngoài cả. Tức giận đến phát khóc, cô gái lại đến gặp Abutalip.

– Anh chữa bình cho tôi lâu thế, mà bây giờ nó lại bị chảy nhiều hơn cả lúc đầu.

– Tôi muốn ngày nào cũng có những chàng trai đẹp đẽ, táo tợn ném đá vào bình của cô! Sao cô lại nổi giận hở cô Khatimát? Tôi cố ý làm hở một lỗ nhỏ ở bình để cô phải trở lại đây, để tôi có thể được nhìn cô thêm.

Cứ để cho các chàng trai ném đá vào đầu anh, chứ không phải vào chiếc bình của tôi! — Khatimát nói liền một thôi rồi bỏ đi luôn.

Abutalip rất buồn nhớ nàng. Tình yêu của anh với cô gái Khatimát ngày một thêm nung nấu... Tình yêu càng dâng đầy, nỗi buồn càng sâu nặng. Abutalip buồn rầu làm một bài hát ca ngợi Khatimát và bày tỏ tình yêu của mình với nàng. Sau đó anh làm bài thứ hai, rồi bài thứ mười, bài thứ hai mươi, rồi sau nữa, từ một người thợ hàn thiếc anh trở thành một nhà thơ nổi tiếng.

Vào thời gian ấy, Khatimát đi lấy một người tên là Khatgi. Sau đó ly dị người này và lấy người khác tên là Muxa.

Có lần, khi nhà thơ nổi tiếng Abutalip đi qua chợ thì nghe tiếng người gọi:

— Ông Abutalip ơi, ông có chữa bình nữa không đấy!

Nhà thơ quay lại và nhìn thấy Khatimát lúc này già nua, lưng còng, ốm yếu.

Chắc là ông kiêu lắm chứ gì, ông Abutalíp. Làm sao khác được! Nào là đại biểu xô-viết, nào là được deo huân chương. Chắc ông đã quên nghề hàn thiếc ngày xưa của ông rồi! Nhưng nếu cứ tính chẻ hoe ra thì chính tôi đã làm ông thành nhà thơ. Nếu hồi ấy không có tôi đem bình đến cho ông chữa, thì bây giờ ông vẫn còn là ông thợ hàn thiếc ngồi ngoài chợ!

Nếu quả thật quyền lực của chị nhiều đến thế, chị Khatimát ạ, nếu quả thực chị có khả năng biến người này người kia thành nhà thơ, thì tại sao chị không biến Khatgi, anh chồng thứ nhất của chị thành nhà thơ? Đến giờ cũng chẳng nghe thấy bài hát nào của Muxa, anh chồng thứ hai của chị...

Abutalíp đi rồi, còn Khatimát vẫn đứng yên tại chỗ, miệng há ra, không biết trả lời thế nào. Mấy hạt mưa lất phất rơi làm chị ta sực tỉnh lại.

Vậy là không ai có thể đủ quyền lực biến một người nào đó thành nhà thơ, nếu người đó không tự mình trở thành nhà thơ.

Bố tôi kể lại, khi tôi viết những bài thơ đầu tiên, một người bạn già của bố tôi, một người nhiều uy tín và tiếng tăm ở Đaghextan đã nói:

Thật là hay nếu bây giờ Raxun yêu mê mệt một cô gái nào. Tình yêu đó có được đáp lại hay không, đem lại hạnh phúc hay là dau khổ — điều này không quan trọng. Thậm chí là càng tốt nếu tình yêu đó không được đáp lại, nó chỉ mang tới toàn dau khổ. Lúc ấy thì cậu ta sẽ lập tức trở thành nhà thơ.

Ông bạn bố tôi thậm chí còn tìm một cô gái trẻ, đẹp,

cô gái có thể làm tôi trở nên bất hạnh nhưng thành nhà thơ.

Bố tôi trả lời bạn mình:

Anh thử xem xem, trên đời này có bao nhiêu người yêu nhau nhưng đâu phải ai cũng thành nhà thơ? Cũng cần phải có tài năng mới yêu được thật đẹp. Có thể là tài năng cần cho tình yêu nhiều hơn là tình yêu cần cho tài năng. Tất nhiên là tình yêu có thể sóng đôi với tài năng, nhưng không thay được tài năng. Cũng có thể nói như vậy về tình cảm ngược lại với tình yêu là lòng căm thù.

—Đấy, anh cứ ngẫm trường hợp Makhơmút, nhà thơ tình yêu, mà xem...

— Đúng. Makhơmút trở thành nhà thơ như chúng ta đã biết, nhiều phần nhờ cô gái ông yêu. Nhưng tôi vẫn nghĩ rằng giả dụ cô gái này không có mặt trên đời, thì Makhơmút vẫn thành nhà thơ lớn.

Những cảm xúc đầy mãnh liệt, day dứt của ông sẽ tự tìm được đường đi, giống như cây cỏ nhỏ bé, mềm mại trong bóng tối ẩm ướt vẫn tìm được hướng ra ánh sáng mặt trời. Đôi khi còn có cây cỏ nhú lên từ giữa khe đá.

Phải rồi, có thể dễ dàng đồng ý với một điều, giống như ngọn lửa bùng lên từ những cây củi khô, tài năng cũng được nuôi dưỡng bằng những tình cảm mạnh mẽ của con người   bằng tình yêu và lòng căm thù; thơ sinh ra từ nụ cười trong sáng hay từ giọt nước mắt cay đắng. Nhưng tôi muốn dẫn ra đây hai thí dụ.

Liệu có nỗi đau nào, nỗi khổ nào so sánh được với nỗi đau khổ của người mẹ mất con? Và đây là đám tang người con, dân làng tụ tập đông đủ. Nhưng người mẹ không nói được gì, bà chỉ lặng lẽ khóc, bà không thể bày

tó nỗi đau của mình bằng lời, bằng những lời làm cho tất cả phải khóc theo bà.

Lúc đó có những người khóc mướn đến. Mắt họ ráo hoảnh bởi vì đó không phải là nỗi đau của họ. Nhưng khi họ bắt đầu trổ tài nghệ kinh khủng của mình, tất cả đều khóc òa.

Tôi gọi đó là một tài nghệ kinh khủng. Trên thực tế, quả thật là kinh khủng, tàn nhẫn. Không phải ngẫu nhiên mà đạo Hồi khẳng định ở thế giới bên kia, những người khóc mướn sẽ vĩnh viễn bị đày ải cùng với bọn giả dối, bọn lừa đảo, vu cáo, đãi bôi. Nhưng với tài nghệ làm mọi người phải khóc thì chẳng biết làm thế nào.

Bây giờ đến một ví dụ ngược lại. Ai có thể hạnh phúc hơn người bố, người mẹ có con trai đã thành chàng thanh niên khôn lớn, khỏe mạnh, và bây giờ thì lấy vợ? Đám cưới là một ngày hội vui mừng. Người ta hát múa trong đám cưới. Và tất nhiên người vui nhất là bố mẹ chàng rể. Nhưng có phải người bố, người mẹ nào cũng bầy tỏ được niềm vui của mình bằng bài hát làm mọi người reo mừng chung quanh, làm mọi người cảm thấy niềm vui của kẻ khác trong đám cưới cũng là niềm vui của chính mình?

Không, trước đó bố mẹ chàng trai đã đi các làng và mời các ca sĩ giỏi giang. Và các ca sĩ đến. Hôm qua họ hát ở một đám cưới khác, ngày mai lại hát ở một đám cưới khác nữa. Đối với họ điều đó chẳng có gì hệ trọng. Nhưng tài năng của họ đã đem lại niềm vui thật sự cho mọi người.

Vậy có thể tài năng được nuôi dưỡng bằng kinh nghiệm lâu bền chăng? Và mọi biểu hiện của tài năng trong

nghệ thuật đều là kết quả của những kiến thức rộng lớn, những số phận éo le, những sự nghiệp vĩ đại?

Nhưng nếu vậy thì tại sao một cậu bé Avar 14 tuổi, lại bị mù, có thể chơi đàn pandur hay đến mức làm kinh ngạc và lôi cuốn dân chúng cả làng.

Có một chàng trai tên là Mahômét Rátgiabốp bị liệt từ nhỏ, nằm trên giường đã viết một bài thơ về người mẹ mà không ai ở Avaria là không biết. Bài thơ đã được Akhơmét Xurmilốp phổ nhạc, anh này cũng bị liệt cả hai chân. Có lần tôi viết về anh:

Cây đàn anh tám dây
Mà tám nghìn giai điệu

Người mù có tài nhìn thấy được nhiều hơn người sáng mắt bất tài. Một người nào đó còn nói thêm rằng: người thông minh ngồi trong phòng làm việc của mình còn thấy được nhiều hơn một tên ngốc đã từng chu du khắp thế giới này.

Cũng nên nói thêm, cậu Mahômét mù ngồi xin tiền ngoài chợ không bao giờ lầm lẫn khi tính đếm tiền thu được trong ngày.

Rút trong sổ tay. Nếu sức mạnh tài năng chỉ chứa trong thị giác, làm sao nhà thơ Khốtkhurxki còn cất tiếng hát sau khi bị tên chúa đất đâm thủng cả hai mắt? Nếu sức mạnh tài năng chính là sự giàu có, thì tại sao nhà thơ Etim Emin lại nổi tiếng khi ông là kẻ nghèo khó, không cha không mẹ? Nếu sức mạnh tài năng ở vốn học vấn thì làm sao Xulâyman Xtanxki có thể trở thành «Hôme của thế kỷ 20» khi thậm chí đến ký tên, ông cũng không biết — ông phải dùng ngón tay để điểm chỉ mỗi lúc cần thiết? Nếu sức mạnh tài năng là ở chỗ đọc nhiều, biết

nhiều thì tại sao tôi đã từng gặp bao nhiêu người đọc nhiều, biết nhiều mà không viết được một câu nào đáng nhớ?

Ngày xưa ở miền núi thường tổ chức những cuộc thi thú vị. Một bên là những cậu học sinh các trường A-rập, biết đọc biết viết thành thạo tiếng Avar, một bên là những người mù chữ chỉ biết mỗi việc chăn cừu. Hai bên thi nhau làm thơ. Thường thì những người chăn cừu thắng. Các bài thơ vuông vức, mực thước của những cậu học sinh hiểu biết kia đã đành phải chịu lép trước bài thơ thoải mái, phóng khoáng như làn gió bay trên những triền núi xanh tươi.

Nhưng cả hai loại người đó đều chịu thua các nhà thơ vừa là học sinh vừa biết chăn cừu. Nếu tham dự cuộc thi có Makhơmút hay là bố tôi, thì hai người đành phải đọ tài với nhau chứ không phải với những người khác, vì những người này thua kém quá xa.

Có thể sức mạnh tài năng ở trí thông minh? Nhưng tôi đã gặp ở Maxcơva và ở các nước khác nhiều người rất thông minh. Nếu bất ngờ, trí thông minh của họ biến thành dạng bài thơ hay dạng tiểu thuyết, truyện ngắn thì đấy sẽ là những tác phẩm vô giá. Nhưng có một cái gì đó đã cản trở những ý nghĩ thông minh của họ rời ngọn bút xuống giấy, và những ý nghĩ thông minh ấy chỉ còn biết bay lung tung trong không khí hay là cùng chui xuống mồ với chủ nhân.

Thế thì có thể sức mạnh tài năng là ở sự lao động chuyên cần, là ở sự làm việc đến đầm đìa mồ hôi? Rất nhiều lần tôi nghe thấy nói tài năng tự nó không có, nó chỉ có thể bộc lộ qua lao động miệt mài. Nhưng các bạn

thứ hình dung xem tiếng hót nhẹ nhàng của chú chim họa mi thảnh thơi đậu trên cành cây vẫn làm tôi thích hơn tiếng kêu đầy khó nhọc của con lừa đang lặc lè mang nặng.

Người kéo xe không hát, người ngồi trên xe mới hát.

Ôi, tạo hóa linh thiêng, trên đời này có bao nhiêu điều mâu thuẫn! Nếu bài ca là kết quả sự nhàn tản của người ngồi trên xe, thì có thể toàn bộ nghệ thuật là kết quả của sự an nhàn, dư dật vật chất của cuộc sống vô lo ư?

Phải chăng trong các lâu đài giầu sang người ta đã phải hát những bài ca ra đời từ những túp lều dột nát? Mọi câu chuyện về các lãnh chúa, về những người giầu sang đều do những người nghèo khổ sáng tác. Viên tù trưởng đày Irtri Kazắc đi Xibiri. Bị đầy ải ở Xibiri, Kazắc tiếp tục làm thơ. Qua thơ của Irtri Kazắc, mọi người bây giờ mới biết đến viên tù trưởng người Kumức kia.

Những người dân miền núi đã bắt cóc Đavit Guramisvili, công tước trẻ người Gruzia. Họ tống anh ta vào ngục ở Unxukun. Ngồi trong ngục ẩm ướt, da diết nhớ miền Gruzia tươi đẹp, công tước bắt đầu làm thơ. Ở một chừng mực nào đó, có thể nói rằng người dân miền núi đã biến Guramisvili thành nhà thơ.

Con gái của lãnh chúa Khunzắc là nàng Aisát đã phải lòng một chàng trai chăn cừu trẻ đẹp. Biết chuyện, bố cô gái đã đuổi cô ra khỏi nhà. Ngoài trời là đêm đông rét mướt. Nàng mặc bộ váy áo mỏng manh, đi ngược làn gió buốt, tuyết ngập đến đầu gối đêm đó nàng đã làm bài thơ đầu tiên.

Nhưng nếu vậy thì sức mạnh tài năng có thể ở sự nghèo khó, tuyệt vọng của con người? Có thể nỗi dau khổ

và sự bất hạnh đã sinh ra những bài ca hay nhất chăng? Vậy thơ là ai, thơ cần cái gì? Thơ đã đến với Baturrai khi ông đã thành người già nua, ốm yếu đói rách, ngồi bên bếp lò lạnh ngắt của mình. Thơ đã đến với Makhơmút khi ông rét cóng trong những chiến hào Karpát, còn cô gái ông yêu, người mà ông quý hơn cả mặt trời, trái đất và cuộc sống, lại đi lấy người khác. Thơ đã đến với Abutalíp, khi ông xách bị gậy đi các làng xin ăn, còn cô gái Khatimát ông yêu lại ruồng bỏ ông đi lấy người khác. Thơ dã đến với Enđariláp, khi ông nhận cốc thuốc độc từ tay những kẻ giết mình. Bạo chúa Zunti-Naíp đã khâu mồm nàng Ankhin-Marin, và chính lúc đó Marin làm được bài ca hay nhất của mình. Bài ca này, như một lời nguyền rủa, đã làm tên bạo chúa suốt đời mất ăn, mất ngủ.

Vậy thì sức mạnh tài năng ở đâu? Tài năng là gì — là lương tâm, danh dự, lòng dũng cảm hay có thể là sự sợ hãi? Bởi vì người nhát gan đi đêm cũng phải hát cho mình đỡ sợ.

Tài năng là niềm hạnh phúc hay nỗi khổ, là phần thưởng hay sự trừng phạt? Là cái đẹp được tạo ra để con người phải chịu khổ vì nó, hay những nỗi khổ từ đó cái đẹp đã nảy sinh? Hay tài năng là con đẻ của thời gian và sự kiện? Những tia lửa bật ra khi hai hòn đá dập vào nhau. Chiến tranh không làm tăng số người trên trái đất, nhưng làm tăng số người anh hùng.

Tôi không biết tài năng là gì, cũng như không thể nói thơ là gì. Nhưng đôi lúc — khi trên đường về nhà, khi ở xa quê hương, khi đang mơ màng ngủ (hơi khép lại vạt áo ngoài), khi tôi bước đi trên cỏ (và những ngọn

cỏ non xanh như thấm qua da thịt tôi, hòa vào dòng máu), khi tôi ăn cơm, khi tôi nghe nhạc, khi gia đình sum vầy, khi giữa bạn bè ồn ào, khi tôi nhấc bổng đứa bé lên như cầu chúc cho nó một cuộc sống yên lành mai sau, khi tôi ghé vai khiêng linh cữu người bạn đưa về chốn yên nghỉ cuối cùng, khi tôi nhìn lên gương mặt người tôi yêu — những lúc đó tôi bỗng thấy một cái gì đặc biệt, kỳ lạ, bí ẩn, mãnh liệt cồn lên ập đến lòng tôi. Cảm giác đó khi vui, khi buồn, nhưng bao giờ cũng thôi thúc tôi làm một việc gì, bắt tôi phải nói lên lời. Cảm giác ấy đến không cần tôi mời mọc, yêu cầu.

Cảm giác ấy đến và đằng sau nó thấp thoáng bóng Makhơmút vận áo chẽn với cây đàn panđur trên tay, với tình yêu say đắm vẫn chưa nói hết qua các bài ca, thấp thoáng hình bố tôi với nụ cười buồn buồn, dịu dàng, và Enđariláp với cốc thuốc độc trong tay, và Marin với đôi môi bê bết máu vì bị tên bạo chúa khâu lại... và cả những hình bóng xa xôi của những người khổng lồ Đăngtê, Tônxtôi, Sinle, Blốc, Gơtơ, Banzắc, Đôxtôiépxki... Đôi khi tôi cảm thấy như hình bóng Đấng hư vô hiện ra lóe sáng qua màn mây mù.

Người là ai vậy?– tôi cất tiếng hỏi Đấng hư vô đó.

—Ta là tài năng của anh, ta là thơ ca của anh.

Người từ đâu tới vậy?

—Ta ở khắp mọi nơi.

Người cũng bằng tuổi tôi sao?

Không đâu, tuổi ta vừa là một giây vừa là ngàn thế kỷ. Trong ta vừa có sự thơ ngây con trẻ, vừa có niềm say mê của chàng trai và sự uyên thâm của người già cả.

Ta không có tuổi. Ta là ngọn lửa không bao giờ tắt. Ta là bài ca không ai hát hết được lời. Ta là chuyến bay cao, bay xa mà không thể ai thực hiện được. Ta ở cách anh rất xa, và ở ngay trong anh. Mang theo ta trong người vừa là niềm sung sướng không cùng, vừa là nỗi đau buồn cay đắng. Không có gì nhẹ hơn ta và cũng không có gì nặng hơn ta.

Nếu có ta, vách đá lạnh có thể nứt ra vì tiếng đàn ngân viôlông. Nếu có ta, những chú dê rừng trong khe núi cũng phải nhảy múa lên vì nghe tiếng kèn zurna. Nếu có ta thì dao găm rơi khỏi tay kẻ giết người, và đôi trai gái yêu nhau ngây ngất hôn nhau.

Khi người ta bỏ chiếc mũ khói dầu cô Paiti ở làng Anđi, ta đã có ở đấy; khi người ta cướp Mariam đi, đặt nàng lên yên ngựa, ta đã có ở đấy. Khi Gian Đa tuốt kiếm trước đoàn quân đang hò reo, ta đã có ở đấy. Khi con người chắp vào mình đôi cánh rồi nhảy từ trên tháp chuông xuống, ta đã có ở đấy. Khi Magienlăng hay Côlông kéo cánh buồm lên, ta đã có mặt ở đó. Khi bức tranh «Đức Mẹ ở nhà thờ Xictin» vẽ lên, ta đã có mặt ở đó.

Địa bàn hoạt động của ta ở mọi nơi, mọi thời gian. Trên khắp hoàn cầu có những lục địa và quốc gia khác nhau, có những đảng phái và chính phủ khác nhau, có những giai cấp và dân tộc khác nhau. Nhưng còn có những con người. Những con người có tâm hồn và trí tuệ. Dù ở lục địa nào, họ cũng biết yêu và biết căm thù, biết dũng cảm và biết sợ, cao thượng và ranh ma, vị tha và giả dối, chân thành và vu cáo. Trí tuệ và tâm hồn con người — đó là bãi chiến trường của ta, là nơi ta thất bại và chiến thắng, là nơi ta làm nên những sự nghiệp của mình.

— Vậy thì người hãy nói cho tôi sự thật: tôi biết giống cái gì được? Liệu tôi có nên liều mạng làm bông tuyết ngày mai sẽ tan đi, liệu tôi có định đổ nước vào chiếc bình nứt đáy không? Liệu có tia lửa nào trong ngọn lửa vĩnh cửu của người chạm đến tâm hồn tôi không, liệu có giọt nước thiêng, nóng bỏng nào của người rơi vào đôi môi tôi không?

Những giọt nước mắt tôi đã khóc – những giọt nước mắt vui, buồn. Nhưng tôi còn những giọt nước mắt ẩn sâu nơi đáy mắt như con chim nhỏ run rẩy náu mình khi nghe tiếng chân người thợ săn. Cả những giọt nước mắt đời không thấy ấy cũng khi buồn khi vui, lúc vì yêu, lúc đau khổ, lúc sung sướng, lúc bất hạnh. Mái tóc tôi đã pha lẫn hai màu đen, trắng. Tôi đã đứng một chân trên tuổi trẻ, một chân trên tuổi già. Tuổi già và tuổi trẻ luôn xung đột với nhau và bãi chiến trường là tâm hồn tôi.

Tình yêu tôi như cây tiêu huyền hai nhánh
Một nhánh vừa khô thì một nhánh đâm chồi
Tình yêu tôi như chim đại bàng hai cánh
Một cánh sải dài khi một cánh khép hờ thôi!

Trong ngực tôi, hai vết thương nhức nhối
Một vết còn đau khi một vết liền da.
Và cứ thế, suốt cuộc đời bất tận
Niềm vui với nỗi buồn, từng phút nối nhau qua!

Cuộc sống ngắn ngủi bao giờ cũng có giới hạn, mà mơ ước thì vô cùng. Tôi đang đi trên đường mà mơ ước đã đến nhà. Tôi đang đi gặp người yêu mà mơ ước đã ở trong vòng tay người tôi yêu. Tôi đang sống giờ phút này mà mơ ước đã bay lên phía trước bao nhiêu năm.

Mơ ước bay qua ranh giới cắt ngang cuộc sống trong màn đen vĩnh viễn. Mơ ước bay vào những thế kỷ.

Người ta dỗ Samin. Người ta đưa cho Samin một sợi dây với ba nút thắt. Hai nút thắt ở đầu dây, gần nhau, còn nút thứ ba ở cuối dây!

Samin căng sợi dây ra, ngắm nhìn và nói:

— Một nút thắt — chính là ta. Nút thứ hai là cái chết của ta. Còn nút thắt cuối kia, đó là nơi chất chứa những mơ ước của ta, dự định, mục đích mà ta cố đạt đến trong đời.

Cánh đồng cho những ước mơ tôi cần cày cấy rộng hơn rất nhiều cánh đồng tôi cày cấy trên thực tế. Vậy thì tài năng sẽ phải phụng sự ai, phụng sự tôi hay là phụng sự những mơ ước bay khỏi tôi rất xa?

Phải rồi, tài năng là ngọn lửa không bao giờ tắt. Tài năng là bài ca không ai hát được đến tận cùng. Tài năng là chuyến bay không ai đủ sức kết thúc. Nhưng liệu tôi có thể dệt được giai điệu của tôi vào bài ca vĩnh viễn của tài năng — giai điệu của tôi, giai điệu miền Avaria? Và lúc ấy có thể bài ca sẽ phong phú thêm.

Liệu tôi có châm được trên đỉnh núi Đaghextan đốm lửa nhỏ — một phần của ngọn lửa không bao giờ tắt của tài năng? Liệu tôi có thể kéo dài đường bay liên tục của tài năng thêm một đoạn, dù chỉ là từ vách đá này đến vách đá khác?

Làng của tôi — làng Xađa! Đó có nghĩa là ngọn lửa! Có lần một người làng khác hỏi tôi:

— Anh người làng nào?

— Làng Xađa.

— Trước tiên hãy đọc những bài thơ của mình, sau

đó tôi sẽ nói với anh những bài thơ ấy nảy sinh từ ngọn lửa hay từ tro tàn nguội lạnh.

Những nỗi hồ nghi luôn ám ảnh tôi. Liệu tôi có nên mặc áo khoác ngoài khi thời tiết đã hết lạnh và mặt trời lại ló ra sau màn mây? Liệu tôi có nên khóa chuồng bò sau khi kẻ trộm đã lấy mất bò? Liệu tôi có nên kể điều người ta đã nghe nhiều lần? Liệu tôi có nên mời những người khách chỉ đến vì bữa ăn có nhiều món ngon lành? Tôi có cần viết cuốn sách của tôi không?

— Nếu có thể không viết thì đừng viết.

Tôi có thể không viết không? Liệu người bệnh quá đau có thể không rên chăng? Liệu người vui mừng có thể không cười? Liệu chim họa mi có thể không hót trong đêm trăng vắng lặng? Liệu cỏ cây có thể không mọc khi hạt giống đã nằm trong lớp đất ẩm ướt, ấm áp? Liệu những bông hoa có thể không nở khi nụ hoa đã uống no nắng mặt trời? Liệu những dòng suối núi có thể không chảy xuôi ra biển khi băng tan và nước ấm ầm lao qua những tảng đá? Liệu đống củi có thể không bốc cháy khi củi đã khô và lửa đã bao quanh nó?

Từ thuở nhỏ tôi đã yêu những đống lửa: những ngọn lửa do những người chăn cừu nhen lên, bên bờ sông, dưới vách đá, trên những triền núi cao xung quanh hay thậm chí ngay trong bếp lò ở nhà. Tôi biết nhóm được lửa mới là một nửa việc phải làm, nuôi nó cháy đều không tắt suốt đêm mưa còn khó hơn rất nhiều.

Tôi cảm thấy trong trái tim tôi có lửa. Nhưng tôi biết làm thế nào để cho ngọn lửa của tôi không bị lụi tàn đi quá sớm, lụi tàn đi trước khi nó có thể sưởi ấm lòng ai đó, có thể soi sáng đường cho ai đó trong đêm đen?

Tôi phải làm gì để gìn giữ và nuôi dưỡng ngọn lửa tài năng ấy của mình.

Rút trong hồi ức của bố. Một người miền núi đến gặp bố tôi và nói:

— Tôi đã thử làm và hoàn toàn tin rằng tôi có thể sáng tác thơ. Nhưng tôi không biết cần có những gì để viết được những bài thơ thật hay.

Bố tôi trả lời:

Biết lên dây đàn chưa đủ đâu, còn phải biết chơi nữa. Có ruộng chưa đủ, còn phải biết cày bừa, trồng trọt.

Vậy thì tôi phải làm gì để viết được các bài thơ?

Phải làm gì ư? Phải làm việc.



# LÀM VIỆC

Ai tưởng việc chúng ta là mật ngọt
Hãy thử đến ở Kubatri một ngày

*Lời ghi trên sản phẩm vùng Kubatri*

Tôi như người nô lệ của thơ mình
Đổ mồ hôi suốt ngày, còng lưng phục vụ
Nhưng những câu thơ dường như
chưa thấy đủ.
Nửa đêm còn dựng dậy, chẳng cho yên.

Tôi như người kéo xe. Bánh xe lăn bất tận.
Hai càng xe luôn thúc ở hai sườn.
Mà hàng hóa chở mỗi ngày thêm nặng,
Suốt một đời trói buộc chẳng hề buông!

Câu chuyện này xảy ra đã lâu, nhưng bây giờ tôi vẫn nhớ mồn một như nó mới xảy ra hôm qua.

Tôi đã từng mô tả chuyện này trong một truyện thơ, nhưng không thể không nhắc lại ở đây.

Là con trai chưa ai biết tới của nhà thơ Gamzát, tôi rời làng quê ra đi, mới đầu tới Makhátkala, sau đó lên Maxcơva. Năm tháng trôi qua. Tôi tốt nghiệp Đại học văn học, xuất bản mười tập thơ. Một tập thơ được tặng giải thưởng Xtalin. Tôi đã cưới vợ. Nói tóm lại là đã trở thành nhà thơ Raxun Gamzatốp. Lúc đó, tôi quyết định trở về thăm làng lần nữa.

Mấy ngày liền tôi đi khắp chốn, nơi tôi đã chạy chơi



hồi nhỏ, tôi nhìn những vách núi, những hang sâu, nói chuyện với mọi người, lắng nghe suối reo, im lặng ngồi trong nghĩa địa và đi lang thang ngoài đồng.

Ở Mỹ, trong nhà máy Ford, tôi nhìn thấy quả núi nhỏ chuyên dùng để thử xe trước khi xuất xưởng. Đối với nhà văn, quả núi kiểm tra phải là nơi anh sinh ra.

Có mấy người phụ nữ vừa đi làm cỏ lúa mì về. Quần áo lấm lem đất cát, đôi tay đầy những vết xước vì cỏ sắc, vẻ mặt mệt mỏi, họ ngồi xuống vệ cỏ bên đường nghỉ. Tôi đi lại gần phía họ.

Không biết thấy tôi, họ mới bắt đầu nói về tôi hay là nói từ trước đó, chỉ biết tôi bất chợt nghe thấy một bà vừa lấy búi cỏ lau mồ hôi trên trán vừa nói:

— Nếu người ta hỏi tôi thích gì nhất thì tôi sẽ nói: thích có trái tim vô lo và số phận dễ dàng của Raxun Gamzatốp.

— Sao, Raxun có trái tim như cục phó mát, không bao giờ biết đau sao? — một bà họ hàng bênh vực tôi.

— Có thể không phải là cục phó mát, nhưng dù sao thì anh ta cũng không phải rẫy cỏ lúa. Anh ta không phải



đi làm hay ăn cơm theo kẻng đánh của nông trang. Anh ta không biết thế nào là ngày công, không biết phải làm gì mới kiếm được số công điểm và được phân phát những gì theo số công điểm ấy. Chỉ có đàn địch, bông phèng mà tiền vẫn chui vào túi. Có lo lắng điều gì đâu? Tim anh ta có bao giờ bị đau? Tôi chẳng mong số phận nào may mắn hơn.

Hỡi người phụ nữ phúc hậu! Tôi biết kể thế nào cho bà nghe công việc của mình, về sự lao động liên tục, nhọc nhằn của tôi?

Tôi buồn rầu từ cánh đồng trở về làng. Trong đình làng, các bậc cao tuổi đang ngồi chơi, trò chuyện với nhau về đất, về mùa màng sắp tới, về những ngọn núi, bãi chăn cừu, về bệnh tật và cỏ cây, về những ngày đã qua của làng chúng tôi. Tôi bước lại gần, chào các cụ và cũng ngồi xuống một phiến đá lạnh.

Có cụ già cầm một tờ báo mới trong đó có đăng bài thơ tôi. Câu chuyện chuyển sang bài thơ. Người kỵ sĩ bao giờ cũng thích thú khi người ta khen con ngựa của anh ta. Tôi cũng hy vọng rằng các cụ sẽ khen bài thơ của tôi. Ở Maxcơva, ở Makhátkala tôi đã quen nghe nhiều lời khen rồi. Cụ già cầm tờ báo nói:

Ông Gamzát, bố anh, làm thơ. Anh là con trai ông Gamzát, cũng làm thơ. Vậy thì đến bao giờ anh mới làm việc? Hay anh nghĩ rằng sống hết đời rồi cũng không nhấc cái gì nặng hơn miếng bánh mì?

— Những bài thơ — đó là công việc của cháu, không ngờ câu chuyện lại chuyển sang hướng không mong đợi, tôi hơi choáng váng nhưng cố dịu giọng trả lời.

— Nếu làm thơ là làm việc, thì cái gì mới là vô công

rồi nghề? Nếu các bài ca là lao động thì cái gì mới là sự giải trí, nghỉ ngơi?

— Đối với những người hát thì bài ca quả thật là một điều thích thú, nhưng đối với người sáng tác ra những bài đó thì đây là làm việc. Một việc làm mất ăn mất ngủ, không biết đến ngày nghỉ, đến thời gian nghỉ phép. Giấy đối với cháu chẳng khác gì cánh đồng đối với các cụ. Những chữ của cháu là hạt lúa. Còn bài thơ là bông lúa.

Ôi dào, đó toàn là những lời hay ho. Cánh đồng không bay đến với tôi trên mái nhà. Tôi phải đi ra đồng làm việc. Còn các bài thơ thì tự nó đi tìm anh, dù anh ở đâu, dù anh đang nằm trên giường. Mỗi bài thơ là khách đến gõ cửa nhà anh. Nghĩa là mỗi bài thơ đều là niềm vui. Còn cánh đồng của chúng tôi lại là chuyện làm ăn khó nhọc, ngày nào cũng như ngày nào.

Đấy, các cụ già làng tôi đã bầy tỏ ý nghĩ của mình như vậy hay đại khái như vậy.

Nhưng thơ cháu — chính là cuộc đời của cháu.

— Vậy thì đời anh lúc nào cũng là một ngày hội. Vì thơ là chuyện của tài cán. Nếu có tài thì dễ dàng làm được bài thơ hay. Còn ai không có tài thì phải bỏ công sức ra mà làm. Tuy vậy, ở đây cố sức cũng chẳng giúp ích được là bao.

— Không, các cụ nói không đúng đâu. Người nào ít tài năng thì đều thấy nghệ thuật là chuyện dễ dàng. Anh ta làm thơ một cách cẩu thả, qua quýt. Tài năng bao giờ cũng đi đôi với tinh thần trách nhiệm. Người thực có tài bao giờ cũng coi thơ là một việc làm rất hệ trọng và khó khăn. Không phải cái gì ngâm được đều là thơ, cũng như không phải cái gì kể lại được đều là truyện.

— Vậy anh thử nói xem anh làm việc thế nào. Công việc của anh khó khăn ra sao?

Ngồi chung quanh tôi là những người thợ cày cao tuổi. Tôi bắt đầu nói chuyện với họ, nhưng chỉ các cụ biết được những điều đối với tôi gần như là hiển nhiên. Tôi lúng túng, ấp úng rồi im bặt. Hôm đó, các cụ ngồi ở đình làng đã thắng tôi. Tôi không thể giải thích cho họ vì sao làm thơ lại khó và nói chung thế nào là làm thơ.

Từ ngày ấy, nhiều năm đã trôi qua. Nhưng đến tận hôm nay, nếu ai hỏi tôi, chắc tôi cũng không thể giải thích rạch ròi thế nào là công việc làm thơ của tôi, tại sao nó không dễ dàng và nó khác với những công việc khác ra sao?

Nơi làm việc của tôi ở đâu? Tất nhiên là bên bàn làm việc của tôi. Nhưng nơi làm việc của tôi còn là con đường mòn trên triền núi những khi dạo chơi, khi tôi nghiền ngẫm những câu thơ, từng chữ, từng âm thanh đến với tôi, tôi «kiểm tra chất lượng» của chúng và loại bỏ dần những gì không vừa lòng. Nơi làm việc của tôi còn ở trong toa tầu, khi tôi đi sang nước khác, vì chính vào lúc ấy có thể có một tứ thơ mới nẩy sinh trong đầu. Nơi làm việc còn là khoang máy bay, trên xe điện, giữa Quảng trường Đỏ, bên bờ suối, trong rừng, hay trong phòng tiếp khách của bộ trưởng. Chỗ nào trên mặt đất này cũng là nơi làm việc của tôi, là thửa ruộng tôi cấy cày và gặt hái.

Tôi làm vào lúc nào? Vào buổi sáng hay buổi tối? Ngày làm việc của tôi kéo dài bao lâu? 8 giờ hay 6 giờ, hay có thể tới 12 giờ hay nhiều hơn nữa? Nhưng nếu nhiều

hơn thì tại sao tôi không «bãi công» và không đấu tranh đòi làm ngày 8 tiếng?

Thực ra lúc nào tôi cũng làm việc. Trong khi ăn và trong nhà hát, trong khi họp và khi đi săn, khi uống trà và trong buổi lễ tang, khi đi trên ô tô và trong đám cưới. Thậm chí khi ngủ, tôi cũng đã từng mơ thấy những câu thơ, những hình ảnh, ý tứ, có khi cả một bài thơ hoàn chính. Vậy cả đến lúc ngủ tôi vẫn phải làm việc. Nghĩa là lẽ ra tôi phải tổ chức «bãi công» từ lâu rồi!

Tôi làm việc thế nào? Đó là điều khó trả lời nhất. Đôi lúc tôi cảm như công việc của tôi giống mọi việc của người khác. Đôi lúc tôi lại thấy rằng nó hoàn toàn riêng biệt và chẳng thể so sánh với bất kỳ công việc nào người ta đang làm trên thế gian này.

Đôi lúc tôi có cảm tưởng mọi người chung quanh đều làm việc còn tôi thì chơi rông. Đôi lúc tôi lại có cảm tưởng hình như chỉ mình tôi làm việc còn mọi người khác đều an nhàn thư thái.

Kia là những con chim! Suốt đời, chúng chỉ hót đi hót lại một điệu mà bố mẹ chúng đã dạy chúng. Kia là những dòng sông! Hàng ngàn năm, chúng chỉ reo mãi một âm thanh. Còn tôi, tôi phải cố sao trong cuộc đời ngắn ngủi tạo ra những bài ca khác nhau, những bài ca người ta còn nhớ đến nhiều năm sau.

Chắc người đầu tiên cày xới một thửa đất nhỏ sẽ gặp rất nhiều khó khăn. Người làm ra bài hát đầu tiên chắc cũng chẳng dễ dàng hơn.

Nếu đã có một nghìn người cày thửa đất thì người thứ nghìn lẻ một sẽ cày dễ hơn. Nhưng nếu đã có một

nghìn người làm thơ thì người thứ nghìn lẻ một sẽ khó làm thơ hơn rất nhiều.

Đúng rồi, hỡi người nông dân cày ruộng, công việc của tôi cũng có phần giống công việc của anh đấy. Bởi vậy xin đừng nhìn tôi như nhìn một người vô công rồi nghề, người có cuộc sống luôn thảnh thơi, nhàn nhã. Có những đêm dài tôi không ngủ, lo nghĩ tới cánh đồng của tôi như anh đã lo nghĩ về mùa màng trên cánh đồng của mình. Anh đã chọn những hạt giống tốt nhất để gieo, tôi cũng chọn những chữ hay nhất trong những chữ hiện có. Từ một nghìn chữ tôi cần chọn được một. Tôi cũng có thửa ruộng đã cày bừa, có những hạt giống nẩy mầm làm tôi mừng rỡ, có những thành quả lao động. Tôi cũng phải vun xới, phải rẫy cỏ, bởi vì trên thửa đất của tôi còn mọc chen cỏ dại. Dù phải nhờ đến máy cũng khó mà tách biệt được hạt giống tốt và hạt yến mạch lẫn vào nhau. Nhưng tách được những chữ thừa, chữ tạp khỏi những chữ hay, chữ đẹp, có ích, còn là việc khó hơn.

Anh đề phòng cánh đồng của mình khỏi bị mưa đá, sương muối, hạn hán. Tôi cần phải làm ra được những bài thơ không sợ kẻ thù ghê gớm nhất là thời gian, bởi vì tôi muốn làm ra những bài thơ sống lâu hàng trăm tuổi.

Cánh đồng của tôi cũng có đủ thứ sâu bọ, cào cào, châu chấu. Chúng có thể phá trụi mùa màng của tôi, hay làm cho hạt lúa tôi trồng không sao ăn được nữa, khiến mọi người phải tránh xa những sản phẩm của tôi. Những con vật cắn hại đồng của tôi nguy hiểm hơn, đáng sợ hơn giống chuột của anh; chống lại những giống vật ăn hại trên cánh đồng của tôi còn khó hơn nhiều, và có lúc hầu như bất lực.

Lò lửa cháy rồi. Hơi ấm bốc trên lều
Nhưng trên tường chỉ một khe nứt nhỏ,
Và ngọn gió như sừng trâu hung dữ
Lọt vào nhà, thổi lạnh buốt bên trong.

Trong thơ tôi, cũng thường hay như thế.
Câu thơ sưởi nóng lên, đòi hỏi biết bao công.
Nhưng hơi giá vẫn luồn qua kẽ hở
Chỉ một chữ cong vênh — làm tê giá cả dòng!

Những trái quả của tôi, sau đây tôi phải phân phát cho mọi người. Ở Đaghextan cũng như ở các miền đất khác người ta sẽ nếm chúng, sẽ biết vị ngon ngọt hay đắng chát của chúng. Mùi vị của chúng phải độc đáo, không nên giống mùi vị những thứ quả cây khác.

Tôi nhớ lại hồi nhỏ bố tôi đã dạy tôi bó lúa. Khi tôi tỳ đầu gối lên bó lúa và cố hết sức thít chặt dây, bố tôi liền nhắc:

– Coi chừng đấy, Raxun, không khéo lại bóp nghiền bó lúa đấy!

Bây giờ khi bài thơ làm mãi không song, khi tôi cố nhét vào bài thơ một câu nào đó mà nó cứ tuột ra khỏi bài, tôi bèn cố sức bó bài thơ lại cho xong. Vào giây phút ấy tôi thường nhớ lại lời nhắc nhủ của bố tôi: «Coi chừng đấy, Raxun, không khéo lại bóp nghiền bó lúa đấy».

Mùa màng ngoài cánh đồng mỗi năm thu về một khác. Có năm lúa gặt về nhiều đến mức không đủ nhà kho chứa, rồi sau đó, có khi ba năm liền mùa màng mất trắng. Với tôi cũng vậy — không phải bao giờ cũng gặt hái như nhau. Có lúc tưởng rằng đã cày bừa kỹ càng, gieo hạt tốt, bón nhiều phân, thế rồi lúa mì vẫn không mọc. Lại đành phải đi mua hạt giống tận Úc, tận Canađa về. Chẳng có một thứ phân hóa học nào, dù nhiều hay ít, có thể giúp

ích cho tôi. Khi cây đàn thơ của tôi đã chùng dây, thơ không thể nào tự trong lòng đi ra giấy được.

Biết làm thế nào được? Nếu bất cứ việc gì làm đã bắt đầu là sẽ kết thúc một cách tốt đẹp, thì mọi người lúc nào cũng đã vui vẻ, hoan hỉ. Nếu mùa màng năm nào cũng bội thu thì lúa lúc nào cũng đầy ứ trong kho. Nếu tất cả những gì viết ra trên giấy đều thành bài ca thì mọi người từ lâu đã thôi không nói chuyện với nhau bằng thứ ngôn ngữ đơn giản mà chỉ còn hát với nhau. Nhưng làm ra được các bài ca quả là một việc rất khó.

Tôi đã có dịp đến thăm các nhà máy rượu ở Đaghextan, ở Gruzia, Armênia, Bungari, nhà máy bia ở Plizen. Tôi có cảm giác rằng công việc của nhà thơ và nhà nấu rượu có nhiều điểm giống nhau, có những điểm tế nhị riêng, những bí mật riêng. Bài thơ cũng như rượu cần phải có chất lượng sao cho càng lâu càng nồng. Trong bài thơ hay cũng chứa một cái gì bí ẩn, say lòng người như chất men. Ở những điểm đó, Thơ và Rượu giống nhau.

Thỉnh thoảng ở những làng xa xôi trên miền núi, nơi có cửa hàng, thường ta thấy xe tải chở rượu đến. Người lái xe chở rượu từ Buinắcxcơ đến đã phân phát cho mỗi làng một thùng rượu.

Trông thấy một chiếc xe như vậy, các chàng trai từ mọi ngả trong làng liền đi ngay lập tức đến cửa hàng, bề ngoài có vẻ thong thả, ung dung, nhưng thực ra ai nấy đều sốt ruột. Họ đứng xúm quanh thùng rượu như cừu đứng quanh chỗ những người chăn cừu rắc muối.

Rượu được đóng vào các bình, mọi người bắt đầu nếm, và tất cả đều thất vọng. Nghe thấy tiếng kêu:

– Đây mà lại là rượu à! Nước lã chính cống!

— Hoàn toàn là nước sông múc lên!

— Các ông các bà bán hàng thử nêm coi.

Tôi chẳng liên quan gì đến chuyện này cả, người bán hàng thanh minh. Chính các anh cũng trông thấy người ta chở thùng rượu đến bằng ô tô. Người ta dỡ xuống trước mặt các anh. Chính các anh giúp họ dỡ xuống, dính dáng gì đến tôi? Người ta đem rượu thế nào thì tôi bán như thế. Nếu không thích thì đừng mua!

Hóa ra vị thủ kho ở thành phố, trước khi chuyển rượu xuống huyện đã rút rượu trong bình ra tùy thích, rồi đổ nước lọc vào: «ở dưới huyện thì uống thứ rượu này cũng thích lắm rồi!» Ở kho huyện, trước khi chuyển rượu về các làng, người ta lặp lại y nguyên hành động trên: «Ở các làng thì được rượu này cũng thú lắm rồi!» Dọc đường, những người lái xe và công nhân bốc dỡ lại hút ra mấy lít uống cho ấm người, cho đỡ mệt đường xa, rồi họ lại lấy nước nguồn trong khe núi đổ bù vào; kết quả trong thùng không biết là một thứ rượu bị pha nước hay là một thứ nước bị pha rượu!

Cũng vậy, khi đọc một số bài thơ, không sao biết được cái gì trong đó chiếm nhiều hơn — thơ hay là những lời sáo rỗng. Những bài thơ như vậy là con đẻ của các nhà thơ lười biếng, những người không đủ kiên nhẫn để lao động một cách chuyên cần. Nhưng dòng suối chảy xiết ít khi đổ thẳng ra biển. Kẻ đi bộ lười nhác ít khi đến được Mếcka. Nếu hai kỵ sĩ buộc phải ngồi chung một ngựa, họ phải dựa vào nhau. Tài năng và lao động cũng ngồi chung một ngựa.

A b u t a l í p  n ó i: Tài năng và lao động cần kết hợp trong bài thơ như lưỡi dao găm với vỏ bao.

Rút trong sổ tay. Dạo ấy tôi hay chạy chơi ngoài trời hơn là ngồi ở nhà. Tôi đang học trong trường, nhưng đã bắt đầu làm thơ. Tôi không đủ kiên nhẫn để làm thơ, để đọc sách, hay để làm bài tập thầy giáo cho về nhà. Tôi không sao ngồi lâu bên bàn được. Chỉ một lát sau, tôi dã nhấp nhỏm, sau đó đứng dậy, rồi hễ có dịp là chạy ra ngoài. Đến bây giờ tôi cũng chưa lấy gì làm kiên nhẫn lắm và khó ngồi mãi một chỗ.

Có lần, sau khi bắt tôi ngồi vào bàn để học bài hay làm thơ gì đó, bố tôi ra ngoài nhà một lát. Cửa chưa kịp đóng hẳn sau lưng bố tôi, tôi dã đứng phắt dậy và trèo lên mái nhà. Nhìn thấy thế, bố tôi gọi mẹ tôi:

– Đem cho tôi sợi dây treo trên cái đinh ấy.

— Để làm gì?

Tôi muốn trói thằng Raxun vào ghế, nếu không thì nó chẳng làm nên trò trống gì sau này đâu. — Bố tôi lẳng lặng, bình thản trói chặt tôi vào ghế, khẽ gõ gõ vào trán tôi và chỉ lên trang giấy: - Mày hãy chuyển các thứ trong đầu mày sang tờ giấy này.

Nếu bây giờ có ai, cho dù là thỉnh thoảng thôi, trói nhà văn chúng ta vào cạnh bàn như thế!

Đầu chắc vẫn làm việc, nhưng nếu đầu làm việc mà tay không làm gì thì điều này cũng giống như cái cối xay quay mà không phải nghiền một tý hạt nào để ra bột.

Câu chuyện về Sangrây, con trai ông và 5 rúp. Trước đây ít lâu, ở Khunzắc có một người tên là Sangrây, ông ta khá sung túc, được mọi người vì nể. Ông chỉ có một đứa con trai duy nhất nên chiều chuộng đủ điều khiến nó trở nên lười nhác, nay đòi cái này mai đòi cái nọ. Người bố muốn con trai ông cũng làm việc

như mọi người trong làng để thành một người chân chính. Nhưng anh con trai không muốn làm việc. Họ hàng, bè bạn đều chiều chuộng anh. Người cho ngựa, kẻ cho quần áo, người cho tiền, kẻ cho dao găm.

Một lần, Sangrây bị ốm nặng. Thuốc thang bao nhiêu cũng không khỏi. Họ hàng, bè bạn đều vây quanh ông.

- Chúng tôi phải làm gì để chữa cho ông khỏi bệnh?

- Tôi biết rằng tôi có thể khỏi bệnh, nhưng các anh không thể giúp được tôi đâu.

Cách gì làm ông khỏi được bệnh thì dù khó đến đâu chúng tôi cũng làm bằng được.

— Nếu con trai tôi đem về cho tôi được 5 rúp do chính tay mình làm ra và nói: «Bố ơi, bố cầm lấy đi, tiền này của bố đây», thì tôi sẽ hết ốm.

Hai ngày sau, người con trai trở về và chìa 5 rúp ra:

— Bố ơi, bố cầm lấy tiền này đi, con thả bè gỗ trên suối Kôixu kiếm được đấy.

Người bố nhìn lên tờ giấy bạc, nhìn con trai rồi ném vào lửa. Người con trai đứng ngây ra. Mặt anh ta tái mét như vừa bị ai tát.

Thực ra 5 rúp đó là do người chủ đem cho khi ông này nghe được nguyện vọng của Sangrây và quyết định giúp chàng trai.

Vài ngày sau, người con trai lại về và lại chìa tiền ra cho bố:

— Con đến Gunip làm đường mới, kiếm được số tiền này đấy.

Người bố nhìn lên tiền, nhìn lên người con, vò tờ giấy bạc rồi ném qua cửa sổ.

Người con trai đứng yên không nhúc nhích. Hóa ra số tiền đó là do một người bạn của người bố đem cho.

Lần thứ ba người con trở về, lần thứ ba đưa tiền cho bố. Ông không nhìn con, cầm tờ giấy bạc và xé luôn làm đôi. Người con trai nhanh như cắt, vồ lấy nhặt tờ giấy bạc bị xé vội vàng dán ngay lại. Anh ta kêu lên:

— Không phải con cọ rửa chuồng ngựa ở Pêtrốpxcơ và kiếm được tiền này để bố xé như xé một miếng giấy lộn đâu. Tay con đã chai sần rồi đây này.

Bây giờ thì bố thấy đây đúng là tiền của con kiếm ra!

Sangrây bỗng cảm thấy vui vẻ, khoan khoái, ông thấy người khỏe dần và ít lâu sau thì hết bệnh.

Vậy là chỉ cái gì do chính sức lao động của mình làm ra mới thật là có giá trị.

Có lẽ thơ cũng vậy thôi. Nếu tự anh phải dằn vặt khổ sở để làm được một bài thơ thì anh sẽ cảm thấy quý từng chữ, từng dấu phẩy trong đó. Nếu anh vay mượn hay nhặt nhạnh được ý tứ ngoài đường mà làm ra thơ thì đó không thể là bài thơ có giá trị.

Nếu muốn ăn cá thật ngon thì hãy đi đến hồ và tự tay bắt nó. Chim ưng bay ngược gió, cá ưa bơi ngược dòng. Nhà thơ làm thơ khi đón nhận những cảm xúc mạnh mẽ, những cảm xúc nhiều khi không phải là niềm sung sướng mà là nỗi đau. Có lần Abutalip đã kể cho tôi nghe một chuyện ý nghĩa tương tự như vậy.

Câu chuyện về những người thợ gốm Bankhar, về những cái vại của họ và về những người mua xấu tính. Những người làm đồ gốm miền Bankhar xếp hàng của mình vào những chiếc sọt

lớn, chất sọt lên lưng lừa, lưng la rồi đi đến thành phố để bán. Trên đường, họ gặp mấy chàng trai tinh nghịch ở làng bên.

—Các bác đi đâu đấy?

—Đi bán đồ gốm đây.

—Giá cả thế nào?

Thứ nhỏ 20 kôpếch thứ to 5 kôpếch.

—Sao vậy?

Vì thứ nhỏ khó làm hơn thứ lớn.

Mấy chàng trai tinh nghịch mua hết mấy sọt đầy vại gốm.

—Các anh dùng hàng chúng tôi sẽ thích lắm đấy,— mấy người thợ gốm vừa nói vừa quay lừa trở về lối cũ. Chúng tôi làm hàng cẩn thận lắm đó. Đến đời con, đời cháu những chiếc vại này cũng chưa hỏng đâu.

Lên đến đỉnh đèo, mấy người thợ gốm dừng lại nghỉ. Từ trên cao họ nhìn xuống con đường vừa đi và bỗng muốn biết bây giờ mấy chàng trai mua hàng lúc này đang làm gì. Mấy chàng trai xếp các thứ vại lớn nhỏ ra bên bờ vực, đứng lùi lại hai mươi bước rồi bắt đầu lấy đá ném. Chắc là họ đang thi nhau xem ai đánh vỡ được nhiều hơn.

Những chiếc vại vỡ tan, mảnh văng xuống vực. Các chàng trai lấy làm thích chí lắm.

Mấy người thợ gốm như nghe thấy hiệu lệnh, nhất loạt chạy bổ xuống phía mấy tên mất dạy, tay lăm lăm dao găm.

—Các anh làm gì vậy, đồ xấu thói! -Họ kêu ầm lên.—Các anh mua toàn thứ hàng tốt để mà đập phá thế hả?... Lương tâm các anh để đâu?

— Sao các ông lại nổi cáu thế? — Mấy chàng trai ngơ ngác hỏi. — Các ông bán, chúng tôi mua, tiền các ông lấy đủ, bây giờ vại là của chúng tôi, chúng tôi muốn dùng sao thì dùng, mắc mớ gì tới các ông? Muốn đập thì đập, muốn đem về nhà thì đem, muốn vứt lại đây cũng được.

Những chiếc vại này các anh không mất công mất sức làm ra. Phải khó nhọc bao nhiêu chúng tôi mới biến đất sét thành vại, thành bình thế này được. Chúng tôi phải đặt cả lòng mình vào đấy, nó mới được đẹp thế, để mọi người nhìn ngắm. Chúng tôi nghĩ rằng sản phẩm của chúng tôi sẽ giúp ích cho mọi người, làm vui lòng ai mua nó. Bán hàng cho các anh, chúng tôi tưởng các anh sẽ dùng chúng để đựng rượu đãi khách, để múc nước nguồn, để trồng hoa, cây cảnh. Thế mà các anh thật bất lương, đem ném vỡ vụn chúng ra, làm như vậy khác nào các anh dẫy xéo lên tim chúng tôi, quăng xuống vực mọi ước muốn của chúng tôi. Các anh ném đá vào đồ gốm của chúng tôi khác nào bọn trẻ con ngu ngốc ném đá vào những con chim hót hay.

Mấy người thợ gốm nhất quyết đòi lại những chiếc vại chưa bị ném vỡ và quay trở về nhà.

Nỗi tức giận của mấy người thợ gốm thật dễ hiểu với những ai tự tay mình lao động, đặt vào đó tất cả tấm lòng và nâng niu thành quả lao động của mình. Abutalip kết thúc câu chuyện kể của mình như vậy.

Không hiểu sao câu chuyện của Abutalip làm tôi chợt nhớ khi nhìn thấy các cô gái làm nghề mò ngọc trai ở nước Nhật-bản xa xôi. Các cô gái trẻ khỏe lặn sâu xuống đáy biển, và khi hầu như đã hết hơi, còn kịp nhặt bỏ vào

chiếc rọ buộc ở đùi vài con trai. Một con trai nào đó có thể sẽ có ngọc. Nhưng cần phải chọn hàng ngàn con trai may ra mới kiếm được một con có ngọc. Vậy là sẽ phải lặn ngụp bao nhiêu lần, phải chọn bao nhiêu ngàn con trai để có thể làm ra được một chuỗi hạt trai?

Liệu nhặt nhạnh những lời hay ý đẹp giữa vô vàn những câu chữ bình thường để làm ra được chuỗi hạt — bài thơ có dễ dàng hơn không?! Mọi từ ngữ bình thường, mọi sự kiện, cảm xúc, tất cả kinh nghiệm đời — đó là cả một đại dương chứa đựng vô số những con trai. Và thật là nặng nề, khó nhọc biết bao công việc của người mò ngọc khi phải liên tục lặn xuống đáy biển sâu, nghìn, vạn lần! Cần phải có sức khỏe, có lòng kiên nhẫn, sự khéo léo, khát vọng đi tìm và sức chịu đựng đến thế nào. Cần phải có kết quả nữa. Lòng kiên nhẫn của người mò ngọc, lòng kiên nhẫn của người thợ chạm bạc — phẩm chất đó gắn liền với tài năng, tất cả cái đó chính là tài năng và lao động kết hợp lại.

Muốn câu thơ còn có thể đi xa
Tôi phải học rất nhiều, lúc vui đùa, khi nghiêm khắc.
Học ở những nghệ nhân Kubatri lòng kiên nhẫn.
Và những bác thợ cả trong làng lòng tận tụy với nghề.

Những phép tắc mà người dân miền núi nào cũng biết.

Đừng gả chồng cho con gái khi chưa đến tuổi trưởng thành!

Đừng cởi giầy khi chưa đến bờ suối!

Đừng đặt nồi lên bếp để luộc thịt khi thú còn ở trong rừng chưa bắn được!

Con cáo lông đen không thuộc về người nhìn thấy mà thuộc về người bắt được nó!

Hồi ức.

Tôi không muốn kể cho mọi người nghe câu chuyện dưới đây vì thực ra chuyện đó chẳng có gì đáng khoe khoang. Nhưng nếu tôi đã tuần tự kể bao nhiêu chuyện rồi thì kể nốt cũng không sao. Không phải ngẫu nhiên ở vùng núi người ta thường nói: «Nếu đã ướt đến rốn thì cho ướt luôn», hoặc: «Nếu đã tháo bao tải ra thì hãy rũ hết xem trong đó có gì».

Cuốn sách mà tôi đang viết đây đáng lẽ đã hoàn thành từ lâu, nếu không xảy ra sự cố kỳ cục mà tôi quyết định sẽ kể bây giờ.

Nếu cuốn sách đã bắt đầu viết mà tôi lại cần đi đâu đấy thì tôi mang theo luôn bản thảo. Thế là bản thảo của tôi đã cùng tôi chu du nhiều nước xa xôi. Tất nhiên tôi mang bản thảo theo không phải chỉ để mang: vì bao giờ cũng có thể có những buổi sáng rỗi rãi, khi có thể ngồi yên trong khách sạn, suy ngẫm và viết tiếp một vài trang. Cuốn sách này cũng đã theo tôi đi qua nhiều đại dương, lục địa.

Một lần đi từ Bruytxen trở về, tôi dừng lại ở khách sạn «Maxcơva», trên tầng tám. Phải nói ngay rằng đối với tôi thì đây không chỉ đơn thuần là khách sạn mà như là ngôi nhà thứ hai của tôi. Có lẽ tôi đã ở đây đến nửa đời mình, nếu chỉ tính từ khi tôi trở thành nhà văn và hay phải đến thủ đô vì nhiều việc khác nhau.

Tất cả các nhân viên hành chính, trực nhật các tầng, các nhân viên phục vụ đều rất quen tôi, và tôi cũng biết họ. Bạn bè tôi ở Maxcơva đều biết tôi bao giờ cũng ở khách sạn «Maxcơva» nếu có dịp dừng lại đây. Trong số

bạn bè ấy quá tình cũng có một số người mà cái tin «Raxun ở Maxcơva» đồng nghĩa với dịp may đến chơi Raxun vì không biết làm gì khác.

Tôi chưa kịp tắm rửa thì chuông đã reo, đã nghe thấy tiếng gõ cửa, và chỉ lát sau trong phòng đã chậtních người, không còn biết ngồi vào dâu, đứng vào đâu nữa. Làm thế nào được, tuy phòng khách sạn không phải là ngôi nhà vùng quê, nhưng theo phong tục từ xưa, chỉ đến ngày thứ ba, những người miền núi chúng tôi mới hỏi tên các vị khách. Và bởi vì không có ai ở đây đến ngày thứ ba nên nhiều vị khách đến thăm, tới bây giờ tôi cũng chưa biết tên.

Vậy là có lần từ Bruytxen trở về, tôi dừng lại khách sạn Maxcơva như thường lệ, và cũng như thường lệ, phòng tôi rất đông khách. Một số người đến để mừng tôi mới từ nước ngoài trở về, một số người đến để chúc tôi lên đường đi về quê may mắn, một số người khác nữa thì chẳng biết đến để chúc tôi cái gì. Có người tôi mời đến, có người tự đến không cần tôi mời.

Họ nêu tên một vài người để khen ngợi ầm ĩ rồi cùng nhau uống rượu nhân chuyện đó; họ nêu tên vài người khác để chửi rủa, chê bai rồi cũng lại uống rượu nhân chuyện đó. Nói rồi nâng cốc. Cười cười rồi lại uống. Hát hỏng dăm ba bài rồi lại nâng cốc. Căn phòng đầy đặc khói thuốc, hệt như có ai đốt đống củi ướt dưới gầm giường hay gầm bàn.

A b u t a l i p  n ó i, có ba trường hợp làm ông chóng già.

Trường hợp thứ nhất: mọi người được mời ăn đã đến, chỉ còn phải chờ một người đến muộn.

Trường hợp thứ hai: khi vợ đã dọn cơm ra mà cậu con trai sai đi mua rượu chưa thấy về.

Trường hợp thứ ba: khi khách đã về hết, chỉ còn lại một vị suốt buổi ngồi im như thóc, bỗng dừng lại nơi ngưỡng cửa và bắt đầu nói huyên thuyên dường như để bù lại những giờ im lặng, dường như không biết bao giờ mới ngừng.

Dù mệt đến thế nào, dù giấc ngủ trĩu nặng trên mi, chủ nhân vẫn phải nghe những lời nói lẩm cẩm. Chủ nhân cố đồng ý với mọi điều anh ta nói, chỉ mong sao cho anh ta chấm dứt và ra về. Nhưng sự tán đồng của chủ nhân hóa ra lại khích lệ anh ta thêm hăng hái dốc bầu tâm sự.

Có một vị khách như thế đã đến phòng tôi buổi tối hôm ấy, cái buổi tối đã kết thúc một cách khủng khiếp mà bây giờ tôi kể lại. Khi mọi người đã về hết, vị khách say mềm này bá vai bá cổ tôi, vứt những mẩu thuốc lá hút dở ra khắp phòng, bạ đâu cũng dụi điếu thuốc, vào thành ghế, vào rèm cửa, vào valy, vào giấy tờ đặt trên bàn tôi.

Thoạt đầu anh ta khen tôi, tôi cũng đồng ý với anh ta. Sau đó anh ta tự khen mình, tôi cũng đồng ý. Rồi anh ta khen vợ mình, tôi cũng gật gù. Cuối cùng, anh ta chuyển sang chửi bới tôi, thêu dệt đủ thứ chuyện ngu xuẩn về tôi, tôi cũng đành chấp nhận. «Chắc anh ta sắp tự chửi rủa mình, rồi chửi rủa vợ mình cho mà xem», - tôi kinh hoàng nghĩ. Nhưng đến đúng chỗ theo lôgic của sự việc anh ta phải bắt đầu chửi bới mình thì vị khách của tôi bất ngờ hấp tấp trở về căn phòng mình thuê để ngủ. Quả tình, để sự ra về của anh ta không làm tôi quá rầu rĩ, anh ta hứa ngày mai sẽ lại đến chơi.

Đôi khi người ta vẫn nói: từ phía nào khách trông cũng đẹp, tuy vậy phía đẹp nhất của khách vẫn là lưng. Đến lần đó tôi mới hiểu hết ý nghĩa của câu ngạn ngữ đó. Cái lưng của vị khách ra về đối với tôi thật là đẹp tuyệt. «Ôi, thế là mọi điều bất hạnh của buổi tối này đã qua, - tôi thở dài nhẹ nhõm, - và bây giờ thì có thể ngủ yên được rồi». Tôi vội vàng khóa trái cửa, chui nhanh vào chăn và ngủ thiếp ngay. Tôi ngủ say như khi người ta vẫn ngủ dưới hàng hiên lúc trời mưa, trên mình chỉ đắp chiếc áo khoác. Tôi nằm mơ thấy mình nằm dưới tấm áo khoác, bên cạnh đống lửa, giữa những người chăn cừu. Họ đặt thêm củi vào đống lửa. Lửa bốc khói, khói xông lên mắt tôi, xông vào mũi cay sè. Sau đó tôi như rơi vào trong lò nướng nóng dẫy, toàn mùi lửa. Tiếp đấy, tôi mơ thấy mình cùng bạn bè chủ nhật đi chơi ngoài thành phố và nướng chả cừu thơm phức.

Tôi bừng tỉnh vì khói xông vào mắt nhiều đến mức không chịu nổi. Tôi chồm dậy, không nhìn thấy gì hết. Trong phòng, khói dày đặc, phía gần cửa còn có cái gì đang cháy thành ngọn lửa. Lao về phía ngọn lửa, tôi trông thấy chiếc vali của mình đã cháy gần hết.

Trên chiếc vali đó tôi đã dán nhãn hiệu của nhiều khách sạn thượng hạng trên thế giới. Tôi đã xách nó theo đến bao nhiêu nước rồi! Đã trót lọt đi qua bao nhiêu ải hải quan! Thật ra thì trong vali cũng chẳng có gì quốc cấm, nhưng đôi khi một chai rượu ngoại quốc, một bao thuốc lá cũng có thể làm nhân viên hải quan không thích thú lắm. Hay có khi trong vali là đôi ba cái áo len mua về cho vợ.

Vậy là chiếc vali chưa từng lần nào bị «cháy» qua bao chặng hải quan, cuối cùng lại bị cháy ngay trong căn

phòng bình yên của khách sạn «Maxcơva».

Tôi vội vàng túm lấy mảnh vali đang cháy đó, ném vào bồn tắm và vặn nước xuống. Khói lại bốc lên nghi ngút. Tôi thấy đôi tay mình, và hình như cả mặt nữa bỏng rát, nhưng còn cần phải dập tiếp lửa trên ghế vừa đặt vali, dập tắt lửa thảm trải nhà và rèm cửa. Tôi lao tới máy điện thoại gọi người trực nhật tầng.

— Tôi bị cháy! bị cháy! – Tôi thét to vào ống nói. – Cứu tôi nhanh lên!

Nhưng bà trực nhật chắc tưởng là tôi không thể bốc cháy vì ngọn lửa nào khác ngoài ngọn lửa tình yêu — mà trong trường hợp này là cháy vì tình yêu đối với bà. Bà bình thản nói với giọng dịu dàng của một người mẹ:

Đủ rồi Raxun, đi ngủ đi. Đến sáng là mọi chuyện qua hết.

Ôi, những người phụ nữ! Đã bao lần tôi nói đùa với họ rằng tôi đang bị cháy lên, thì họ đã tin ngay và tới giúp đỡ tôi. Còn bây giờ, khi duy nhất trong đời tôi bị rơi vào lửa thật thì không ai tin tôi.

Giống như một lính chữa cháy thuần thục, tôi một mình chiến đấu với ngọn lửa. Cuối cùng thì tôi đã dập tắt được lửa trên thảm, trên ghế, nơi rèm, và cả những ván gỗ sàn nhà vừa bén lửa. Tôi đã thắng lửa, nhưng trước khi đạt được chiến công đó, lửa đã gây ra cho tôi nhiều thiệt hại.

Chắc là vị khách say rượu đã dụi mẩu thuốc cháy dở vào vali, và mọi chuyện bắt đầu từ đó. Quần áo tôi, quà cáp mang từ Bruytxen về, tất cả đều bị cháy. Bộ phận hành chính của khách sạn đã lập biên bản định giá các thiệt hại về thảm trải, ghế ngồi, rèm treo cửa, và tôi đã nhận được

một khoản thanh toán kếch sù đến kinh người. Bản thân tôi phải vào nằm bệnh viện. Tôi gọi điện về nhà cho vợ và nói rằng tôi phải ở lại Maxcơva vì một vài việc quan trọng. Tôi cũng chưa nghĩ ra việc cụ thể gì để nói với vợ nên hẹn rằng sẽ còn gọi điện về lần nữa. Thế đấy, một mẩu thuốc lá cháy dở đã gây cho tôi biết bao thiệt hại.

Nhưng tôi xin nói với các bạn rằng những thiệt thòi đó chỉ là vặt vãnh so với tai họa tầy đình mà tôi đã phải chịu. Ở đáy vali là bản thảo cuốn sách mà tôi đã viết, đã sửa suốt hai năm trời...

Người ta vẫn thường nói: con cá to nhất là con cá nhảy ra ngoài lưới, con dê rừng béo nhất là con bắn trượt, người đàn bà đẹp nhất là người đã bỏ anh mà đi.

Nhiều trang bản thảo của tôi đã cháy trụi! Bây giờ tôi có cảm tưởng đó là những trang hay nhất của tôi.

Hơn nữa, con cá nhảy ra khỏi lưới không phải là của tôi. Con dê rừng bắn trượt không phải của tôi. Người đàn bà bỏ đi cũng không phải của tôi. Nhưng những trang bản thảo bị cháy thì lại là của tôi. Tôi đã nghĩ ra chúng, đã dằn vặt, khổ sở vì chúng. Đã bao đêm tôi mất ngủ, đã bao ngày tôi mất công mất sức vì những trang viết ấy. Vì vậy mà mất những trang ấy, tôi khổ tâm vô cùng. Vì vậy mà tôi nghĩ đó là cuốn sách hay nhất của tôi.

Tôi lập tức cảm thấy mình trơ trọi như một cánh đồng mới gặt mà người ta đã đem hết các bó lúa về nhà hay như một bó lúa cuối cùng mà người ta để quên ngoài đồng.

Mỗi một chữ trong những trang bị cháy tôi đều có cảm giác là một viên ngọc. Các dòng chữ trong đó lấp lánh trong trí tưởng tượng của tôi như một chuỗi hạt trai.

Tôi bị choáng váng đến mức hai năm liền tôi không thể ngồi viết lại cuốn sách bị cháy. Và khi đã bình tâm trở lại ngồi viết thì tôi hiểu rằng tôi có thể viết về những điều na ná như trước, nhưng phục hồi hoàn toàn những trang ấy là điều không sao làm được.

Cũng hệt như đôi vợ chồng nào đó bị mất đứa con yêu, ít lâu sau họ lại sinh được đứa bé khác và cũng yêu đứa bé này không kém, nhưng nó vẫn là một đứa bé khác, không phải là đứa mà họ đã mất.

Người ta thường nói thơ rất sợ nước. Thơ là lửa, và sáng tác của nhà thơ là sự cháy lên. Phải rồi, tất nhiên thơ không thể là nước lã. Nhưng cầu trời phù hộ cho thơ khỏi phải chịu ngọn lửa như bản thảo của tôi đã gặp phải trong căn phòng khách sạn.

Nhà Abutalíp đã bị mất trộm như thế nào. Tôi cũng không biết chuyện xảy ra thế nào, vì sao hôm ấy lại không có ai ở nhà và kẻ nào đã lọt vào, chỉ biết là có lần nhà Abutalíp bị mất trộm. Mọi người vội vã kiểm lại xem mất những gì: đồng hồ vàng của con gái không còn, nhẫn vàng bị mất, đôi hoa tai và mấy đồ trang sức không còn. Quần áo, giày dép, bành tô, tiền nong mất sạch... Vợ của Abutalíp gần như ngất xỉu, con gái ông thì gieo mình xuống sập khóc nức nở. Còn Abutalíp thì đi sang buồng bên cạnh, ngồi xuống sàn nhà và bắt đầu thổi kèn zurna.

Bà vợ chạy bổ sang kêu rầm lên:

— Khổ nhục thế mà anh còn thổi kèn ư, chạy đến công an mà báo chứ còn chờ gì nữa!

Gì mà khổ! Thơ của tôi vẫn nguyên chỗ cũ. Giấy má của tôi vẫn nằm nguyên si trên bàn. Bọn trộm không

sờ đến chúng. Thế thì việc gì tôi phải buồn!

Ai cần đến cái thứ thơ của anh, lại còn viết bằng tiếng Lắc nữa chứ!

— Ồ, bà không biết gì đâu! Có những người gọi là nhà thơ hẳn hoi thế mà chỉ chuyên đi ăn cắp thơ người khác. Nhờ trời thơ tôi vẫn còn nguyên. Cả năm trời nay, tôi đã mất bao công sức để làm những bài thơ đó, nếu tôi bị mất thì đó mới thật là điều khổ sở. Hơn nữa cây kèn zurna cũng không mất. Thế thì báo sao tôi lại không mừng mà thổi lên vài bài?

Không để ý đến những tiếng kêu gào của vợ và con gái, Abutalip tiếp tục thổi kèn.

É f e n đ i  K a p i ê p kể cho tôi. Có lần vào một ngày hè đẹp trời, Xulâyman Xtanxki nằm trên mái nhà nhìn lên trời. Chung quanh chim hót, suối reo. Mọi người đều tưởng là Xulâyman đang nằm nghỉ. Vợ ông cũng nghĩ như vậy. Bà trèo lên mái nhà và gọi ông xuống.

Món khinkal đã dọn ra bàn rồi. Đến giờ ăn thôi!

Xulâyman không trả lời và thậm chí cũng không quay đầu lại.

Một lúc sau, bà Aina lại lên gọi chồng lần thứ hai:

— Khinkal nguội tanh nguội ngắt rồi, chốc nữa thì chỉ còn có đổ đi thôi!

Xulâyman nằm yên không nhúc nhích.

Bà vợ bèn mang thức ăn lên mái nhà cho Xulâyman, để nếu ông muốn thì ăn luôn ở trên đó. Bà đưa thức ăn cho ông và nói:

Từ sáng đến giờ ông đã ăn gì đâu. Ông thử nếm xem món khinkal này tôi nấu cho ông ngon lành thế nào.

Xulâyman nổi cáu. Ông chồm dậy và quát bà vợ mắn cán:

— Lúc nào bà cũng quấy rầy tôi, không cho tôi làm việc!

— Ông đang nằm nghỉ, có làm việc gì đâu. Tôi cứ tưởng...

— Không, tôi đang làm việc. Đừng quấy rầy tôi nữa!

Quả thật là hôm đó, Xulâyman đã làm được một bài thơ mới.

Vậy là nhà thơ làm việc ngay cả khi nằm ngửa nhìn trời.

Nhà thơ viết tặng vợ bài thơ:
«Em là ánh sáng của anh, là ngôi sao, là bình minh hé rạng...
Anh cảm thấy ngọt ngào khi có em bên cạnh
Anh cảm thấy đau buồn khi không được nhìn em!»

Nhưng đến khi bà vợ    ngôi sao và ánh sáng —
Vừa mới bước qua ngưỡng cửa, lại gần,
Thì nhà thơ la lên: «Trời ơi, em lại đến,
Để anh làm việc đi! Anh đang bận quá chừng!»

Bố tôi kể cho tôi. Có lần, nhà thơ tình vĩ đại Makhơmút đến chơi nhà một người đáng kính. Mấy người khách khác cũng đến. Suốt tối cho tới khuya nhà thơ đã cho mọi người thưởng thức những bài thơ tuyệt diệu. Sau đó ai nấy đều đi ngủ. Người ta dành căn buồng đẹp nhất cho Makhơmút. Chủ nhân đặt sẵn chậu nước cho ông rửa mặt, chúc ông ngủ ngon và đi ra.

Sáng sớm, sợ Makhơmút ngủ quá giờ cầu nguyện buổi sớm, chủ nhân rón rén ghé nhìn vào buồng Makhơmút. Ông trông thấy nhà thơ không hề nằm ngủ. Ngồi quỳ trên tấm thảm, ông đang làm thơ, lẩm nhẩm đọc.

Makhơmút, đến giờ cầu nguyện buổi sáng rồi, ông gác thơ ca lại đi đã!

Đây chính là lời cầu nguyện của tôi, — Makhơmút trả lời.

Vậy là nhà thơ làm việc ngay cả lúc cầu nguyện.

Rút trong sổ tay. Bây giờ tôi sẽ kể chuyện về một nhà thơ Avar. Tôi sẽ không nêu tên anh. Tôi không muốn các bạn sẽ chỉ trỏ vào anh ta mà cười. Vì ở đây cũng có điều đáng buồn cười.

Nhà thơ lấy vợ. Đám cưới được tổ chức. Khách khứa đã về hết, trong căn phòng dành riêng cho đêm tân hôn, chỉ còn lại hai vợ chồng mới cưới. Cô dâu đã nằm lên giường và chờ chú rể. Tuy vậy, thay vì đến bên giường cô gái, anh ta ngồi vào bàn và bắt đầu làm thơ. Anh làm thơ suốt đêm và đến sáng thì làm xong một bài thơ tràng giang đại hải về tình yêu, về người vợ mới cưới, về đêm tân hôn.

Liệu chúng ta có nên rút ra kết luận: «Vậy là nhà thơ làm việc cả vào đêm tân hôn» không? Nếu tôi cũng làm việc như nhà thơ Avar đó thì có lẽ tôi đã cho in được một số thơ nhiều gấp 50 lần số thơ tôi đã có. Nhưng tôi cho rằng đó sẽ là những bài thơ giả tạo.

Người nào ngồi vào bàn làm việc khi vợ mới cưới đang nóng lòng được âu yếm, người nào không gạt giấy bút sang một bên khi có cô gái xinh đẹp ngồi cạnh, thì người đó, theo tôi, chỉ là một kẻ giả đạo đức. Cho dù anh ta có viết nhiều hơn lên 10 lần, 20 lần, thì trong ngần ấy trang giấy sẽ không có được một chút chân thành nào.

Đúng, cần phải làm việc! Có một nhà thông thái

nằm dưới gốc cây chờ táo rơi vào mồm. Và táo vẫn còn nguyên trên cây.

Nhưng có lẽ đối với nhà thơ, cần thiết nhất là sự chân thành. điều này cần hơn cả sự làm việc. thậm chí cần hơn cả tài năng. Sự chân thành trước mọi người và trước chính mình.

Người ta nói: Người dũng cảm hoặc là ở trên yên, hoặc là ở dưới đất.

Người ta nói:

Điều gì ghê tởm nhất, kỳ cục nhất trên đời này?
Một người đàn ông run lên vì sợ.
Còn điều gì ghê tởm hơn, kỳ cục hơn thế không?
-- Một người đàn ông run lên vì sợ.



## SỰ THẬT. LÒNG DŨNG CẢM

Những người Avar kể chuyện. Đời này sang đời khác, Sự Thật và Giả Dối luôn đi cạnh nhau. Đời này sang đời khác, chúng tranh cãi nhau xem ai cần hơn, có ích hơn, mạnh hơn. Giả Dối nói — Ta. Sự Thật cũng nói —Ta. Cuộc tranh cãi vẫn chưa chấm dứt.

Một lần, cả hai quyết định đi khắp thế gian nhờ mọi người phân xử. Giả Dối chạy lên trước theo những con

đường nhỏ ngoằn ngoèo, gặp khe nào cũng dòm, gặp lỗ nào cũng ghé mũi ngửi, hang hốc nào cũng chui vào. Sự Thật hiên ngang ngẩng cao đầu, chỉ đi theo những con đường rộng thẳng. Giả Dối luôn miệng cười hô hố, còn Sự Thật thì ra chiều tư lự, đăm chiêu.

Cả hai đã đi qua nhiều con đường, nhiều thành phố làng mạc, gặp gỡ vua chúa, nhà thơ, quan tòa, thương nhân, gặp các người coi tử vi, gặp thường dân. Ở đâu có Giả Dối xuất hiện, ở đấy nhiều người cảm thấy dễ chịu, thoải mái. Họ nhìn vào mắt nhau, cười cười, nói nói, nhưng chính lúc đó họ đang lừa nhau. Và họ cũng biết là họ lừa nhau. Nhưng không sao, họ đều cảm thấy thế là thường tình, và họ chẳng dè dặt gì khi lừa nhau và nói dối.

Đến khi Sự Thật xuất hiện thì nhiều người mặt mày bỗng ủ ê, họ tránh nhìn vào mắt nhau, cúi gầm mặt xuống. Họ cầm lấy dao găm (vì để giành Sự Thật về phía mình), người bị lăng mạ xông tới đánh kẻ lăng mạ, người mua đánh người bán, bần dân đánh lãnh chúa, lãnh chúa đánh đế vương, chồng đánh chết vợ và nhân tình của cô ta. Máu chảy khắp nơi.

Bởi vậy đa số người nói với Giả Dối:

— Đừng bỏ chúng tôi! Anh là bạn tốt nhất của chúng tôi. Với anh, chúng tôi cảm thấy dễ sống hơn bao nhiêu! Còn anh, Sự Thật, anh chỉ làm chúng tôi lo lắng. Anh bắt chúng tôi phải nghĩ, phải đau đớn, phải đấu tranh. Chẳng lẽ số chiến sĩ trẻ trung, số nhà thơ, hiệp sĩ chết vì anh còn quá ít sao?

Anh thấy chưa, — Giả Dối nói với Sự Thật, — tôi cần hơn, hữu ích hơn đối với mọi người. Chúng ta đã

đi qua bao nhà mà đâu đâu người ta cũng đón tôi chứ không phải anh.

- Phải rồi, chúng ta đã đi qua nhiều nơi có người ở. Bây giờ hãy cùng đi lên đỉnh núi! Chúng ta hãy hỏi những nguồn nước trong mát, hỏi những đóa hoa mọc trên triền núi cao, hỏi những làn tuyết trắng tinh đã lấp lánh bao đời nay.

Đỉnh núi là nơi trú ngụ của Vĩnh cửu. Ở đây là nơi nương náu của những sự nghiệp công bằng bất tử của những người anh hùng, những tráng sĩ, các nhà thơ, nhà thông thái, các vị thần, là nơi để lại những ý nghĩ, bài ca và di huấn của họ. Đỉnh núi là nơi trú ngụ của những gì cao cả, những gì không biết sợ sự tất bật, nhỏ nhen của cõi trần.

Không, tôi không đến đấy đâu, Giả Dối trả lời.

- - Sao, anh sợ đỉnh cao ư? Chỉ có lũ quạ mới chui rúc dưới thấp, còn chim ưng bao giờ cũng bay cao hơn đỉnh núi. Chẳng lẽ anh cho rằng làm quạ xứng đáng hơn là chim ưng sao? Phải, tôi cũng biết rằng, chẳng qua là anh run sợ. Nói chung anh là một kẻ nhát gan! Anh sẵn sàng tranh cãi sau bàn tiệc cưới, nơi người ta rót rượu vào cốc anh, nhưng anh lại sợ ra ngoài sân, nơi tiếng lanh canh phát ra không phải là do cốc chén chạm nhau mà tiếng dao kiếm chạm nhau.

— Không, tôi không sợ những đỉnh cao của anh. Nhưng tôi không biết làm gì ở đấy, ở đấy không có người. Vương quốc của tôi ở dưới này, nơi có người ở. Tôi là chúa tể của mọi người. Mọi người đều phải phục tùng tôi. Chỉ có ít người táo bạo chống lại tôi và đi theo con đường của anh. Nhưng những người như vậy ít ỏi thôi.

— Phải rồi, có thể là ít ỏi. Nhưng người ta lại gọi họ là những anh hùng. Và các nhà thơ đã sáng tác về họ những bài thơ hay nhất của mình.

Câu chuyện về nhà thơ duy nhất. Câu chuyện này Abutalíp kể cho tôi. Ở một vương quốc nọ có rất nhiều nhà thơ. Họ lang thang từ làng này qua làng khác hát các bài ca của mình. Người kéo đàn viôlông, người gõ trống, người kéo nhị, người thổi kèn zurna. Quốc vương thích nghe hát vào những lúc công việc rỗi rãi hay không bận bịu vì một lô các bà vợ của mình.

Có lần quốc vương nghe một bài hát nói về sự tàn nhẫn của y, về sự bất công tham lam của y. Quốc vương nổi trận lôi đình. Y ra lệnh tìm bằng được nhà thơ đã làm bài hát nổi loạn đó để đưa vào cung.

Kết quả là không tìm được người làm bài hát đó. Quốc vương bèn ra lệnh các vị đại thần, cho quân hầu cận phải bắt hết các nhà thơ lại. Giống như những con chó săn, quan quân của quốc vương chạy bổ đi khắp làng mạc, đồi núi. Chúng bắt được tất cả những người làm thơ và hát rong rồi tống vào nhà ngục cạnh hoàng cung. Sáng sớm, quốc vương cho gọi các nhà thơ vừa bị bắt và nói:

Bây giờ mỗi người hãy hát cho ta nghe một bài do mình làm.

Các nhà thơ lần lượt hát những bài ca ngợi quốc vương, ca ngợi trí tuệ minh mẫn, trái tim phúc hậu của y, ca ngợi những người vợ tuyệt đẹp, sức mạnh vô địch, sự vĩ đại và vinh quang của quốc vương. Họ hát rằng chưa từng bao giờ trên trái đất này có một quốc vương vĩ đại đến thế, anh minh đến thế.

Quốc vương lần lượt thả các nhà thơ. Cuối cùng

trong tù chỉ còn lại ba nhà thơ không chịu hát một bài nào. Người ta khóa trái xà lim giam họ và ai cũng tưởng là quốc vương đã quên.

Tuy nhiên, ba tháng sau, quốc vương gặp họ và nói:

- Nào bây giờ có ai hát cho ta nghe bài nào không?

Một trong ba người đó bèn lập tức hát ngay một bài ca ngợi quốc vương, ca ngợi trí tuệ minh mẫn, trái tim phúc hậu của y, ca ngợi những người vợ tuyệt đẹp, sức mạnh vô địch, sự vĩ đại và vinh quang của quốc vương. Anh ta hát rằng chưa bao giờ trên trái đất này có một quốc vương vĩ đại đến thế, anh minh đến thế.

Nhà thơ này liền được tha. Hai người không chịu hát bị dẫn đến bên đống lửa được chuẩn bị từ trước ngoài quảng trường.

— Bây giờ chúng mày sẽ bị hỏa thiêu, — quốc vương nói. Lần cuối cùng ta nói: hãy hát cho ta nghe một bài nào đó.

Một trong hai người không chịu nổi bèn cất tiếng hát ca ngợi quốc vương, ca ngợi trí tuệ minh mẫn, trái tim phúc hậu của y, ca ngợi những người vợ tuyệt đẹp, sức mạnh vô địch, sự vĩ đại và vinh quang của quốc vương. Anh ta hát rằng chưa từng bao giờ trên trái đất lại có một quốc vương vĩ đại đến thế, anh minh đến thế.

Nhà thơ đó liền được tha luôn. Chỉ còn một nhà thơ cuối cùng vẫn không chịu hát.

– Trói nó vào cột, nổi lửa thiêu nó ngay! - quốc vương ra lệnh.

Bỗng nhà thơ bị trói vào cột kia cất tiếng hát bài hát nói về sự tàn bạo, tham lam, bất công của quốc vương, bài hát đã dẫn đến câu chuyện này.

— Cởi trói anh ta mau lên, gạt lửa ra, gạt ngay ra! — quốc vương thét lên. — Ta không muốn mất đi nhà thơ duy nhất còn trên đất nước ta!

— Tất nhiên là khó có nơi nào vị quốc vương lại khôn ngoan, cao thượng biết phục thiện như thế, Abutalip kết thúc câu chuyện của mình. — và quả thật cũng ít có những nhà thơ như thế!

Bố tôi kể. Có lần, những người thân cận hỏi đức vua Samin:

Xin bệ hạ giải thích dùm cho vì sao bệ hạ lại cấm mọi người làm thơ và hát các bài đó?

Samin trả lời:

Ta muốn chỉ còn lại toàn là nhà thơ chân chính mà thôi. Vì những nhà thơ chân chính vẫn sẽ làm thơ. Còn những kẻ vô lại, lừa dối, giả đạo đức tự gọi mình là nhà thơ tất nhiên sẽ sợ hãi lệnh cấm của ta, hèn nhát mà im lặng không dám làm thơ nữa.

-Xin bệ hạ giải thích thêm điều này nữa, vì sao bệ hạ ném thơ của Xait Arakanxki xuống sông?

Những bài thơ chân chính không thể nào ném xuống sông được, chúng sống trong lòng mọi người. Còn nếu bài thơ nào chỉ có giá trị ngang với tờ giấy ghi lại nó, cũng đáng ném xuống sông. Xait Arakanxki nên làm một việc gì khác có ích hơn là làm ra những bài thơ nhạt thếch mà dòng sông có thể cuốn đi được.

Người ta kể: Khi nhà thơ vĩ đại Makhơmút chết, bố ông trong cơn buồn cùng cực đã cầm cả va li đựng bản thảo thơ của Makhơmút ném vào lửa.

Cháy hết đi, cháy hết đi, cái thứ giấy đáng nguyền rủa này, vì mày mà con trai tao phải chết sớm.

Bản thảo cháy hết nhưng thơ của Makhơmút thì còn lại mãi. Không một chữ nào trong các bài thơ của ông bị lãng quên. Những bài thơ đó đã sống trong trái tim mọi người, cả lửa và nước đều bất lực không sao hủy được những bài thơ ấy, vì đó là những bài thơ thật.

Bố tôi cười:

những kẻ sợ mắt kém, nên lên đường bí mật vào đêm khuya;

những kẻ nhét đầy đá vào túi, để mọi người tưởng nhầm là túi đựng bánh mì;

những người đi săn mang về nhà thịt quạ, chứ không phải gà rừng.

Abutalíp kể cho tôi: Có một anh chàng nghèo rớt mồng tơi nhưng lại muốn mọi người nhầm tưởng rằng mình giàu có. Ngày nào anh ta cũng ra đình làng với vẻ mặt tươi cười, thỏa mãn, ria mép bóng nhẫy mỡ cứ y như là vừa ăn thịt cừu non. Anh chàng nghèo rớt khoe khoang:

—Con cừu non tôi mổ ăn ban trưa thật tuyệt! Thịt nó đậm thật, ngon ghê!

- Anh ta kiếm cừu non ở đâu ra mà ngày nào cũng thịt nhỉ,—dân làng ngạc nhiên hỏi nhau. Phải dò la mới được.

Mấy chàng trai nhanh nhẹn trèo lên mái nhà và nhìn xuống dưới qua ống khói. Họ thấy anh ta đang hầm mấy cái xương cừu, vớt váng mỡ nổi bên trên để bôi lên ria. Sau đó anh ta ăn ít rau dền luộc, đó là tất cả những gì có thể ăn được trong nhà.

Mấy chàng trai nhanh nhẹn tụt xuống đất đi vào nhà:

- Chào anh! Đi mãi, đi mãi, cuối cùng quyết định ghé vào thăm nhà người giàu có đây!

— Các anh đến hơi muộn, tôi vừa ăn hết thịt cừu ngon mất rồi. Bây giờ tôi sửa soạn đi đây.

— Tốt hơn hết anh nên kể lại anh đã hái được ở đâu thứ rau dền thơm ngon đến thế?

Anh chàng kia hiểu rằng mọi người đều đã biết sự thật. Anh cúi đầu buồn rầu. Từ đó bộ ria anh ta không bao giờ bóng nhẫy mỡ nữa.

H ồ i ứ c. Có lần hồi nhỏ, bố tôi đánh tôi một trận rất đau. Cảm giác đau tôi quên đã lâu nhưng lý do bị đòn tôi vẫn nhớ như in.

Buổi sáng tôi ra khỏi nhà làm như đi đến trường, nhưng thực ra tôi rẽ sang một lối khác và cả ngày hôm đó không đến trường. Cùng với trẻ con trong làng, suốt ngày hôm đó tôi đánh bài. Bố tôi cho tôi một ít tiền để mua sách; có số tiền đó, tôi quên hết mọi thứ trên đời. Tất nhiên là ít phút sau, tiền tôi hết nhẵn, tôi bắt đầu nghĩ cách làm sao kiếm lại. Khi chơi bài và ném vào đồng xu cuối cùng, ta dễ có cảm tưởng chỉ cần có thêm 5 xu là ta sẽ gỡ, sẽ thu lại hết tiền đã thua. Tôi cũng có cảm tưởng như vậy.

Tôi bèn vay tiền bọn trẻ con cùng chơi. Nhưng không đứa nào muốn đưa. Bởi vì ai cũng tin là nếu khi đang chơi mà cho người thua vay tiền thì chính mình sẽ bị thua.

Lúc đó tôi lại nghĩ ra một lối thoát. Tôi đi khắp mọi nhà trong làng và nói rằng ngày mai sẽ có đoàn xiếc đến diễn và tôi được giao nhiệm vụ đi thu tiền trước cho họ.

Con chó đói chạy từ cổng nhà này đến nhà kia có thể kiếm được gì? Hoặc là được miếng xương hoặc là bị cây gậy xua đuổi. Tôi cũng vậy, có người từ chối, có người cho. Những người đưa tiền chắc là vì nể tên bố tôi.

Đi suốt lượt các nhà trong làng xong, tôi đếm lại tiền và thấy rằng mình có thể chơi tiếp. Nhưng cả những đồng tiền bất hạnh này tôi cũng không giữ được lâu. Hơn nữa, khi chơi còn phải bò bằng đầu gối. Qua một ngày, quần tôi rách bươm, đầu gối bị trầy da.

Ở nhà, mọi người cũng đã nhớ đến tôi. Mấy người anh tôi đi khắp làng tìm tôi. Một số người trong làng nghe tôi nói về chuyện đoàn xiếc đến cũng tới nhà bố tôi để hỏi kỹ xem. Nói tóm lại là khi tôi bị xách tai kéo về thì mọi người đều đã rõ cả các «thành tích» của tôi.

Thế rồi tôi đứng trước tòa án của bố. Trên đời này tôi sợ nhất tòa án đó. Bố tôi nhìn tôi từ đầu đến chân. Hai đầu gối trầy da của tôi ló ra ngoài chiếc quần rách bươm trông như cái cốt gối lông chim lòi ra khi áo gối bị thủng.

Cái gì thế kia? --bố tôi hỏi bằng giọng hình như bình thản.

-- Đây là đầu gối ạ, tôi trả lời, cố lấy tay che chỗ quần rách.

-Phải rồi, đúng là đầu gối rồi, nhưng vì sao nó lại thòi ra ngoài thế kia? Con thử kể xem vì sao lại làm rách quần.

Tôi bắt đầu nhìn xuống quần mình và làm như đến giờ mới nhận thấy nó bị rách. Ở đứa bé nhát gan và dối trá có một tâm lý rất lạ: vừa biết rằng người lớn đã hiểu hết, biết hết mọi chuyện, thanh minh thêm thật vô ích và đáng buồn cười, nhưng tuy vậy vẫn cố tránh những câu trả lời thẳng và ra sức bịa đặt những chuyện ba va.

Trong giọng bố tôi bắt đầu có nét đe dọa. Mọi người ở nhà biết rõ tính cách người đứng đầu gia đình, vội vàng

nói đỡ cho tôi. Nhưng bố tôi gạt họ ra và lại hỏi:

— Nào, con đã làm rách quần như thế nào?

— Ở trường... con bị vướng vào đinh...

— Nào, nhắc lại đi...

— Con bị vướng đinh.

— Ở đâu?

— Ở trường ạ.

— Bao giờ?

— Hôm nay ạ.

Bố tôi vung tay tát một cái nẩy lửa:

— Bây giờ mày nói đi, mày đã làm rách quần như thế nào?

Tôi im lặng. Ông tát cái nữa vào má bên kia.

— Nói đi xem nào?

Tôi òa khóc.

— Câm ngay! — bố tôi ra lệnh và với tay lấy chiếc roi.

Tôi ngừng khóc. Bố tôi vung roi lên.

— Nếu bây giờ mày không kể thật hết, tao sẽ quất mày một trận.

Tôi đã biết thế nào là chiếc roi phía cuối có nút thắt cứng như đá. Nỗi sợ cái roi còn nhiều hơn nỗi sợ sự thật, và tôi đành lần lượt kể hết những việc làm bậy bạ của mình suốt từ sáng.

Phiên tòa kết thúc. Ba ngày liền tôi như đứa mất hồn. Cuộc sống ở nhà và ở trường vẫn tuần tự diễn ra. Nhưng tâm trí tôi luôn bị ám ảnh nặng nề. Tôi cảm thấy rằng thế nào bố tôi sẽ còn nói lại lần nữa chuyện của tôi. Trong thâm tâm, tôi rất mong, rất khao khát được nghe bố tôi nói. Điều làm tôi khổ sở nhất trong những ngày ấy là bố tôi không muốn nói chuyện với tôi.

Đến ngày thứ ba, bố tôi gọi tôi đến. Ông đặt tôi ngồi cạnh, lấy tay xoa đầu, rồi hỏi han kỹ lưỡng về chuyện học hành ở trường của tôi — xem tôi đang học những gì, điểm kiểm tra thế nào... Sau đó, ông bất ngờ hỏi:

— Con có biết vì sao bố đánh con không?

— Con biết.

Theo con thì vì sao?

- Vì con đánh bài ăn tiền.

— Không, không phải vì thế. Hồi bé có ai lại không chơi bài ăn tiền? Bố cũng chơi, các anh con cũng chơi.

— Vì con làm rách quần.

— Không, không phải vì thế. Ai lại không làm rách quần, rách áo hồi còn bé? Cũng may là đầu thì vẫn lành lặn. Con có phải là đứa con gái lúc nào cũng ru rú xó nhà đâu.

Vì con không đến trường.

— Đúng, đó là một lỗi lầm lớn của con: mọi chuyện tầm bậy của con hôm đó bắt đầu từ đấy. Vì lỗi đó cần phải mắng con, như mắng con làm rách quần, chơi bài ăn tiền. Nhưng nhiều lắm thì chỉ đến mức bố véo tai con thôi. Còn bố đánh con, là vì con nói dối đấy con ạ. Nói dối không phải là lỗi lầm là chuyện ngẫu nhiên, đó là một tính nết có thể ăn sâu vào người con. Đó là một cây cỏ dại trong tâm hồn con. Nếu con không kịp thời nhổ nó đi, nó sẽ mọc dầy đến mức không còn chỗ cho hạt giống tốt lành. Trên đời này không có gì kinh khủng hơn sự dối trá. Không thể đuổi nó, đánh nó được đâu. Nếu con nói dối bố một lần nữa, bố sẽ giết chết. Con phải gọi cái móng ngựa cong là cái móng ngựa cong, cái quai bình cong là cái quai bình cong. Con hiểu chưa?

— Con hiểu rồi ạ.

— Thế thì đi chơi đi.

Tôi đi ra khỏi buồng bố tôi, tự thề rằng không bao giờ nói dối nữa. Ngoài ra tôi còn biết thêm rằng nếu tôi nói dối, bố tôi sẽ giữ đúng lời mà giết tôi, cho dù ông quý tôi đến đâu.

Rất lâu về sau, tôi kể lại chuyện này cho bạn bè nghe.

— Sao, sao? — một người bạn thốt lên. — Chẳng lẽ đến giờ anh vẫn chưa quên cái chuyện nói dối vặt vãnh, nhỏ xíu này của mình sao?

Tôi trả lời:

— Nói dối là nói dối, nói thật là nói thật. Không làm gì có chuyện to nhỏ ở đây cả. Hoặc là sống, hoặc là chết, khi cái chết đến thì hết sống, khi còn sống tức là chưa chết. Hai cái đó không thể song song tồn tại. Cái này loại bỏ cái kia. Giả dối và chân thật cũng vậy.

Giả dối là bẩn thỉu, nhục nhã, là hố rác. Chân thật là cái đẹp trắng tinh, là trời trong. Giả dối là hèn nhát, chân thật là dũng cảm. Hoặc là thế này, hoặc là thế khác, không thể có chuyện lưng chừng.

Ngày nay, khi tôi thỉnh thoảng phải đọc những tác phẩm giả dối của các nhà văn giả dối, tôi liền nhớ lại cái roi của bố. Cái roi đó thật cần thiết biết bao! Thật là cần có người bố nghiêm khắc, công bằng, đe dọa vào lúc ấy: «Nếu mày nói dối, tao giết».

Đâu phải chỉ có chuyện giả dối không bị trừng phạt! Chẳng phải đã có lúc người ta trừng phạt nhầm sự chân thật sao? Liệu có phải trong lịch sử còn quá ít trường hợp con người bị khổ sở vì nói thật, bị vung roi đánh đòn vì nói thật sao?!

Hồi còn nhỏ, tôi đã phải lấy hết can đảm trút bỏ lời nói dối, để chuyển sang nói thật. Nhưng sau đó thì tôi thấy nhẹ lòng.

Cần phải dũng cảm nhiều hơn để không từ bỏ lời nói thật. Nếu anh từ bỏ nó, anh sẽ cảm thấy không phải là sự nhẹ lòng mà là nỗi đau kinh khủng nhất - nỗi dằn vặt của lương tâm.

Những người dũng cảm không thay đổi chính kiến của mình. Họ biết rằng Trái đất quay. Họ biết rằng không phải Mặt trời quay quanh Trái đất mà là Trái đất quay chung quanh Mặt trời. Họ biết rằng sớm mai nhất định phải đến thay đêm tối, sau đó là ngày, rồi hết ngày lại là đêm. Hết đông là tới xuân, hết xuân sang hè...

Và cuối cùng ngọn roi của lương tâm, ngọn roi của lòng trung thực, của sự thật sẽ quất lên đầu bọn giả dối, bọn giả đạo đức và không bao giờ sự giả dối có thể giành được thắng lợi cuối cùng đối với sự thật.

Vài câu nói chuyện nghe được ở đình làng.

Khoảng cách giữa chân thật và giả dối là bao nhiêu?

- Vừa bằng ngón tay giữa.

- Sao vậy?

Vì từ tai đến mắt dài vừa vặn một ngón tay. Cái gì mắt nhìn thấy là thật. Cái gì chỉ nghe thấy là chưa thật.

Không phải bao giờ cũng đúng thế. Tất nhiên trăm nghe không bằng một thấy. Còn nhà văn phải chắt lọc sự thật bằng mọi cách: bằng mắt nhìn, tai nghe, bằng đọc sách, bằng những gì tự mình nếm trải.

Liệu nhà văn có thể chỉ trông cậy vào mắt không? Anh ta nhìn đời bằng mắt, nhưng nghe nhạc bằng tai.

và lịch sử của đất nước mình thì đọc. Một số nhà văn đặt lên hàng đầu không phải là mắt nhìn, tai nghe mà là mũi đánh hơi.

Nhà văn cần có đôi tay thật khỏe, làm được mọi việc, cần có đôi chân dẻo dai và hàm răng thật chắc. Và để phân biệt được cái giả cái thật, phân biệt được vàng thau, hạt thóc và hạt cỏ trong những gì nhìn thấy, nghe thấy, đọc được, nhà văn cần phải có trí tuệ, có kiến thức. Không có trí tuệ, không có kiến thức, con người không thể tin cậy ngay cả đôi mắt của chính mình.

Có mấy người dân miền núi cả đời chỉ được nghe, chưa trông thấy vàng bao giờ, một hôm nhặt được một cái rương nặng. Họ nghĩ rằng: «Nếu nặng thế này thì chắc là vàng». Họ tranh giành nhau, đánh nhau vì cái rương. Hóa ra cái rương bằng đồng.

Tài năng là lửa. Nhưng lửa trong tay kẻ ngu độn có thể gây nên đám cháy. Trí tuệ điều khiển tài năng. Trí tuệ điều khiển cả cái đẹp như nhà kỵ sĩ dày kinh nghiệm điều khiển con ngựa bất kham.

Người miền núi thường hỏi nhau: anh thích chọn khuôn mặt đẹp hay sự khôn ngoan của người già?

Kẻ ngu xuẩn chọn gương mặt đẹp nhưng ngu vẫn hoàn ngu. Vợ mới cưới bỏ người chồng bảnh trai mà ngu xuẩn. Người thông minh chọn sự khôn ngoan và nhờ đó giữ được vợ. Trong một truyện cổ tích có kể rằng: người đặt được cô gái đẹp lên yên con hải mà là người biết chọn sự khôn ngoan. Trong nhiều truyện cổ tích còn nói đến ba anh em, ba con đường và ba lời khuyên thông minh. Ai nghe theo lời khuyên ấy thì trở về được làng, còn ai không nghe thì để nắm xương tàn nơi đất khách quê người.

Hỡi con cá vàng của tôi, hãy cho tôi tài năng, hãy cho tôi lòng kiên nhẫn, cho tôi trái tim sôi nổi chân thành của chàng trai và trí tuệ tỉnh táo của ông già! Hãy giúp tôi tìm ra con đường đúng!

Dù con đường đó có lởm chởm, cheo leo, dốc ngược nguy hiểm, tôi cũng sẵn sàng đón nhận. Nhưng tôi không muốn trườn ngoằn ngoèo trên đó như một con rắn. «Tại sao rắn lại cong?» – người miền núi hỏi nhau và tự trả lời: «Bởi vì những hang hốc nó chui có hình cong queo». Tôi là người, không phải rắn. Tôi yêu những tầm cao, yêu sự tinh khiết, yêu những con đường thẳng.

Hãy tránh cho tôi khỏi bệnh tật, khỏi sợ hãi, khỏi sự vinh quang nặng nề và những ý nghĩ nhẹ bỗng!

Hãy tránh cho tôi khỏi bị ngấm men say, vì khi đó con người nhìn mọi cái đẹp đẹp gấp trăm lần!

Hãy tránh cho tôi khỏi sự tỉnh táo quá mức, vì khi đó con người nhìn mọi cái xấu xấu đi trăm lần!

Hãy cho tôi cảm giác về chân lý để tôi có thể gọi cong là cong, thẳng là thẳng!

– Thế giới chả ra gì, trật tự cũng không!
Nhà thơ thở than và lìa xa thế giới.
Thế giới thật tuyệt vời! — Một nhà thơ khác nói,
Và cũng lìa đời khi tuổi đang xuân.

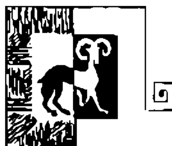
Người thứ ba chia tay với một thời dữ dội
Anh đã sống hết mình, cái chết chịu thua anh!
Anh vĩ đại và tận cùng trung thực,
Vạch cái xấu rồi vun cái tốt, phân minh.

Có một người miền núi đeo hoa tai vào tai con bò để dễ nhận ra bò mình giữa đám bò khác. Có người đeo

trồng vào cổ ngựa để khỏi nhầm ngựa mình với ngựa hàng xóm. Thật là một chàng kỵ sĩ tồi nếu trong đêm tối anh không nhận ra con ngựa quý của mình từ xa.

Đây cuốn sách của tôi đây. Tôi không muốn đeo lên nó hoa tai, trống hay một đồ trang sức nào khác. Tôi vẫn không nhận lầm nó với các cuốn sách của người khác hay các cuốn sách khác của chính mình. Xin mọi người cũng đừng nhầm. Tôi mong sao cho những ai đã đọc cuốn sách này có thể nhận ra nó, cho dù nó bị mất bìa, có thể nhận ra rằng cuốn sách này là của Raxun, con trai ông Gamzát ở làng Xađa.

Người ta nói: Lòng dũng cảm không phải hỏi vách đá thấp hay cao.



## PHÂN VÂN

Miền Đaghextan có nhiều tiếng nói, nhiều màu sắc. Dân chúng ở đây còn giữ lại nhiều phong tục cũ.

Nhà văn người Tát là Khizghil Apsalumốp đã kể lại cho tôi một phong tục như sau.

Nếu cặp vợ chồng nào lâu không có con thì người đàn ông thắt một thắt lưng dạ để trời dễ nhận ra ông giữa những người miền núi khác. Cũng lúc ấy, ông khấn:

— Lạy trời, cầu trời cho kẻ bần dân đáng thương này một đứa con trai!

Những người nào chỉ có toàn con gái hay con đẻ ra bị quặt quẹo, câm điếc, gù, thọt, đần độn... cũng quấn thắt lưng như vậy. Họ tin rằng trời sẽ phù hộ họ, một lần khác sẽ đem cho họ đứa con trai khỏe mạnh sau này sẽ là một kỵ sĩ thực thụ, dũng cảm.

Tôi cũng cảm thấy nghi ngờ: nên chăng tôi cũng quấn một chiếc thắt lưng dạ như người Tát đã quấn, vì tôi lo ngại không biết đứa con này của tôi có lành lặn, khỏe mạnh? Cuốn sách mới này sẽ là đứa con trai, sau này là chàng cưỡi ngựa, hay đây chỉ là một đứa bé còi cọc, thọt gù, câm điếc?

Tuy nhiên, người mẹ nào cũng thấy con mình đẹp. Người mẹ vừa nhìn thấy, vừa không nhìn thấy những nhược điểm của con mình. Tôi cầu cho tôi khi nhìn vào cuốn sách của mình không mắc phải thói thường đó của các bà mẹ.

Tôi sờ sợ. Cây bút của tôi run run. Lòng tôi đầy nghi hoặc. Liệu tôi có đang nhằm bắn vào con mèo vì tưởng nhầm đó là chim ưng không? Liệu tôi có thắng yên cương lên một con lừa vì tưởng lầm đó là con tuấn mã? Liệu có phải tôi đang ra sức kéo khúc gỗ tròn dài ra như có lần người Akhan muốn làm như thế mà không

hiểu rằng cái khúc gỗ tròn kia cần phải được đặt không phải theo chiều dọc mà là theo chiều ngang của mái nhà? Liệu tôi có vây hãm thành Anda như có người đã tưởng rằng mình làm như thế, khi thực ra anh ta chỉ đang ngồi bên bếp lò?

Trước lúc viết gần xong cuốn sách, tôi cảm thấy mình giống như người mổ thịt cừu, lọc lớp da được đến đuôi rồi thì gãy dao. Liệu tôi có thể viết đến dấu chấm hết? Và cái tôi viết sẽ thành gì vậy? Tôi lấy lên từ đáy biển một con trai rỗng không, hay là trong đó là một hạt ngọc?

Bão có thể làm gãy cành hay đổ cả thân cây. Nhưng đến mùa xuân, từ rễ sâu, những chồi non lại nhú lên và một cây mới lại tươi cành xanh lá. Nếu trong cây có thứ nấm nào đục ruỗng, nếu thứ nấm đó ăn hết cả rễ cây thì không gì có thể làm cây xanh trở lại. Ở con người cũng vậy: vết thương bên ngoài, có khi là gãy xương nữa, cũng lành lặn mau chóng, trong khi thứ bệnh ngấm ngầm phát triển bên trong cơ thể chắc chắn sẽ dẫn đến tử vong. Cuốn sách của tôi có khỏe mạnh không, những chùm rễ của nó có chắc, có đáng hy vọng không?

Cuốn sách của tôi như một đứa con trai đã lớn. Căn nhà trở nên chật chội. Đã đến lúc phải đưa cậu ta vào đời, vào thế giới lớn. Mọi người sẽ đối xử với cậu ta ra sao, sẽ chửi rủa hay là âu yếm? Cho ăn, cho ngủ hay là đuổi ra ngoài cửa? Bây giờ chuyện đó không còn phụ thuộc vào tôi nữa.

Bản trường ca vừa dừng. Tấm thảm dệt vừa xong
Nhưng hãy kiên tâm, đừng vội vàng khen ngợi.

Sửa lại từng góc quăn, những đường vân thêu vội
Những sợi chỉ rườm rà chưa cắt hết còn kia!

Bản trường ca hoàn thành. Thửa ruộng đã vào xuân.
Đất đã cày tơi, chờ hạt gieo sắp trổ.
Nhưng nhìn lại. Ruộng vẫn còn loang lổ
Còn những rãnh chưa liền, còn những hố chưa san!

Cuốn sách của tôi là tấm thảm đã dệt xong và trái ra để lần đầu tiên nhìn thấy cả tấm. Tôi nhận ra nhiều đường nét không chính xác, những bức vẽ chưa hoàn chỉnh, đường viền trang trí có chỗ cong queo, nhưng không sao sửa được những sai sót đó nữa — tấm thảm đã dệt rồi. Muốn sửa một chi tiết nhỏ thôi cũng phải tháo cả tấm thảm ra.

Cuốn sách của tôi như chuyến trở về làng quê qua một chặng đường xa khó nhọc. Đã hai năm rồi, tôi không có nhà. Hai năm rồi, dân làng, bạn bè, hàng xóm không nghe một tin tức gì về tôi. Và đây, tôi xuống ngựa bên ngôi nhà đầu làng rồi chậm rãi dắt ngựa đi. Ngọn đèn người phụ nữ miền núi đặt bên cửa sổ để soi sáng đường tôi đi, bây giờ có thể cất đi rồi. Tôi đang trở về nhà. Chào tất cả, những người đồng hương thân mến của tôi! Tôi đang trở về sau hai năm chu du khắp nơi. Qua hai năm ấy, con ngựa đã già. Mái tóc tôi cũng bạc thêm. Tôi chậm rãi dắt ngựa qua làng và gặp ai tôi cũng cất tiếng chào.

Chào anh, — họ đáp lại, — anh Raxun, con trai ông Gamzát đấy à. Bấy lâu nay anh đi những đâu? Mệt chưa? Kiếm được gì không? Mấy cái túi của anh đựng gì thế?

Tôi muốn nói với họ rằng tôi đem về một cuốn

sách. Nhưng sách lại là một thứ không thể chuyền tay mọi người trong làng hay đưa bất cứ cho ai. Trước tiên nó phải vào tay cán bộ xuất bản và người này sẽ quyết định số phận của nó.

Cán bộ xuất bản, nhận bản thảo cuốn sách của tôi, đặt lên lòng tay nâng nâng như thử cân xem nặng nhẹ thế nào, lật ra xem xẹm, mới đầu thì liếc qua trang thứ nhất, sau đó lật luôn sang trang 70 rồi xem trang cuối cùng. Cán bộ xuất bản đặt bản thảo sang một bên.

— Có thể cuốn sách của anh cũng tốt thôi, nhưng kế hoạch xuất bản năm nay và năm sau của chúng tôi đã được duyệt. Không có sách của anh trong kế hoạch của chúng tôi.

- Trong kế hoạch của tôi, cuốn sách này cũng không có. Nó bất ngờ đến. Bây giờ thì tôi biết làm gì với nó?

— Anh làm một cái đơn trình bày mọi việc. Chúng tôi sẽ đem ra cuộc họp xem xét, thảo luận và quyết định. Có thể đưa vào kế hoạch xuất bản dự trữ. Khoảng này sang năm anh ghé lại đây hay gọi điện cho chúng tôi cũng được.

Thư của Abutalip gửi nhà xuất bản.

«Kính gửi nhà xuất bản Đaghextan! Tôi là nhà thơ nhân dân, là ủy viên Chủ tịch đoàn Xô-viết tối cao Đaghextan. Cán bộ hưu trí loại đặc biệt. Năm nay tôi 85 tuổi. Tôi biết rằng nếu chẳng may bây giờ tôi có chết, các anh sẽ quyết định cho in tuyển tập thơ gồm hai tập. Tôi xin yêu cầu các anh xuất bản một cuốn sách của tôi bây giờ, khi tôi còn sống, thế vào

hai tập sách mà các anh định xuất bản khi tôi đã chết rồi. Chào trân trọng. Abutalíp».

Lá đơn đó thuộc loại hiền lành. Nhưng cũng có những lá đơn than vãn. Có những lá đơn nguyền rủa. Có những lá đơn mà người viết tự khen mình. Có những lá đơn nịnh hót. Có những lá đơn kêu gào, rít lên.

Những lá đơn khủng khiếp nhất không phải là những lá đơn viết cho nhà xuất bản, mà là viết kiện nhà xuất bản. Cũng cần phải hiểu những cán bộ làm nghề xuất bản. Nếu cái ghế là để cho một người ngồi thì không thể ngồi lên đấy ba hay bốn người. Nếu hai người ngồi thì mỗi người ngồi một nửa cũng đã thấy bất tiện, nhất là ngồi lâu. Một người nói: «Sao anh lại in sách của Akhơmét, mà không muốn in của tôi? Chẳng lẽ sách của tôi tồi hơn sao?» Người kia rít lên: «Sách của tôi hay hơn mọi cuốn mà anh đã cho in trong mấy năm gần đây. Thế mà tại sao anh lại không đưa tôi vào kế hoạch?»

Nhưng tôi không muốn cãi nhau với các nhà xuất bản. Tôi sẵn sàng chờ đợi. Tôi biết rằng họ bao giờ cũng thiếu giấy. Giấy phung phí đi đâu cả? Các nhà văn, trong đó có tôi, đã góp phần phí phạm, tiêu tốn giấy. Thế thì việc gì tôi phải cãi vã! Thật ra đôi lúc, cùng với việc phí phạm giấy, chúng tôi - nhà văn và nhà biên tập— đã làm những việc mà sau này cả hai bên đều ân hận. Ôi, tôi muốn sao cho tôi viết được những dòng chữ như nước mát vun tưới mà nếu chúng rơi vào một cuốn giấy nào đó thì sẽ làm cuốn giấy ấy hồi lại thành cây xanh tươi tốt, hệt như lúc ban đầu khi người ta chưa chặt nó, chưa biến nó thành giấy!

Không, tôi không muốn cãi vã với vị cán bộ xuất bản. Tôi từ tốn nói với anh:

Anh đứng trung gian, giữa tôi và những người đồng hương của tôi, giữa tôi và các độc giả Maxcơva của tôi, giữa tôi và các độc giả của tôi ở các thành phố khác. Anh là mắt xích nối liền chúng tôi. Chỉ mong anh cố gắng giúp đỡ cho chúng tôi được gặp nhau, thân mật bắt tay nhau. Tôi chỉ mong thế...

Cán bộ xuất bản đáp ứng lại yêu cầu nhỏ nhẹ của tôi, và ngay lúc đó bản thảo của tôi được đến tay vị phụ trách biên tập.

Nhà biên tập.

«Cắt bớt» ngoài cửa phòng làm việc của ông treo biển như vậy.

Cán bộ xuất bản nói: «Một năm nữa ghé lại». Nhà biên tập thì định thời hạn trở lại là ba tuần. Nghe thấy thời hạn đó, thậm chí tôi còn mừng là đằng khác. tôi còn đủ thời giờ để kể cho các bạn vài câu chuyện ngắn.

Rút trong sổ tay. Bố tôi viết hai vở kịch: «Người thợ giầy» và «Đám cưới của Côđôláp». Thoạt đầu, bản thảo được đưa cho nhà hát, sau đó đến ban văn hóa, rồi cuối cùng đến Cục quản lý nghệ thuật Đaghextan. Bố tôi biết rõ rằng các vở kịch đã đến các nơi đó và từ đó chúng sẽ chẳng ra đâu hết. Nhưng hóa ra chính ở các nơi ấy, những vở kịch của bố tôi cũng chẳng còn.

Giống như người chăn cừu dù đang đêm xấu trời vẫn đi lên núi tìm những con bị lạc, bố tôi cũng lên đường đi tìm những vở kịch của mình.

Ở Cục, ông gặp một người suốt ngày chỉ lo về kịch. Người này cũng gọi là nhà biên tập. Bố tôi nói chuyện với anh ta hơn một giờ và bỗng cảm thấy: hễ bàn tới thời tiết, tới bãi chăn cừu, tới cừu, ngựa, bò thì câu chuyện lập tức trở nên hào hứng, còn khi nói tới chuyện văn học, chuyện sân khấu thì bố tôi không sao hiểu nổi anh ta nói gì. Thế mà nhà biên tập nọ vẫn luôn cố nói tới kịch, ban phát lời khuyên cho bố tôi, chỉ vẽ cách viết thế nào cho kịch hay hơn. Bố tôi không chịu nổi bèn hỏi thẳng rằng anh ta là ai, học vấn thế nào, làm gì ở Cục nghệ thuật Đaghextan.

Học vấn của tôi là ở bậc cao đẳng, — nhà biên tập trả lời không dấu diếm vẻ hãnh diện. — Còn chuyên môn của tôi là bác sĩ thú y. Bây giờ tôi được phân công làm việc này.

Nhưng chẳng lẽ các vở kịch của tôi là bò sao mà anh ra sức chữa chạy cho nó! Tại sao nhà thơ không bao giờ khuyên bảo, chỉ vẽ gì cho các bác sĩ thú y mà người ta cứ tha hồ chỉ vẽ, khuyên bảo các nhà thơ, khi họ muốn.

Chẳng lẽ cuốn sách của tôi cũng sẽ rơi vào tay một nhà biên tập trước kia làm thú y và không hiểu biết gì về văn học?

Abutalip và nhà biên tập. Bản thảo của Abutalip bị rỉa lỗ chỗ như quạ rỉa người chiến binh bỏ xác ngoài bãi chiến trường. Bản in thử đến tay Abutalip dưới dạng bị rỉa như vậy. Abutalip đọc và kinh ngạc thốt lên:

— Ngựa đã xéo nát cả bãi cỏ xanh của tôi. Nơi trước kia là hoa tươi, bây giờ là đầm lầy. Nếu cậu học

sinh phạm lỗi khi viết sai chính tả, thì thầy giáo sẽ sửa các lỗi đó. Vậy thì ai sẽ đóng vai thầy giáo chỉ vẽ cho tôi cái gì là đúng, cái gì là sai trong cuộc đời tôi?

Abutalíp đọc kỹ hơn bản in thử bất chợt kêu lên:

— A, tôi biết anh biên tập này ở làng nào rồi. Anh ta muốn chữa cuốn sách tôi theo thổ ngữ của làng anh. Nhưng thổ ngữ thì nhiều mà ngôn ngữ chỉ có một, dân tộc chỉ có một! Nếu anh biên tập nào cũng cố kéo cuốn sách về phía làng mình thì không bao giờ chúng ta có thể xây dựng được cái làng thơ ca của chúng ta.

Hỡi nhà biên tập của tôi, xin anh hãy nhớ cho rằng, ngoài cái làng của anh còn nhiều miền đất khác, ngoài anh ra còn có nhiều người khác nữa. Thực ra thì tôi và anh, chúng ta không thể bất đồng với nhau được. Tôi sẽ lưu ý đến những nhận xét của anh, nếu những nhận xét ấy giúp ích cho tôi. Nhưng anh cần phải nhớ rằng bài ca của tôi cũng thiết thân với tôi như khát vọng trả thù thiết thân với kẻ có người nhà bị giết. Không phải bây giờ tôi mới có ý nghĩ này. Với ý tứ như vậy, từ lúc còn trẻ, tôi đã làm một bài thơ như sau:

Tôi đã mang trong tim, như mối hờn, nỗi hận,
Sức nóng và hơi lạnh mỗi câu thơ.
Mỗi bài ca, như tình yêu bí ẩn,
Tôi chẳng ưa ai dòm ngó bất ngờ!

Tôi nắm bắt từ âm thanh xa tắp
Nuôi mỗi bài ca từ trứng nước lớn lên
Tôi chọn lựa, đặt từng vần dìu dặt
Như người thợ đồng hồ lắp những bánh xe răng.

Từ bao chữ bao thanh, chỉ chọn một hoa âm.
Thích hợp nhất cho mỗi dòng mỗi đoạn,
Như trong hầm rượu từ bao đời, phải chọn
Một chai rượu nồng men cho khách quý, thân tình.

Có thể có người tốt giọng hơn tôi
Họ biết cả những điều tôi chẳng biết
Tôi gắng hết sức mình, có thể chưa đến đích.
Cốt nói được điều lòng tôi muốn nói ra.

Thơ tôi dở hoặc hay, biết làm sao khác được?
Chỉ biết đời tôi nằm trọn ở thơ tôi
Sao các bạn của tôi – những nhà biên tập
Thích cắt sửa nó hoài, và khe khắt, bẻ bai!..

Dạo ấy tôi đã viết xong vở kịch «Người đàn bà miền núi». Vở kịch được diễn trong một vài nhà hát ở Đaghextan, và đây là một chuyện đã xảy ra với vở kịch ấy.

Ở đoạn kết vở kịch, theo trình tự diễn biến sự việc, nhân vật nam giết nhân vật nữ. Tôi rất thương tiếc người phụ nữ miền núi của tôi, tay tôi run lên khi viết đoạn chị bị giết, tim tôi như ứa máu. Nhưng tôi không thể thay đổi gì được. Sự việc diễn ra tất yếu dẫn đến chỗ chị phải bị giết. Nhà hát Avar đã dựng kịch như vậy, và mặc dầu khán giả buồn rầu và tiếc thương cho chị có phần hơn cả tôi nữa, nhưng mọi người đều hiểu rằng không thể có kết cục nào khác.

Ở nhà hát Đarghin, vở kịch bị sửa lại. Lẽ ra cô gái bị giết thì cô ta chỉ bị cắt hai đuôi sam. Điều này tất nhiên rất đáng xấu hổ vì đối với người phụ nữ miền núi thì bị cắt tóc như thế còn tồi tệ hơn cả bị giết, nhưng dù thế nào mặc lòng, đó vẫn không phải là cái chết.

Trên sân khấu nhà hát Kumức người ta quyết định không giết, không cắt tóc cô gái, mà chọc thủng mắt cho mù. Tất nhiên đó là một việc kinh khủng. Có thể còn kinh khủng hơn cả giết chết hay cắt tóc, nhưng cuối cùng cô gái vẫn sống, vẫn còn đuôi sam, vì nhà hát Kumức muốn như thế.

Ở nhà hát Trêtren, người ta còn giải quyết một cách đơn giản hơn. «Việc gì phải giết, — họ lý sự, — việc gì phải cắt tóc, phải chọc mắt. Cứ để cho nhân vật lành lặn, khỏe mạnh».

Vậy là mỗi đạo diễn đều sửa vở kịch theo cách nghĩ, theo ý thích riêng của mình. Không một ai mách bảo các nhà đạo diễn rằng, vì thương tiếc nhân vật, vì muốn cứu nhân vật mà họ đã giết chết luôn vở kịch và không thương tiếc gì đến khán giả, còn nói gì đến chuyện thương người viết kịch.

Bố tôi, khi tờ báo có đăng thơ của ông gửi tới làng, đã nói:

— Chắc bài thơ của tôi đã rơi vào tay một anh thợ vụng nên không còn một chỗ nào sinh động nữa.

Còn Makhơmút... Makhơmút không nói gì, vì khi ông còn sống không có cuốn sách nào của ông được xuất bản. Nhưng nếu được thấy thơ của mình bị biên tập sửa sang lại thế này, thì chắc ông phải chết lần thứ hai.

Không thể đi ô tô hiện đại trên những con đường mòn vùng núi. Vậy làm sao tôi có thể nói để các nhà biên tập đừng đụng đến tôi, nếu như họ đã không nể gì cả những người quá cố.

Nhưng hỡi nhà biên tập của tôi, đừng nghĩ rằng tất cả những gì tôi đã kể là dính dáng đến anh. Tôi còn biết loại biên tập viên khác, những người này đến

với nhà văn như những cố vấn thông minh, tinh tế. Tôi biết rằng anh là một người như vậy. Làm việc với anh tôi cảm thấy rất bình yên, dễ chịu. Anh cứ yên tâm, tôi sẽ không bỏ qua dấu «chấm than» mà anh đã ghi bên lề bản thảo để tỏ sự thích thú của anh, hay, dấu «hỏi» biểu hiện sự nghi ngờ của anh, hay dấu «cánh chim» tỏ rằng theo anh câu này có thể sửa hay hơn.

Chắc là trong cuốn sách của tôi sẽ có những câu không cô kết, chắc nịch, mà lung lay như chiếc răng già lão. Chắc là có những câu trùng lặp. Tôi xin anh hãy tìm, hãy chỉ giúp những chỗ đó. Một cái đầu đã hay, một cái đầu rưỡi phải hay hơn! Còn tôi với anh, tôi hy vọng rằng, chúng ta sẽ có đủ hai đầu, bốn tay, và mọi việc sẽ thuận buồm xuôi gió! Đánh nhau hôm nay còn hơn cãi vã ngày mai. Một lần đánh nhau còn hơn là cãi cọ suốt đời. Điều chủ yếu nhất là hãy dè dặt khi khen tôi.

Có nhà thợ săn hết lời khen chú thỏ là không biết sợ, chú thỏ khoái chí nhảy ra đứng giữa mô đất cao. Nhà thợ săn chưa thèm bắn ngay. Chú thỏ kiêu căng gặp nhà thợ săn khác và cũng nhảy lên mô đất. Nhưng người này tính lại khác người đầu tiên. Cũng không khó gì khi đoán kết cục câu chuyện này.

Tôi hiểu rằng lao động của anh không được nhiều người biết đến. Khi độc giả cầm cuốn sách trong tay, họ sẽ nhìn xem ai viết, ai minh họa, nhưng không bao giờ xem ai biên tập cuốn sách. Tính con người vốn thế.

Người ta vẫn quen thừa nhận nhà thơ nhân danh nhân dân mà nói. Nhưng hóa ra cả nhà biên tập đôi khi cũng nhân danh nhân dân mà phát biểu. Có lần tôi đem đến tòa soạn một bài thơ trữ tình về người tôi yêu. Nhà

biên tập đặt bài thơ sang bên và nói bài thơ không thể đăng được.

Vì sao?

— Nhân dân sẽ không đọc. Việc gì nhân dân lại phải cần đến thơ về vợ anh!

Ngay lúc đó tôi làm bài thơ bốn câu:

Thơ anh viết tặng em, nhưng trong tòa soạn
Lại thêm một lần, họ không chịu cho đăng!
Nhà biên tập quả quyết khi gác lại:
Đối với nhân dân, thơ ấy không cần!

Bố tôi đã nói, nhà văn và nhà thơ giống như anh lái xe biết cho xe đi nói chung là đúng luật, nhưng đôi khi vẫn sai sót và vi phạm luật. Nhà biên tập trong trường hợp này cũng giống như anh cảnh sát giao thông. Bố tôi bỗng ra chiều tư lự và nói:

— Con nghĩ thế nào, mỗi lái xe mà cần đến ba anh cảnh sát giao thông thì có nhiều quá không?

Nhưng nếu không có người cảnh sát nào thì cũng không được. Trong một buổi liên hoan, mọi người lần lượt nâng cốc chúc nhau. Ở đây có một anh cảnh sát. Vị chủ trò nâng cốc chúc anh cảnh sát. Bỗng ông chủ tịch hợp tác xã tiêu thụ đặt cốc xuống và nói:

— Đến chủ nghĩa cộng sản thì sẽ không còn cảnh sát. Đó là một hiện tượng nhất thời. Vậy thì việc gì phải nâng cốc chúc cảnh sát?

Anh cảnh sát trả lời:

— Liệu đến chủ nghĩa cộng sản có còn cảnh sát không điều đó tùy thuộc vào việc lúc đó có còn hợp tác xã tiêu thụ không?

Thôi, gạt chuyện đùa sang một bên, tôi muốn nói với anh, nhà biên tập của tôi, để anh biết những phút nào tôi quý nhất. Đó là khi tôi với anh không phải ngồi bên chiếc bàn làm việc đầy sách vở mà ngồi bên chiếc bàn bình thường bày đầy những món ăn ngon lành. Những phút thú vị khác cũng đã qua, khi anh viết lên lề bản thảo của tôi: «Cho sắp chữ!». Rồi anh viết «Cho in». Rồi «Cho phát hành!». Dưới bàn tay như có phép mầu của anh, quả thật cuốn sách mới đầu đã được sắp chữ, rồi được in, được phát hành. Cứ thử nghĩ kỹ mà xem mấy chữ anh viết: «Cho phát hành» nghĩa là thế nào? Chỉ với mấy chữ ấy thôi, mọi lỗi lầm của anh đều được tha thứ. Chỉ vì thế thôi cũng đã cần phải nâng cốc chúc mừng anh rồi. Anh hãy viết nhanh nhanh mấy chữ đó, tôi sẽ tặng anh bản đầu tiên của cuốn sách đó, tất nhiên là kèm theo chữ ký.

Tất nhiên tôi mong sao chóng đến lúc mọi điều bí ẩn trên thế giới này đều biến đi. Chẳng lẽ có thể làm một nhà thơ, nếu không chỉ ra được cho mọi người một điều bí ẩn nào, nghĩa là không chỉ ra được điều mà trước đây mọi người đều không biết? Tôi, một nhà thơ, khi đến với mọi người, tôi cũng từ từ vén bức rèm che không gian và thời gian hệt như chú rể nhấc tấm khăn che mặt cô dâu. Chỉ có chú rể mới có quyền làm chuyện đó trong đám cưới, sau đấy mọi người đều thấy mặt cô dâu. Chỉ có nhà thơ mới có khả năng làm được việc đó trong đời, mọi người nhận ra rõ ràng cuộc sống xung quanh, ngạc nhiên với cuộc sống, với những gì trước đây họ không nhìn thấy: vẻ đẹp của thế giới, vẻ đẹp của tâm hồn con người — những gì chống lại các thế lực đen tối.

Tôi xin anh, hỡi nhà biên tập, hãy đừng cho những kẻ ba hoa nói huyên thuyên về những điều không đáng nói, nhưng cũng đừng che kín lại những gì tôi muốn mở ra với tư cách một nhà thơ. Đừng nghi ngờ những bức tranh, những đường nét trang trí của tôi. Nếu có sai sót nào trên bức tranh của tấm thảm tôi dệt thì xin đừng vẩy mực vào hay cắt bỏ — làm như vậy hoặc tấm thảm sẽ bị loang lổ mực hoặc sẽ bị thủng lỗ chỗ.

Thêm nữa, xin đừng gọi một ý nghĩ nào đó là sai chỉ vì nó không giống ý nghĩ của anh!

Thêm nữa, người ta chỉ cân bánh mì, đường, bơ, cân đinh, chứ không ai cân tình yêu!

Thêm nữa, dùng thước để đo chiều cao chiều dài căn phòng, đo bức tường quanh ngôi mộ, chứ không dùng để đo cái đẹp!

Thêm nữa, ai cố làm ra vẻ thông minh nhất có khi lại thành ngu xuẩn hơn con người thật của anh ta.

Thêm nữa, tôi cũng là một người lớn, cho nên cũng có thể tin được tôi đôi ba điều!

Tôi biết rằng người này có nhiều điều bí mật, người kia có ít hơn, biết làm sao!

A b u t a l i p  n ó i: nếu nước bẩn thì anh không nhìn thấy đáy dù nước chưa ngập đến đầu gối.

R ú t  t r o n g  s ổ  t a y. Khi tôi còn nhỏ, ai cũng bảo tôi là người hay nói nhất nhà. Hễ nghe được cái gì ngoài đường là thế nào về nhà tôi cũng kể. Hễ nghe được cái gì ở nhà là thế nào tôi cũng đem ra kể ngoài đường.

Thỉnh thoảng có một ông già đến chơi với bố tôi. Ông đưa mắt nhìn quanh và thì thầm ra vẻ hệ trọng:

Này Gamzát, sang phòng bên, tôi nói mấy câu được không?

Bố tôi và ông già sang phòng bên, và thì thầm với nhau. Cứ như vậy vài lần diễn ra. Một lần ông già lại đến.

Này Gamzát, sang phòng bên, tôi nói mấy câu được không?

— Thôi, đủ rồi! — Bố tôi trả lời. — Cái điều ông cho là bí mật, thì thào vào tai tôi, ông có thể kể luôn khi có mặt Raxun. Ông cứ việc nói to lên, đừng sợ gì cả.

Phải rồi, từ nhỏ, tôi không ưa những điều bí mật thì thầm. Khi hát, người ta bước lên gò đất cao, hát thật to cho càng đông người nghe càng tốt.

Hơn nữa không phải chữ nào tôi cũng chịu trách nhiệm. Tôi còn phải qua một người dịch nữa.

Người dịch.

Tôi là một người Avar, tôi sinh ra như thế và không thể làm khác được. Những người đầu tiên tôi mở mắt nhìn thấy là người Avar. Những tiếng nói đầu tiên tôi nghe được là tiếng Avar. Bài ca đầu tiên tôi nghe, khi mẹ tôi ghé xuống nôi ru, là bài ca Avar. Tiếng Avar là tiếng mẹ đẻ của tôi. Đó là cái quý giá nhất của tôi, không phải chỉ của tôi mà của tất cả dân tộc Avar.

Người Avar không đông, chỉ có ba mươi vạn. Nhưng thế cũng không phải là ít. Ở Đaghextan có nhà thơ làm thơ bằng tiếng chỉ có hai nghìn người nói.

Ranh giới quốc gia ngăn cách con người, nhưng tiếng nói còn ngăn cách nhiều hơn. Ranh giới quốc gia có khi thay đổi, thậm chí còn bị xóa bỏ hay chỉ là hình thức.

Còn tiếng nói được trao cho nhân dân một cách vĩnh viễn, không thể thay thế, cũng không thể xóa bỏ.

Khó có thể hình dung được thời kỳ mà người Avar sống không biết đến Puskin, không đọc Lécmôntốp, không nghe gì tới Tônxtôi, không thưởng thức tác phẩm của Tsêkhốp.

B ố t ô i n ó i: Thật là hạnh phúc biết bao khi trên núi mọc lên cây Puskin, dù cho người ta có lay mạnh cây đến đâu cũng không sao rơi hết những trái quả ngọt ngào, mọng nước.

A b u t a l í p n ó i: Xin cám ơn những ai đã đem Tsêkhốp tới căn nhà hầm tối của tôi! Cũng xin cám ơn những ai đã đem những bài ca của tôi từ căn nhà hầm ấy đến bên tường điện Kremli!

V à t ô i n ó i: Núi Kapkazơ không cúi mình trước viên tướng mà đã cúi mình trước thơ của chàng thiếu úy trẻ*.

Có lần tôi gặp một chuyện buồn cười. Ở Đaghextan dự định xuất bản tuyển tập thơ truyện của tôi sang tiếng Nga. Nhà biên tập lật lật bản thảo và nói:

Sao anh không đưa «Pôntava» vào đây?

Đây có phải là truyện thơ của tôi đâu..đây là tác phẩm của Puskin mà tôi chỉ dịch sang tiếng Avar thôi. Làm sao tôi lại có thể đưa truyện thơ của Puskin vào tuyển tập thơ dịch sang tiếng Nga của tôi được!

Chúng ta sẽ không quá nghiêm khắc với nhà biên tập. Cũng có sự thật là nhiều tác phẩm hay của các dân tộc khác sau khi dịch sang tiếng Avar được người Avar coi là tác phẩm của họ, và thiếu những tác phẩm đó người Avar không thể hình dung đầy đủ nền văn học của mình.

--

* Chỉ Lécmôntốp. *(ND.)*

Tôi biết sau lưng tôi đôi khi có người nói: «Kể ra thì anh chàng Raxun có khả năng đấy, nhưng cũng thường thường thôi. Chủ yếu là nhờ mấy nhà phiên dịch Maxcơva đấy thôi».

Tôi không phủ nhận điều đó. Quả là nếu không có người phiên dịch thì không có tôi.

Trước tiên họ đã cho tôi được làm quen với tác phẩm của Hainơ, Bernxơ, Sếchxpia, Xaađi, Xécvăngtét, Gơtơ, Đichken, Lôngfenlô, Uýtman và của tất cả những nhà văn nào tôi đã từng đọc trong đời, thiếu những tác phẩm đó tôi không thể trở thành nhà văn được.

Sau nữa họ đã mở ra trước thơ tôi con đường rộng rãi. Họ đem thơ tôi qua những dòng sông chảy xiết, qua núi cao, tường dày, qua những trạm gác biên giới và qua những ranh giới chắc chắn nhất là ranh giới của một ngôn ngữ khác - qua sự mù lòa, câm điếc.

Đôi lúc tôi tự hỏi mình cái gì quan trọng hơn — người phiên dịch biết tiếng dân tộc tôi (nhưng có thể xa lạ với thơ tôi) hay người phiên dịch biết thơ tôi, hiểu thơ tôi với tất cả tấm lòng mình, coi nó như của chính mình?

Năm 1937, ở Makhátkala có tổ chức thi dịch bài thơ «Làng quê» của Puskin. Bốn mươi nhà thơ đã dịch bài này sang tiếng Avar. Đại đa số những nhà thơ ấy biết tiếng Nga. Nhưng cuối cùng giải nhất lại rơi vào tay Gamzát Xađáx, người dạo ấy chưa thành thạo tiếng Nga.

Cần làm sao để người phiên dịch cũng phải là nhà thơ, nhà văn, là nghệ sĩ. Cần làm sao cho anh ta cảm thấy mình là con của dân tộc mình như tôi đã cảm thấy.

Có những người Nga biết đọc tiếng Avar, nhưng tiếc thay họ lại không phải là nhà thơ. Có những người

Nga là nhà thơ nhưng tiếc thay họ lại không biết đọc tiếng Avar. Làm thế nào được? Đành phải vời đến người dịch nghĩa.

Tôi đã nhìn thấy trong các làng Nga người ta đã di chuyển nhà gỗ như thế nào. Không thể mang cả cái nhà đi mà phải dỡ nó ra theo một trình tự nào đó, sau rồi mới dựng lại ở chỗ mới.

Dịch nghĩa đó là ngôi nhà đã dỡ ra để di chuyển. Đó là một đống những cột kèo, ván, tôn, gạch ngói. Người phiên dịch từ cái đống lộn xộn ấy phải dựng lại thành ngôi nhà. Nếu cột bị mọt, anh đặt ván mới vào. Nếu những đường nét trang trí bị gãy, anh ta làm ra đường nét khác.

Rồi anh lau chùi cửa kính, nhóm lửa trong lò cho khói theo ống bay lên, trẻ con chạy ra ngoài hiên chơi, nhạn về làm tổ dưới mái nhà.

Bản dịch nghĩa là gì? Có người mắt đã nhắm, tim đã ngừng đập. Nhưng bác sĩ đến, tiêm một phát, truyền máu vào, xoa bóp tim và cuộc sống trở lại với người bệnh.

Bản dịch nghĩa là gì? Là cây đàn Kumuz tạm thời bị chùng dây. Là bếp lò tạm thời tắt lửa. Là con chim nhất thời bị cắt lông cánh.

Bản dịch nghĩa là gì? Có một anh thợ cạo, cắt tóc, cạo râu, chải đầu cho tôi xong rồi nói:

– Anh đến tôi trông như bản dịch nghĩa, còn bây giờ anh sắp ra khỏi đây như một bản dịch hoàn chỉnh.

Nếu đã dính đến hiệu cắt tóc thì tôi xin kể thêm một chuyện.

Chuyện này xảy ra bên Cuba, ở thành phố Xanchiagô. Dọc đường đi, tôi quyết định dừng lại cắt tóc, cạo mặt. Tôi ghé vào hiệu cắt tóc và ra hiệu cho biết tôi cần gì.

Ở Cuba khi cạo mặt, người ta đặt anh ngồi ngả trên ghế bành như là nằm trên giường. Tôi cũng bị làm thế. Anh thợ cạo bắt đầu bôi xà phòng. Mọi chuyện diễn ra xuôi xẻ chừng nào lưỡi dao của anh thợ Cuba chưa chạm vào má tôi. Có thể là lưỡi dao cùn, có thể là anh thợ quá vụng, chỉ biết là tôi suýt phải kêu lên vì đau. Tôi chỉ chịu được một lúc, sau đó biết mình không thể chịu như thế được đến hết, tôi đành chỉ vào má mình, vừa chỉ vừa nói bằng tiếng Nga, tiếng Avar. Anh thợ cạo hốt hoảng chạy ra, lát sau quay lại dẫn theo một người mặc áo choàng trắng. Người này mở vali ra, sửa soạn những dụng cụ dùng để nhổ răng. Thế là đang ngồi trên ghế của anh thợ cạo tôi bỗng rơi vào chiếc ghế của bác sĩ nha khoa. Chỉ vì tôi và người thợ cạo không hiểu nhau mà xảy ra cơ sự đó. Thiếu chút nữa là tôi bị mất đi mấy cái răng lành!

Các nhà phiên dịch thường hay nhổ khỏi thơ tất cả các răng và bắt nó phải ngao du trên thế gian này với cái mồm móm mém.

Rút trong sổ tay. Khi đi ra nước ngoài, ta thường mang theo một sản phẩm dân tộc để tặng bạn, để cảm ơn nhiệt tình mến khách. Chẳng hạn khi đi Nhật-bản, tôi đã mang mấy chiếc bình rất đẹp mà những người thợ gốm khéo léo miền Balkhar đã làm ra.

Ở Hirôsima, có lần hai vợ chồng họa sĩ đến thăm tôi. Chúng tôi nói chuyện với nhau rất lâu và đều cảm thấy gần gũi như bạn thân. «Mấy cái bình nghệ thuật mình mang đi không tặng họa sĩ thì tặng ai?», tôi nghĩ vậy. Tôi mạnh dạn mở va li ra và kinh ngạc — những chiếc bình của tôi chỉ còn là một lô mảnh vụn. Giống như có ai lấy búa mà đập nhỏ chúng ra. Có thể là chiếc va li

của tôi bị quăng quật ở sân bay Maxcơva, hay ở sân bay Ấn-độ, sân bay Tôkiô— tôi cũng không rõ nữa. Tôi như muốn chui ngay xuống đất, vì tôi đã hứa tặng quà và hai vợ chồng họa sĩ kia đang ngồi chờ bên bàn. Hai người nhìn tôi ngơ ngác vì thấy tôi đứng lặng trước chiếc vali như bị chôn chân ở đây, không nhúc nhích, không nói một lời nào.

Cuối cùng, những người bạn Nhật-bản cũng hiểu rằng có tai họa gì đó đã xảy ra. Họ bước lại gần và nhìn thấy những mảnh vỡ. Họ lắc đầu và an ủi tôi, vỗ vỗ vào vai tôi. Cử chỉ này vào lúc khác đối với người Nhật là không thể có, vì họ được giáo dục kỹ lưỡng không chịu được sự suồng sã. Nhưng thế nghĩa là vì thấy tôi quá buồn bực rầu rĩ.

Tôi nhặt những mảnh vụn vào tờ báo và định vứt chúng vào thùng rác. Nhưng hai vợ chồng họa sĩ không cho tôi làm thế. Họ gói lại cẩn thận tất cả các mảnh vụn rồi đem về nhà.

Vài ngày sau, họ mời tôi đến chơi. Tôi vô cùng kinh ngạc khi nhìn thấy những chiếc bình của mình nguyên vẹn, lành lặn, dường như chúng mới được dỡ từ lò ra. Đến giờ tôi cũng không hiểu làm sao có thể gắn lại một cách khéo léo như vậy chiếc bình đã vỡ tan.

Người ta thường nói, bình vỡ không lành nguyên lại được, cho nước vào thế nào cũng chảy. Thế mà chúng tôi đã rót rượu cônhắc Đaghextan, rượu xakê Nhật-bản vào chiếc bình được gắn lại mà rượu không hề thấm ra ngoài một giọt nào.

Nhìn vợ chồng họa sĩ người Nhật, tôi lại nhớ đến những nhà phiên dịch đạt nhất của tôi. Bản dịch nghĩa

thơ tôi trông như những mảnh vụn chiếc bình vỡ. Các nhà phiên dịch đã sắp xếp, hàn gắn lại và bài thơ lại trông nguyên lành như mới, những đường nét trang trí theo kiểu Avar không hề bị thay đổi.

Tất nhiên, người phiên dịch không thể gắn vào bình tay quai vốn bình không có. Hoặc là làm thêm một đáy nữa cho chiếc bình.

Cách đây không lâu, nhà xuất bản Đaghextan xuất bản bản dịch mới sang tiếng Avar tác phẩm «Khátgi-Murát» của Tônxtôi. Tôi đọc và nhận thấy tác phẩm này dài thêm hai chương. Tôi bèn hỏi người dịch:

Anh lấy thêm ở đâu hai chương?

Tônxtôi viết truyện này trước Cách mạng tháng Mười. Trong đó có nhiều quan điểm không đúng. Hơn nữa cần phải kể tiếp cho độc giả biết số phận tiếp theo của cái đầu Khátgi-Murát, số phận của con cháu ông!

Rút trong sổ tay. Một bài thơ của bố tôi được dịch sang tiếng Nga. Người dịch còn non tay nghề. Bố tôi nhờ một người vừa biết tiếng Nga, vừa biết tiếng Avar dịch ngược trở lại bài thơ đó. Khi việc đó được làm xong, bố tôi thốt lên:

— Con tôi đi xa trở về, mà tôi không nhận ra nó nữa. Tốt hơn hết là cứ để nó ngồi nhà còn hơn là cho đi ra ngoài để chịu nhiều thay đổi thế.

Phải rồi, bản dịch các bài thơ giống như những đứa con mà bố mẹ gửi đi học hay đi làm xa. Tất nhiên, khi trở về nhà, không bao giờ những người con ấy giống in hệt như trước khi rời tổ ấm gia đình.

Người con có thể trở về hoặc giàu thêm hoặc nghèo đi, hoặc có bằng hoặc bị can án, hoặc chắc nịch như nhà

thể thao hoặc ốm yếu xanh xao, hoặc với vinh quang của nhà bác học hoặc với tiếng tăm của kẻ ve gái, hoặc với quà quí cho gia đình, hoặc chỉ còn trên mình chiếc quần xà lỏn.

Tôi cũng gửi cuốn sách của tôi qua chặng đường xa đến những thành phố lớn, đến với mọi người. Ở những nơi xa lạ ấy, nó sẽ xử thế ra sao? Liệu nó có phản lại dân tộc tôi, phản lại chiếc mũ trên đầu nó không?

Tôi biết rằng một kẻ xấu ngồi trên núi, không phải chỉ vì xuống đồng bằng mà biến thành người tốt. Bởi vậy tôi yêu cầu những ai sẽ dịch cuốn sách của tôi một điều: nếu nó là «người xấu» thì hãy để nguyên nó như thế. Nếu tôi bị thọt và mù, xin đừng dắt tôi ra khỏi nhà, hãy để tôi ngồi bên bếp lò của tôi, trên ngưỡng cửa của tôi. Đừng tráng men vào chiếc bình đồng của tôi, đừng mạ vàng lên đồ bạc của tôi.

Abutalip kể:

Tôi có một đứa con trai, một đứa con gái. Đứa con gái rất ngoan, nền nếp, mẫu mực. Đứa con trai thì nghịch ngợm, lếu láo. Đứa con gái được đài, báo nhắc đến luôn vì cô ta là một chiến sĩ thi đua. Còn đứa con trai thì ngày nào cũng bị kêu ca, kiện cáo khi thì ở trường, khi thì từ đồn công an. Về cô con gái, mọi người nói rằng cô ta đã được trường, Đội thiếu nhi, Đoàn thanh niên và đất nước giáo dục. Còn cậu con trai, người ta nói rằng cậu ta đã không được nhà thơ nhân dân Đaghextan là Abutalip dạy dỗ đến nơi đến chốn.

Nghe câu chuyện này, tôi nghĩ rằng: việc dịch thơ nhiều khi cũng gặp phải chuyện như vậy. Nếu thơ dịch hay, người ta quên người dịch, chỉ còn nhớ đến tác giả.

Nếu thơ dịch tồi, người ta chửi bới người dịch và tránh không nhắc đến tên tác giả.

Hỡi người bạn phiên dịch của tôi, dù dịch hay, dịch dở, chúng ta cũng hãy cùng chịu trách nhiệm với nhau. Tôi với anh bây giờ như hai người kéo chung một cỗ xe. Chúng ta hãy hợp sức đẩy nó lên đèo, chứ không phải mỗi người kéo về một phía. Nếu mỗi người kéo về một phía thì cả xe lẫn chúng ta đều không thể nhích lên một bước.

Ở miền Đaghextan chúng tôi trước đây có xảy ra một chuyện dị kỳ. Một quả núi cao bỗng nhiên rung lên rồi từ từ trôi xuống. Nó dừng lại cách làng Môkhốt không xa và ngăn đôi một dòng sông. Cả đàn cừu, những người chăn cừu, những lều bạt, đống lửa của họ bình yên dạo chơi một lúc cùng với quả núi. Bây giờ quả núi đó vẫn y như trước, chỉ có điều dưới chân núi hình thành một cái hồ mới, trong hồ người ta thả cá hồi. Trước đây chưa từng ai đến tham quan trái núi đó, khi nó còn ở chỗ cũ, còn bây giờ thì ngày này qua ngày khác khi thì khách du lịch đến thăm, khi thì các nhà khoa học đi khảo sát, rồi người đánh cá tới, các trường học tham quan.

Tôi mong sao cuốn sách của tôi cũng sẽ được bình yên dạo chơi đến một ngôn ngữ khác mà không gặp tai họa gì. Hãy để cho nó sau này thu hút khách đến thăm như quả núi ở gần làng Môkhốt.

Tuy nhiên, như những người theo đạo Hồi vẫn thường nói: khi đẻ thế nào, sau này sẽ thế... Câu này chắc là tương tự như câu tục ngữ Nga: người thì cầu xin, còn trời thì ban phát. Hay nói ngắn hơn là: không thể thoát khỏi được số phận.

Nhà phê bình. Viết về người phê bình là khó

hơn tất cả. Nếu chửi bới phê bình, người ta sẽ nghĩ rằng chửi lại không bằng lòng với các nhận xét phê bình chứ gì, hoặc là đang cố trả thù. Nếu khen ngợi, người ta sẽ nghĩ rằng chắc là định hy vọng kiếm chác gì nay mai đây.

Bố tôi nói: tôi và nhà phê bình là hai nhà thơ. Tôi làm thơ và nhà phê bình viết về thơ tôi.

Abutalíp nói với một nhà phê bình Đaghextan:

— Tôi làm rượu nho còn anh nếm rượu của tôi.

Tôi không muốn phát biểu ý kiến về phê bình nhưng tôi muốn nói với nhà phê bình vài lời ngắn ngủi.

1. Cái xấu bao giờ cũng gọi là xấu, cái tốt là tốt.

2. Nếu đã khen sau này chớ chửi rủa cái đã khen; nếu đã chửi rủa sau này chớ có khen.

3. Đừng cố làm voi hóa ruồi và cũng đừng biến muỗi thành voi.

4. Hãy nói đến điều có trong cuốn sách, chứ không phải về cái không có trong sách.

5. Đừng dựa dẫm vào uy tín của ai cả, kể từ Biêlinxki, để xác lập và khẳng định ý kiến của mình. Nếu những ý kiến đó quả thật là của anh, anh hãy cố trình bày nó bằng trí tuệ của chính anh.

6. Những ý nghĩ rạch ròi hãy trình bày bằng ngôn ngữ rạch ròi. Những ý nghĩ không rạch ròi thì đừng nói ra.

7. Đừng làm cái chong chóng đo chiều gió, luôn xoay chiều theo hướng gió.

8. Đừng cố gợi ra cho người khác lưu ý đến cái mà chính mình cũng chưa hiểu.

9. Nếu trong túi anh chưa có 100 rúp, đừng làm bộ như anh có số tiền đó.

10. Nếu đã lâu rồi anh chưa về làng và không biết

các chuyện xảy ra ở đây thì đừng khẳng định như là anh vừa mới thăm quê trở về.

Những mong muốn này của tôi chẳng mới mẻ gì. Chúng giống như những giòng đầu của bảng cửu chương. Tuy nhiên nếu nhà phê bình nào cũng làm đúng như thế thì ngành phê bình của chúng ta đã có thêm nhiều thành tựu.

Độc giả. Tôi đã nói chuyện với nhà biên tập, với cán bộ xuất bản, với người phiên dịch, người phê bình. Bây giờ tôi muốn nói mấy lời với người quan trọng nhất, vì người đó mà mọi cuốn sách được viết ra.—đó là độc giả.

Hỡi độc giả của tôi! Tất nhiên bạn có những cuốn sách mà bạn yêu thích. Các nhà văn chúng tôi cũng vậy. Người ta thường nói cuốn sách chủ yếu nhất của nhà văn là cuốn sách anh chưa kịp viết nhưng nhất định sẽ viết. Tôi không biết, đối với người khác, câu đó đúng đến đâu, riêng đối với tôi thì hoàn toàn đúng.

Phải rồi, đã từ lâu tôi mơ ước viết cuốn sách về quê hương thân yêu. Từ lâu tôi đã nuôi dưỡng ý định đó nhưng vẫn không sao viết được. Có thể do không đủ tài năng, có thể do công việc bận rộn hàng ngày cản trở, có thể vì thiếu lòng kiên nhẫn, hay có thể không đủ lòng dũng cảm.

Cùng với năm tháng, cảm giác trách nhiệm trước bản thân mình và trước độc giả càng tăng lên và bàn tay không phải lúc nào cũng lăm lăm cầm bút viết mỗi khi có dịp. Cuốn sách về quê hương là cuốn sách nặng nề trách nhiệm nhất trong mọi cuốn sách.

Cuốn sách này tôi chưa viết xong, nhưng tôi đã nghĩ đến nó rất nhiều và bây giờ tôi biết rất rõ nó phải

thế nào. Những suy nghĩ của tôi về cuốn sách này — về cuốn sách chính của đời tôi — tôi quyết định ghi lại trên giấy.

Đây chưa phải là cái áo mà là tấm vải để may áo. Đây chưa là tấm thảm mà chỉ là sợi để dệt thảm. Đây chưa phải là bài ca, mà chỉ là nhịp đập rộn ràng của con tim mà từ đó bài ca phải sinh ra.

Người ta nói. Cho dù anh không cầu nguyện đi nữa, song chỉ riêng việc anh nghĩ rằng cầu nguyện không phải là chuyện xấu thôi đã đủ để anh không phải rơi xuống địa ngục.

Người ta nói. Đã là bạn với nhau thì có gì ăn nấy, cần gì phải cao lương mỹ vị mới vui. Nếu trong nhà bạn chỉ có rượu buza thì chẳng lẽ khách lại giận rằng bạn không đãi mình bằng thứ rượu ngoại quốc, thứ rượu mà trong nhà, ngoài làng không đâu có?

Người ta nói. Nếu anh chưa làm được gì tốt, tôi cũng cám ơn vì anh đã định làm.

Hỡi người độc giả bạn tôi, cuốn sách nào cũng vì bạn mà được viết ra. Tôi có thể thuyết phục cán bộ xuất bản, có thể tranh cãi với nhà biên tập, với các nhà phê bình. Nhưng chỉ lời phán xét của bạn mới có ý nghĩa quyết định cuối cùng. Nói như các quan tòa thì lời phán xét ấy không thể có bản kháng án.

Nhà văn tồn tại chỉ vì để gặp gỡ bạn. Cả đời tôi, tôi luôn luôn chịu ba niềm xúc động lớn. Thoạt đầu tôi xúc động khi sắp gặp gỡ bạn, tôi chờ đợi, hồi hộp hình dung ra cuộc gặp gỡ. Sau đó, khi gặp bạn, tôi càng thêm xúc động, điều này thật tự nhiên, dễ hiểu. Cuối cùng, tôi xúc động, khi đã chia tay bạn tôi tiếp tục sống với những

hồi ức về cuộc gặp gỡ, cố gắng hình dung xem tôi đã gây được ấn tượng gì cho bạn.

Tôi nhìn thấy nhiều gương mặt độc giả khác nhau. Có người cau mày. Tôi tìm đâu được những lời để xóa đi những nếp nhăn đó? Có người nhăn nhó hệt như vừa ngậm phải một cái gì đắng chát. Có người lại lộ vẻ dửng dưng, buồn tẻ đó là điều ghê sợ nhất, vô vọng nhất có thể có được đối với tôi.

Người ta hỏi người miền núi: Tại sao các bạn lại dựng làng của mình xa xôi thế, trên những triền núi khó lên? Đi đến đây thật là khó khăn, nguy hiểm: những con đường nhỏ hẹp nằm ngay bên miệng vực, lại thêm đá lở, đất sụt nữa. Những người miền núi bèn trả lời: «Những người bạn tốt sẽ đến được chỗ chúng tôi dù đường thật khó đi, dù phải chịu nguy hiểm, còn những người bạn xấu thì chúng tôi không cần».

Hỡi người độc giả của tôi, năm nay tôi đã 44 tuổi. Vào lứa tuổi này, có thể trao cho con người bất cứ công việc hệ trọng nào. Ở lứa tuổi này, nhà văn phải chịu trách nhiệm về từng chữ của mình.

Nếu trong cuốn sách của tôi, bạn nhìn thấy một ý nghĩ nào trước đây ăn ngủ ở một cuốn sách của người khác thì xin bạn hãy vứt nó ra khỏi tâm trí mình, như trước đây ở miền núi, người ta đã ném cô dâu sau đêm tân hôn nếu trước đó cô ta đã không giữ được trinh tiết của mình.

Nếu trong cuốn sách của tôi, bạn tìm thấy ý nghĩ đúng, bạn hãy gạch dưới chỗ đó. Nếu bạn thấy ý nghĩ nào sai, xin bạn hãy gạch dưới hai lần.

Và nếu bạn phát hiện được cho dù là một chút xíu giả dối thì xin bạn đừng chần chừ gì nữa, hãy vứt ngay cả cuốn sách — nó không còn giúp ích gì cho ai.

Trước khi tạm chia tay, tôi xin kể thêm một chuyện.

Câu chuyện về lãnh chúa giàu có, về con trai ông và về khinkal làm bằng khấu đuôi cừu trộn tỏi. Ngày xưa có một lãnh chúa giàu có sống ở miền Avarixtan. Ba lần ông lấy vợ để mong có đứa con trai, nhưng không bà vợ nào đẻ được cho ông đứa con trai thừa tự nào, cả con gái cũng không có. Lãnh chúa đành phải lấy vợ lần thứ tư.

Ít lâu sau, bà vợ sinh được một đứa con trai, ông sung sướng vô cùng. Cho nổi trống, thổi kèn, nhảy múa, ca hát, ăn mừng suốt ba đêm.

Nhưng niềm vui trong lâu đài tráng lệ của lãnh chúa kéo dài không lâu. Ít lâu sau, đứa con trai bị ốm, không một ai biết đó là bệnh gì. Ru bằng đủ bài hát, nó cũng không chịu ngủ. Đưa đủ thứ thức ăn ngon lành lên miệng nó cũng không ăn. Mọi người đều thấy rõ là chẳng bao lâu nữa thằng bé sẽ chết. Các bác sĩ ngoại quốc, các thầy lang Ấn-độ, các vị thuốc hái từ Tây Tạng về cũng đều không chữa được bệnh cho đứa con thừa tự. Nếu thằng bé chết thì chắc lãnh chúa cũng không qua khỏi.

Thế rồi có một kẻ nghèo khổ không ai cho là người nữa từ làng bên cạnh đến gặp lãnh chúa. Anh ta tuyên bố rằng mình biết cách chữa đứa bé khỏi bệnh. Những người thân cận của lãnh chúa muốn xua đuổi anh chàng nghèo khổ kia đi, nhưng lãnh chúa bảo anh ta dừng lại.

«Đằng nào thì con mình cũng chết. — lãnh chúa nghĩ, — vậy thì việc gì lại không thử nốt cách cuối cùng».

— Mi cần gì để cứu con ta?

— Tôi cần gặp riêng vợ ông một lúc.

— Sao, sao? Gặp riêng ư? Gặp riêng vợ ta sao? Mi điên rồi hả! Cút ngay cho khuất mắt tao.

Anh chàng nghèo khổ quay lại và bước đi, nhưng lãnh chúa lại nghĩ: «Đằng nào thì con mình cũng chết. Có hại gì nếu hắn ta gặp riêng vợ mình nói chuyện».

Ê thằng cùng đinh kia, quay lại đi, ta nghĩ lại rồi. Ta cho phép mi nói chuyện với vợ ta.

Khi anh chàng nghèo khổ gặp riêng vợ lãnh chúa, anh ta bèn hỏi:

— Bà có muốn con bà sống khỏe mạnh không?

Vợ lãnh chúa không trả lời mà quỳ sụp xuống.

— Vậy thì bà hãy nói: ai là cha thật của đứa bé?

Vợ lãnh chúa đảo mắt nhìn quanh.

— Bà đừng sợ. Câu chuyện này đến chết tôi cũng không nói với ai đâu. Nếu không thì con bà sẽ chết.

— Lãnh chúa rất mong có con trai. Tôi biết rằng nếu tôi không đẻ thì ông ấy sẽ đuổi tôi đi như đã đuổi mấy bà vợ trước. Thế là tôi đi lên núi với một người chăn cừu trẻ tuổi, sau đó thì tôi đẻ ra đứa con thừa tự này...

Sau khi gặp vợ lãnh chúa, anh chàng nghèo khổ kia bèn trịnh trọng tuyên bố:

— Hỡi vị lãnh chúa cao sang, tôi biết được cách cứu sống con ông. Từ giờ phút này, nôi của đứa bé phải đặt

gần đống lửa, giống như đống lửa những người chăn cừu vẫn nhen lên trên núi. Trong nôi cần phải trải một tấm da cừu. và phải cho nó ăn những thức ăn mà những người chăn cừu của ông đã ăn.

Nhưng... bọn họ ăn toàn khinkal làm bằng khấu đuôi cừu đầy mỡ trộn với tỏi. Làm thế nào đứa con thừa tự của ta... mới tròn một tuổi... lại có thể ăn được!

Anh chàng nghèo khổ quay đi. «Đằng nào thì con mình cũng chết...», — lãnh chúa nghĩ và ra lệnh đem đến một đĩa khinkal.

Đích thân vợ lãnh chúa làm món ăn đó. Bà làm món khinkal hệt như đã làm trên núi dạo ấy cho người chăn cừu lực lưỡng ăn trước cái đêm đẹp nhất của đời bà. Bà đặt khinkal vào chiếc đĩa bằng gỗ rồi bưng đến cho con như đã từng bưng như thế đến trước người chăn cừu.

Những miếng khinkal tròn, to trông như hòn cuội lớn. Mỡ khấu đuôi cừu thấm ra béo ngậy. Bên cạnh là một bình nước nguồn trên núi trong vắt.

Khi mùi thịt mỡ luộc, mùi tỏi vừa xông tới mũi cậu con trai thừa tự thì cậu ta liền mở mắt, ngồi dậy, rồi bất chợt đưa cả hai tay ra mà bốc lấy miếng khinkal to nhất. Từ giây phút đó, sức mạnh của người cha đã truyền sang đứa con. Đứa bé ăn khinkal nghiến ngấu như một con sư tử đói. Đứa bé lớn như thổi, không phải từng ngày mà là từng giờ. Chẳng bao lâu nó đã trở thành một chàng trai khỏe mạnh, cân đối. Bệnh tật của nó tất nhiên là cũng biến mất.

Có thể là trên thực tế không có chuyện đó, nhưng

tôi biết chắc một điều: khi văn học không còn được nuôi dưỡng bằng những gì cha ông để lại, mà chuyển sang xơi những thứ cao lương mỹ vị đem từ nước ngoài đến, khi văn học trút bỏ những phong tục, tập quán, ngôn ngữ và tính cách của dân tộc mình, khi văn học thay lòng đổi dạ đối với dân tộc mình, thì nó sẽ trở nên ốm o, quặt quẹo, chết dần chết mòn mà không một thứ thuốc nào có thể cứu chữa được.

Đến đây, có lẽ tôi kết thúc câu chuyện của mình. Bắt đầu viết vào mùa hè nóng bức mà bây giờ đã là mùa thu lạnh dịu. Bắt đầu viết nơi xóm làng trên núi, mà bây giờ đặt dấu chấm hết ở một thành phố đông nghịt người. Viết dòng đầu khi trời mới sáng mà bây giờ đêm đã về khuya, đèn ngoài phố đã tắt.

Tôi đang trở về từ một chuyến đi xa. Tôi đang vội đến đầu làng. Tôi dắt con ngựa của mình dọc theo con đường ngoằn ngoèo, dài dặc. Bây giờ tốt nhất là cởi tháo yên cương cho ngựa, vỗ vỗ vào cổ nó, rồi thả ra bãi cỏ rộng ven rừng.

Còn tôi có lẽ sẽ ngồi xuống bên lửa. Có lẽ tôi sẽ rút thuốc ra, châm lửa hút. Người ta nói chính đức Allah cũng rút thuốc ra hút khi kết thúc câu chuyện ly kỳ kể cho các cận thần, hay trước khi ban phát những điều giáo huấn. Ông ta hút, rít một hơi dài và ra chiều nghĩ ngợi.

Chúng ta cũng nghĩ ngợi. Không phải con đường nào cũng kết thúc tốt lành. Không phải cuốn sách nào cũng ra đời may mắn. Sáng sớm mai tôi sẽ lại bắt tay vào viết cuốn sách mới, tôi sẽ lại lên đường.

Còn bây giờ, tôi đã mệt sau chặng đường xa. Tôi cuộn mình vào trong tấm áo khoác và nằm xuống ngủ.

Chúc các bạn ngủ ngon, những người bạn tốt bụng của tôi. Đã bình yên bắt đầu, cũng xin bình yên kết thúc. Vaxalam, vakalam.* Amen!



---

* Vaxalam, vakalam — «Chúc nhà bạn yên lành, tôi xin dừng lời». Mấy tiếng người Avar thường dùng khi kết thúc cuộc nói chuyện. *(ND.)*

## MỤC LỤC

## BẠN ĐỌC VIỆT NAM QUÝ MẾN!

Các bạn đã đọc xong tập một «Đaghextan của tôi» của Raxun Gamzatốp. Trong cuốn thứ nhất này tác giả giành mối quan tâm lớn nhất cho cá nhân, đôi khi đó chỉ là số phận riêng của mình, là công việc sáng tác; tác giả đã kể về «cậu con trai không ai biết đến của nhà thơ Daghextan Gamzát rời làng bản, lúc đầu tới Makhatkala sau đó tới Matxcơva» đã trở thành nhà thơ như thế nào; tác giả kể về cha, mẹ mình, về bạn bè và những người cùng làng bản.

Tập hai «Đaghextan của tôi» giới thiệu với các bạn những suy nghĩ của Raxun Gamzatốp về số phận của nhân dân, về lịch sử dân tộc. Trong cuốn thứ hai này tác giả hướng tới những trang quá khứ, nhắc tới những huyền thoại thơ mộng, làm sống lại những truyền-thuyết cổ, suy nghĩ rất hiện đại về nhà nghệ sĩ và lao động của anh ta.

## NHÀ XUẤT BẢN CẦU VỒNG

sắp xuất bản sách của một số nhà văn Nga và nhà văn xô-viết nổi tiếng:

M. Sôlôkhốp. Đất vỡ hoang *(cộng tác với Nhà xuất bản Văn học)*

– I. Avigiux. Không chốn nương thân *(cộng tác với Nhà xuất bản Tác phẩm mới)*

A. Puskin. Văn xuôi *(cộng tác với Nhà xuất bản Văn học)*

– A. Gôlubiép. Chúng tôi sẽ chết như đã sống *(cộng tác với Nhà xuất bản Thể dục thể thao)*

V. Bưkốp. Gắng sống đến bình minh. Câu chuyện một tấm bia *(cộng tác với Nhà xuất bản Văn học)*

## BẠN ĐỌC VIỆT NAM QUÝ MẾN!

Các bạn đã đọc xong tập một «Đaghextan của tôi» của Raxun Gamzatốp. Trong cuốn thứ nhất này tác giả giành mối quan tâm lớn nhất cho cá nhân, đôi khi đó chỉ là số phận riêng của mình, là công việc sáng tác: tác giả đã kể về «cậu con trai không ai biết đến của nhà thơ Đaghextan Gamzát rời làng bản, lúc đầu tới Makhatkala sau đó tới Matxcơva» đã trở thành nhà thơ như thế nào; tác giả kể về cha, mẹ mình, về bạn bè và những người cùng làng bản.

Tập hai «Đaghextan của tôi» giới thiệu với các bạn những suy nghĩ của Raxun Gamzatốp về số phận của nhân dân, về lịch sử dân tộc. Trong cuốn thứ hai này tác giả hướng tới những trang quá khứ, nhắc tới những huyền thoại thơ mộng, làm sống lại những truyền thuyết cổ, suy nghĩ rất hiện đại về nhà nghệ sĩ và lao động của anh ta.

Bạn đọc thân mến!

Với lòng biết ơn sâu sắc, chúng tôi mong muốn bạn nêu lên những đề nghị và nhận xét mà bạn thấy cần thiết về cuốn sách này.

Chúng tôi hy vọng rằng các tác phẩm văn học Nga và văn học xô-viết được xuất bản bằng tiếng mẹ đẻ của bạn sẽ giúp bạn hiểu biết sâu hơn văn hóa và lối sống của nhân dân chúng tôi.

Địa chỉ của chúng tôi: СССР, 119859, Москва, Зубовский бульвар, 17, издательство „Радуга".

Перевод осуществлен по изданию: Расул Гамзатов. Собрание сочинений в пяти томах. Том четвертый. Мой Дагестан. Книга I. Москва "Художественная литература", 1981.



Raxun Gamzatốp có toàn quyền để nói với bạn đọc và người nghe của mình về bản thân ông: «Thế là cũng giống như bạn, người đồng thời của tôi, tôi đã sống giữa lòng thế kỷ, ở trung tâm của thế giới, ở sự biến đổi không ngừng của các sự kiện lớn. Mỗi chấn động — có thể nói đó là rung động trái tim đối với nhà văn. Nỗi buồn và niềm vui của các sự kiện không thể lướt qua nhà nghệ sĩ. Chúng không phải dấu vết in trên tuyết mà là nét chạm trổ trên đá. Và thế là tôi thu thập thành một khối tất cả những bằng chứng về quá khứ, những suy nghĩ về tương lai, và tôi đến với bạn, tôi gõ vào cánh cửa nhà bạn mà nói: anh bạn nhân hậu của tôi ơi, tôi đây mà. Cho phép tôi vào nhà chứ». Hỡi bạn đọc! Xin các bạn làm theo lời mời ấy đi — các bạn hãy mở cửa ra, hãy bước từng bước vào thế giới của những rặng núi cao, của những thung lũng nở hoa, của những làng bản xa xôi và tình cảm gần gũi. «Đaghextan của tôi» đó là tác phẩm văn xuôi của một Nhà thơ.